

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Quy chế quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (xem các danh mục tại phần Phụ lục).	1
Luật kiểm nghiệm hàng hoá xuất nhập khẩu nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa	20
Luật kiểm dịch động thực vật xuất nhập cảnh nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa	28
Luật vệ sinh thực phẩm nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa	42
Luật kiểm dịch vệ sinh tại biên giới, cửa khẩu nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa	59
Biện pháp quản lý kiểm dịch kiểm nghiệm động vật thủy sinh nhập cảnh.	66
Biện pháp giám sát vệ sinh tại các cửa khẩu biên giới quốc gia nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa	72
Biện pháp quản lý các cơ quan đại lý xin giấy phép an toàn chất lượng hàng hoá nhập khẩu.	80
Biện pháp thi hành tạm thời về quản lý hạn ngạch thuế quan nhập khẩu hàng nông sản phẩm.	86
Biện pháp thực hiện chế độ giấy phép an toàn chất lượng hàng hoá nhập khẩu	98
Biện pháp miễn kiểm nghiệm hàng hoá xuất nhập khẩu	102
Biện pháp quản lý giấy phép nhập khẩu hàng hóa	108
Biện pháp quản lý giấy phép tự động nhập khẩu hàng hóa	119
Biện pháp định giá phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu	124
Biện pháp quản lý chỉ định kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hoá	130
Biện pháp thực hiện tạm thời về quản lý hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên	135

Biện pháp thực hiện quy chế xuất xứ hàng hoá xuất khẩu nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa	142
Quy chế về xuất xứ hàng hoá xuất khẩu nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa	150
Quy định về cấp chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa	154
Quy định về việc phát triển hơn nữa mậu dịch biên giới	161
Quy định kiểm dịch chất di truyền động vật nhập cảnh	166
Quy định về giấy chứng nhận vệ sinh hàng thủy sản nhập cảnh	170
Quy định thực hiện tạm thời về quản lý các khu kinh tế biên giới, khu công nghiệp tại Đông Hưng, Quảng Tây, Trung Quốc	174
Hai chính sách liên quan đến hạn ngạch xuất khẩu cao su thiên nhiên và hàng nông sản vào Trung Quốc năm 2003	179

CÁC PHỤ LỤC	
1.	Các quy định mặt hàng cụ thể.
2.	Danh mục hàng xuất nhập khẩu phải quản lý của Trung Quốc năm 2003.
3.	Danh mục hàng hóa quản lý giấy phép xuất khẩu năm 2003
4.	Danh mục hàng cấm xuất khẩu (bổ sung đợt 2)
5.	Danh mục hàng hóa hạn chế nhập khẩu dùng làm nguyên liệu
6.	Hạn ngạch xuất khẩu hàng nông sản năm 2003
7.	Danh sách các doanh nghiệp nhà nước được chỉ định nhập khẩu
8.	Danh sách các doanh nghiệp nhà nước được chỉ định xuất khẩu
9.	Danh sách các mặt hàng ngừng thực hiện chính sách ưu đãi thuế nhập khẩu qua đường biên giới áp dụng từ tháng 6/2003

10.	Danh sách các doanh nghiệp được chỉ định nhập khẩu mặt hàng cao su
11.	Danh sách các doanh nghiệp Trung Quốc trúng thầu hạn ngạch xuất khẩu mặt hàng xe máy năm 2003

LỆNH QUỐC VỤ VIỆN

NƯỚC CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA

Số 332

(Tài liệu tham khảo)

"QUY CHẾ QUẢN LÝ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ NƯỚC CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA"

Đã được thông qua tại phiên họp thường trực lần thứ 46 Quốc vụ viện, nay cho công bố và có hiệu lực từ 01 tháng 01 năm 2002.

CHU DUNG CƠ

Ngày 10 tháng 12 năm 2001

QUY CHẾ QUẢN LÝ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Để quy phạm việc quản lý xuất nhập khẩu hàng hoá, giữ gìn trật tự xuất nhập khẩu hàng hoá, thúc đẩy mậu dịch đối ngoại phát triển lành mạnh, căn cứ "Luật thương mại đối ngoại Nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa" (Sau đây gọi tắt là "Luật thương mại đối ngoại"), ấn định quy chế này.

Điều 2. Các hoạt động thương mại về nhập khẩu hàng hoá vào cảnh Nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa hoặc xuất khẩu hàng hoá ra cảnh Nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa, phải tuân thủ quy chế này.

Điều 3. Nhà nước thực hiện chế độ quản lý chung đối với xuất nhập khẩu hàng hoá.

Điều 4. Nhà nước cho phép hàng hoá được xuất nhập khẩu tự do, bảo vệ bằng luật pháp cho mậu dịch xuất nhập khẩu hàng hoá.

Trừ những trường hợp mà luật pháp, pháp quy hành chính rõ ràng cấm hoặc hạn chế xuất nhập khẩu, bất cứ đơn vị và cá nhân nào đều không được xây dựng, duy trì những biện pháp cấm hoặc hạn chế đối với xuất nhập khẩu hàng hoá.

Điều 5. Về xuất nhập khẩu hàng hoá, Nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa dựa theo các Điều ước, Hiệp định quốc tế mà Trung Quốc đã kí kết hoặc tham gia cho các bên khác đã kí kết hoặc tham gia hưởng đãi ngộ Tối huệ quốc, đãi ngộ Quốc dân, hoặc cho đối phương hưởng Tối huệ quốc, đãi ngộ Quốc dân theo nguyên tắc cùng có lợi và song phẳng.

Điều 6. Bất cứ quốc gia hoặc lãnh thổ nào áp dụng những biện pháp cấm, hạn chế hoặc tương tự mang tính chất kỳ thị

đối với Nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa trong việc xuất nhập khẩu hàng hoá, Nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa có thể xét theo tình hình thực tế mà áp dụng những biện pháp tương ứng đối với những quốc gia hoặc lãnh thổ đó.

Điều 7. Ngành chủ quản kinh tế mậu dịch đối ngoại của Quốc vụ viện (sau đây gọi tắt là ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện) chủ quản công tác mậu dịch xuất nhập khẩu hàng hoá trong phạm vi cả nước theo Luật thương mại đối ngoại và những quy định của Quy chế này.

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ được quy định của Quốc vụ viện, các ngành hữu quan của Quốc vụ viện chịu trách nhiệm những công tác hữu quan về quản lí mậu dịch xuất nhập khẩu hàng hoá.

CHƯƠNG II. QUẢN LÍ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ.

TIẾT 1. HÀNG HOÁ CẤM NHẬP KHẨU.

Điều 8. Những hàng hoá thuộc một trong những trường hợp được quy định tại điều 17 Luật thương mại đối ngoại, cấm nhập khẩu. Những hàng hoá cấm nhập khẩu theo quy định của các bộ luật và pháp quy hành chính khác, thì theo những quy định đó.

Danh mục hàng cấm nhập khẩu do ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện phối hợp các ngành hữu quan của Quốc vụ viện cùng xây dựng, điều chỉnh và công bố.

Điều 9. Những hàng hoá thuộc diện cấm nhập khẩu thì không được nhập khẩu.

TIẾT 2. HÀNG HOÁ HẠN CHẾ NHẬP KHẨU

Điều 10. Những hàng hoá thuộc một trong những trường hợp được quy định tại khoản (1), (4), (5), (6), (7) điều 16 Luật thương mại đối ngoại, hạn chế nhập khẩu. Những hàng hoá hạn chế nhập khẩu theo quy định của các bộ luật và pháp quy hành chính khác thì theo những quy định đó.

Danh mục hàng hoá hạn chế nhập khẩu do ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện phối hợp các ngành hữu quan của Quốc vụ viện cùng xây dựng, điều chỉnh và công bố.

Danh mục hàng hoá hạn chế nhập khẩu, phải được công bố ít nhất 21 ngày trước khi có hiệu lực. Trong trường hợp khẩn cấp, phải được công bố không muộn hơn ngày có hiệu lực.

Điều 11. Những hàng hoá hạn chế nhập khẩu theo quy định của Nhà nước hạn chế về số lượng được quản lý theo hạn ngạch, những hàng hoá hạn chế nhập khẩu khác được quản lý theo giấy phép.

Những hàng hoá nhập khẩu quản lý theo hạn ngạch thuế quan, thực hiện theo quy định trong Tiết 1 của Chương này.

Điều 12. Những hàng hoá hạn chế nhập khẩu được quản lý theo hạn ngạch, do ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện và các ngành quản lý kinh tế hữu quan của Quốc vụ viện (sau đây gọi chung là ngành quản lý hạn ngạch nhập khẩu) quản lý theo chức năng và nhiệm vụ của mình được quy định của Quốc vụ viện.

Điều 13. Những hàng hoá hạn chế nhập khẩu được quản lý theo hạn ngạch, ngành quản lý hạn ngạch nhập khẩu phải công bố trước ngày 31 tháng 07 mỗi năm về tổng khối lượng hạn ngạch nhập khẩu của năm tới.

Đương sự xin hạn ngạch phải đề xuất với ngành quản lý hạn ngạch nhập khẩu đơn xin hạn ngạch nhập khẩu năm tới từ ngày 01 tháng 8 đến ngày 31 tháng 8 mỗi năm.

Ngành quản lí hạn ngạch nhập khẩu phải cấp cho đương sự xin hạn ngạch về hạn ngạch trong năm tới trước ngày 31 tháng 10 mỗi năm.

Ngành quản lí hạn ngạch nhập khẩu có thể điều chỉnh tổng khối lượng hạn ngạch trong năm theo nhu cầu, và công bố trước 21 ngày khi có hiệu lực.

Điều 14. Hạn ngạch có thể phân phối theo phương thức giải quyết chung đối với tất cả đơn xin.

Điều 15. Trong trường hợp hạn ngạch phân phối theo phương thức giải quyết chung đối với tất cả đơn xin, ngành quản lí hạn ngạch nhập khẩu phải có quyết định cấp hoặc không cấp hạn ngạch trong vòng 60 ngày kể từ ngày cuối cùng quy định của thời hạn nộp đơn xin.

Điều 16. Khi phân phối hạn ngạch, ngành quản lí hạn ngạch nhập khẩu nên xem xét các nhân tố như sau:

- a. Thành tích thực tế nhập khẩu của đương sự xin hạn ngạch.
- b. Những hạn ngạch được cấp trước đây đã sử dụng đầy đủ chưa.
- c. Khả năng sản xuất, quy mô kinh doanh và tình hình tiêu thụ của đương sự xin hạn ngạch.
- d. Tình hình xin hạn ngạch của những người kinh doanh nhập khẩu mới
- d. Tình hình số lượng xin hạn ngạch.
- e. Các nhân tố khác cần xem xét.

Điều 17. Với giấy chứng nhận hạn ngạch do ngành quản lí hạn ngạch nhập khẩu cấp, người kinh doanh nhập khẩu xin ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện cấp giấy phép hạn ngạch nhập khẩu. Ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện phải cấp giấy phép hạn ngạch trong thời gian 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn xin.

Với giấy phép hạn ngạch nhập khẩu do ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện cấp, người kinh doanh nhập khẩu làm thủ tục báo quan, kiểm nghiệm với hải quan.

Điều 18. Hạn ngạch trong năm chưa sử dụng hết, đương sự được cấp hạn ngạch phải trả lại cho ngành quản lý hạn ngạch nhập khẩu những hạn ngạch chưa sử dụng hết trước ngày 01 tháng 09 năm đó. Không hoàn trả theo thời hạn và chưa sử dụng hết trước cuối năm năm đó, ngành quản lý hạn ngạch nhập khẩu có thể cắt giảm hạn ngạch tương ứng trong năm tới.

Điều 19. Những hàng hoá hạn chế nhập khẩu được quản lý theo giấy phép, người kinh doanh nhập khẩu phải đề xuất đơn xin với ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện hoặc ngành hữu quan Quốc vụ viện (sau đây gọi chung là ngành quản lý giấy phép nhập khẩu). Ngành quản lý giấy phép nhập khẩu phải có quyết định cấp hoặc không cấp giấy phép trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn xin.

Với giấy phép nhập khẩu do ngành quản lý giấy phép nhập khẩu cấp, người kinh doanh nhập khẩu làm thủ tục báo quan kiểm nghiệm với hải quan.

Giấy phép nhập khẩu được gọi tại khoản trước, bao gồm các chứng chỉ, văn bản có tính chất được phép nhập khẩu theo quy định của luật pháp, pháp quy hành chính.

Điều 20. Ngành quản lý hạn ngạch nhập khẩu và ngành quản lý giấy phép nhập khẩu phải ấn định những biện pháp cụ thể theo quy định của Quy chế này, quy định rõ ràng về tư cách đương sự xin, cơ quan nhận đơn xin, nguyên tắc và trình tự thẩm tra và công bố trước khi thực hiện.

Cơ quan nhận đơn xin nói chung là một cơ quan.

Hồ sơ mà ngành quản lý hạn ngạch nhập khẩu và ngành quản lý giấy phép nhập khẩu yêu cầu đương sự đề xuất đơn xin nộp, nên hạn chế trong phạm vi là những hồ sơ và tài liệu cần thiết nhằm đảm bảo việc quản lý, không được từ chối nhận đơn xin bởi những sai sót nhỏ và phi tính thực chất.

TIẾT 3. HÀNG HOÁ TỰ DO NHẬP KHẨU

Điều 21. Nhập khẩu những hàng hoá thuộc tự do nhập khẩu, không bị hạn chế.

Điều 22. Xét về đòi hỏi theo dõi tình hình nhập khẩu hàng hoá, ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện và các ngành quản lý kinh tế hữu quan Quốc vụ viện có thể quản lý giấy phép tự động nhập khẩu đối với một số hàng hoá tự do nhập khẩu theo chức năng và nhiệm vụ của mình mà Quốc vụ viện quy định.

Danh mục hàng hoá quản lý theo giấy phép tự động nhập khẩu, phải công bố ít nhất 21 ngày trước khi thực hiện.

Điều 23. Việc nhập khẩu hàng hoá thuộc quản lý theo giấy phép tự động nhập khẩu, đều phải được phép.

Điều 24. Việc nhập khẩu hàng hoá thuộc quản lý theo giấy phép tự động nhập khẩu, trước khi làm thủ tục báo quan với hải quan, người kinh doanh nhập khẩu phải nộp đơn xin cấp giấy phép tự động nhập khẩu với ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện hoặc các ngành quản lý kinh tế hữu quan Quốc vụ viện.

Ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện hoặc các ngành quản lý kinh tế hữu quan Quốc vụ viện phải lập tức cấp giấy phép tự động nhập khẩu sau khi nhận được đơn xin. Trong trường hợp đặc biệt, tối đa không được vượt quá 10 ngày.

Người kinh doanh nhập khẩu làm thủ tục báo quan kiểm nghiệm với hải quan bằng giấy chứng nhận được phép tự động nhập khẩu do ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện hoặc các ngành quản lý kinh tế hữu quan Quốc vụ viện cấp.

TIẾT 4. HÀNG HOÁ QUẢN LÝ THEO HẠN NGẠCH THUẾ QUAN.

Điều 25. Danh mục hàng hoá nhập khẩu thuộc quản lý theo hạn ngạch thuế quan, do ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện phối hợp với các ngành quản lý kinh tế hữu quan Quốc vụ viện ấn định, điều chỉnh và công bố.

Điều 26. Hàng nhập khẩu thuộc trong hạn ngạch thuế quan, nộp thuế quan theo tỷ lệ thuế trong hạn ngạch; hàng hoá nhập khẩu thuộc ngoài hạn ngạch thuế quan, nộp thuế quan theo tỷ lệ thuế ngoài hạn ngạch.

Điều 27. Ngành quản lý hạn ngạch nhập khẩu phải công bố tổng khối lượng hạn ngạch thuế quan trong năm tới từ ngày 15 tháng 09 đến ngày 14 tháng 10 mỗi năm.

Đương sự xin hạn ngạch phải đề xuất đơn xin với ngành quản lý hạn ngạch nhập khẩu từ ngày 15 tháng 10 đến ngày 30 tháng 10 mỗi năm.

Điều 28. Hạn ngạch thuế quan có thể được phân phối theo phương thức giải quyết chung đối với tất cả các đơn xin.

Điều 29. Hạn ngạch thuế quan được phân phối theo phương thức giải quyết chung đối với tất cả các đơn xin, ngành quản lý hạn ngạch nhập khẩu phải có quyết định cấp hoặc không cấp hạn ngạch trước ngày 31 tháng 12 mỗi năm.

Điều 30. Người kinh doanh nhập khẩu làm thủ tục báo quan kiểm nghiệm hàng hoá trong hạn ngạch thuế quan với hải quan bằng giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan do ngành quản lý hạn ngạch nhập khẩu cấp.

Các ngành quản lý kinh tế hữu quan Quốc vụ viện phải gửi kịp thời hồ sơ lưu trữ cho ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện về tổng khối lượng hạn ngạch thuế quan, phương

Ngành quản lí hạn ngạch xuất khẩu phải cấp hạn ngạch trong năm tới cho đương sự xin hạn ngạch trước ngày 15 tháng 10 mỗi năm.

Điều 39. Hạn ngạch có thể phân phối theo phương thức phân phối trực tiếp, cũng có thể phân phối bằng phương thức qua đấu thầu.

Điều 40. Ngành quản lí hạn ngạch xuất khẩu phải có quyết định cấp hoặc không cấp hạn ngạch trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận đơn xin và không muộn sau ngày 15 tháng 12 năm đó.

Điều 41. Với chứng nhận hạn ngạch do ngành quản lí hạn ngạch xuất khẩu cấp, người kinh doanh xuất khẩu xin ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện cấp giấy phép hạn ngạch xuất khẩu. Ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện phải cấp giấy phép hạn ngạch xuất khẩu trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn xin.

Người kinh doanh xuất khẩu làm thủ tục báo quan kiểm nghiệm với hải quan bằng giấy phép hạn ngạch xuất khẩu do ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện cấp cho.

Điều 42. Đương sự được cấp hạn ngạch chưa sử dụng hết hạn ngạch được cấp trong năm, phải hoàn trả lại cho ngành quản lí hạn ngạch xuất khẩu những hạn ngạch chưa sử dụng hết trước ngày 31 tháng 10 năm đó. Không hoàn trả theo thời hạn và không sử dụng được hết trước cuối năm năm đó, thì ngành quản lí hạn ngạch xuất khẩu có thể cắt giảm hạn ngạch tương ứng trong năm tới.

Điều 43. Những hàng hoá hạn chế xuất khẩu được quản lí theo giấy phép, người kinh doanh xuất khẩu phải đề xuất đơn xin với ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện hoặc các ngành hữu quan Quốc vụ viện (sau đây gọi chung là ngành quản lí giấy phép xuất khẩu), ngành quản lí giấy phép xuất

khẩu phải có quyết định cấp hoặc không cấp giấy phép trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận đơn xin.

Người kinh doanh xuất khẩu làm thủ tục báo quan kiểm nghiệm với hải quan bằng giấy phép xuất khẩu do ngành quản lý giấy phép xuất khẩu cấp.

Giấy phép xuất khẩu được gọi trong khoản trước, bao gồm các chứng nhận, văn bản có tính chất được phép xuất khẩu theo các quy định của luật pháp và pháp quy hành chính.

Điều 44. Ngành quản lý hạn ngạch xuất khẩu và ngành quản lý giấy phép xuất khẩu phải xây dựng các biện pháp quản lý cụ thể theo quy định của Quy chế này, quy định rõ ràng về tư cách đương sự đề xuất đơn xin, cơ quan nhận đơn xin, nguyên tắc và trình tự thẩm tra và công bố trước khi thực hiện.

Cơ quan nhận đơn xin nói chung là một cơ quan.

Hồ sơ mà ngành quản lý hạn ngạch xuất khẩu và ngành quản lý giấy phép xuất khẩu yêu cầu đương sự đề xuất đơn xin nộp, nên hạn chế trong phạm vi là những hồ sơ và tài liệu cần thiết nhằm đảm bảo việc quản lý, không được từ chối nhận đơn xin bởi những sai sót nhỏ và phi tính thực chất.

CHƯƠNG IV. MẬU DỊCH QUỐC DOANH VÀ CHỈ ĐỊNH KINH DOANH

Điều 45. Nhà nước có thể thi hành việc quản lý mậu dịch quốc doanh đối với xuất nhập khẩu về một số hàng hoá.

Danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu được quản lý bằng mậu dịch quốc doanh do ngành chủ quan kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện phối hợp với các ngành quản lý kinh tế hữu quan Quốc vụ viện xây dựng, điều chỉnh và công bố.

Điều 46. Ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện và các ngành quản lý kinh tế hữu quan Quốc vụ viện xác định và công bố danh mục các doanh nghiệp mậu dịch quốc doanh theo chức năng và nhiệm vụ của mình được Quốc vụ viện quy định.

Điều 47. Những hàng hoá được quản lý bằng mậu dịch quốc doanh, Nhà nước cho phép ccs doanh nghiệp mậu dịch ngoài quốc doanh được xuất nhập khẩu với một phân số lượng.

Điều 48. Các doanh nghiệp mậu dịch quốc doanh mỗi nửa năm phải cung cấp cho ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện những thông tin về giá mua, giá bán của những hàng hoá được quản lý bằng mậu dịch quốc doanh

Điều 49. Căn cứ vào yêu cầu về việc giữ gìn trật tự kinh doanh xuất nhập khẩu, ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện có thể quản lý bằng chỉ định kinh doanh đối với một số hàng hoá trong thời gian nhất định.

Danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu được quản lý bằng chỉ định kinh doanh do ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện xây dựng, điều chỉnh và công bố.

Điều 50. Các tiêu chuẩn và trình tự cụ thể để xác định các doanh nghiệp chỉ định kinh doanh do ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện xây dựng và công bố trước ngày thực hiện.

Danh mục các doanh nghiệp chỉ định kinh doanh do ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện công bố.

Điều 51. Trừ trường hợp được quy định tại điều 47 của Quy chế này, các doanh nghiệp chưa được xếp vào danh mục các doanh nghiệp mậu dịch quốc doanh và danh mục các doanh nghiệp được chỉ định kinh doanh hoặc các tổ chức khác, không được tiến hành mậu dịch xuất nhập khẩu về những hàng hoá quản lý bằng mậu dịch quốc doanh và quản lý được chỉ định kinh doanh.

Điều 52. Các doanh nghiệp mậu dịch quốc doanh và các doanh nghiệp được chỉ định kinh doanh phải tiến hành hoạt động kinh doanh theo điều kiện thương mại bình thường, không được lựa chọn nhà cung cấp với những nhân tố phi

thương mại, không được từ chối sự uỷ thác của các doanh nghiệp hoặc tổ chức khác với những nhân tố phi thương mại.

CHƯƠNG V. THEO DÕI XUẤT NHẬP KHẨU VÀ CÁC BIỆN PHÁP TẠM THỜI

Điều 53. Ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện chịu trách nhiệm về việc theo dõi, đánh giá tình hình xuất nhập khẩu hàng hoá và định kỳ báo cáo với Quốc vụ viện về tình hình xuất nhập khẩu hàng hoá, đề xuất những kiến nghị.

Điều 54. Để duy trì sự cân bằng về cán cân thanh toán quốc tế, bao gồm khi mất cân bằng nghiêm trọng về thanh toán quốc tế hoặc bị đe dọa mất cân bằng nghiêm trọng, hoặc để giữ mức dự trữ ngoại tệ tương ứng với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, Nhà nước có thể áp dụng các biện pháp hạn chế tạm thời đối với giá trị hoặc số lượng hàng hoá nhập khẩu.

Điều 55. Để xây dựng hoặc tăng nhanh nhịp độ xây dựng các ngành nghề đặc biệt trong nước, trong khi không thể thực hiện với những biện pháp hiện đang áp dụng, Nhà nước có thể áp dụng các biện pháp tạm thời nhằm hạn chế hoặc cấm nhập khẩu.

Điều 56. Để thực hiện một hoặc một số trong những biện pháp sau đây, khi cần thiết, Nhà nước có thể áp dụng các biện pháp tạm thời bằng mọi hình thức nhằm hạn chế nhập khẩu hàng nông sản, hàng thuỷ sản.

- a. Áp dụng các biện pháp hạn chế tạm thời cho việc sản xuất hoặc tiêu thụ trong nước đối với các sản phẩm tương đồng hoặc các sản phẩm cạnh tranh trực tiếp.
- b. Thông qua hình thức trợ cấp tiêu dùng, loại bỏ các sản phẩm tương đồng hoặc các sản phẩm cạnh tranh trực tiếp đã dư thừa ở trong nước.

- c. Áp dụng các biện pháp hạn chế sản xuất đối với các sản phẩm động vật được hình thành bằng các nông sản và thủy sản phải toàn bộ hoặc chủ yếu dựa vào nhập khẩu.

Điều 57. Có một trong những trường hợp sau đây, ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện có thể áp dụng các biện pháp tạm thời nhằm hạn chế hoặc cấm xuất khẩu về những hàng hoá nhất định:

- a. Tình hình khác thường khi xảy ra thiên tai nghiêm trọng, cần phải hạn chế hoặc cấm xuất khẩu.
b. Sự rối loạn nghiêm trọng trong trật tự kinh doanh xuất khẩu, cần phải hạn chế xuất khẩu.
c. Theo quy định trong điều 16, điều 17 Luật Thương mại đối ngoại, cần phải hạn chế hoặc cấm xuất khẩu.

Điều 58. Đối với những hàng hoá xuất nhập khẩu đã áp dụng các biện pháp tạm thời để hạn chế hoặc cấm, ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện phải thông báo trước khi thực hiện.

CHƯƠNG VI. XÚC TIẾN MẬU DỊCH ĐỐI NGOẠI

Điều 59. Nhà nước áp dụng các biện pháp như bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, cho vay tín dụng xuất khẩu, hoàn trả thuế xuất khẩu, lập quỹ phát triển ngoại thương .v.v... thúc đẩy bước phát triển mậu dịch đối ngoại.

Điều 60. Nhà nước áp dụng các biện pháp hữu hiệu, xúc tiến đổi mới kỹ thuật và tiến bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp, nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trên trường quốc tế.

Điều 61. Nhà nước giúp các doanh nghiệp khai thác thị trường quốc tế thông qua các dịch vụ cung cấp thông tin và tư vấn.

Điều 62. Những người kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hoá có thể thành lập hoặc tham gia hiệp hội thương mại xuất nhập khẩu, thực hiện tự gò bó và điều hoà của ngành nghề.

Điều 63. Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp tích cực trong việc đối đáp các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp, đảm bảo và các biện pháp hạn chế khác của nước ngoài, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng trong thương mại.

CHƯƠNG VII. TRÁCH NHIỆM LUẬT PHÁP

Điều 64. Việc nhập khẩu hoặc xuất khẩu những hàng hoá thuộc cấm xuất nhập khẩu, khi chưa được phê chuẩn, cho phép mà mà tự nhập khẩu hoặc xuất khẩu những hàng hoá thuộc diện hạn chế xuất nhập khẩu, truy cứu trách nhiệm hình sự theo những quy định về tội buôn lậu trong Luật hình sự. Nếu chưa đủ mức xử phạt hình sự, sẽ xử phạt theo quy định hữu quan của Luật hải quan. Ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện có thể rút giấy phép kinh doanh mậu dịch đối ngoại củ những đương sự.

Điều 65. Tự vượt quá phạm vi đã được phê chuẩn, cho phép để nhập khẩu hoặc xuất khẩu những hàng hoá thuộc diện hạn chế xuất nhập khẩu, truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định về tội buôn lậu hoặc tội kinh doanh trái phép của Luật hải quan. Nếu chưa đủ mức xử phạt theo những quy định hữu quan của Luật hải quan, ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện có thể tạm ngừng thậm chí rút giấy phép kinh doanh mậu dịch đối ngoại của những đương sự.

Điều 66. Làm giả, làm thay đổi hoặc buôn bán các giấy chứng nhận hạn ngạch, văn bản phê duyệt, giấy phép hoặc chứng nhận cho phép tự động xuất nhập khẩu về xuất nhập khẩu hàng hoá, sẽ truy cứu trách nhiệm hình sự theo những quy định của Luật hình sự về tội kinh doanh trái phép hoặc các

tội làm giả, làm thay đổi, buôn bán văn bản, giấy chứng nhận, dấu của các cơ quan Nhà nước. Nếu chưa đủ mức xử phạt hình sự, thì xử phạt theo những quy định hữu quan của Luật hải quan. Ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện có thể rút giấy phép kinh doanh mậu dịch đối ngoại của những đương sự.

Điều 67. Người kinh doanh xuất nhập khẩu lấy được những hạn ngạch, văn bản phê duyệt, giấy phép hoặc giấy chứng nhận được phép tự động xuất nhập khẩu về xuất nhập khẩu hàng hoá với những thủ đoạn lừa đảo hoặc các thủ đoạn không chính đáng khác, sẽ tịch thu những hạn ngạch, văn bản phê duyệt, giấy phép hoặc giấy chứng nhận được phép tự động xuất nhập khẩu về xuất nhập khẩu hàng hoá của những đương sự theo luật pháp, ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện có thể tạm ngừng thậm chí rút giấy phép kinh doanh mậu dịch đối ngoại của những đương sự.

Điều 68. Vi phạm quy định điều 51 của Quy chế này, tự tiến hành mậu dịch xuất nhập khẩu hàng hoá theo quản lý mậu dịch quốc doanh hoặc quản lý theo chỉ định kinh doanh, quấy rối trật tự thị trường, tình tiết nghiêm trọng, sẽ truy cứu trách nhiệm hình sự theo những quy định của Luật hình sự về tội kinh doanh trái phép. Nếu chưa đủ mức xử phạt hình sự, do cơ quan quản lý hành chính về công thương xử phạt hành chính theo luật pháp. Ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện có thể tạm ngừng thậm chí rút giấy phép kinh doanh mậu dịch đối ngoại của những đương sự.

Điều 69. Doanh nghiệp mậu dịch quốc doanh hoặc doanh nghiệp được chỉ định kinh doanh vi phạm quy định trong điều 48, điều 52 của Quy chế này, do ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện cảnh cáo. Tình tiết nghiêm trọng, có thể tạm ngừng cho đến xoá bỏ tư cách doanh nghiệp ms quốc doanh hoặc doanh nghiệp được chỉ định kinh doanh của đương sự.

Điều 70. Trong khi thực hiện chức trách quản lý xuất nhập khẩu hàng hoá, nhân viên công tác quản lý xuất nhập khẩu hàng hoá lạm dụng chức vụ và quyền, không làm tròn chức trách hoặc lợi dụng thuận lợi về chức vụ để nhận, đòi của cải của người khác, sẽ truy cứu trách nhiệm hình sự theo các quy định trong Luật hình sự về tội lạm dụng chức quyền, tội không làm tròn chức trách, tội nhận hối lộ hoặc các tội khác. Nếu chưa đủ mức xử phạt hình sự, thì sẽ xử lý hành chính theo luật pháp.

CHƯƠNG VIII. NHỮNG ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 71. Trong khi không chịu chấp hành đối với những quyết định của các cơ quan hành chính được quy định của Quy chế này về việc cấp hạn ngạch, hạn ngạch thuế quan, giấy phép hoặc giấy chứng nhận được phép tự động, không chấp hành đối với những quyết định về xác định tư cách doanh nghiệp mậu dịch quốc doanh hoặc doanh nghiệp được chỉ định kinh doanh, không chấp hành đối với quyết định về xử phạt hành chính, có thể xem xét thảo luận bằng biện pháp hành chính, cũng có thể khiếu nại với toà án nhân dân theo luật pháp.

Điều 72. Những quy định của Quy chế này không gây cản trở các biện pháp như thuế quan, kiểm nghiệm kiểm dịch, an ninh, bảo vệ môi trường, bảo hộ quyền trí tuệ theo quy định của luật pháp, pháp quy hành chính áp dụng cho xuất nhập khẩu hàng hoá.

Điều 73. Xuất khẩu những hàng hoá quản lý kiểm soát xuất khẩu như: sản phẩm hạt nhân, sản phẩm hạt nhân dùng vào hai mục đích, sản phẩm hoá chất kiểm soát theo dõi, sản phẩm quân sự .v.v... làm theo những quy định của pháp quy hành chính hữu quan.

Điều 74. Đối với những hàng hoá nhập khẩu cần phải áp dụng các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp, biện

pháp đảm bảo, thực hiện theo những quy định của Luật thương mại đối ngoại và quy định của luật pháp, pháp quy hành chính hữu quan.

Điều 75. Luật pháp, pháp quy hành chính có quy định riêng về quản lý xuất nhập khẩu hàng hoá trong các đặc khu kinh tế như: khu ngoại quan, khu chế xuất, thì thực hiện theo những quy định đó.

Điều 76. Ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện chịu trách nhiệm về việc bàn bạc, đàm phán song phương hoặc đa biên trong mậu dịch xuất nhập khẩu hàng hoá, đồng thời chịu trách nhiệm giải quyết những tranh chấp trong thương mại.

Điều 77. Quy chế này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002. "Quy chế thi hành tạm thời về chế độ giấy phép hàng hoá nhập khẩu nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa" do Quốc vụ viện ban bố ngày 10 tháng 01 năm 1984, "Biện pháp thi hành tạm thời về quản lý hàng hoá xuất khẩu" do Bộ kinh tế và mậu dịch đối ngoại ban bố ngày 29 tháng 12 năm 1992, "Biện pháp thi hành tạm thời về quản lý nhập khẩu hàng cơ điện" do Ủy ban kinh tế và mậu dịch Nhà nước, Bộ kinh tế và mậu dịch đối ngoại ban bố ngày 07 tháng 10 năm 1993, "Biện pháp thi hành tạm thời về quản lý hạn ngạch nhập khẩu hàng hoá bình thường" được Quốc vụ viện phê chuẩn ngày 22 tháng 12 năm 1993, do Ủy ban kế hoạch Nhà nước, Bộ hợp tác kinh tế và mậu dịch đối ngoại ban bố ngày 29 tháng 12 năm 1993, "Biện pháp thi hành tạm thời về quản lý kinh doanh hàng hoá nhập khẩu" được Quốc vụ viện phê chuẩn ngày 13 tháng 6 năm 1994 do Bộ hợp tác kinh tế và mậu dịch đối ngoại, Ủy ban kế hoạch Nhà nước ban bố ngày 19 tháng 07 năm 1994, bị bãi bỏ cùng lúc.

LUẬT KIỂM NGHIỆM HÀNG HOÁ XUẤT NHẬP KHẨU

NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

(Kỳ họp thứ 6 Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa 7 thông qua ngày 21 tháng 2 năm 1989, thực hiện từ ngày 1 tháng 8 năm 1989)

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Để tăng cường công tác kiểm nghiệm hàng hoá xuất nhập khẩu, bảo đảm chất lượng hàng hoá xuất nhập khẩu, bảo vệ quyền và lợi ích của các bên trong mậu dịch đối ngoại, thúc đẩy quan hệ kinh tế thương mại với nước ngoài phát triển thuận lợi, ổn định luật này.

Điều 2. Quốc vụ viện thành lập ngành kiểm nghiệm hàng hoá xuất nhập khẩu (sau đây gọi tắt là Ngành kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước), chủ quản công tác kiểm nghiệm hàng hoá xuất nhập khẩu trong cả nước. Các cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá xuất nhập khẩu của ngành kiểm nghiệm hàng hoá xuất nhập khẩu Nhà nước đóng tại các địa phương (sau đây gọi tắt là cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá) chịu trách nhiệm quản lý công tác kiểm nghiệm hàng hoá xuất nhập khẩu trên địa bàn mình.

Điều 3. Cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá và ngành kiểm nghiệm hàng hoá Nhà nước, các cơ quan kiểm nghiệm được cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá chỉ định, tiến hành kiểm nghiệm hàng hoá xuất nhập khẩu theo luật pháp.

Điều 4. Ngành kiểm nghiệm hàng hoá Nhà nước xây dựng, điều chỉnh và công bố “Danh mục các chủng loại hàng hoá xuất nhập khẩu do cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá kiểm

nghiệm” (sau đây gọi tắt là Danh mục chủng loại) theo nhu cầu bước phát triển của mậu dịch đối ngoại.

Điều 5. Những hàng hoá xuất nhập khẩu được xếp vào “Danh mục chủng loại và những hàng hoá xuất nhập khẩu phải qua kiểm nghiệm của cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá được quy định của luật pháp và pháp quy hành chính, phải thông qua sự kiểm nghiệm của cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá hoặc ngành kiểm nghiệm hàng hoá Nhà nước, cơ quan kiểm nghiệm do cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá chỉ định.

Những hàng hoá xuất nhập khẩu được quy định tại khoản trên chưa thông qua kiểm nghiệm, không được phép tiêu thụ, sử dụng; những hàng hoá xuất nhập khẩu được quy định tại khoản trên chưa được kiểm nghiệm đạt chuẩn, không cho phép xuất khẩu.

Những hàng hoá xuất nhập khẩu được quy định tại khoản 1 của điều này, sau khi người nhận hàng, người gửi hàng xin phép, ngành kiểm nghiệm hàng hoá Nhà nước xem xét phê chuẩn, có thể miễn trừ kiểm nghiệm.

Điều 6. Nội dung của cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá kiểm nghiệm hàng hoá xuất nhập khẩu bao gồm chất lượng, quy cách, số lượng, trọng lượng, đóng gói của hàng hoá cũng như có đạt yêu cầu về an toàn, vệ sinh không.

Những hàng hoá xuất nhập khẩu có tiêu chuẩn mang tính bắt buộc theo quy định của luật pháp, pháp quy hành chính hoặc các tiêu chuẩn khác cần phải thực hiện, kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn quy định của luật pháp và pháp quy hành chính; trường hợp luật pháp, pháp quy hành chính chưa có quy định tiêu chuẩn mang tính bắt buộc hoặc cần phải thực hiện theo những tiêu chuẩn kiểm nghiệm khác, kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn kiểm nghiệm được quy định trong hợp đồng mậu dịch đối ngoại.

Điều 7. Những hàng hoá xuất nhập khẩu hoặc các hạng mục kiểm nghiệm do cơ quan kiểm nghiệm khác kiểm nghiệm theo quy định của luật pháp và các pháp quy hành chính, làm

theo quy định của luật pháp và các pháp quy hành chính hữu quan.

Điều 8. Ngành kiểm nghiệm hàng hoá Nhà nước và cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá cần thu tập và cung cấp thông tin cho các bên hữu quan về kiểm nghiệm hàng hoá xuất nhập khẩu.

CHƯƠNG II: KIỂM NGHIỆM HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Điều 9. Người nhận hàng của hàng hoá nhập khẩu phải thông qua kiểm nghiệm của cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá theo quy định của luật này, phải làm thủ tục đăng ký hàng hoá nhập khẩu với cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá tại cửa khẩu dỡ hàng hoặc ga hàng đến. Những hàng hoá nhập khẩu được xếp vào “Danh mục chủng loại” hải quan xét nghiệm và cho thông quan bằng dấu của cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá đóng trên tờ báo quan.

Điều 10. Người nhận hàng của hàng hoá nhập khẩu ngoài những hàng hoá nhập khẩu phải thông qua kiểm nghiệm của cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá theo quy định của luật này, phải khai báo kiểm nghiệm với cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá tại địa điểm và trong thời hạn quy định của cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá. Cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá phải kiểm nghiệm xong và xuất trình chứng nhận trong thời hạn đòi bồi thường quy định trong hợp đồng mậu dịch đối ngoại.

Điều 11. Người nhận hàng của hàng hoá nhập khẩu ngoài những hàng hoá nhập khẩu phải thông qua kiểm nghiệm của cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá theo quy định của luật này, nếu phát hiện hàng hoá nhập khẩu không đạt tiêu chuẩn hoặc bị hư hỏng thiếu hụt, cần phải do cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá xuất trình chứng nhận để bồi thường, phải xin cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá kiểm nghiệm và xuất trình chứng nhận.

Điều 12. Đối với hàng hoá nhập khẩu quan trọng và thiết bị đồng bộ cỡ lớn, người nhận hàng phải tiến hành kiểm nghiệm trước, giám sát chế tạo hoặc giám sát đóng gói trước khi bốc xếp và vận chuyển tại nước xuất khẩu theo quy định trong hợp đồng mậu dịch đối ngoại, cơ quan chủ quản phải tăng cường việc giám sát, cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá có thể cử nhân viên kiểm nghiệm tham gia theo nhu cầu.

CHƯƠNG III: KIỂM NGHIỆM HÀNG HÓA XUẤT KHẨU

Điều 13. Người gửi hàng của hàng hoá xuất khẩu phải thông qua kiểm nghiệm của cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá theo quy định của luật này, phải khai báo kiểm nghiệm với cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá tại địa điểm và trong thời hạn quy định của cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá. Cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá phải kiểm nghiệm xong và xuất trình chứng nhận trong thời hạn không được để lỡ việc bốc xếp và vận chuyển.

Đối với những hàng hoá xuất được xếp vào “Danh mục chủng loại: Hải quan xét nghiệm và cho thông quan bằng giấy chứng nhận kiểm nghiệm. Giấy thông hành hoặc dấu của cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá đóng trên tờ báo quan.

Điều 14. Những hàng hoá xuất khẩu qua cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá kiểm nghiệm đạt chuẩn và cấp cho giấy chứng nhận kiểm nghiệm hoặc giấy thông hành phải khai báo vận chuyển xuất khẩu trong thời hạn quy định của cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá; trường hợp vượt quá thời hạn, phải khai báo kiểm nghiệm lại.

Điều 15. Các doanh nghiệp sản xuất đồ đựng đóng gói hàng hoá nguy hiểm xuất khẩu, phải xin cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá giám định tính năng đồ đựng đóng gói. Các doanh nghiệp sản xuất hàng hoá nguy hiểm xuất khẩu phải xin cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá giám định việc sử dụng đồ đựng

đóng gói. Những hàng hoá nguy hiểm sử dụng đồ đựng đóng gói qua giám định chưa đạt tiêu chuẩn không cho phép xuất khẩu.

Điều 16. Đối với các khoang tàu và container bốc xếp và vận chuyển hàng thực phẩm dễ mục nát biến chất, người vận chuyển hoặc đơn vị đóng hòm phải xin kiểm nghiệm trước khi bốc xếp hàng. Trường hợp chưa được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn không cho phép bốc xếp và vận chuyển.

CHƯƠNG IV: GIÁM SÁT QUẢN LÝ

Điều 17. Những hàng hoá xuất khẩu ngoài những hàng hoá xuất nhập khẩu phải thông qua kiểm nghiệm của cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá quy định trong luật này, cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá có thể kiểm nghiệm qua kiểm tra một phần. Trường hợp hàng hoá xuất khẩu kiểm nghiệm qua kiểm tra một phần không đạt tiêu chuẩn không cho phép xuất khẩu.

Điều 18. Theo yêu cầu của công tác kiểm nghiệm, cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá có thể cử nhân viên kiểm nghiệm tham gia giám sát công tác kiểm nghiệm chất lượng hàng hoá xuất khẩu trước khi xuất xưởng của các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu được xếp vào “Danh mục chủng loại”.

Điều 19. Cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá có thể tiến hành công tác chứng nhận chất lượng hàng hoá xuất nhập khẩu theo Hiệp định ký kết giữa ngành kiểm nghiệm hàng hoá Nhà nước với cơ quan hữu quan của nước ngoài hoặc nhận sự uỷ quyền của các cơ quan hữu quan của nước ngoài, được phép sử dụng ký hiệu chứng nhận chất lượng trên hàng xuất nhập khẩu đã được chứng nhận đạt tiêu chuẩn.

Điều 20. Ngành kiểm nghiệm hàng hoá Nhà nước và cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá dựa theo nhu cầu về công tác kiểm nghiệm, và thông qua sát hạch, cho phép các cơ quan

kiểm nghiệm nước ngoài đạt điều kiện đảm nhiệm công tác kiểm nghiệm hàng hóa xuất nhập khẩu được uỷ quyền.

Điều 21. Nhà nước thực hiện chế độ giấy phép chất lượng đối với hàng hoá xuất nhập khẩu quan trọng và những xí nghiệp sản xuất hàng hoá xuất nhập khẩu theo nhu cầu các biện pháp cụ thể do ngành kiểm nghiệm hàng hoá Nhà nước phối hợp với các ngành hữu quan của Quốc vụ viện ấn định.

Điều 23. Cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá có thể sử dụng ký hiệu hoặc niêm phong kiểm nghiệm đối với hàng hoá xuất nhập khẩu đã kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo nhu cầu.

Điều 24. Người khai báo kiểm nghiệm hàng hoá xuất nhập khẩu có ý kiến khác đối với kết quả kiểm nghiệm cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá, có thể xin kiểm nghiệm lại với cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá ban đầu hoặc cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá cấp trên thậm chí ngay cả ngành kiểm nghiệm hàng hoá Nhà nước, do cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá nhận kiểm nghiệm lại hoặc ngành kiểm nghiệm hàng hoá Nhà nước đưa ra kết luận kiểm nghiệm lại.

Điều 25. Cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá và cơ quan kiểm nghiệm do cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá chỉ định, cũng như các cơ quan kiểm nghiệm khác được ngành kiểm nghiệm hàng hoá Nhà nước Phê chuẩn, có thể tiếp nhận sự uỷ quyền của người quan hệ mậu dịch với nước ngoài hoặc cơ quan kiểm nghiệm nước ngoài tiến hành nghiệp vụ giám định hàng hoá xuất nhập khẩu.

Phạm vi nghiệp vụ giám định hàng hoá xuất nhập khẩu bao gồm: giám định chất lượng, số lượng, trọng lượng, đóng gói hàng xuất nhập khẩu, giám định thiệt hại do vận tải đường biển, kiểm nghiệm container, giám định hư hỏng thiếu hụt hàng xuất nhập khẩu, giám định điều kiện kỹ thuật bốc xếp vận tải hàng hoá xuất nhập khẩu, đo lường tải hàng, chứng nhận nơi sản xuất, chứng nhận giá trị và các nghiệp vụ khác.

CHƯƠNG V: TRÁCH NHIỆM PHÁP LUẬT

Điều 26. Trường hợp vi phạm quy định của luật này, đối với những hàng hoá nhập khẩu phải thông qua sự kiểm nghiệm của cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá được xếp vào “Danh mục chủng loại” và quy định của các luật pháp, pháp quy hành chính khác mà tự tiêu thụ hoặc sử dụng, trường hợp những hàng hoá xuất khẩu phải thông qua sự kiểm nghiệm của cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá được xếp vào “Danh mục chủng loại” và quy định của luật pháp và quy định hành chính mà chưa khai báo kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn tự xuất khẩu, do cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá xử lý phạt tiền; tình tiết nghiêm trọng, gây thiệt hại to lớn về kinh tế, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người có trách nhiệm trực tiếp thể theo quy định điều 187 của Luật hình sự.

Vi phạm quy định trong điều 17 của luật này, trường hợp tự xuất khẩu những hàng hoá xuất khẩu không đạt tiêu chuẩn do cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá kiểm nghiệm lấy mẫu, xử phạt theo quy định của khoản trên.

Điều 27. Trường hợp làm giả, làm thay đổi chứng nhận, con dấu, tiêu chí, ký hiệu niêm phong, ký hiệu chứng nhận chất lượng kiểm nghiệm hàng hoá, cấu thành phạm tội, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người có trách nhiệm trực tiếp thể theo quy định điều 167 của Luật hình sự; trường hợp tình tiết nhẹ do cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá xử lý phạt tiền.

Điều 28. Đương sự không đồng ý với quyết định xử phạt của cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá, có thể trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo xử phạt, xin phúc tra với cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá đưa ra quyết định xử phạt hoặc cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá cấp trên hoặc ngành kiểm nghiệm hàng hoá Nhà nước. Trường hợp không đồng ý với quyết định này có thể khởi tố lên toà án trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định phúc nghị. Trường hợp đương sự vượt quá thời hạn mà không xin phúc nghị hoặc

không khởi tố lại và từ chối không chấp hành, do cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá đưa ra quyết định xử phạt xin toà án thi hành cưỡng chế.

Điều 29. Nhân viên công tác của ngành kiểm nghiệm hàng hoá Nhà nước, cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá và nhân viên kiểm nghiệm trong cơ quan kiểm nghiệm do ngành kiểm nghiệm hàng hoá Nhà nước, cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá chỉ định, lạm dụng chức quyền, làm ăn gian trá kiếm lợi, làm giả kết quả kiểm nghiệm, hoặc không làm tròn chức trách, làm lộ xuất trình chứng nhận kiểm nghiệm, xét theo tình tiết nặng nhẹ, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật.

CHƯƠNG VI: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 30. Cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá và các cơ quan kiểm nghiệm khác tiến hành kiểm nghiệm và nghiệp vụ giám định theo quy định của Luật này, thu phí theo quy định. Các biện pháp thu phí do ngành kiểm nghiệm hàng hoá phối hợp với ngành chủ quản của Quốc vụ viện ấn định.

Điều 31. Ngành kiểm nghiệm hàng hoá Nhà nước xây dựng các biện pháp thực hiện theo Luật này, sau khi trình Quốc vụ viện phê chuẩn thực hiện.

Điều 32. Luật này bắt đầu thực hiện kể từ ngày 1 tháng 8 năm 1989. “Quy chế kiểm nghiệm hàng hoá xuất nhập khẩu nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa” do Quốc vụ viện ban hành ngày 28 tháng 1 năm 1984 bãi bỏ.

LUẬT KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC VẬT XUẤT NHẬP CẢNH NƯỚC CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA

(Kỳ họp thứ 22 Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Khóa 7 thông qua ngày 30 tháng 10 năm 1991; Ban bố ngày 30 tháng 10 năm 1991 số 53 lệnh chủ tịch nước CHNDTH; Thực hiện kể từ ngày 1 tháng 4 năm 1992)

CHƯƠNG I. NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Nhằm ngăn chặn các bệnh dịch truyền nhiễm động, bệnh ký sinh trùng và các bệnh có tính chất nguy hiểm, sâu trùng, cỏ dại cùng các loại sinh vật có hại khác (sau đây gọi tắt là sâu bệnh) truyền vào truyền ra lãnh thổ quốc gia, bảo vệ sản xuất nông lâm nghiệp, chăn nuôi, nghề cá và sức khỏe con người, thúc đẩy sự phát triển kinh tế thương mại với nước ngoài, ấn định Luật này.

Điều 2. Động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác xuất nhập cảnh, vận chuyển động thực vật, các sản phẩm động thực vật và đồ đựng vận chuyển, vật đóng gói, các vật kiểm dịch khác cùng phương tiện vận tải đến từ vùng dịch bệnh động thực vật, tiến hành kiểm dịch theo quy định của Luật này.

Điều 3. Quốc vụ viện thành lập cơ quan kiểm dịch động thực vật (sau đây gọi tắt là Cơ quan kiểm dịch động thực vật Nhà nước), quản lý chung công tác trong cả nước về kiểm dịch động thực vật xuất nhập cảnh. Cơ quan kiểm dịch động thực vật Nhà nước đặt cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu tại các cửa khẩu mở cửa với nước ngoài và những nơi tập trung nghiệp vụ kiểm dịch động thực vật xuất nhập cảnh, tiến hành kiểm dịch động thực vật xuất nhập cảnh theo quy định của Luật này.

Cơ quan kiểm dịch việc xuất cảnh các sản phẩm từ động vật mang tính chất thương mại, do Quốc vụ viện xem xét tình hình quy định.

Ngành chủ quản hành chính nông nghiệp của Quốc vụ viện chủ quản công tác kiểm dịch động thực vật xuất nhập cảnh của cả nước.

Điều 4. Khi tiến hành kiểm dịch, các cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu được thi hành những quyền hạn sau:

- a. Tiến hành kiểm dịch trên tàu, trên xe, trên máy bay theo quy định của Luật này.
- b. Vào các cửa cảng, sân bay, nhà ga, bưu điện và những nơi cất giữ, chế biến, nuôi trồng, trồng trọt vật kiểm dịch tiến hành kiểm dịch, và lấy mẫu theo quy định.
- c. Vào những nơi sản xuất, kho hàng liên quan tiến hành theo dõi, điều tra tình hình dịch bệnh và giám sát quản lý kiểm dịch theo yêu cầu về kiểm dịch.
- d. Tra đọc, phục chế, ghi trích nhật ký, giấy vận chuyển hàng hóa, hợp đồng hoá đơn và những giấy tờ chứng chỉ khác liên quan đến vật kiểm dịch.

Điều 5. Nhà nước cấm nhập cảnh các vật như sau:

- a. Nguyên thể bệnh động thực vật (gồm giống nấm, giống độc, v.v...), sâu bệnh và sinh vật có hại.
- b. Những động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và vật kiểm dịch khác tại các nước và lãnh thổ đang lan truyền dịch bệnh động thực vật.
- c. Thi thể động vật.
- d. Thỏ nhưỡng.

Cơ quan kiểm dịch động thực vật tại các cửa khẩu phát hiện trường hợp vật cấm nhập cảnh được quy định tại khoản trên, xử lý bằng trả về hoặc thiêu huỷ.

Nhập những vật cấm nhập cảnh được quy định tại khoản 1 điều này theo nhu cầu đặc biệt cho nghiên cứu khoa học, phải nêu ra đơn xin trước và được sự phê chuẩn của Cơ quan kiểm dịch động thực vật Nhà nước.

Danh mục vật cấm nhập cảnh quy định tại mục 1 của điều này, do ngành chủ quản hành chính nông nghiệp của Quốc vụ viện quy định và công bố.

Điều 6. Khi ở nước ngoài xảy ra tình hình dịch bệnh động thực vật nghiêm trọng và có khả năng lan truyền vào Trung Quốc. Quốc vụ viện cần áp dụng các biện pháp phòng ngừa khẩn cấp. Khi cần thiết có thể hạ lệnh cấm các phương tiện vận tải đến từ vùng dịch bệnh động thực vật hoặc phong tỏa những cửa khẩu hữu quan; chính phủ nhân dân địa phương và cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu trong vùng bị dịch bệnh động thực vật đe dọa, cần phải lập tức áp dụng các biện pháp khẩn cấp, đồng thời báo cáo lên chính phủ nhân dân cấp trên và cơ quan kiểm dịch động thực vật.

Các ngành bưu điện, giao thông vận tải phải ưu tiên chuyển gửi các báo cáo về tình hình dịch bệnh động thực vật nghiêm trọng và những tài liệu gửi đi kiểm dịch.

Điều 7. Cơ quan kiểm dịch động thực vật Nhà nước và cơ quan kiểm dịch động thực vật tại các cửa khẩu thực hiện chế độ giám sát kiểm dịch đối với động thực vật xuất nhập cảnh và quá trình sản xuất, chế biến, cất giữ sản phẩm từ động thực vật.

Điều 8. Khi cơ quan kiểm dịch động thực vật thi hành nhiệm vụ kiểm dịch tại các cửa cảng, sân bay, bến xe, ga tàu, bưu cục, các ngành hải quan, giao thông vận tải, hàng không dân dụng, đường sắt, bưu điện phải phối hợp cho.

Điều 9. Nhân viên cơ quan kiểm dịch động thực vật phải trung thành với cương vị của mình, thi hành pháp luật đúng quy định nhà nước.

Nhân viên cơ quan kiểm dịch động thực vật thi hành nhiệm vụ theo luật pháp, bất cứ mọi đơn vị và cá nhân nào không được cản trở.

CHƯƠNG II. KIỂM DỊCH NHẬP CẢNH

Điều 10. Nhập vào các động vật, sản phẩm từ động vật, hạt giống và cây giống thực vật cùng những vật liệu gây giống khác, phải xin phép trước và làm thủ tục xét duyệt kiểm dịch.

Điều 11. Trường hợp nhập vào động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác bằng hình thức thông qua mậu dịch, hợp tác khoa học kỹ thuật, trao đổi biểu tặng, viện trợ, v.v... phải ghi rõ trong hợp đồng hoặc hiệp nghị những yêu cầu kiểm dịch về luật định của Trung Quốc, và ghi rõ phải kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan kiểm dịch động thực vật của chính phủ nước hoặc lãnh thổ cho xuất cảnh.

Điều 12. Trước khi nhập cảnh hoặc khi nhập cảnh các động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác, chủ hàng hoặc người đại lý cho chủ hàng phải kiểm dịch với cơ quan kiểm dịch động thực vật tại cửa khẩu nhập cảnh bằng giấy chứng nhận kiểm dịch của nước hoặc lãnh thổ xuất cảnh, hợp đồng thương mại, v.v...

Điều 13. Khi các phương tiện chuyên chở động vật đến cửa khẩu, cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu phải áp dụng các biện pháp phòng ngừa ngay hiện trường, tiến hành xử lý phòng ngừa dịch bệnh và triệt khuẩn đối với những người lên xuống phương tiện vận tải hoặc tiếp xúc với các động vật, các phương tiện vận tải chuyên chở động vật và những nơi bị nhiễm bẩn.

Điều 14. Nhập các động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và các vật kiểm dịch khác, phải kiểm dịch tại cửa khẩu nhập cảnh. Chưa được sự đồng ý của cơ quan kiểm dịch cửa khẩu, không được bốc dỡ khỏi phương tiện vận tải.

Những động thực vật nhập vào, cần kiểm dịch cách ly, được kiểm dịch tại nơi cách ly do cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu chỉ định.

Do nguyên nhân hạn chế về điều chỉnh của cửa khẩu, có thể do cơ quan kiểm dịch động thực vật Nhà nước quyết định vận chuyển những động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác đến nơi chỉ định để kiểm dịch. Trong quá trình vận chuyển và bốc xếp, chủ hàng hoặc người đại lý của chủ hàng phải áp dụng các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh. Những nơi chỉ định để gửi, chế biến và nuôi cách ly hoặc trồng cách ly phải phù hợp với quy định kiểm dịch động thực vật và phòng ngừa dịch bệnh.

Điều 15. Những động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác được nhập vào, qua kiểm dịch đạt tiêu chuẩn, cho phép nhập cảnh; Hải quan kiểm nghiệm và cho thông quan bằng giấy chứng nhận hoặc đóng dấu trên giấy báo quan của cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu.

Những động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác, cần di chuyển khỏi khu giám quản của hải quan để kiểm dịch, hải quan xét nghiệm và cho thông quan bằng “giấy thông báo di chuyển kiểm dịch” do cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu cấp.

Điều 16. Những động vật nhập vào, qua kiểm dịch không đạt chuẩn, do cơ quan kiểm dịch động thực vật ký “giấy thông báo xử lý kiểm dịch”, thông báo cho chủ hàng hoặc người đại lý chủ hàng xử lý như sau:

- a. Kiểm tra ra các động vật mang bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng loại I, trả về toàn bộ động vật cùng đàn hoặc giết toàn bộ đàn động vật và tiêu huỷ thi thể.
- b. Kiểm tra ra các động vật mang bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng loại II, trả về hoặc giết chết, các động vật cùng đàn khác được theo dõi cách ly tại bãi cách ly hoặc địa điểm chỉ định khác.

Trường hợp nhập các sản phẩm từ động vật và những vật kiểm dịch khác qua kiểm dịch không đạt tiêu chuẩn, do cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu ký và phát “giấy thông báo xử lý về kiểm dịch”, thông báo cho chủ hàng hoặc người đại lý chủ hàng xử lý theo triệt tiêu độc hại, trả về hoặc tiêu huỷ. Qua xử lý triệt tiêu độc hại đạt chuẩn, cho phép nhập cảnh.

Điều 17. Trường hợp nhập những thực vật, sản phẩm từ thực vật và những vật kiểm dịch khác, qua kiểm dịch phát hiện có bệnh, sâu, cỏ dại mang tính nguy hiểm của thực vật, do cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu ký và phát “giấy thông báo xử lý kiểm dịch”, thông báo cho chủ hàng hoặc người đại lý chủ hàng xử lý theo triệt tiêu độc hại, trả về hoặc tiêu huỷ. Qua xử lý triệt tiêu độc hại đạt chuẩn, cho phép nhập cảnh.

Điều 18. Danh mục bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng động vật loại I, loại II được gọi tại mục I, mục II khoản I Điều 16 của Luật này và Danh mục các bệnh, sâu, cỏ dại mang tính nguy hiểm của thực vật được gọi tại Điều 17 của Luật này, do ngành chủ quản hành chính nông nghiệp của Quốc vụ viện ấn định và công bố.

Điều 19. Nhập các động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác, qua kiểm dịch phát hiện có trường hợp có các sâu bệnh tác hại nghiêm trọng đến nông lâm nghiệp, chăn nuôi và ngư nghiệp ngoài danh mục được quy định tại Điều 18 của Luật này, do cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu thông báo cho chủ hàng hoặc đại lý chủ hàng xử lý theo triệt tiêu độc hại, trả về hoặc tiêu huỷ theo quy định của ngành chủ quản hành chính nông nghiệp Quốc vụ viện. Qua triệt tiêu độc hại đạt chuẩn, cho phép nhập cảnh.

CHƯƠNG III. KIỂM DỊCH XUẤT CẢNH.

Điều 20. Trước khi xuất cảnh các động thực vật, các sản phẩm từ động thực vật và các vật kiểm dịch khác, chủ hàng hoặc người đại lý của chủ hàng khai báo kiểm dịch với cơ quan kiểm dịch động thực vật tại cửa khẩu.

Những động vật cần kiểm dịch cách ly trước khi xuất cảnh, kiểm dịch tại nơi cách ly được cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu chỉ định.

Điều 21. Xuất cảnh những động thực vật, sản phẩm của động thực vật và những vật kiểm dịch khác, do cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu tiến hành kiểm dịch, qua kiểm dịch đạt chuẩn hoặc qua xử lý triệt tiêu độc hại đạt chuẩn, cho phép xuất cảnh; hải quan xét nghiệm và cho thông quan bằng giấy chứng nhận do cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu ký và phát hoặc đóng dấu trên tờ khai báo hải quan. Trường hợp kiểm dịch không đạt chuẩn lại không có phương pháp hữu hiệu để triệt tiêu độc hại, không cho phép xuất cảnh.

Điều 22. Những động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác đã qua kiểm dịch đạt chuẩn, có một trong những trường hợp như sau. chủ hàng hoặc người đại lý của chủ hàng phải khai báo kiểm dịch lại:

- a. Thay đổi quốc gia hoặc lãnh thổ nhập, quốc gia hoặc lãnh thổ nhập sau khi thay đổi có đòi hỏi về kiểm dịch khác;
- b. Thay đổi bao bì hoặc vốn không có đóng ghép sau này mới đóng ghép.
- c. Vượt quá thời hạn có giá trị quy định về kiểm dịch.

CHƯƠNG IV. KIỂM DỊCH QUÁ CẢNH

Điều 23. Trường hợp yêu cầu vận chuyển động vật quá cảnh, phải trước tiên được sự đồng ý của cơ quan kiểm dịch động thực vật nhà nước Trung Quốc, và quá cảnh theo cửa khẩu và đường đi được chỉ định. Các phương tiện vận tải động

vật quá cảnh, đồ đựng, thức ăn gia súc và vật liệu trải đệm phải phù hợp những quy định của Trung Quốc về kiểm dịch động thực vật.

Điều 24. Trường hợp vận chuyển động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác, do người vận chuyển hoặc người áp tải cầm lấy đơn chở hàng và giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan kiểm dịch động thực vật của chính phủ quốc gia hoặc lãnh thổ xuất cảnh, khai báo kiểm dịch với cơ quan kiểm dịch động thực vật tại cửa khẩu, cửa khẩu xuất cảnh không kiểm dịch nữa.

Điều 25. Những động vật quá cảnh sau khi kiểm dịch đạt chuẩn, cho phép quá cảnh. Trường hợp phát hiện có bệnh truyền nhiễm động vật, bệnh ký sinh trùng được xếp vào danh mục được quy định tại Điều 18 Luật này, cả đàn động vật không cho phép quá cảnh.

Trường hợp thức ăn gia súc cho động vật quá cảnh bị lây nhiễm sâu bệnh, xử lý bằng triệt tiêu độc hại, không cho phép quá cảnh hoặc tiêu hủy.

Thi thể, vật thải của động vật quá cảnh, vật liệu trải đệm cùng những chất thải khác, phải xử lý theo quy định của cơ quan kiểm dịch động thực vật, không được tự vứt bỏ.

Điều 26. Đối với thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác quá cảnh, cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu kiểm tra những phương tiện vận tải hoặc bao bì đóng gói. Sau kiểm dịch đạt chuẩn, cho phép quá cảnh; trường hợp phát hiện có sâu bệnh được xếp vào danh mục quy định tại Điều 18 Luật này, xử lý triệt tiêu độc hại hoặc không cho quá cảnh.

Điều 27. Trong trường hợp quá cảnh của những động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác, chưa được phép của cơ quan kiểm dịch động thực vật, không được tháo dỡ bao bì đóng gói hoặc bốc dỡ khỏi phương tiện vận tải.

CHƯƠNG V. KIỂM DỊCH HÀNG (VẬT) MANG THEO NGƯỜI, HÀNG GỬI QUA BƯU ĐIỆN

Điều 28. Trường hợp mang theo người, gửi qua bưu điện hạt giống, cây giống thực vật và những vật liệu nhân giống khác nhập cảnh, phải nêu đơn xin trước làm thủ tục xét duyệt kiểm dịch.

Điều 29. Danh mục động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và vật kiểm dịch khác cấm mang theo người, gửi qua bưu điện nhập cảnh, do ngành chủ quan hành chính nông nghiệp của Quốc vụ viện ấn định và công bố.

Trường hợp mang theo người, gửi qua bưu điện những động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác nhập cảnh được ghi trong danh mục theo quy định của khoản trên, xử lý bằng trả về hoặc tiêu hủy.

Điều 30. Trường hợp mang theo người nhập cảnh những động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác ngoài danh mục được quy định tại Điều 29 của Luật này, khi nhập cảnh khai báo với hải quan và tiếp nhận sự kiểm dịch của cơ quan kiểm dịch động thực vật tại cửa khẩu.

Trong trường hợp mang theo người những động vật nhập cảnh, phải có các giấy tờ chứng nhận kiểm dịch của quốc gia và lãnh thổ xuất cảnh.

Điều 31. Trường hợp gửi qua bưu điện nhập cảnh những động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác, do cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu tiến hành kiểm dịch tại cục trao đổi bưu kiện quốc tế, khi cần thiết có thể lấy về cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu để kiểm dịch; chưa qua kiểm dịch không được vận chuyển.

Điều 32. Những động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác gửi qua bưu điện nhập cảnh, sau khi kiểm dịch hoặc xử lý triệt tiêu độc hại đạt chuẩn cho thông

quan; qua kiểm dịch không đạt chuẩn lại không có biện pháp có hiệu quả để triệt tiêu độc hại, xử lý bằng trả về hoặc tiêu huỷ, và ký và phát “giấy thông báo xử lý kiểm dịch”.

Điều 33. Mang theo người, gửi qua bưu điện xuất cảnh những động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác, khi chủ hàng có yêu cầu kiểm dịch, do cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu tiến hành kiểm dịch.

CHƯƠNG VI. KIỂM DỊCH PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

Điều 34. Khi các tàu thuyền, máy bay, tàu hoả đến từ vùng dịch bệnh động thực vật tới cửa khẩu, do cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu tiến hành kiểm dịch. Phát hiện trường hợp có sâu bệnh được ghi trong danh mục quy định tại Điều 18 Luật này, xử lý bằng không cho phép mang khỏi phương tiện vận tải, triệt tiêu độc hại hoặc tiêu huỷ.

Điều 35. Những xe cộ nhập cảnh, do cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu xử lý bằng phòng ngừa dịch bệnh và triệt tiêu độc hại.

Điều 36. Những nước rửa nồi bát, chất thải có chất động thực vật trên các phương tiện vận tải xuất nhập cảnh, xử lý theo quy định của cơ quan kiểm dịch cửa khẩu, không được vứt bỏ.

Điều 37. Các phương tiện chuyên chở những động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác xuất cảnh, phải phù hợp với quy định về kiểm dịch động thực vật và phòng ngừa dịch bệnh.

Điều 38. Những tàu thuyền cũ nhập cảnh dùng để phá tàu, do cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu tiến hành kiểm dịch, phát hiện trường hợp có sâu bệnh được ghi trong danh mục quy định tại Điều 18 Luật này, xử lý bằng triệt tiêu độc hại.

CHƯƠNG VII. TRÁCH NHIỆM PHÁP LUẬT

Điều 39. Vi phạm quy định của Luật này, có một trong những hành vi sau đây, do cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu xử phạt tiền:

- a. Chưa khai báo kiểm dịch hoặc chưa làm thủ tục xét duyệt kiểm dịch theo luật pháp;
- b. Chưa được phép của cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu tự bốc dỡ khỏi phương tiện vận tải hoặc vận chuyển đi những động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác;
- c. Tự di chuyển hoặc xử lý những động thực vật đang kiểm dịch cách ly tại nơi cách ly do cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu chỉ định.

Điều 40. Trường hợp những động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác khai báo kiểm dịch không phù hợp với thực tế, do cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu xử phạt tiền; trường hợp đã được cấp chứng nhận kiểm dịch, thu hồi giấy chứng nhận.

Điều 41. Vi phạm quy định của Luật này, các trường hợp tự tháo dỡ bao bì đóng gói động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác quá cảnh, tự bốc dỡ khỏi phương tiện vận tải động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác quá cảnh, tự vứt bỏ những thi thể, chất thải động vật, các vật liệu trải đệm và những vật khác quá cảnh, do cơ quan kiểm dịch động thực vật xử phạt tiền,

Điều 42. Trường hợp vi phạm quy định của Luật này, gây ra tình trạng dịch bệnh động thực vật nghiêm trọng, truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định Điều 178 của Luật Hình sự.

Điều 43. Làm giả, làm thay đổi chứng nhận, con dấu, tiêu chí, ký hiệu niêm phong kiểm dịch, truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định Điều 178 của Luật Hình sự.

Điều 44. Đương sự không đồng ý đối với quyết định xử phạt của cơ quan kiểm dịch động thực vật, có thể xin phúc kiểm với cơ quan cấp trên của cơ quan quyết định xử phạt trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo xử phạt; Đương sự cũng có thể khởi kiện trực tiếp lên toà án nhân dân trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo xử phạt.

Cơ quan phúc kiểm phải đưa ra quyết định phúc tra trong thời gian 60 ngày kể từ ngày nhận được đơn xin phúc kiểm. Đương sự không tán thành đối với quyết định phúc tra, có thể kiện lên toà án nhân dân trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định phúc tra. Trường hợp vượt quá thời hạn mà cơ quan phúc tra không đưa ra quyết định phúc tra, đương sự có thể khởi tố lên toà án nhân dân trong vòng 15 ngày kể từ ngày hết hạn phúc tra.

Trường hợp vượt quá thời hạn mà đương sự không xin phúc tra cũng không kiện lên toà án nhân dân, lại không thi hành quyết định xử phạt, cơ quan đưa ra quyết định xử phạt có thể xin toà án nhân dân cưỡng chế thi hành.

Điều 45. Nhân viên kiểm dịch của cơ quan kiểm dịch động thực vật lạm dụng chức quyền, làm ăn gian trá kiếm lợi, làm giả kết quả kiểm dịch, hoặc không làm tròn chức trách, làm lơ xuất trình chứng nhận kiểm dịch, cấu thành phạm tội, truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa cấu thành phạm tội, xử lý hành chính.

CHƯƠNG VIII. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 46. Các từ ngữ sau đây trong Luật này được hiểu là:

- a. “Động vật” là chỉ những con vật hoạt động nuôi, hoang dã, như súc vật, loại cầm, loại thú, rắn, rùa, cá, tôm, cua, sò hến, tầm, ong, v.v...
- b. “Sản phẩm từ động vật” là chỉ những sản phẩm từ động vật chưa chế biến hoặc tuy đã chế biến nhưng vẫn có khả năng lây lan dịch bệnh, như da sống, loại lông, loại thịt, nội tạng, mỡ, thủy sản động vật, sản phẩm sữa, loại trứng, máu, tinh dịch, phôi thai, xương, móng, sừng, v.v...
- c. “Thực vật” là chỉ cây thực vật trồng trọt, hoang dã cùng hạt giống, cây giống và những vật liệu nhân giống khác, v.v...
- d. “Sản phẩm từ thực vật” là chỉ những sản phẩm từ cây thực vật chưa chế biến hoặc tuy đã chế biến vẫn có khả năng lây lan sâu bệnh, như lương thực, đậu, bông, dâu, đay, thuốc lá, nhân hạt, quả khô, quả tươi, rau, dược liệu sống, gỗ, thức ăn gia súc, v.v...
- e. “Vật kiểm dịch khác” là chỉ vắc-xin động vật, huyết thanh, dịch chẩn đoán, chất thải mang tính chất động thực vật, v.v...

Điều 47. Các điều ước quốc tế về kiểm dịch động thực vật được Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ký kết hoặc tham gia có quy định khác với Luật này. Sử dụng quy định của điều ước quốc tế đó. Tuy nhiên, trừ những điều khoản Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa tuyên bố bảo lưu.

Điều 48. Các cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu tiến hành kiểm dịch được thu phí theo quy định. Biện pháp thu phí do ngành chủ quản hành chính nông nghiệp Quốc vụ viện phối hợp với các ngành chủ quản hữu quan như ngành vật giá của Quốc vụ viện ấn định.

Điều 49. Quốc vụ viện xây dựng quy chế chi tiết thực hiện

Điều 50. Luật này thực hiện kể từ ngày 1 tháng 4 năm 1992. “Quy chế kiểm dịch động thực vật xuất nhập khẩu Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa” do Quốc vụ viện ban hành ngày 4 tháng 6 năm 1982 bị bãi bỏ.

LUẬT VỆ SINH THỰC PHẨM

NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

(Kỳ họp thứ 16 Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa 8 thông qua ngày 30 tháng 10 năm 1995.

Ban hành ngày 30 tháng 10 năm 1995 số 59 Lệnh Chủ tịch nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa. Thực hiện kể từ ngày ban hành)

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Để đảm bảo vệ sinh thực phẩm, phòng chống ô nhiễm thực phẩm và các yếu tố có hại nguy hại đến con người, bảo vệ sức khỏe nhân dân, tăng cường thể chất nhân dân, ấn định Luật này.

Điều 2: Nhà nước thực hiện chế độ giám sát vệ sinh thực phẩm.

Điều 3: Ngành hành chính y tế Quốc vụ viện chủ quản công tác giám sát quản lý vệ sinh trong cả nước.

Các ngành hữu quan của Quốc vụ viện chịu trách nhiệm về công tác quản lý vệ sinh trong phạm vi chức trách của mình.

Điều 4: Tất cả mọi trường hợp sản xuất kinh doanh thực phẩm trên lãnh thổ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa đều phải tuân thủ Luật này.

Luật này thích hợp cho tất cả các thực phẩm, chất thêm vào thực phẩm, đồ đựng thực phẩm, vật liệu bao bì đóng gói thực phẩm và công cụ, thiết bị, chất tẩy rửa, chất diệt khuẩn dùng cho thực phẩm; cũng thích hợp cho nơi, thiết bị và môi trường liên quan sản xuất kinh doanh thực phẩm.

Điều 5: Nhà nước khuyến khích và bảo hộ sự giám sát cộng đồng của các đoàn thể xã hội và cá nhân đối với vệ sinh thực phẩm.

Đối với những hành vi vi phạm Luật này, bất cứ ai đều có quyền tố giác và tố cáo.

CHƯƠNG II: VỆ SINH ĐỐI VỚI THỰC PHẨM

Điều 6: Thực phẩm phải vô độc, vô hại, phù hợp với những yếu tố dinh dưỡng cần phải có, phải có dạng cảm quan tương ứng về màu sắc, thơm ngon, mùi vị.

Điều 7: Những thực phẩm chính, phụ cung ứng riêng cho trẻ sơ sinh và trẻ con phải phù hợp với tiêu chuẩn dinh dưỡng, vệ sinh do ngành hành chính y tế Quốc vụ viện ấn định

Điều 8: Quá trình sản xuất kinh doanh thực phẩm phải phù hợp với những yêu cầu vệ sinh sau đây:

- a. Giữ gìn sạch sẽ môi trường trong và ngoài, áp dụng những biện pháp diệt trừ ruồi, chuột, gián và những công trùng có hại cùng các điều kiện sinh nở của chúng, giữ khoảng cách quy định với nơi có độc, có hại;
- b. Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thực phẩm phải có nhà xưởng hoặc nơi xử lý, chế biến nguyên liệu thực phẩm, đóng gói, cất giữ tương ứng với chủng loại, số lượng của sản phẩm;
- c. Phải có những cơ sở thiết bị triệt khuẩn, thay áo, rửa tay rửa mặt, lấy ánh sáng, chiếu sáng, thông gió, chống mục, chống bụi, phòng chống ruồi, chuột, tẩy rửa, thải nước bẩn, đổ rác và các chất thải;
- d. Bố cục các thiết bị và quy trình công nghệ phải hợp lý, phòng chống ô nhiễm xen kẽ lẫn nhau đối với giữa thực phẩm chờ chế biến và thực phẩm ăn trực tiếp, giữa nguyên liệu và thành phẩm, thực phẩm không được đụng chạm với những vật có độc, không sạch sẽ;
- e. Bộ đồ ăn, đồ nấu bếp và đồ đựng để thực phẩm ăn trực tiếp, trước khi sử dụng phải rửa sạch, triệt khuẩn, đồ nấu bếp, dụng cụ sau khi sử dụng phải rửa sạch, giữ gìn sạch sẽ;

- f. Những đồ đựng đóng gói, phương tiện, thiết bị và điều kiện cất giữ, vận tải, bốc dỡ thực phẩm phải an toàn, không có hại, giữ sạch sẽ phòng chống ô nhiễm cho thực phẩm;
- g. Những thực phẩm ăn trực tiếp phải có đóng gói nhỏ hoặc sử dụng những vật liệu đóng gói không có độc, sạch sẽ;
- h. Những người sản xuất kinh doanh thực phẩm phải luôn giữ gìn vệ sinh cá nhân, khi sản xuất, tiêu thụ thực phẩm, phải rửa tay sạch sẽ, mặc áo, đội mũ, làm việc sạch sẽ, khi bán hàng thực phẩm ăn trực tiếp phải sử dụng những dụng cụ bán hàng;
- i. Nước dùng phải phù hợp với tiêu chuẩn của Nhà nước về vệ sinh nước uống sinh hoạt ở thành thị và nông thôn;
- j. Những chất tẩy rửa, chất triệt khuẩn phải an toàn, không tác hại đến con người.

Yêu cầu về vệ sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh thực phẩm của những người bán sạp thực phẩm và những người kinh doanh thực phẩm trong chợ ở thành thị và nông thôn do uỷ ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương quy định cụ thể theo Luật này.

Điều 9: Cấm sản xuất kinh doanh những thực phẩm sau đây:

- a. Các trường hợp mục nát biến chất, dầu mỡ chua thối, bị mốc, sâu mọt, nhơ bẩn không sạch, xen lẫn các dị vật hoặc tính dạng khác thường cho cảm quan, có thể gây tác hại đến sức khỏe con người;
- b. Trường hợp các chất liệu có chứa đựng chất độc, có hại hoặc bị ô nhiễm bởi chất chứa độc, có hại, có thể gây tác hại đến sức khỏe con người;
- c. Trường hợp có ký sinh trùng, vi sinh vật có tính chất gây bệnh hoặc hàm lượng độc tố vượt quá tiêu chuẩn hạn định của Nhà nước;
- d. Các loại thịt và sản phẩm từ thịt chưa qua kiểm nghiệm vệ sinh thú y hoặc kiểm nghiệm không hợp cách;

- e. Các động vật và sản phẩm các loại gia cầm, gia súc, thú, thủy sản chết vì bệnh, ngộ độc hoặc nguyên nhân chết không rõ;
- e. Trường hợp đồ đựng đóng gói như bản không sạch, hư hỏng nghiêm trọng hoặc bị nhiễm bẩn do phương tiện vận tải không sạch sẽ;
- f. Trường hợp xen lẫn chất giả, tạp chất, làm giả gây ảnh hưởng đến dinh dưỡng, vệ sinh;
- g. Trường hợp chế biến bằng nguyên liệu phi thực phẩm, thêm vào chất hóa học không phải dùng cho thực phẩm hoặc lấy phi thực phẩm thay cho thực phẩm;
- h. Trường hợp vượt quá thời hạn đảm bảo chất lượng;
- i. Trường hợp vì nhu cầu đặc biệt để phòng chống bệnh tật, ngành hành chính y tế Quốc vụ viện hoặc chính phủ nhân dân các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương có quy định cấm tiêu thụ;
- j. Trường hợp có chất thêm vào chưa được phép sử dụng của ngành hành chính y tế Quốc vụ viện hoặc hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật sót lại vượt quá quy định của Nhà nước cho phép;
- k. Các trường hợp không phù hợp tiêu chuẩn vệ sinh và yêu cầu vệ sinh khác.

Điều 10: Trong thực phẩm không được thêm vào dược phẩm. Song trừ trường hợp vừa là thực phẩm vừa là dược phẩm truyền thống để làm nguyên liệu, gia vị hoặc chất xúc tác dinh dưỡng.

CHƯƠNG III: VỆ SINH ĐỐI VỚI CHẤT PHỤ GIA THỰC PHẨM.

Điều 11: Việc sản xuất kinh doanh và sử dụng chất phụ gia thực phẩm phải phù hợp với quy định về tiêu chuẩn vệ sinh và biện pháp quản lý vệ sinh về sử dụng chất phụ gia thực phẩm; chất thêm vào thực phẩm không phù hợp với tiêu chuẩn

vệ sinh và biện pháp quản lý vệ sinh không được kinh doanh, sử dụng.

CHƯƠNG IV: VỆ SINH ĐỒ ĐỰNG, VẬT LIỆU ĐÓNG GÓI THỰC PHẨM VÀ DỤNG CỤ, THIẾT BỊ DÙNG CHO THỰC PHẨM

Điều 12: Đồ đựng, vật liệu đóng gói thực phẩm và dụng cụ, thiết bị dùng cho thực phẩm phải phù hợp với quy định về tiêu chuẩn vệ sinh và biện pháp quản lý vệ sinh.

Điều 13: Việc sản xuất đồ đựng, vật liệu đóng gói thực phẩm và dụng cụ, thiết bị dùng cho thực phẩm phải sử dụng những nguyên vật liệu đạt yêu cầu vệ sinh. Các sản phẩm phải thuận tiện cho việc tẩy rửa và triệt khuẩn.

CHƯƠNG V: VIỆC XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN VÀ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ VỆ SINH THỰC PHẨM

Điều 14: Tiêu chuẩn vệ sinh, biện pháp quản lý vệ sinh và quy trình kiểm nghiệm của Nhà nước về thực phẩm, chất thêm vào thực phẩm, đồ đựng và vật liệu đóng gói thực phẩm, dụng cụ và thiết bị dùng cho thực phẩm, chất tẩy rửa, chất triệt khuẩn dùng để tẩy rửa thực phẩm và dụng cụ, thiết bị dùng cho thực phẩm cùng hàm lượng chất ô nhiễm, chất phóng xạ cho phép trong thực phẩm do ngành hành chính y tế Quốc vụ viện xây dựng hoặc phê chuẩn ban hành.

Điều 15: Những thực phẩm nhà nước chưa xây dựng tiêu chuẩn vệ sinh, chính phủ nhân dân các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương có thể xây dựng tiêu chuẩn vệ sinh của địa phương gửi ngành hành chính y tế Quốc vụ viện và ngành chủ quản hành chính tiêu chuẩn hóa của Quốc vụ viện lưu trữ.

Điều 16: Các chỉ tiêu có ý nghĩa về vệ sinh học trong tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm Nhà nước về chất thêm vào thực phẩm cần phải thông qua ngành hành chính y tế Quốc vụ viện xem xét đồng ý.

Việc đánh giá tính an toàn về chất hóa học nông nghiệp như thuốc bảo vệ thực vật, phân bón cần phải thông qua ngành hành chính vệ sinh Quốc vụ viện xem xét đồng ý.

Quy trình kiểm nghiệm vệ sinh thú y về giết mổ gia súc, gia cầm do ngành hành chính hữu quan của Quốc vụ viện phối hợp với ngành hành chính vệ sinh Quốc vụ viện xây dựng.

CHƯƠNG VI: QUẢN LÝ VỆ SINH THỰC PHẨM

Điều 17: Ngành quản lý sản xuất kinh doanh thực phẩm của chính phủ nhân dân các cấp phải tăng cường công tác quản lý chính sách và kiểm tra tình hình thực hiện Luật này.

Chính phủ nhân dân các cấp phải khuyến khích và ủng hộ việc cải tiến công nghệ chế biến thực phẩm, thúc đẩy nâng cao chất lượng vệ sinh thực phẩm.

Điều 18: Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thực phẩm phải kiện toàn chế độ quản lý vệ sinh thực phẩm của đơn vị mình, bố trí nhân viên quản lý vệ sinh thực phẩm chuyên trách hoặc kiêm chức, tăng cường công tác kiểm nghiệm đối với những thực phẩm mà mình sản xuất kinh doanh.

Điều 19: Việc chọn địa điểm và thiết kế công trình xây mới, mở rộng, cải tạo của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thực phẩm phải phù hợp với yêu cầu vệ sinh, việc thẩm tra thiết kế và nghiệm thu công trình phải có sự tham gia của ngành hành chính y tế.

Điều 20: Các mặt hàng mới của thực phẩm, chất thêm vào thực phẩm được sử dụng tài nguyên mới sản xuất, trước khi đưa vào sản xuất các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải đưa ra những tài liệu đánh giá vệ sinh và đánh giá dinh dưỡng

của sản phẩm đó; mặt hàng mới của đồ đựng, vật liệu đóng gói thực phẩm và dụng cụ, thiết bị dùng cho thực phẩm sử dụng nguyên vật liệu mới sản xuất, trước khi đưa vào sản xuất các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải đưa ra những tài liệu cần thiết về đánh giá vệ sinh của sản phẩm đó. Các mặt hàng mới nói trên còn phải cung cấp hàng mẫu trước khi đưa vào sản xuất và xin xét duyệt theo trình tự xét duyệt tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm đã được quy định.

Điều 21: Thực phẩm đóng gói và chất thêm vào thực phẩm đã định hình phải ghi rõ trên ký hiệu đóng gói hoặc bản hướng dẫn sử dụng sản phẩm tên mặt hàng, nơi sản xuất, tên doanh nghiệp, ngày sản xuất, lô số hoặc mặt danh, quy cách, phối phương hoặc các thành phần chính, thời hạn đảm bảo chất lượng, cách ăn uống hoặc sử dụng theo quy định của các sản phẩm khác nhau. Bản hướng dẫn sử dụng sản phẩm của thực phẩm, chất thêm vào thực phẩm không được có những nội dung quảng cáo thổi phồng hoặc giả dối.

Ký hiệu đóng gói thực phẩm phải rành mạch, dễ phân biệt. Những thực phẩm tiêu thụ tại thị trường nội địa phải có ký hiệu Trung văn.

Điều 22: Những thực phẩm biểu thị có công dụng chăm sóc sức khỏe, sản phẩm đó và bản hướng dẫn sử dụng phải trình ngành hành chính y tế Quốc vụ viện xét duyệt và phê chuẩn, tiêu chuẩn vệ sinh và biện pháp quản lý sản xuất kinh doanh các sản phẩm đó do ngành hành chính y tế Quốc vụ viện xây dựng.

Điều 23: Những thực phẩm biểu thị có công dụng chăm sóc sức khỏe không được có hại đến sức khỏe con người, những nội dung trong bản hướng dẫn sử dụng của sản phẩm phải chân thực, công dụng và thành phần của sản phẩm phải nhất trí với bản hướng dẫn sử dụng, không được có giả dối.

Điều 24: Những thực phẩm, chất thêm vào thực phẩm và đồ đựng, vật liệu đóng gói và những dụng cụ khác chuyên dùng cho thực phẩm, nhà sản xuất phải qua kiểm nghiệm hợp cách theo tiêu chuẩn vệ sinh và biện pháp quản lý vệ sinh mới có thể xuất xưởng hoặc tiêu thụ.

Điều 25: Người sản xuất kinh doanh thực phẩm thu mua thực phẩm và nguyên liệu phải đòi lấy chứng nhận hợp cách kiểm nghiệm hoặc đơn xét nghiệm theo quy định hữu quan của Nhà nước, người tiêu thụ phải đảm bảo cung cấp cho. Phạm vi và chủng loại các chứng chỉ cần đòi lấy do ngành hành chính y tế của chính phủ nhân dân các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương quy định.

Điều 26: Những người sản xuất kinh doanh thực phẩm mỗi năm phải tiến hành kiểm tra sức khỏe; những người sản xuất kinh doanh thực phẩm mới tham gia công tác hoặc làm việc tạm thời phải tiến hành kiểm tra sức khỏe, sau khi được cấp thẻ sức khỏe mới có thể tham gia công tác.

Trường hợp những người mắc bệnh truyền nhiễm đường tiêu hóa (bao gồm người mang nguồn bệnh) như kiết lỵ, thương hàn, viêm gan siêu vi trùng, lao phổi tính hoạt động, bệnh da liễu mưng mủ và thấm nước ra cùng những bệnh khác ảnh hưởng đến vệ sinh thực phẩm, không được tiếp xúc công việc thực phẩm ăn uống trực tiếp.

Điều 27: Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thực phẩm và những người bán sạp thực phẩm phải có được trước giấy phép vệ sinh do ngành hành chính vệ sinh cấp mới có thể xin đăng ký với ngành quản lý hành chính công thương. Chưa có giấy phép vệ sinh không được hoạt động sản xuất kinh doanh thực phẩm.

Những người sản xuất kinh doanh thực phẩm không được làm giả, sửa xóa, cho thuê giấy phép vệ sinh.

Biện pháp cấp phát và quản lý giấy phép vệ sinh do ngành hành chính y tế của chính phủ nhân dân các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng.

Điều 28: Những người tổ chức chợ thực phẩm các loại phải chịu trách nhiệm quản lý vệ sinh thực phẩm trong chợ và xây dựng trong chợ các cơ sở vệ sinh công cộng, giữ gìn tình trạng vệ sinh môi trường tốt.

Điều 29: Công tác quản lý vệ sinh thực phẩm tại các chợ ở thành thị và nông thôn do do ngành quản lý hành chính công thương chịu trách nhiệm, công tác giám sát kiểm nghiệm vệ sinh thực phẩm do ngành hành chính y tế chịu trách nhiệm.

Điều 30: Nhập khẩu thực phẩm, chất thêm vào thực phẩm, đồ đựng, vật liệu đóng gói thực phẩm và dụng cụ thiết bị dùng cho thực phẩm phải phù hợp với quy định về tiêu chuẩn vệ sinh và biện pháp quản lý vệ sinh của Nhà nước.

Nhập khẩu những mặt hàng được nêu tại khoản trên do cơ quan giám sát kiểm nghiệm vệ sinh thực phẩm nhập khẩu tại các cửa khẩu tiến hành giám sát, kiểm nghiệm. Sau khi kiểm nghiệm hợp cách mới được nhập khẩu. Hải quan cho thông quan bằng giấy chứng nhận kiểm nghiệm hợp cách.

Khi khai báo kiểm nghiệm, các đơn vị nhập khẩu phải cung cấp những tài liệu và báo cáo kiểm nghiệm của nước (lãnh thổ) xuất khẩu về việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, chất thêm vào, chất hun hãm,...

Nhập khẩu các mặt hàng được nêu tại khoản 1 được kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn vệ sinh Nhà nước, trường hợp chưa có tiêu chuẩn Nhà nước, đơn vị nhập khẩu phải cung cấp những tài liệu đánh giá vệ sinh do ngành hoặc tổ chức y tế nước (lãnh thổ) xuất khẩu xuất trình, qua cơ quan giám sát kiểm nghiệm vệ sinh thực phẩm nhập khẩu cửa khẩu xét duyệt kiểm nghiệm và trình ngành hành chính y tế Quốc vụ viện phê chuẩn.

Điều 31: Xuất khẩu thực phẩm do ngành kiểm nghiệm hàng hóa xuất nhập khẩu Nhà nước tiến hành giám sát, kiểm nghiệm vệ sinh.

Hải quan cho thông quan bằng chứng nhận của ngành kiểm nghiệm hàng hóa xuất nhập khẩu Nhà nước.

CHƯƠNG VII: GIÁM SÁT VỆ SINH THỰC PHẨM

Điều 32: Ngành hành chính y tế Chính phủ Nhân dân địa phương cấp huyện trở lên thi hành chức trách giám sát vệ sinh thực phẩm trong phạm vi địa bàn mình.

Ngành chủ quản hành chính đường sắt, giao thông vận tải thành lập cơ quan giám sát vệ sinh thực phẩm, thi hành chức trách giám sát vệ sinh thực phẩm được ngành hành chính y tế Quốc vụ viện phối hợp với các ngành hữu quan của Quốc vụ viện quy định.

Điều 33: Chức trách của cơ quan giám sát vệ sinh thực phẩm là:

- a. Tiến hành việc theo dõi, kiểm nghiệm và chỉ đạo kỹ thuật vệ sinh thực phẩm;
- b. Hỗ trợ đào tạo các nhân viên sản xuất kinh doanh thực phẩm, giám sát việc kiểm tra sức khỏe cho những người sản xuất kinh doanh thực phẩm;
- c. Tuyên truyền kiến thức về vệ sinh, dinh dưỡng thực phẩm, đánh giá vệ sinh thực phẩm, công bố tình hình vệ sinh thực phẩm;
- d. Tiến hành thẩm tra vệ sinh đối với việc chọn địa điểm và thiết kế xây mới, mở rộng và cải tạo của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thực phẩm và tham gia nghiệm thu công trình;
- e. Tiến hành điều tra tai nạn ngộ độc thực vật và ô nhiễm thực phẩm và áp dụng những biện pháp kiểm soát;
- f. Truy cứu trách nhiệm các hành vi vi phạm Luật này, xử phạt hành chính theo pháp luật;

- g. Chịu trách nhiệm về các công việc giám sát vệ sinh thực phẩm khác.

Điều 34: Ngành hành chính y tế của chính phủ nhân dân cấp huyện trở lên thành lập giám sát viên vệ sinh thực phẩm. Những giám sát viên vệ sinh thực phẩm do nhân viên chuyên môn đủ tiêu chuẩn đảm nhiệm do ngành hành chính y tế cùng cấp cấp giấy chứng nhận.

Những giám sát viên vệ sinh thực phẩm thuộc đường sắt, giao thông vận tải do ngành chủ quản cấp trên cấp giấy chứng nhận.

Điều 35: Những giám sát viên vệ sinh thực phẩm thi hành nhiệm vụ do ngành hành chính y tế giao phó.

Giám sát viên vệ sinh thực phẩm phải nghiêm chỉnh thi hành pháp luật, làm tròn chức trách, không được mưu cầu lợi ích riêng bằng quyền lực.

Khi thi hành nhiệm vụ, giám sát viên vệ sinh thực phẩm có thể tìm hiểu tình hình của những người sản xuất kinh doanh thực phẩm, đòi cung cấp những tài liệu cần thiết, vào những nơi sản xuất kinh doanh để kiểm tra, lấy mẫu không phải trả giá theo quy định. Người sản xuất kinh doanh không được từ chối hoặc giấu diếm.

Giám sát viên vệ sinh thực phẩm có nghĩa vụ giữ bí mật đối với những tài liệu kỹ thuật do người sản xuất kinh doanh cung cấp.

Điều 36: Ngành hành chính y tế của Quốc vụ viện và chính phủ nhân dân các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương có thể xác định những đơn vị đủ điều kiện để làm đơn vị kiểm nghiệm vệ sinh thực phẩm theo nhu cầu, tiến hành kiểm nghiệm vệ sinh thực phẩm và đưa ra báo cáo kiểm nghiệm.

Điều 37: Trường hợp đã gây tai nạn ngộ độc thức ăn hoặc có bằng chứng chứng tỏ có thể dẫn đến tai nạn ngộ độc thức

ăn, ngành hành chính y tế của chính phủ nhân dân địa phương cấp huyện trở lên có thể áp dụng những biện pháp kiểm soát tạm thời sau đây đối với những người sản xuất kinh doanh thực phẩm:

- a. Niêm phong giữ lại những thực phẩm và nguyên liệu gây ngộ độc thức ăn hoặc có thể dẫn đến ngộ độc thức ăn;
- b. Niêm phong giữ lại những công cụ và dụng cụ dùng cho thực phẩm đã bị ô nhiễm và yêu cầu tiến hành tẩy rửa triệt khuẩn;

Qua kiểm nghiệm, thuộc về thực phẩm đã bị ô nhiễm để cho tiêu huỷ; những thực phẩm chưa bị ô nhiễm để cho bãi bỏ niêm phong.

Điều 38: Những đơn vị xảy ra ngộ độc thức ăn và những đơn vị đón nhận điều trị bệnh nhân, ngoài áp dụng những biện pháp khẩn cấp phải báo cáo kịp thời với ngành hành chính y tế trong địa bàn theo quy định hữu quan của Nhà nước.

Sau khi nhận được báo cáo, ngành hành chính y tế của chính phủ nhân dân địa phương cấp huyện trở lên phải kịp thời điều tra xử lý và áp dụng những biện pháp kiểm soát.

CHƯƠNG VIII: TRÁCH NHIỆM LUẬT PHÁP

Điều 39: Vi phạm quy định của Luật này, trường hợp sản xuất kinh doanh những thực phẩm không phù hợp với tiêu chuẩn vệ sinh, gây tai nạn ngộ độc thức ăn hoặc các bệnh từ nguồn thức ăn khác, yêu cầu ngừng sản xuất kinh doanh, tiêu huỷ những thực phẩm gây ngộ độc thức ăn hoặc các bệnh từ nguồn thức ăn khác, tịch thu thu nhập trái phép và xử phạt tiền gấp đôi trở lên, gấp 6 lần trở xuống của những thu nhập trái phép. Trường hợp không có thu nhập trái phép, xử phạt tiền từ 1 000 đồng nhân dân tệ đến 50 000 đồng nhân dân tệ.

Vi phạm quy định của Luật này, trường hợp sản xuất kinh doanh những thực phẩm không phù hợp với tiêu chuẩn vệ sinh, gây tai nạn ngộ độc thức ăn nghiêm trọng hoặc các bệnh nghiêm trọng từ nguồn thức ăn khác, gây tác hại nghiêm trọng

cho sức khỏe con người hoặc trong những thực phẩm sản xuất kinh doanh xen lẫn vào những nguyên liệu phi thực phẩm có độc có hại, truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật.

Trường hợp có một trong những hành vi nêu trong điều này, rút giấy phép vệ sinh.

Điều 40: Vi phạm quy định của Luật này, trường hợp hoạt động sản xuất kinh doanh thực phẩm chưa có giấy phép vệ sinh hoặc làm giả giấy phép vệ sinh, ra lệnh xoá bỏ, tịch thu thu nhập trái phép và xử phạt tiền từ gấp đôi đến gấp 4 lần trị giá bằng thu nhập trái phép. Không có thu nhập trái phép, xử phạt tiền từ 500 đồng Nhân dân tệ đến 30 000 đồng nhân dân tệ. Trường hợp sửa xoá, cho thuê giấy phép vệ sinh, thu hồi giấy phép vệ sinh, tịch thu thu nhập trái phép và xử phạt tiền từ gấp đôi đến gấp 4 lần bằng thu nhập trái phép; không có thu nhập trái phép xử phạt từ 500 đồng nhân dân tệ đến 10 000 đồng nhân dân tệ.

Điều 41: Vi phạm quy định của Luật này, trường hợp quá trình sản xuất kinh doanh thực phẩm không phù hợp với yêu cầu vệ sinh, ra lệnh sửa đổi dành cho cảnh cáo, có thể xử phạt tiền dưới 5 000 đồng nhân dân tệ, từ chối không sửa đổi hoặc có tình tiết nghiêm trọng khác, rút giấy phép vệ sinh.

Điều 42: Vi phạm quy định của Luật này, trường hợp sản xuất kinh doanh thực phẩm cấm sản xuất kinh doanh, ra lệnh ngừng sản xuất kinh doanh, lập tức thông cáo thu hồi những thực phẩm đã bán ra và tiêu huỷ những thực phẩm đó, tịch thu thu nhập trái phép và xử phạt tiền từ gấp đôi đến gấp 6 lần bằng thu nhập trái phép đó; không có thu nhập trái phép xử phạt tiền từ 1000 đồng Nhân dân tệ đến 50 000 đồng Nhân dân tệ. Trường hợp nghiêm trọng, rút giấy phép vệ sinh.

Điều 43: Vi phạm quy định của Luật này, trường hợp sản xuất kinh doanh những thực phẩm chính và phụ cung ứng riêng cho trẻ sơ sinh và trẻ con không phù hợp với tiêu chuẩn dinh

dưỡng, vệ sinh, ra lệnh ngừng sản xuất kinh doanh, lập tức thông cáo thu hồi những thực phẩm đã bán ra và tiêu huỷ những thực phẩm đó, tịch thu thu nhập trái phép, xử phạt tiền từ gấp đôi đến gấp 6 lần bằng thu nhập trái phép đó, không có thu nhập trái phép xử phạt tiền từ 1000 đồng đến 50 000 đồng nhân dân tệ, trường hợp nghiêm trọng, rút giấy phép vệ sinh.

Điều 44: Vi phạm quy định của Luật này, trường hợp sản xuất kinh doanh hạc sử dụng chất thêm vào thực phẩm, đồ đựng, bột liệu đóng gói thực phẩm và dụng cụ, thiết bị cũng như chất tẩy rửa, chất diệt khuẩn không phù hợp với quy định của tiêu chuẩn vệ sinh và biện pháp quản lý vệ sinh, ra lệnh ngừng sản xuất hoặc sử dụng, tịch thu thu nhập trái phép, xử phạt tiền gấp đôi trở lên, gấp 4 lần trở xuống bằng thu nhập trái phép đó, không có thu nhập trái phép xử phạt tiền 50 000 đồng nhân dân tệ trở xuống.

Điều 45: Vi phạm quy định của Luật này, trường hợp sản xuất kinh doanh những thực phẩm biểu thị có công dụng đặc thù chăm sóc sức khoẻ mà chưa được ngành hành chính y tế Quốc vụ viện xem xét phê chuẩn, hoặc nội dung hướng dẫn sử dụng thực phẩm đó giả dối, ra lệnh ngừng sản xuất kinh doanh, tịch thu thu nhập trái phép, xử phạt tiền từ gấp đôi đến gấp 6 lần bằng thu nhập trái phép đó, không có thu nhập trái phép xử phạt tiền từ 1000 đồng nhân dân tệ đến 50000 đồng nhân dân tệ trở xuống. Trường hợp nghiêm trọng, rút giấy phép vệ sinh.

Điều 46: Vi phạm quy định của Luật này, trường hợp không ghi rõ hoặc ghi giả dối những quy định như ngày sản xuất, thời hạn đảm bảo chất lượng trên ký hiệu đóng gói những thực phẩm và chất thêm vào thực phẩm đã định hình, hoặc vi phạm quy định không ghi ký hiệu bằng tiếng Trung văn, ra lệnh sửa đổi, có thể xử phạt tiền từ 500 đồng nhân dân tệ đến 10000 đồng nhân dân tệ.

Điều 47: Vi phạm quy định của Luật này, trường hợp những người sản xuất kinh doanh thực phẩm chưa có giấy chứng nhận sức khỏe mà sản xuất kinh doanh thực phẩm, hoặc những người sản xuất kinh doanh đang mắc bệnh không được tiếp xúc trực tiếp với những thực phẩm ăn uống trực tiếp, không đúng với quy định, ra lệnh sửa đổi, có thể xử phạt tiền tối đa không quá 5 000 đồng nhân dân tệ.

Điều 48: Vi phạm quy định của Luật này, trường hợp gây ngộ độc thức ăn hoặc mắc bệnh từ nguồn thức ăn khác, hoặc gây tổn hại cho người khác do hành vi khác vi phạm Luật này, phải chịu trách nhiệm bồi thường dân sự theo pháp luật.

Điều 49: Xử phạt hành chính theo quy định Luật này do ngành hành chính y tế của chính phủ nhân dân địa phương cấp huyện trở lên quyết định. Các cơ quan khác thi hành quyền giám sát vệ sinh thực phẩm theo quy định Luật này, trong phạm vi chức trách được quy định, đưa ra quyết định xử phạt hành chính theo quy định của Luật này.

Điều 50: Trường hợp đương sự bất phục đối với quyết định xử phạt hành chính, có thể xin phúc nghị với cơ quan cấp trên của cơ quan đưa ra quyết định xử phạt trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo xử phạt, đương sự cũng có thể trực tiếp khởi tố lên toà án nhân dân trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo xử phạt.

Cơ quan phúc nghị phải đưa ra quyết định phúc nghị trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn xin phúc nghị. Trường hợp đương sự không đồng ý với quyết định phúc nghị, có thể khởi tố lên toà án nhân dân trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định phúc nghị.

Trường hợp đương sự vượt quá thời hạn không xin phúc nghị cũng không khởi tố lên toà án Nhân dân, lại không thi hành quyết định xử phạt, cơ quan đưa ra quyết định xử phạt có thể xin toà án nhân dân thi hành cưỡng chế.

Điều 51: Ngành hành chính y tế vi phạm quy định của Luật này, trường hợp cấp giấy phép vệ sinh cho những người sản xuất kinh doanh không đủ điều kiện, xử lý hành chính đối với người có trách nhiệm trực tiếp; thu hồi lộ, cấu thành phạm tội, truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật.

Điều 52: Trường hợp nhân viên giám sát quản lý vệ sinh thực phẩm lạm dụng chức quyền, không làm tròn chức trách, làm cản bậy gian lận mưu lợi riêng, gây sự cố nghiêm trọng, cấu thành phạm tội, truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật; không cấu thành phạm tội, xử lý hành chính theo pháp luật.

Điều 53: Trường hợp cản trở bằng phương pháp bạo lực, đe dọa những nhân viên giám sát quản lý vệ sinh thực phẩm thi hành chức trách nhiệm vụ theo pháp luật, truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật, trường hợp không sử dụng phương pháp bạo lực, đe dọa để từ chối, cản trở nhân viên giám sát quản lý vệ sinh thực phẩm, do cơ quan công an xử phạt theo quy định của Quy chế xử phạt về quản lý trị an.

CHƯƠNG IX: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 54: Những từ ngữ sau đây trong luật được hiểu là:

Thực phẩm: chỉ các loại thành phẩm và nguyên liệu cung cấp cho con người ăn hoặc uống cùng vật phẩm theo truyền thống vừa là thực phẩm vừa là dược phẩm những không bao gồm vật phẩm với mục đích điều trị.

Chất phụ gia thực phẩm: Chỉ những vật chất hợp thành hóa học hoặc thiên nhiên thêm vào thực phẩm để cải thiện phẩm chất về màu sắc, thơm ngon, mùi vị của thực phẩm cũng như nhu cầu về chống mục và công nghệ chế biến thực phẩm.

Chất xúc tác dinh dưỡng: Chỉ chất thêm vào thực phẩm thuộc phạm vi chất dinh dưỡng thiên nhiên hợp thành nhân tạo để tăng cường thành phần dinh dưỡng mà thêm vào trong thực phẩm.

Đồ đựng, vật liệu đóng gói thực phẩm: Chỉ các sản phẩm làm bằng giấy, tre, gỗ, kim loại, sứ tráng men, gốm sứ, nhựa, cao su, sợi thiên nhiên, sợi hóa chất, thủy tinh dùng để đóng gói, chứa đựng thực phẩm và vật liệu sơn quét tiếp xúc với thực phẩm.

Dụng cụ, thiết bị dùng cho thực phẩm: Chỉ máy móc, đường ống, băng tải, đồ đựng, dụng cụ, bộ đồ ăn tiếp xúc với thực phẩm trong quá trình sản xuất kinh doanh thực phẩm.

Sản xuất kinh doanh thực phẩm: Chỉ tất cả các hoạt động sản xuất (không bao gồm nghề trồng trọt và nghề nuôi trồng), thu thập, thu mua, chế biến, cất giữ, vận chuyển, trưng bày, cung ứng, tiêu thụ thực phẩm.

Người sản xuất kinh doanh thực phẩm: Chỉ tất cả mọi đơn vị hoặc cá nhân sản xuất kinh doanh thực phẩm, bao gồm nhà ăn công nhân viên chức, người bán sạp thực phẩm,...

Điều 55: Các biện pháp quản lý thực phẩm xuất khẩu do ngành kiểm nghiệm hàng hóa xuất nhập khẩu Nhà nước phối hợp với ngành hành chính y tế và các ngành hành chính hữu quan của Quốc vụ viện ấn định riêng.

Điều 56: Biện pháp quản lý vệ sinh thực phẩm chuyên cung cấp cho quân đội và thực phẩm quân đội tự cung cấp do Ủy ban Quân sự Trung ương ấn định theo Luật này.

Điều 57: Luật vệ sinh thực phẩm nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (thi hành tạm thời) bị bãi bỏ kể từ ngày ban hành Luật này.

LUẬT KIỂM DỊCH VỆ SINH TẠI BIÊN GIỚI, CỦA KHẨU NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

(Kỳ họp thứ 18 Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khoá 6 thông qua ngày 2 tháng 12 năm 1986. Ban hành theo số 46 lệnh của Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa ngày 2 tháng 12 năm 1986)

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Nhằm phòng chống bệnh truyền nhiễm từ nước ngoài truyền vào hoặc từ trong nước truyền đi, thực hiện kiểm dịch vệ sinh tại biên giới, cửa khẩu bảo vệ sức khoẻ con người ấn định Luật này.

Điều 2: Tại các cửa cảng, sân bay đi lại với quốc tế cùng những cửa khẩu biên giới trên đất liền và các đường sông biên giới quốc gia của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa (sau đây gọi tắt là cửa khẩu biên giới quốc gia) thành lập cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia, thực hiện việc kiểm dịch, theo dõi bệnh truyền nhiễm và giám sát vệ sinh theo quy định của Luật này. Ngành hành chính y tế Quốc vụ viện chủ quản công tác kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia của cả nước.

Điều 3: Bệnh truyền nhiễm được quy định tại Luật này là chỉ kiểm dịch bệnh truyền nhiễm và theo dõi bệnh truyền nhiễm. Kiểm dịch bệnh truyền nhiễm là chỉ bệnh dịch hạch, dịch tả, bệnh sốt vàng và những bệnh truyền nhiễm khác do Quốc vụ viện xác định và công bố. Theo dõi bệnh truyền nhiễm do ngành hành chính y tế Quốc vụ viện xác định và công bố.

Điều 4: Nhân viên, phương tiện giao thông, thiết bị vận tải nhập cảnh, xuất cảnh và những vật phẩm như hành lý, hàng

hoá, bưu kiện ... có khả năng lây lan bệnh truyền nhiễm dịch, đều phải tiếp nhận kiểm dịch. Sau khi được phép của cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia mới được nhập cảnh hoặc xuất cảnh, các biện pháp cụ thể chi tiết trong hướng dẫn thực hiện Luật này quy định.

Điều 5: Khi cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia phát hiện bệnh truyền nhiễm kiểm dịch hoặc chưa xác định được bệnh truyền nhiễm kiểm dịch, ngoài việc áp dụng những biện pháp cần thiết, phải lập tức thông báo với ngành hành chính y tế của địa phương mình, đồng thời báo cáo với ngành hành chính y tế Quốc vụ viện bằng phương pháp nhanh nhất, nếu chậm không được vượt quá 24 giờ. Ngành bưu điện phải ưu tiên chuyển gửi báo cáo về tình hình dịch bệnh. Việc thông báo tình hình dịch bệnh truyền nhiễm giữa nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa với các nước do ngành hành chính y tế Quốc vụ viện phối hợp với các ngành hữu quan tiến hành.

Điều 6: Khi xảy ra bệnh truyền nhiễm kiểm dịch lan rộng ở nước ngoài hoặc ở trong nước, Quốc vụ viện có thể ra lệnh phong toả biên giới quốc gia hoặc áp dụng các biện pháp khẩn cấp khác.

CHƯƠNG II: KIỂM DỊCH

Điều 7: các phương tiện giao thông và nhân viên nhập cảnh, phải tiếp nhận kiểm dịch tại địa điểm chỉ định ở cửa khẩu biên giới quốc gia đến đầu tiên. Ngoài hoa tiêu chưa được phép của cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia, bất cứ người nào không được lên xuống phương tiện giao thông, không được bốc xếp hành lý, hàng hoá bưu kiện. Các biện pháp cụ thể chi tiết do hướng dẫn thực hiện Luật này quy định.

Điều 8: Các phương tiện giao thông và nhân viên xuất cảnh, phải tiếp nhận kiểm dịch tại cửa khẩu biên giới quốc gia rời khỏi cuối cùng.

Điều 9: Khi các tàu thuyền, phương tiện hàng không vì trục trặc cập bến, hạ cánh tại địa điểm không tại cửa khẩu trên đất TQ, người phụ trách của tàu thuyền, dụng cụ hàng không phải lập tức báo cáo với cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia gần nhất và ngành hành chính y tế địa phương. Trường hợp khẩn cấp, chưa được phép của cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia và ngành hành chính y tế địa phương, bất cứ người nào không được lên xuống tàu thuyền, dụng cụ hàng không, không được bốc dỡ hàng lý, hàng hoá, bưu kiện...

Điều 10: Trường hợp cửa khẩu biên giới quốc gia phát hiện bệnh truyền nhiễm, kiểm dịch nghi ngờ là bệnh truyền nhiễm kiểm dịch hoặc có người chết vì bệnh tật bất ngờ và nguyên nhân bị chết không được rõ, đơn vị hữu quan của cửa khẩu biên giới quốc gia và người phụ trách của phương tiện giao thông phải lập tức báo cáo với cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia và xin kiểm dịch tạm thời.

Điều 11: Dựa trên cơ sở kết quả kiểm dịch của y bác sĩ kiểm dịch, cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia ký và phát giấy chứng nhận kiểm dịch nhập cảnh hoặc chứng nhận kiểm dịch xuất cảnh cho những phương tiện giao thông chưa lây nhiễm bệnh truyền nhiễm kiểm dịch hoặc đã tiến hành xử lý vệ sinh.

Điều 12: Đối với những người bị lây nhiễm bệnh truyền nhiễm, cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia phải lập tức cách ly người đó, thời hạn cách ly được xác định theo kết quả kiểm tra về y học, đối với những người bị nghi ngờ là bị lây nhiễm bệnh truyền nhiễm kiểm dịch phải giữ người đó lại để kiểm tra xét nghiệm. Thời hạn giữ lại để kiểm tra xét nghiệm được xác định theo thời kỳ ủ bệnh của căn bệnh truyền nhiễm đó.

Thi thể tử vong do mắc bệnh truyền nhiễm kiểm dịch, phải hoả táng tại nơi gần nhất.

Điều 13: Các phương tiện giao thông tiếp nhận kiểm dịch nhập cảnh, có một trong những trường hợp sau đây phải tiến hành xử lý triệt khuẩn, diệt chuột, trừ sâu, hoặc xử lý vệ sinh khác:

- a. Đến từ vùng dịch bệnh truyền nhiễm kiểm dịch.
- b. Bị nhiễm bản bệnh truyền nhiễm kiểm dịch.
- c. Phát hiện có động vật gặm nhấm hoặc các côn trùng mang bệnh liên quan đến sức khoẻ con người.

Nếu người phụ trách của phương tiện giao thông nước ngoài từ chối xử lý vệ sinh, trừ trường hợp đặc biệt, cho phép phương tiện giao thông đó phải lập tức rời khỏi biên giới quốc gia nước CHND Trung Hoa dưới sự giám sát của cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia.

Điều 14: Đối với những vật phẩm như hành lý, hàng hoá, bưu kiện... đến từ vùng dịch bệnh, bị nhiễm bản do bệnh truyền nhiễm dịch bệnh hoặc có thể trở thành một trường lây lan dịch bệnh truyền nhiễm kiểm dịch. Cơ quan kiểm dịch biên giới quốc gia phải tiến hành kiểm tra vệ sinh, triệt khuẩn, diệt chuột, trừ sâu hoặc những xử lý vệ sinh khác.

Người gửi hoặc người đại diện của người gửi nhập cảnh, xuất cảnh thi thể, hài cốt, phải khai báo với cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia, sau kiểm tra vệ sinh đạt yêu cầu cấp phép nhập cảnh, xuất cảnh, mới có thể chở vào hoặc chở đi.

CHƯƠNG III: THEO DÕI BỆNH TRUYỀN NHIỄM

Điều 15: Cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia tiến hành theo dõi bệnh truyền nhiễm đối với những người nhập cảnh, xuất cảnh, và áp dụng những biện pháp cần thiết để phòng ngừa và kiểm soát.

Điều 16: Cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia có quyền yêu cầu những người nhập cảnh, xuất cảnh điền vào tờ khai sức khoẻ, xuất trình chứng nhận tiêm chủng phòng chống

bệnh truyền nhiễm nào đó, chứng nhận sức khoẻ và những chứng nhận liên quan khác.

Điều 17: Đối với những người mắc bệnh truyền nhiễm, những người đến từ vùng lây lan bệnh truyền nhiễm ở nước ngoài, hoặc những người tiếp xúc mật thiết với những người mắc bệnh truyền nhiễm, cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia nên xem xét theo từng trường hợp khác nhau cấp thẻ khám chữa bệnh, tiến hành giữ lại để kiểm tra hoặc áp dụng những biện pháp phòng ngừa kiểm soát khác và thông báo kịp thời cho ngành hành chính y tế địa phương. Các đơn vị y tế ở các địa phương nên ưu tiên chuẩn bị cho những người cầm thẻ khám chữa bệnh.

CHƯƠNG IV: GIÁM SÁT VỆ SINH

Điều 18: Cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia tiến hành giám sát vệ sinh đối với tình trạng vệ sinh tại các cửa khẩu biên giới quốc gia và tình trạng vệ sinh của những phương tiện giao thông nhập cảnh, xuất cảnh đang đỗ tại các cửa khẩu biên giới quốc gia theo tiêu chuẩn vệ sinh được quy định của Nhà nước.

- a. Giám sát và chỉ đạo nhân viên hữu quan tiến hành phòng ngừa dịch bệnh và triệt khuẩn đối với những động vật gặm nhấm, những côn trùng là nguyên nhân gây bệnh.
- b. Kiểm tra và kiểm nghiệm thực phẩm, nước uống và các cơ sở cất giữ, cung ứng, vận tải.
- c. Theo dõi tình hình sức khoẻ của nhân viên trong ngành cung ứng thực phẩm, nước uống, kiểm tra giấy chứng nhận sức khoẻ của họ.
- d. Giám sát và kiểm tra việc xử lý rác thải, chất thải, nước bẩn, phân và nước giải, nước đọng trong ca-bin.

Điều 19: Cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia thiết lập đội ngũ giám sát viên, thi hành nhiệm vụ do cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia giao cho.

Trong khi tiến hành nhiệm vụ, giám sát viên vệ sinh cửa khẩu biên giới quốc gia có quyền giám sát và chỉ đạo kỹ thuật vệ sinh đối với cửa khẩu biên giới quốc gia và những phương tiện giao thông nhập cảnh, xuất cảnh, đưa ra ý kiến cải tiến đối với tình trạng vệ sinh kém và những yếu tố có thể gây lây lan bệnh truyền nhiễm, phối hợp với các ngành hữu quan áp dụng biện pháp cần thiết để xử lý vệ sinh.

CHƯƠNG V: TRÁCH NHIỆM VỀ PHÁP LUẬT

Điều 20: Vi phạm quy định của Luật này, các đơn vị hoặc cá nhân có một trong những hành vi sau đây, cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia có thể cảnh báo hoặc phạt tiền theo tình tiết nặng nhẹ:

- a. Trường hợp trốn kiểm dịch, che giấu tình hình thực sự với cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia.
- b. Những người nhập cảnh chưa được phép của cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia, tự lên xuống phương tiện giao thông, bốc dỡ những vật phẩm như hành lý, hàng hoá, bưu kiện, không chấp hành quy định.

Toàn bộ số tiền phạt nộp cho ngân sách Nhà nước.

Điều 21: Đương sự không đồng ý với quyết định phạt tiền của cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia có thể khởi tố lên toà án nhân dân địa phương trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Quá thời hạn mà không khởi tố nhưng không chấp hành nộp phạt, cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia có thể đề nghị toà án nhân dân thi hành cưỡng chế.

Điều 22: Trường hợp vi phạm quy định của Luật này, gây ra bệnh truyền nhiễm kiểm dịch hoặc gây nguy cơ nghiêm trọng lây lan bệnh truyền nhiễm kiểm dịch, truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định điều 178 “Luật hình sự nước CHND Trung Hoa”.

Điều 23: Nhân viên công tác của cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, làm tròn chức trách, kiểm dịch kịp thời đối với các phương tiện giao thông, và những người nhập cảnh, xuất cảnh. Nếu vi phạm pháp luật và không làm tròn chức trách sẽ bị xử lý hành chính. Căn cứ tình tiết nghiêm trọng và cấu thành tội phạm, truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật.

CHƯƠNG VI: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 24: Trường hợp các điều ước quốc tế kiểm dịch vệ sinh mà nước CHND Trung Hoa ký kết hoặc tham gia khác với quy định của Luật này, sử dụng quy định của những điều ước quốc tế đó. Nhưng trừ những điều khoản mà nước CHND Trung Hoa tuyên bố bảo lưu.

Điều 25: Việc đi lại tại khu biên giới giữa cơ quan biên phòng nước CHND Trung Hoa với cơ quan biên phòng của nước láng giềng, việc đi lại tạm thời của cư dân ở Khu vực biên giới hai nước tại khu vực chỉ định ở biên giới, kiểm dịch nhập cảnh, xuất cảnh các phương tiện giao thông và người của hai bên, thực hiện theo Hiệp định của hai bên, trường hợp không có hiệp định, làm theo quy định hữu quan của chính phủ TQ.

Điều 26: Việc kiểm dịch vệ sinh của cơ quan kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia, thu phí theo quy định của Nhà nước.

Điều 27: Ngành hành chính y tế của Quốc vụ viện xây dựng chi tiết thực hiện theo Luật này, thực hiện sau khi trình Quốc vụ viện phê chuẩn.

Điều 28: Luật này bắt đầu thực hiện kể từ ngày 1 tháng 5 năm 1987. “Quy chế kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia nước CHND Trung Hoa” ban hành ngày 23 tháng 12 năm 1957 bị bãi bỏ.

VẤN ĐỀ KIỂM DỊCH KIỂM NGHIỆM ĐỘNG VẬT THỦY SINH NHẬP CẢNH ĐÃ ĐƯỢC QUY PHẠM

(Thực hiện từ 1/11/2003)

Để phòng tránh bệnh dịch từ động vật thủy sinh truyền vào TQ, bảo đảm an toàn sản xuất ngành cá, sức khỏe con người và môi trường sinh thái, nay Tổng cục kiểm dịch kiểm nghiệm chất lượng Quốc gia TQ công bố “**Biên pháp quản lý kiểm dịch kiểm nghiệm động vật thủy sinh nhập cảnh**”, bắt đầu thực hiện từ 1/11/2003.

Trong biên pháp này, động vật thủy sinh được hiểu là chỉ cá (bao gồm tinh dịch, trứng), nhuyễn thể, giáp xác động vật thủy sinh sống được nuôi trồng nhân tạo.

Việc kiểm dịch kiểm nghiệm các loài động vật thủy sinh lưỡng thể và động vật thủy sinh bò nhập cảnh, động vật thủy sinh hoang dã nhập cảnh cũng sẽ được tham chiếu Biên pháp này để tiến hành. Trừ nhu cầu đặc thù nhằm phục vụ nghiên cứu khoa học và nhập khẩu nguồn giống tốt ra, biên pháp này yêu cầu hạn chế nhập khẩu động vật thủy sinh hoang dã làm giống.

PHÂN TÍCH RỦI RO NHẬP CẢNH VÀ XÉT DUYỆT KIỂM DỊCH

Tổng cục kiểm dịch kiểm nghiệm chất lượng Quốc gia TQ căn cứ vào những quy định trong “Quy định quản lý phân tích rủi ro đối với động vật và sản phẩm từ động vật nhập cảnh”, căn cứ vào những tài liệu, tin tức liên quan đến các vấn đề như nuôi trồng thủy sản, kiểm dịch kiểm nghiệm, khống chế bệnh dịch của cơ quan chính thức của nước hoặc khu vực xuất khẩu động vật thủy sinh cung cấp, triển khai công việc phân tích rủi ro động vật thủy sinh nhập cảnh.

Chủ hàng hoặc người đại lý động vật thủy sinh nhập cảnh phải làm thủ tục xét duyệt kiểm dịch căn cứ theo những quy định trong “Biện pháp quản lý xét duyệt kiểm dịch động vật nhập cảnh” để có được “Giấy phép kiểm dịch động vật nhập cảnh nước CHND Trung Hoa” (gọi tắt là “Giấy phép kiểm dịch”).

YÊU CẦU VỆ SINH KIỂM DỊCH TRƯỚC KHI VẬN CHUYỂN

Quốc gia hoặc khu vực xuất khẩu động vật thủy sinh sang TQ phải báo cáo không phát hiện có bệnh dịch động vật thủy sinh trong vòng 12 tháng trước đó theo quy định của Tổ chức y tế động vật quốc tế và báo cáo tình hình bệnh dịch động vật thủy sinh theo quy định của cơ quan chủ quản hữu quan của TQ.

Động vật thủy sinh nhập cảnh vào TQ phải đến từ nơi nuôi trồng đã được đăng ký chính thức tại nước hoặc khu vực xuất khẩu. Nơi nuôi trồng này phải được giám sát kiểm dịch nghiêm ngặt do cơ quan chính thức của nước hoặc khu vực xuất khẩu, đồng thời phải căn cứ vào những phương pháp và tiêu chuẩn quy định trong “Luật điển vệ sinh động vật thủy sinh Quốc tế”. Đối với bệnh dịch được ghi trong “Luật điển vệ sinh động vật thủy sinh quốc tế”, liên tục kiểm tra trong 2 năm trở lên không phát hiện thấy bệnh dịch liên quan.

Trong phạm vi 1km xung quanh nơi nuôi trồng động vật thủy sinh xuất khẩu phải không có Nhà máy gia công hàng thủy sản, đồng thời phải có thiết bị phòng tránh động vật thủy sinh khu vực khác xâm nhập vào, chất lượng nước không được thấp hơn tiêu chuẩn chất lượng nước nuôi trồng trong ngành cá theo quy định của TQ.

Nơi nuôi trồng động vật thủy sinh làm thực phẩm để xuất khẩu phải bảo đảm không bị gây ô nhiễm và không bị ô nhiễm hoá học hoặc vật lý có hại cho sức khỏe con người.

Động vật thủy sinh nhập vào TQ phải cách ly nuôi trồng không ít hơn 14 ngày được xác nhận bởi cơ quan chính thức

của nước hoặc khu vực xuất khẩu. Trong thời gian kiểm dịch động vật thủy sinh nhập vào TQ không được tiếp xúc hoặc nuôi cùng với động vật hoang dã khác.

TRÚNG ĐỘNG VẬT THỦY SINH XUẤT KHẨU PHẢI LẤY TỪ GIỐNG KHOẺ MẠNH

Cơ quan kiểm dịch của Quốc gia hoặc khu vực xuất khẩu phải xuất trình *Giấy chứng nhận sức khỏe động vật thủy sinh xuất khẩu vào TQ*. Trước khi xuất khẩu động vật thủy sinh vào TQ, không được có bất cứ bệnh truyền nhiễm động vật và bệnh dịch nào. Động vật thủy sinh dùng làm giống hoặc làm cảnh phải sử dụng thuốc để tiêu độc, phòng tránh các bệnh truyền nhiễm và bệnh phải có hiệu quả do cơ quan chính thức của nước hoặc khu vực xuất khẩu phê duyệt.

YÊU CẦU VỀ BAO BÌ

Bao bì đựng động vật thủy sinh nhập vào TQ phải mới hoàn toàn hoặc đã được tiêu độc, phù hợp với yêu cầu của TQ. Tiến hành kiểm tra mã số trên bao bì, mẫu động vật thủy sinh, số lượng trọng lượng, bao bì bên trong. Dung tích mỗi một bao bì chỉ nên chứa một loại động vật thủy sinh, số lượng phù hợp, có thể đáp ứng với yêu cầu tiêu chuẩn.

Bao bì chứa nước phải phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng nước nghề cá, không được chứa những động vật gây hại và vật chất có độc hại khác và thực vật thủy sinh dễ gây ô nhiễm môi trường sinh thái.

Nguyên liệu lót phải qua xử lý hoặc không được đem những vi trùng động thực vật có hại và động vật gây hại, đồng thời phải vô hại đối với môi trường sinh thái.

Khi động vật thủy sinh vận chuyển đến cửa khẩu nhập cảnh, chủ hàng hoặc người đại lý phải báo kiểm với cơ quan kiểm nghiệm kiểm dịch căn cứ theo quy định hữu quan. Cơ quan kiểm nghiệm kiểm dịch kiểm tra “Giấy phép kiểm dịch”,

Giấy chứng nhận sức khoẻ của động vật đã được cơ quan chính thức của nước hoặc khu vực xuất khẩu cấp.

Giấy chứng nhận sức khoẻ động vật có hiệu lực nhưng không phải do cơ quan chính thức của nước hoặc khu vực xuất khẩu cấp, hoặc làm thủ tục xét duyệt kiểm dịch không đúng theo quy định, cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm căn cứ vào tình hình cụ thể, tiến hành trả lại hàng động vật thuỷ sinh nhập cảnh về nước hoặc xử lý tiêu huỷ.

Nhân viên kiểm dịch kiểm nghiệm thực hiện kiểm dịch tại hiện trường đối với động vật thuỷ sinh nhập cảnh, kiểm tra hàng hoá, giấy chứng nhận có phù hợp hay không, nắm bắt được tình hình vận chuyển động vật thuỷ sinh, kiểm tra tình hình bao bì có bị hư hỏng hay không, tiến hành kiểm tra tổng thể, khi cần thiết có thể mở bao bì ra để kiểm tra.

Cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm tại cửa khẩu nhập cảnh căn cứ vào tình hình kiểm dịch kiểm nghiệm tại hiện trường, tiến hành xử lý đối với động vật thuỷ sinh nhập cảnh như sau:

1. Phát hiện thấy tỷ lệ động vật thuỷ sinh chết không vượt quá 50% (bao gồm cả 50%), sau khi xử lý tiêu độc bao bì bên ngoài, ký “Giấy thông quan hàng, vật nhập cảnh”, cùng với hàng vận chuyển đến nơi kiểm dịch kiểm nghiệm chỉ định.
2. Phát hiện thấy tỷ lệ chết trên 50%, xử lý trả về hoặc tiêu huỷ, đối với động vật thuỷ sinh dùng làm giống với số lượng nhập khẩu tương đối ít thì xem xét vào tình hình cụ thể để đưa ra cách xử lý giải quyết.
3. Đối với động vật thuỷ sinh đến từ khu vực có bệnh dịch, tiến hành xử lý vệ sinh và tiêu huỷ.
4. Phát hiện thấy bao bì bị hư hỏng và bị thủng, yêu cầu chủ hàng hoặc người đại lý tiến hành thanh lý bao bì, đổi bao bì hoặc tiến hành tiêu huỷ động vật thuỷ sinh trong bao bì bị hỏng đó và đồng thời tiến hành tiêu độc tại hiện trường.
5. Tại hiện trường cần phải thay bao bì, cho thêm nước hoặc thay nước, chất lượng nước phải đạt được tiêu chuẩn chất lượng ngư nghiệp theo quy định của TQ, đồng thời tiến hành xử lý tiêu độc. Tiến hành xử lý tiêu độc đối với bao

bì cũ bị hỏng, bao bì đã sử dụng hoặc nguyên liệu lót bao bì.

6. Sau khi động vật thủy sinh nhập cảnh vận chuyển đến đích, chủ hàng hoặc người đại lý phải báo cho cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm nơi đó. Cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm kiểm tra hàng và xử lý vô hại hoá đối với hàng động vật thủy sinh đã chết, đồng thời tiến một bước thực hiện kiểm dịch kiểm nghiệm đối với động vật thủy sinh sống.

*** Đối với động vật thủy sinh nhập cảnh dùng làm giống hoặc làm cảnh**

Xử lý tiêu độc đối với bao bì cũ, nước trong bao bì để đựng động vật thủy sinh. Tiến hành cách ly kiểm dịch nơi nuôi trồng được chỉ định. Việc quản lý điều kiện nơi cách ly kiểm dịch và thời gian cách ly kiểm dịch phải phù hợp với quy định hữu quan của Tổng cục kiểm dịch kiểm nghiệm chất lượng Quốc gia TQ.

Đối với thời gian cách ly kiểm dịch: cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm phải thực hiện việc kiểm dịch kiểm nghiệm theo yêu cầu “Giấy phép kiểm dịch” và những quy định liên quan khác.

Khi thời gian cách ly đã hết, trong trường hợp kiểm dịch kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn, xoá bỏ trạng thái cách ly, cho phép đơn vị nhập khẩu thả vào môi trường nuôi trồng hoặc tiêu thụ; trong trường hợp kiểm dịch không đạt tiêu chuẩn, toàn bộ động vật mà khi thực hiện cách ly đều phải giết tiêu huỷ, đồng thời tiến hành tiêu độc nơi cách ly và nước.

*** Đối với động vật thủy sinh nhập khẩu dùng làm thực phẩm**

Tiến hành xử lý tiêu độc đối với bao bì, nước được trong bao bì hoặc nguyên liệu chứa đựng khác.

Căn cứ vào yêu cầu trong “Giấy phép kiểm dịch” và những quy định liên quan khác, lấy mẫu sản phẩm tiến hành kiểm dịch kiểm nghiệm. Sau khi lấy mẫu, động vật thủy sinh có thể tiêu thụ hoặc điều tiết tiêu dùng.

Cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm phát hiện động vật thuỷ sinh nhập cảnh không phù hợp với yêu cầu về kiểm dịch kiểm nghiệm của TQ, phải báo cáo cho Tổng cục kiểm dịch kiểm nghiệm chất lượng Quốc gia kết quả kiểm dịch kiểm nghiệm, đồng thời căn cứ vào quy định của “Quy định chi tiết về việc thực hiện phân tích rủi ro kiểm dịch kiểm nghiệm động thực vật xuất nhập cảnh”, tiến hành kiểm tra hệ thống rủi ro nhập cảnh, tiến hành nhanh kiểm dịch kiểm nghiệm đối với động vật thuỷ sinh nhập cảnh từ cùng một quốc gia hoặc khu vực./.

BIỆN PHÁP GIÁM SÁT VỆ SINH TẠI CÁC CỬA KHẨU BIÊN GIỚI QUỐC GIA NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

*(Quốc Vụ Viện phê chuẩn ngày 30 tháng 12 năm 1981. Bộ Y
tế, Bộ Giao thông, Tổng cục hàng không dân dụng Trung Quốc,
Bộ Đường sắt ban hành ngày 04 tháng 02 năm 1982)*

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Để tăng cường công tác giám sát vệ sinh tại các cửa khẩu biên giới quốc gia và đối với các phương tiện giao thông đi lại trên quốc tế, cải thiện diện mạo vệ sinh của các cửa khẩu biên giới quốc gia và các phương tiện giao thông, kiểm soát và xoá bỏ nguồn truyền nhiễm, cắt đứt kênh lây lan, phòng chống bệnh truyền nhiễm truyền vào từ nước ngoài và truyền đi từ trong nước, bảo vệ sức khỏe của nhân dân, căn cứ quy định của điều 3 “Quy chế kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa” (Ghi chú 1) xây dựng biện pháp này.

Điều 2. Biện pháp này thích hợp sử dụng tại các cửa sông, sân bay, bến xe nhà ga, cửa ngõ (sau đây được gọi là phương tiện giao thông) đi lại trên quốc tế lưu lại tại những nơi trên.

CHƯƠNG II. CÁC YÊU CẦU VỆ SINH TẠI CỬA KHẨU BIÊN GIỚI QUỐC GIA

Điều 3. Các cửa khẩu biên giới quốc gia phải xây dựng chế độ quét dọn vệ sinh, xoá bỏ nơi sinh nở ruồi muỗi, lấp đặt thùng đựng đồ bẩn, định kỳ thanh lý, giữ gìn sạch sẽ môi trường.

Điều 4. Rác sinh hoạt tại các cửa khẩu biên giới quốc gia nên sản sinh ngày nào thanh lý ngày đấy, bãi rác cố định dọn

sạch; nước thải sinh hoạt không được tùy tiện thải ra, phải có xử lý vô độc, nhằm phòng chống nhiễm bẩn môi trường và nguồn nước.

Điều 5. Đối với các vật kiến trúc tại các cửa khẩu biên giới quốc gia, các ngành hữu quan phải áp dụng những biện pháp thiết thực, kiểm soát các côn trùng, động vật bộ gặm nhấm gây bệnh, làm cho số lượng của chúng giảm xuống đến mức không gây tác hại.

Điều 6. Mặt sàn nhà các phòng chờ tàu, máy bay; xe, phòng chờ kiểm dịch phải sạch sẽ, tường không có bụi bặm, cửa sổ sáng sạch, thông gió tốt và có những thiết bị vệ sinh cần thiết.

Điều 7. Các nhà hàng, nhà ăn, nhà bếp, quầy bán hàng tại cửa khẩu biên giới quốc gia phải xây dựng và kiên toàn chế độ vệ sinh, thường xuyên giữ gìn sạch gọn. Vách tường, trần nhà, bàn ghế phải sạch sẽ không có bụi, phải có những thiết bị phòng muỗi, ruồi chuột và thiết bị ướp lạnh, trong nhà phải không có muỗi, ruồi chuột, con gián.

Điều 8. Các nhà vệ sinh và phòng tắm tại cửa khẩu biên giới quốc gia phải có người quản lý riêng, quét dọn kịp thời, giữ gìn sạch sẽ, không có ruồi, không có mùi hôi.

Điều 9. Các kho tàng, bãi hàng tại cửa khẩu biên giới quốc gia phải giữ gìn sạch sẽ gọn gàng; khi phát hiện các con chuột chết bất thường, phải báo cáo kịp thời với cơ quan kiểm dịch vệ sinh hoặc ngành phòng dịch vệ sinh địa phương.

Điều 10. Làm tốt công tác bảo vệ nguồn nước ở cửa khẩu biên giới quốc gia, trong phạm vi đường kính 30 mét của nguồn nước, không được xây các cơ sở nhiễm bẩn nguồn nước như nhà vệ sinh, giếng thấm.v.v...

CHƯƠNG III. YÊU CẦU VỆ SINH VỀ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG

Điều 11. Trên các phương tiện giao thông, phải chuẩn bị thuốc cấp cứu, thiết bị cấp cứu và đồ dùng triệt khuẩn, trừ sâu, diệt chuột. Khi cần thiết, trên các tàu thuyền cần phải bố trí phòng cách li tạm thời.

Điều 12. Việc phòng ngừa và diệt trừ các côn trùng và động vật bộ gặm nhấm lây bệnh trên các phương tiện giao thông:

- a. Trên các tàu thuyền, máy bay, tàu hoả phải có đủ số lượng và hiệu quả những thiết bị phòng chống chuột, phải giữ gìn không có chuột hoặc số lượng chuột chưa đủ mức gây tác hại;
- b. Giữ gìn không có muỗi, ruồi, không có các côn trùng có hại khác, một khi phát hiện phải áp dụng biện pháp tiêu diệt.

Điều 13. Các nhà vệ sinh, phòng tắm trên các phương tiện giao thông phải giữ gìn sạch sẽ, không mùi hôi.

Điều 14. Yêu cầu vệ sinh về xử lý phân và nước giải, rác, nước bẩn trên các phương tiện giao thông:

- a. Rác sinh hoạt phải tập trung để vào đồ đựng có nắp, cấm đổ tùy ý trong khu vực cảng, sân bay, nhà ga bến xe, phải do xe (tàu) chuyên dùng chở đồ bẩn tập trung đến nơi chỉ định xử lý không tác hại. Khi cần thiết, phân và nước giải, nước bẩn phải qua xử lý vệ sinh mới có thể thải ra.
- b. Rác chất rắn trên các phương tiện giao thông đến từ vùng dịch hạch phải xử lý bằng thiêu đốt, những phân và nước giải, nước đọng trong cabin, nước bẩn trên các phương tiện đến từ vùng dịch tả, khi cần thiết phải tiến hành triệt khuẩn.

Điều 15. Yêu cầu vệ sinh về cabin chứa hàng của phương tiện giao thông, xe hành lý, xe bưu chính và xe tải:

- a. Cabin chứa hàng, xe hành lý, xe bưu chính, xe tải phải tiêu diệt những côn trùng lây bệnh và động vật có hại như muỗi, ruồi chuột, gián cũng như điều kiện sinh nở của chúng; trước và sau khi xếp dỡ hàng phải quét dọn triệt để, không có phân và nước giải, rác;
- b. Miễn là xe tải chở vật phẩm có độc và thực phẩm, phải gửi riêng tại nơi chỉ định nhằm tránh khỏi nhiễm bẩn, sau khi dỡ hết hàng phải tẩy rửa triệt để;
- c. Hàng hoá, hành lý đến từ vùng có dịch bệnh, phải kiểm tra chặt chẽ, phòng ngừa mang theo các côn trùng và động vật bộ gặm nhấm lây bệnh.

Điều 16. Yêu cầu vệ sinh về cabin chở khách, cabin ngủ trên phương tiện giao thông và xe chở khách:

- a. Cabin chở khách, cabin ngủ và xe chở khách phải luôn luôn lau rửa, giữ gìn không có rác và bụi bặm, thông gió tốt.
- b. Đồ dùng nằm ngủ phải thay sau khi mỗi lần sử dụng. Trên đồ dùng nằm ngủ không được có những côn trùng lây bệnh như rận, bọ chét, rệp .v.v...

CHƯƠNG IV. YÊU CẦU VỆ SINH VỀ THỰC PHẨM, NƯỚC UỐNG VÀ NGƯỜI LÀM NGHỀ

Điều 17. Những thực phẩm cung ứng cho các cửa khẩu biên giới quốc gia và trên các phương tiện giao thông phải phù hợp với những quy định của “Quy chế quản lý vệ sinh thực phẩm nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa” (ghi chú 2) và tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm.

Điều 18. Những nước uống cung ứng cho các cửa khẩu biên giới quốc gia và trên các phương tiện giao thông phải phù hợp với “Tiêu chuẩn vệ sinh nước uống sinh hoạt” được quy định của Nhà nước. Những trang thiết bị cung ứng nước uống

như phương tiện vận tải, đồ đựng cất giữ và đường ống dẫn nước đều phải luôn luôn lau rửa sạch sẽ, giữ gìn vệ sinh.

Điều 19. Yêu cầu vệ sinh về những người làm việc cung ứng thực phẩm, nước uống:

- a. Những người mắc bệnh truyền nhiễm đường ruột hoặc người mang vi-rút, cùng những người mắc bệnh hạch tính hoạt động, bệnh da liễu mưng mủ thối ra, không được làm việc cung ứng thực phẩm và nước uống.
- b. Những người làm việc cung ứng thực phẩm, nước uống, mỗi năm phải kiểm tra sức khoẻ một lần, những người mới tham gia công tác, phải kiểm tra sức khoẻ trước, người được kiểm tra hợp cách, cấp cho chứng nhận sức khoẻ;
- c. Những người làm việc cung ứng thực phẩm, nước uống, phải rèn được thói quen vệ sinh tốt, khi làm việc phải ăn mặc chỉnh tề sạch sẽ, nghiêm chỉnh tuân theo chế độ thao tác vệ sinh.

CHƯƠNG V. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI PHỤ TRÁCH CỦA CỬA KHẨU BIÊN GIỚI QUỐC GIA VÀ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG

Điều 20. Trách nhiệm về công tác vệ sinh của người phụ trách của cửa khẩu biên giới quốc gia và phương tiện vận tải là:

- a. Phải thường xuyên làm tốt công tác vệ sinh, tiếp nhận sự giám sát và kiểm tra của nhân viên giám sát vệ sinh, và tạo điều kiện thuận lợi cho họ triển khai công việc.
- b. Phải tuân thủ gương mẫu biện pháp này và các pháp lệnh, quy chế và quy định vệ sinh khác;
- c. Phải làm theo đề nghị của nhân viên giám sát vệ sinh, áp dụng biện pháp kịp thời để cải tiến tình trạng vệ sinh không tốt tại cửa khẩu biên giới quốc gia và những phương tiện giao thông;
- d. Khi phát hiện bệnh truyền nhiễm kiểm dịch và bệnh truyền nhiễm theo dõi, phải báo với cơ quan kiểm dịch vệ

sinh biên giới quốc gia hoặc ngành phòng dịch địa phương và lập tức áp dụng các biện pháp phòng dịch.

CHƯƠNG VI. CHỨC TRÁCH CỦA CƠ QUAN GIÁM SÁT VỆ SINH

Điều 21. Cơ quan kiểm dịch vệ sinh cửa khẩu biên giới quốc gia dưới sự lãnh đạo của Chính phủ nhân dân trong địa bàn, tiến hành việc giám sát vệ sinh đối với cửa khẩu biên giới quốc gia và phương tiện giao thông với chức trách chủ yếu là:

- a. Giám sát và chỉ đạo người phụ trách các ngành hữu quan của cửa khẩu biên giới quốc gia và những phương tiện giao thông tiến hành việc phòng ngừa và tiêu diệt những côn trùng và động vật gặm nhấm lây bệnh;
- b. Tiến hành kiểm nghiệm đối với thực phẩm, nước uống trên các phương tiện giao thông xuất nhập cảnh biên giới lưu lại tại các cửa khẩu biên giới quốc gia, và giám sát vệ sinh có hệ thống đối với những trang thiết bị vận tải, cung ứng và cất giữ;
- c. Tiến hành kiểm tra, giám sát và xử lý vệ sinh đối với tất cả mọi thi thể chết vì tổn thương phi bất ngờ tại cửa khẩu biên giới quốc gia và trên những phương tiện giao thông;
- d. Giám sát những người phụ trách của các ngành hữu quan của cửa khẩu biên giới quốc gia và những phương tiện giao thông trong việc dọn sạch và xử lý vô hại hoá những phân và nước giải, rác, nước bẩn;
- e. Giám sát vệ sinh đối với các yếu tố môi trường có ý nghĩa về bệnh lưu hành học của các bệnh truyền nhiễm kiểm dịch và bệnh truyền nhiễm theo dõi;
- f. Giám sát việc thực hiện các biện pháp phòng chống muỗi trong phạm vi cửa khẩu biên giới quốc gia;
- g. Triển khai việc tuyên truyền giáo dục vệ sinh, phổ biến kiến thức vệ sinh, nâng cao tính tự giác của những người của cửa khẩu biên giới quốc gia và trên các phương tiện giao thông tuân theo và thi hành biện pháp này.

Điều 22. Các cơ quan kiểm dịch vệ sinh cửa khẩu biên giới quốc gia sắp xếp 01 đến 05 người giám sát viên vệ sinh cửa khẩu biên giới quốc gia để thực hiện nhiệm vụ giám sát vệ sinh, do các cán bộ lãnh đạo của cơ quan kiểm dịch vệ sinh và người chuyên môn trên y bác sĩ kiểm dịch của cửa khẩu biên giới kiêm nhiệm. Các giám sát viên vệ sinh cửa khẩu biên giới quốc gia do cơ quan kiểm dịch vệ sinh đề cử, ngành chủ quản hành chính y tế các tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc trung ương xét duyệt, do Bộ Y tế nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa bổ nhiệm và cấp “Giấy chứng nhận giám sát viên vệ sinh cửa khẩu biên giới quốc gia”.

Điều 23. Với giấy chứng nhận giám sát viên giám sát viên vệ sinh cửa khẩu biên giới quốc gia có quyền tiến hành việc giám sát, kiểm tra và chỉ đạo kỹ thuật vệ sinh đối với những người phụ trách cửa khẩu biên giới quốc gia và những phương tiện giao thông; phối hợp với các ngành chức năng nêu ra ý kiến cải tiến cho những đơn vị hoặc cá nhân về tình trạng công tác vệ sinh không tốt hoặc có thể gây lây lan bệnh truyền nhiễm, cùng với các ngành hữu quan áp dụng những biện pháp cần thiết để xử lý.

CHƯƠNG VII. KHEN THƯỞNG VÀ TRỪNG PHẠT

Điều 24. Cơ quan kiểm dịch vệ sinh cửa khẩu biên giới quốc gia phải tuyên dương và khen thưởng cho những đơn vị và cá nhân có thành tích rõ rệt trong khi quán triệt thực hiện biện pháp này và các pháp lệnh, quy chế, quy định khác của Nhà nước.

Điều 25. Cơ quan kiểm dịch vệ sinh cửa khẩu biên giới quốc gia phải cảnh cáo, phạt tiền ngay, thậm chí xin cơ quan tư pháp xử phạt theo pháp luật xét theo tình hình khác nhau đối với những đơn vị và cá nhân có vi phạm biện pháp này và các pháp lệnh, quy chế, quy định hữu quan.

CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 26. Biện pháp này bắt đầu thực hiện kể từ ngày ban hành.

Ghi chú:

1. Quy chế này đã bị bãi bỏ theo “Luật kiểm dịch vệ sinh biên giới quốc gia nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa” được thông qua ngày 2 tháng 12 năm 1986 tại kỳ họp thứ 18 Uỷ ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khoá 6. Nhưng “Biện pháp” này vẫn tiếp tục có hiệu lực.

Quy chế quản lý này đã bị bãi bỏ theo “Luật vệ sinh thực phẩm nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa (thực hiện thử)” thông qua ngày 19 tháng 11 năm 1982 của Uỷ ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khoá 5, nay thực hiện theo quy định hữu quan của Luật vệ sinh thực phẩm.

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CÁC CƠ QUAN ĐẠI LÝ XIN GIẤY PHÉP AN TOÀN CHẤT LƯỢNG HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU

(Thực hiện kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2001)

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Để tăng cường việc quản lý các cơ quan đại lý xin giấy phép an toàn chất lượng hàng hoá nhập khẩu, quy phạm hành vi đại lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan đại lý và người uỷ quyền, đảm bảo thực hiện thuận lợi chế độ giấy phép an toàn chất lượng hàng hoá nhập khẩu, căn cứ những quy định của “Luật kiểm nghiệm hàng hoá xuất nhập khẩu nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa” và quy chế thực hiện của Luật (Sau đây gọi tắt là “Luật kiểm nghiệm hàng hoá” và “Quy chế thực hiện”), ấn định biện pháp này.

Điều 2. Các cơ quan đại lý xin giấy phép an toàn chất lượng hàng hoá nhập khẩu (sau đây gọi tắt là cơ quan đại lý) được gọi trong biện pháp này là chỉ các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài nhận sự uỷ quyền của nhà sản xuất hàng nhập khẩu hoặc đại lý của nhà sản xuất, trong phạm vi quyền hạn được uỷ quyền, với danh nghĩa là người uỷ quyền đại lý làm đơn xin giấy phép an toàn chất lượng hàng hoá nhập khẩu hoặc xin phép mua tiêu chí chứng nhận an toàn .v.v...

Điều 3. Cục kiểm nghiệm kiểm dịch xuất nhập cảnh Nhà nước (sau đây gọi tắt là Cục kiểm nghiệm kiểm dịch Nhà nước) thi hành chế độ đăng ký đối với cơ quan đại lý.

Điều 4. Các cơ quan đại lý phải xin phép đăng ký với Cục kiểm nghiệm kiểm dịch Nhà nước, sau khi được cấp “Giấy phép đăng ký” do Cục kiểm nghiệm kiểm dịch Nhà nước cấp, mới có thể tiến hành các nghiệp vụ đại lý liên quan tới giấy

phép an toàn chất lượng nhập khẩu (sau đây gọi tắt là nghiệp vụ đại lý).

Điều 5. Các cơ quan đại lý được cấp “Giấy phép đăng ký”, phải nêu ra đơn xin với cơ quan cấp chứng nhận chịu trách nhiệm tiếp nhận và thẩm tra chế độ giấy phép an toàn chất lượng nhập khẩu (sau đây gọi tắt là cơ quan cấp chứng nhận) được Cục kiểm nghiệm kiểm dịch Nhà nước chỉ định, và tiếp nhận chỉ đạo và giám sát nghiệp vụ của những cơ quan đó.

Điều 6. Các cơ quan đại lý phải tuân thủ các quy định hữu quan của “Luật kiểm nghiệm hàng hoá” và Quy chế thực hiện cũng như các pháp luật pháp quy khác, chịu trách nhiệm về tính chân thực và tính hợp pháp về nghiệp vụ của mình, và chịu trách nhiệm luật pháp đối với hành vi liên quan của nhân viên nghiệp vụ đại lý của mình.

CHƯƠNG II. THẨM ĐỊNH TƯ CÁCH VÀ ĐĂNG KÝ CỦA CƠ QUAN ĐẠI LÝ

Điều 7. Các cơ quan đại lý xin đăng ký phải đạt những điều kiện như sau:

- a. Cơ quan trong nước phải có “Giấy phép kinh doanh pháp nhân doanh nghiệp” do ngành quản lý hành chính công thương cấp; cơ quan của nước ngoài phải có chứng nhận đăng ký với cơ quan quản lý tương ứng.
- b. Có 02 nhân viên nghiệp vụ đại lý trở lên qua đào tạo và thi đạt chuẩn của cơ quan cấp chứng nhận được chỉ định.
- c. Các điều kiện khác mà Cục kiểm nghiệm kiểm dịch Nhà nước cho rằng có cần thiết.

Điều 8. Khi xin đăng ký, các cơ quan phải nộp những hồ sơ như sau:

- a. Đơn xin đăng ký cơ quan đại lý do đại diện pháp nhân ký tên và đóng dấu;
- b. Giấy phép kinh doanh;

- c. Điều lệ của doanh nghiệp (Trung văn)
- d. Giấy chứng nhận đào tạo đạt chuẩn của nhân viên làm nghiệp vụ đại lý;
- e. Khuôn mẫu con dấu và kiểu đóng ký tên của người uỷ quyền ký;
- f. Các văn kiện khác mà Cục kiểm nghiệm kiểm dịch cho rằng cần phải cung cấp.

Điều 9. Trình tự đăng ký của cơ quan đại lý:

- a. Các cơ quan đại lý nêu đơn xin đăng ký với Cục kiểm nghiệm kiểm dịch Nhà nước và cung cấp những hồ sơ quy định tại điều 8;
- b. Cục kiểm nghiệm kiểm dịch Nhà nước thẩm tra bằng văn bản những hồ sơ do cơ quan đại lý cung cấp, khi cần thiết có thể đi điều tra thực tế;
- c. Cục kiểm nghiệm kiểm dịch Nhà nước cấp “Giấy phép đăng ký” cho những cơ quan đại lý đạt yêu cầu.

Điều 10. “Giấy phép đăng ký” có giá trị trong thời gian 03 năm kể từ ngày cấp. Khi hết hạn, nếu cần gia hạn, các cơ quan đại lý phải nêu đơn xin với Cục kiểm nghiệm kiểm dịch Nhà nước trước 03 tháng ngày hết hạn, và cung cấp những hồ sơ được quy định tại điều 8 Biện pháp này.

CHƯƠNG III. NGHIỆP VỤ ĐẠI LÝ

Điều 11. Khi tiến hành nghiệp vụ đại lý, các cơ quan đại lý phải nêu đơn xin với cơ quan cấp chứng nhận được chỉ định theo yêu cầu quy định “Chi tiết hướng dẫn thực hiện chế độ giấy phép an toàn chất lượng nhập khẩu”.

Điều 12. Khi xin nghiệp vụ đại lý, nhân viên nghiệp vụ của các cơ quan đại lý còn phải nộp những hồ sơ như sau:

- a. Giấy chứng nhận đào tạo đạt chuẩn của cá nhân;
- b. Bản phụ “Giấy phép đăng ký” của cơ quan đại lý;

- c. Giấy uỷ quyền của người uỷ quyền. Giấy uỷ quyền phải ghi rõ tên, địa chỉ, tên họ đại diện pháp nhân của hai bên là người uỷ quyền và cơ quan đại lý cũng như những nội dung các điều mục đại lý, quyền hạn và thời hạn, trách nhiệm của hai bên, và có ký tên của đại diện pháp nhân và đóng dấu của hai bên.
- d. Các tài liệu khác cần cung cấp liên quan đến nghiệp vụ đại lý.

Điều 13. Các cơ quan đại lý phải làm theo yêu cầu của Cục kiểm nghiệm kiểm dịch Nhà nước và các cơ quan cấp chứng nhận được chỉ định, hỗ trợ liên lạc với người uỷ quyền, cung cấp các văn bản, tài liệu, mẫu hàng của người uỷ quyền và cần thiết cho nghiệp vụ đại lý.

Điều 14. Các cơ quan đại lý không được xét nghiệm mẫu hàng, thẩm tra nhà máy trong nghiệp vụ đại lý của mình.

Điều 15. Các cơ quan đại lý phải thiết lập sổ kế toán và ghi chép những kinh doanh hữu quan về nghiệp vụ đại lý, ghi lại một cách chân thực, chính xác, hoàn chỉnh tất cả các hoạt động trong khi tiến hành các nghiệp vụ đại lý, và lưu trữ hoàn chỉnh các loại chứng từ, biên lai, thư và điện trong nghiệp vụ đại lý.

Điều 16. Các cơ quan đại lý nên giữ bí mật đối với những tài liệu lấy được trong đại lý.

Điều 17. Các cơ quan đại lý phải tiếp nhận sự thanh tra của Cục kiểm nghiệm kiểm dịch Nhà nước đối với những ghi chép về nghiệp vụ của mình, và phối hợp với Cục kiểm nghiệm kiểm dịch Nhà nước tiến hành điều tra và xử lý những hành vi vi phạm pháp luật và pháp quy.

CHƯƠNG IV. GIÁM SÁT QUẢN LÝ

Điều 18. Cục kiểm nghiệm kiểm dịch Nhà nước định kỳ hàng năm công cáo danh mục các cơ quan đại lý được phép đăng ký.

Điều 19. Cục kiểm nghiệm kiểm dịch Nhà nước thực hiện chế độ thẩm tra hàng năm đối với các cơ quan đại lý. Các cơ quan đại lý phải nộp cho Cục kiểm nghiệm kiểm dịch Nhà nước trước ngày 31 tháng 3 mỗi năm “Bản báo cáo thẩm tra năm” của năm trước và “Giấy phép đăng ký” để tiến hành thẩm tra năm.

Nội dung chủ yếu của “Bản báo cáo thẩm tra năm” bao gồm: Khối lượng đại lý trong năm và phân tích tình trạng nghiệp vụ, những sai sót trong đại lý và nguyên nhân tình hình và tự đánh giá về tuân thủ các quy định hữu quan, tình hình quản lý kinh doanh.

Điều 20. Các cơ quan đại lý có một trong những hành vi sau đây, tạm ngừng nghiệp vụ đại lý trong 6 tháng:

- a. Do quản lý không nghiêm ngặt, gây tác động xấu cho việc thực hiện chế độ giấy phép an toàn chất lượng hàng hoá nhập khẩu, tình tiết nhỏ nhẹ;
- b. Chưa được sự đồng ý của Cục kiểm nghiệm kiểm dịch Nhà nước, trì hoãn tham gia thẩm tra năm hoặc không tham gia thẩm tra năm không có lý do chính đáng;
- c. Không thiết lập sổ kế toán và ghi chép kinh doanh theo yêu cầu, hoặc không lưu trữ hoàn chỉnh những chứng từ, biên lai, thư và điện;
- d. Trường hợp khác do vi phạm những quy định của luật pháp, pháp quy như “Luật kiểm nghiệm hàng hoá” và Quy chế thực hiện, cần tạm ngừng nghiệp vụ đại lý.

Điều 21. Trường hợp các cơ quan đại lý có một trong những hành vi sau đây, xoá bỏ tư cách làm nghiệp vụ đại lý:

- a. Tình tiết vi phạm nghiêm trọng các quy định, tạm ngừng quyền đại lý trong 6 tháng mà chưa đúng mức xử phạt;
- b. Đã không đạt điều kiện đăng ký;
- c. Thẩm tra năm không đạt yêu cầu;
- d. Áp dụng các thủ đoạn không giao cho người uỷ quyền những biên lai về chi phí xin cấp phép và chi phí mua tiêu chí do cơ quan cấp chứng nhận kê khai, khai man chi phí, thu được lợi ích không chính đáng (bất chính), hoặc các hành vi lừa đảo khác;
- e. Từ chối sự thanh tra của Cục kiểm nghiệm kiểm dịch Nhà nước, hoặc không phối hợp cho Cục kiểm nghiệm kiểm dịch Nhà nước điều tra và xử lý những hành vi vi phạm pháp luật và pháp quy.
- f. Sau khi đã đăng ký, không triển khai nghiệp vụ liên tiếp trong 2 năm.

CHƯƠNG V. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 22. Biện pháp này do Cục kiểm nghiệm kiểm dịch Nhà nước chịu trách nhiệm giải thích.

Điều 23. Biện pháp này thực hiện kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2000.

BIỆN PHÁP THI HÀNH TẠM THỜI VỀ QUẢN LÝ HẠN NGẠCH THUẾ QUAN NHẬP KHẨU NÔNG SẢN PHẨM

(Thực hiện kể từ ngày 5 tháng 2 năm 2002)

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Để quản lý có hiệu quả hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm, xây dựng thể chế quản lý hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm một cách thống nhất, công bằng, công chính, thông thoáng, có thể dự kiến và không kỳ thị, căn cứ “Luật mậu dịch đối ngoại Cộng hòa nhân dân Trung Hoa” và “Quy chế quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa Cộng hòa nhân dân Trung Hoa” ấn định Biện pháp này.

Điều 2. Trong năm dương lịch, Nhà nước dựa theo số lượng hạn ngạch đã cam kết trong bảng cắt giảm mậu dịch hàng hóa khi Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới, xác định khối lượng được phép đưa vào thị trường trong năm về quản lý hạn ngạch thuế quan nhập khẩu; nhập khẩu nông sản phẩm trong khối lượng hạn ngạch phù hợp với thuế suất trong hạn ngạch thuế quan, nhập khẩu nông sản phẩm ngoài khối lượng hạn ngạch phù hợp với thuế suất ngoài hạn ngạch thuế quan. Phần vượt mức, chưa đạt mức thực hiện theo các quy định có liên quan.

Điều 3. Các chủng loại nông sản phẩm quản lý hạn ngạch thuế quan nhập khẩu là: lúa mì, ngô, gạo, dầu đậu nành, dầu cải hạt, dầu cọ, đường ăn, bông, lông cừu và sợi lông. Chủng loại và danh mục thuế cụ thể công bố riêng.

Điều 4. Lúa mì, ngô, gạo, dầu đậu nành, dầu cải hạt, dầu cọ, đường ăn, bông được chia thành hạn ngạch mậu dịch quốc doanh và hạn ngạch mậu dịch phi quốc doanh. Hạn ngạch mậu

dịch quốc doanh phải nhập khẩu thông qua doanh nghiệp mậu dịch quốc doanh; hạn ngạch mậu dịch phi quốc doanh có thể nhập khẩu thông qua doanh nghiệp mậu dịch quốc doanh hoặc doanh nghiệp mậu dịch phi quốc doanh có quyền mậu dịch, người sử dụng cuối cùng có quyền mậu dịch cũng có thể nhập khẩu trực tiếp.

Lông cừu, sợi lông thực hiện nhập khẩu theo chỉ định cho các công ty kinh doanh, thực hiện theo quy định hữu quan của “Biện pháp quản lý chỉ định kinh doanh nhập khẩu hàng hóa” của Bộ Kinh mậu.

Điều 5. Hạn ngạch thuế quan nông sản phẩm là hạn ngạch toàn cầu.

Điều 6. Hạn ngạch thuế quan thực hiện quản lý toàn bộ hình thức mậu dịch. Nhập khẩu các mặt hàng phù hợp với quy định tại Điều 3 bằng mọi hình thức mậu dịch đều được xếp vào phạm vi quản lý hạn ngạch thuế quan.

Điều 7. Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm do Ủy ban Kế hoạch Phát triển Nhà nước (sau đây gọi tắt là “Ủy ban Kế hoạch Nhà nước”) thống nhất quản lý.

Điều 8. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước ủy quyền cho các cơ quan được ủy quyền chịu trách nhiệm về những việc sau đây:

- a. Nhận đơn xin gửi chuyển cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước;
- b. Tiếp đón, hướng dẫn, tư vấn và chuyển cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước;
- c. Sất hạch đơn xin của người gửi đơn xin để xác định xem có phù hợp với những tiêu chuẩn đã công bố không;
- d. Thông báo cho người gửi đơn xin những thiếu sót trong đơn xin, tạo điều kiện thuận lợi cho người gửi đơn xin để bổ xung những thiếu sót đó;
- e. Thông báo cho người sử dụng cuối cùng quyết định của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước về phân phối và tái phân phối

hạn ngạch thuế quan, cung cấp thông tin về phân phối và tái phân phối;

- f. Cấp “Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm” cho người gửi đơn xin đã được phê chuẩn.

Danh sách các cơ quan được ủy quyền của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước (sau đây gọi tắt là “cơ quan được ủy quyền”) cụ thể xem Phụ lục I.

Điều 9. “Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm” được chia làm 2 loại A, B. “Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm (loại A)” (xem Phụ lục II) là hạn ngạch thuế quan nhập khẩu mậu dịch thông thường, phù hợp cho nhập khẩu với các hình thức mậu dịch (không bao gồm mậu dịch gia công) như mậu dịch thông thường, mậu dịch hàng đổi hàng, mậu dịch tiểu ngạch biên giới, viện trợ, tặng, biếu, v.v.; “Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm (loại B)” (xem Phụ lục III) phù hợp với nhập khẩu bằng hình thức mậu dịch gia công.

Các sản phẩm nhập vào các kho bảo thuế, khu bảo thuế, khu chế xuất, miễn thủ tục xin cấp “Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm”

CHƯƠNG II. ĐƠN XIN

Điều 10. Thời gian xin cấp hạn ngạch thuế quan nhập khẩu mậu dịch thông thường là từ ngày 15 đến ngày 30 tháng 10 hàng năm (trừ hình thức phân phối hợp đồng gửi trước lĩnh trước). Ủy ban Kế hoạch Nhà nước công bố trước 01 tháng thời gian xin cấp hạn ngạch trên Báo hướng dẫn kinh tế Trung Quốc, Báo Thương mại Quốc tế, mạng Thông tin Kinh tế Trung Quốc (<http://www.cei.gov.cn>), mạng Ủy ban Kế hoạch Phát triển Nhà nước (<http://www.sdpc.gov.cn>) tổng khối lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu trong năm tới của mỗi loại nông sản phẩm và các điều kiện cụ thể xin cấp hạn ngạch thuế quan, đồng thời công bố danh mục thuế hàng hóa hạn ngạch thuế quan cùng thuế suất trong hạn ngạch, thuế suất ngoài hạn ngạch được Ủy ban thể lệ thuế quan Quốc Vụ Viện xác định.

Điều 11. Các cơ quan được Ủy ban Kế hoạch Nhà nước ủy quyền chịu trách nhiệm tiếp nhận đơn xin hạn ngạch thuế quan nhập khẩu trong phạm vi nơi sở tại.

Điều 12. Các cơ quan được Ủy ban Kế hoạch Nhà nước ủy quyền xét duyệt những đơn xin và các tài liệu hữu quan của người gửi đơn xin theo điều kiện cụ thể đã được công bố, và chuyển gửi những đơn xin đạt tiêu chuẩn cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước trước ngày 30 tháng 11.

Điều 13. Những người xin hạn ngạch thuế quan nhập khẩu mậu dịch gia công, sau khi được ngành kinh mậu đối ngoại xét duyệt hợp đồng mậu dịch gia công và làm “Giấy phép nghiệp vụ mậu dịch gia công”, rồi phải làm đơn xin “Giấy phép nghiệp vụ mậu dịch gia công” do ngành kinh mậu đối ngoại phê chuẩn.

CHƯƠNG III. PHÂN PHỐI

Điều 14. Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu mậu dịch thông thường được phân phối theo số lượng xin cấp và thành tích thực tế nhập khẩu, khả năng sản xuất cùng các tiêu chuẩn thương mại liên quan khác của người gửi đơn xin hoặc theo hình thức gửi trước được lĩnh trước. Số lượng nhỏ nhất được phân phối sẽ xác định theo khối lượng vận chuyển thương mại có thể của mỗi mặt hàng.

Điều 15. Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu mậu dịch gia công được lĩnh bằng “Giấy phép nghiệp vụ mậu dịch gia công” do ngành kinh mậu đối ngoại phê chuẩn.

Điều 16. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước sẽ thông báo cho người sử dụng cuối cùng trước ngày 1 tháng 1 hàng năm về khối lượng phân phối hạn ngạch thuế quan nhập khẩu mậu dịch thông thường (trừ hình thức mậu dịch gia công và phân phối theo hợp đồng gửi trước lĩnh trước) bằng “Giấy thông báo sắp

xếp hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm” (mẫu xem Phụ lục IV, sau đây gọi tắt là “Giấy thông báo”). Hạn ngạch mẫu dịch quốc doanh sẽ được ghi rõ trong “Giấy thông báo”.

Điều 17. Người sử dụng cuối cùng đến cơ quan được Ủy ban Kế hoạch Nhà nước ủy quyền làm “Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm (loại A)” bằng “Giấy thông báo” do Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cấp (trừ hình thức hợp đồng gửi trước lĩnh trước) và hợp đồng xuất khẩu; các doanh nghiệp mẫu dịch gia công đến cơ quan được ủy quyền làm “Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm (loại B)” bằng “Giấy phép nghiệp vụ mẫu dịch gia công”.

Các cơ quan được Ủy ban Kế hoạch Nhà nước ủy quyền phải làm “Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm (loại A)” hoặc “Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm (loại B)” cho người sử dụng cuối cùng trong 5 ngày làm việc, trường hợp riêng biệt nhiều nhất không quá 10 ngày làm việc sau khi nhận hồ sơ, và đóng “dấu chuyên dùng hạn ngạch nhập khẩu nông sản phẩm”.

Các cơ quan được Ủy ban Kế hoạch Nhà nước ủy quyền kịp thời gửi cho ngành kinh mậu đối ngoại ngang cấp về tình hình cấp thực tế “Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm”.

CHƯƠNG IV. THỜI HẠN

Điều 18. Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 hàng năm và có giá trị trong năm dương lịch. “Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm (loại A)” có giá trị kể từ ngày cấp đến ngày 31 tháng 12 năm đó. Thời hạn giá trị “Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm” theo hình thức phân phối hợp đồng gửi trước lĩnh trước, thực hiện theo chỉ tiết hướng dẫn được công bố.

“Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm (loại B)” có giá trị trong thời hạn được quy định trong “Giấy phép nghiệp vụ mậu dịch gia công”, nếu cần gia hạn, bằng thời hạn gia hạn của “Giấy phép nghiệp vụ mậu dịch gia công” làm thủ tục gia hạn một lần hạn ngạch loại B.

Trường hợp thời hạn giá trị được quy định trong “Giấy phép nghiệp vụ mậu dịch gia công” có vượt sang năm sau, người được cấp hạn ngạch phải đến cơ quan được ủy quyền cấp ban đầu đổi lại “Chứng chỉ hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm (loại B)” của năm tới trước ngày 31 tháng 12.

Điều 19. Nông sản phẩm hạn ngạch thuế quan nhập khẩu vận chuyển từ cảng khởi hành đầu tiên trước ngày 31 tháng 12 trong năm, hàng đến trong năm sau, người sử dụng cuối cùng phải đến cơ quan được ủy quyền cấp ban đầu xin gia hạn trước ngày 31 tháng 12 với “Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm” và các giấy chứng nhận liên quan. Sau khi cơ quan được ủy quyền cấp ban đầu sát hạch và đúng với thực tế, có thể làm thủ tục gia hạn, nhưng gia hạn muộn nhất không được vượt quá ngày 15 tháng 2 năm sau.

CHƯƠNG V. THỰC HIỆN

Điều 20. Người sử dụng cuối cùng tự mình hoặc ủy thác ký kết hợp đồng nhập khẩu theo các quy định hữu quan của Nhà nước về kinh doanh nhập khẩu hàng hóa.

Điều 21. Các doanh nghiệp mậu dịch gia công đến hải quan làm thủ tục lưu trữ mậu dịch gia công bằng “Giấy phép nghiệp vụ mậu dịch gia công” và “Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm (loại B)”, gia công tái xuất khẩu theo quy định, không được chuyển sang tiêu thụ trong nội địa.

Trường hợp doanh nghiệp mậu dịch gia công không gia công tái xuất khẩu theo thời hạn quy định, phải làm thủ tục quyết toán hợp đồng mậu dịch gia công trong 30 ngày sau thời

hạn. Hải quan trưng thu thuế theo thuế suất ngoài hạn ngạch thuế quan.

Điều 22. “Chúng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm (loại A, loại B)” thực hiện chế độ một chứng nhận nhiều lô, tức là người sử dụng cuối cùng ký một lần hợp đồng cần chia nhiều lô nhập khẩu, các doanh nghiệp đến làm thủ tục phải hải quan bằng chứng nhận hạn ngạch thuế quan. Trường hợp lô nhập khẩu vượt quá 12 lần trong năm cần phải đổi lại chứng nhận hạn ngạch thuế quan.

Điều 23. Các kho bảo thuế, khu bảo thuế, khu chế xuất nhập khẩu hàng hóa hạn ngạch thuế quan do hải quan kiểm nghiệm và giám quản theo quy định hiện hành.

Điều 24. Trong 20 ngày làm việc sau khi làm xong thủ tục hải quan cho hàng hóa, người sử dụng cuối cùng nộp cho cơ quan được ủy quyền cấp ban đầu bản copy liên 1 (liên người nhận hàng làm thủ tục hải quan) “Chúng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm (loại A)” hoặc “Chúng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm (loại B)” có đóng dấu của hải quan và bản copy giấy báo quan.

CHƯƠNG VI. ĐIỀU CHỈNH

Điều 25. Khối lượng hạn ngạch mậu dịch quốc doanh phân phối cho người sử dụng cuối cùng, trường hợp chưa ký kết được hợp đồng trước ngày 15 tháng 8 trong năm, được Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phê chuẩn, người sử dụng cuối cùng có thể sửa đổi thành ủy thác nhập khẩu doanh nghiệp mậu dịch phi quốc doanh có quyền mậu dịch, người sử dụng cuối cùng có quyền mậu dịch có thể nhập khẩu trực tiếp. Trường hợp chưa được phê chuẩn không được ủy thác nhập khẩu doanh nghiệp mậu dịch phi quốc doanh và nhập khẩu trực tiếp.

Điều 26. Người sử dụng cuối cùng có hạn ngạch thuế quan nhập khẩu mậu dịch thông thường (chứng nhận hạn ngạch loại A) không thể ký kết hợp đồng nhập khẩu với toàn bộ hạn ngạch đã được cấp hoặc không thể thực hiện những hợp đồng đã ký kết trong năm, phải trả lại cho cơ quan được ủy quyền cấp ban đầu khối lượng hạn ngạch không thể thực hiện được và bản gốc “Giấy thông báo” trước ngày 15 tháng 9.

Các doanh nghiệp có hạn ngạch thuế quan nhập khẩu mậu dịch gia công (chứng nhận hạn ngạch loại B), nếu chưa nhập khẩu hoặc chưa nhập khẩu toàn bộ trong thời hạn giá trị được quy định, phải trả lại kịp thời cho cơ quan được ủy quyền cấp ban đầu chứng nhận hạn ngạch loại B. Sau khi tập hợp lại, cơ quan được ủy quyền cấp ban đầu báo cáo với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, và do Ủy ban Kế hoạch Nhà nước tiến hành tái phân phối.

Điều 27. Việc xin cấp khối lượng tái phân phối hạn ngạch thuế quan mậu dịch thông thường phải do cơ quan được ủy quyền chuyển cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, thời hạn xin cấp là từ ngày 1 đến ngày 15 tháng 9 hàng năm (trừ hình thức hợp đồng gửi trước lĩnh trước và hình thức mậu dịch gia công). Ủy ban Kế hoạch Nhà nước sẽ công bố trước 1 tháng thời hạn xin cấp về các điều kiện cụ thể xin khối lượng tái phân phối hạn ngạch thuế quan trên Báo hướng dẫn kinh tế Trung Quốc, Báo Thương mại Quốc tế và mạng Thông tin Kinh tế Trung Quốc (<http://www.cei.gov.cn>), mạng Ủy ban Kế hoạch Phát triển Nhà nước (<http://www.sdpc.gov.cn>).

Điều 28. Những người sử dụng cuối cùng không thể sử dụng hết số lượng hạn ngạch thuế quan mậu dịch thông thường đã xin lĩnh được và đã trả lại số lượng hạn ngạch chưa sử dụng và bản gốc “Giấy thông báo” (trừ trường hợp không áp dụng “Giấy thông báo”) trước ngày 15 tháng 9, không được xin lại khối lượng tái phân phối hạn ngạch thuế quan.

Điều 29. Trước ngày 30 tháng 9 hàng năm, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước sẽ phân phối cho người sử dụng cuối cùng

khối lượng tái phân phối hạn ngạch thuế quan (trừ hình thức hợp đồng gửi trước lĩnh trước và hình thức mậu dịch gia công). Khối lượng tái phân phối hạn ngạch thuế quan phân phối theo hình thức gửi trước lĩnh trước thể theo những điều kiện xin cấp đã công bố.

Điều 30. Khối lượng tái phân phối hạn ngạch thuế quan (trừ hình thức hợp đồng gửi trước lĩnh trước và hình thức mậu dịch gia công) do Ủy ban Kế hoạch Nhà nước thông báo cho người sử dụng cuối cùng với hình thức “Giấy thông báo”. Người sử dụng cuối cùng làm các thủ tục hữu quan theo quy định điều 17, 18, 19 20, 22 của Biện pháp này.

CHƯƠNG VII. CÁC ĐIỀU KHOẢN XỬ PHẠT

Điều 31. Các doanh nghiệp mậu dịch gia công chưa được sự cho phép, tự tiêu thụ trong nội địa những vật liệu và các sản phẩm sản xuất bằng những vật liệu đó nhập khẩu bảo thuế, hải quan xử lý theo quy định đối với hàng buôn lậu.

Điều 32. Trường hợp làm giả, làm thay đổi hoặc mua bán “Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm”, truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Luật Hình sự về tội kinh doanh trái phép hoặc tội làm giả, làm thay đổi, mua bán công văn, giấy tờ, con dấu cơ quan Nhà nước. Trường hợp người sử dụng cuối cùng được cấp hạn ngạch có những hành vi trên, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước sẽ không tiếp nhận các đơn xin hạn ngạch thuế quan nhập khẩu của người sử dụng cuối cùng đó trong 2 năm.

Điều 33. Trường hợp lừa đảo “Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm” bằng cách làm giả hợp đồng nhập và các tài liệu liên quan, tịch thu “Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm”, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước sẽ không tiếp nhận các đơn xin hạn ngạch thuế quan nhập khẩu của những đương sự đó trong 2 năm.

Điều 34. Trường hợp người sử dụng cuối cùng có hạn ngạch nhập loại A vi phạm quy định Điều 26 Biện pháp này, không hoàn thành việc nhập khẩu toàn bộ số lượng hạn ngạch thuế quan được phân phối trong năm, và cũng không trả lại cho cơ quan được uỷ quyền cấp chứng nhận ban đầu số lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu không thực hiện được trong năm trước ngày 15 tháng 9, số lượng hạn ngạch thuế quan được phân phối trong năm tới của người sử dụng cuối cùng đó sẽ bị khấu trừ tương ứng theo tỷ lệ chưa thực hiện.

Trường hợp người sử dụng cuối cùng có hạn ngạch loại B vi phạm quy định Điều 26 Biện pháp này, không trả lại cho cơ quan được uỷ quyền cấp chứng nhận ban đầu số lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu không thực hiện được trước thời gian hết thời hạn giá trị của chứng nhận hạn ngạch loại B, sẽ bị khấu trừ tương ứng theo tỷ lệ chưa thực hiện trong khi xin lại hạn ngạch mậu dịch gia công của người sử dụng cuối cùng đó.

Điều 35. Trường hợp người sử dụng cuối cùng có hạn ngạch nhập khẩu loại A liên tiếp 2 năm không hoàn thành nhập khẩu toàn bộ số lượng hạn ngạch thuế quan được phân phối, và không trả lại cho cơ quan được uỷ quyền cấp chứng nhận ban đầu số lượng hạn ngạch thuế quan không thể sử dụng trong năm trước ngày 15 tháng 9, số lượng hạn ngạch thuế quan phân phối trong năm tới của người sử dụng cuối cùng đó sẽ bị khấu trừ tương ứng theo tỷ lệ hoàn thành của năm gần nhất.

Điều 36. Trường hợp người sử dụng cuối cùng vi phạm quy định Điều 24 Biện pháp này, không trả lại cho cơ quan được uỷ quyền cấp chứng nhận ban đầu trong thời gian quy định bản copy liên 1 (liên người nhận hàng làm thủ tục hải quan) “Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm (loại A)” hoặc “Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm (loại B)” có đóng dấu của hải quan và bản copy giấy báo quan, được coi như không hoàn thành nhập khẩu, khấu trừ tương ứng số lượng hạn ngạch thuế quan của người sử dụng cuối cùng đó trong năm tới.

Điều 37. Nhập lậu hàng hoá hạn ngạch thuế quan, tính kim ngạch trốn thuế theo thuế suất ngoài hạn ngạch thuế quan, và xử phạt theo quy định của pháp luật, pháp quy hành chính hữu quan.

CHƯƠNG VIII. CÁC ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN

Điều 38. Việc phân phối và tư vấn tái phân phối hạn ngạch thuế quan cần đề xuất với Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước hoặc cơ quan được uỷ quyền bằng văn bản. Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước hoặc cơ quan được uỷ quyền sẽ trả lời trong thời gian 10 ngày làm việc.

Điều 39. "Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm (loại A)", "Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm (loại B)" và "dấu chuyên dùng chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu nông sản phẩm" do Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước thống nhất giám sát chế tạo.

Điều 40. Chữ viết trong chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm được đánh máy và in bằng máy tính, nội dung trong chứng nhận không được xoá đi viết lại.

Người sử dụng cuối cùng nếu cần sửa đổi về mã số, đơn giá, nước (lãnh thổ) xuất xứ hàng hoá, cửa khẩu báo quan trong "Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm (loại A)", nên mang "Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm (loại A)" đến cơ quan được uỷ quyền cấp chứng nhận ban đầu xin sửa đổi. Trong 5 ngày làm việc, cơ quan được uỷ quyền làm lại cho người sử dụng cuối cùng "Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm (loại A)" và đóng "dấu chuyên dùng chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu nông sản phẩm", đồng thời thu hồi "Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm (loại A)" cũ.

Các mục trong "Chứng nhận hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm (loại B)" như nhà nhập khẩu, doanh

ngiệp gia công, ngày chấm dứt giá trị hạn ngạch thuế quan, tên mặt hàng, số lượng, v.v. không được sửa đổi.

Điều 41. Việc mua ngoại tệ nhập khẩu hàng hoá hạn ngạch thuế quan thực hiện theo quy định hữu quan của Nhà nước.

Điều 42. Doanh nghiệp mậu dịch quốc doanh trong Biện pháp này là chỉ các doanh nghiệp được Chính phủ dành cho đặc quyền chuyên kinh doanh nhập khẩu một số sản phẩm theo pháp luật. Danh sách các doanh nghiệp mậu dịch quốc doanh do Bộ Kinh mậu sát hạch và công bố.

Điều 43. Người sử dụng cuối cùng trong Biện pháp này là các doanh nghiệp sản xuất, nhà thương mại, nhà bán buôn và nhà tiêu thụ trực tiếp xin lĩnh được hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nông sản phẩm.

BIỆN PHÁP THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ GIẤY PHÉP AN TOÀN CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

*(Cục kiểm nghiệm hàng hoá xuất nhập khẩu nhà nước
ban hành ngày 1 tháng 8 năm 1993)*

Điều 1. Để phòng chống việc nhập khẩu hàng hoá nguy hại đến sức khoẻ và tính mạng con người, tài sản an toàn, bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng xã hội, căn cứ “Luật kiểm nghiệm hàng hoá xuất nhập khẩu nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa” và Quy chế thực hiện của Luật, xây dựng Biện pháp này.

Điều 2. Nhà nước thực hiện chế độ giấy phép an toàn chất lượng nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu liên quan đến an toàn, vệ sinh, bảo vệ môi trường, bảo hộ lao động. Đối với hàng hoá nhập khẩu phù hợp với pháp luật, pháp qui hành chính hữu quan và những yêu cầu tiêu chuẩn cưỡng chế của Trung Quốc, cấp cho giấy phép an toàn chất lượng, và thực hiện tiêu chí an toàn hoặc tiêu chí vệ sinh kiểm nghiệm.

Điều 3. Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước chịu trách nhiệm xây dựng, công bố “Danh mục hàng hoá nhập khẩu thực hiện chế độ giấy phép an toàn chất lượng” (sau đây gọi tắt là “Danh mục”) đối với hàng nhập khẩu liên quan đến an toàn, vệ sinh, bảo vệ môi trường, bảo hộ lao động. “Danh mục” được công bố trước 02 năm khi thực hiện, và có thể tiến hành chia từng thời gian từng đợt theo nhu cầu.

Điều 4. Trường hợp mặt hàng xếp vào “Danh mục” được cấp giấy phép an toàn chất lượng, do Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước ra thông báo; chưa được cấp giấy phép an toàn chất lượng, không được nhập khẩu.

Điều 5. Những hàng hoá có được cấp phép an toàn chất lượng phải đạt những điều kiện sau:

- a. Hàng hoá phải phù hợp với pháp luật, pháp qui hành chính hữu quan và yêu cầu tiêu chuẩn cưỡng chế của Trung Quốc.
- b. Các điều kiện sản xuất và xét nghiệm của các doanh nghiệp sản xuất phải đảm bảo thiết thực những mặt hàng sản xuất ra phù hợp yêu cầu.

Các hạng mục, tiêu chuẩn kiểm nghiệm và yêu cầu về xét duyệt đối với các doanh nghiệp sản xuất tại khoản trên được qui định tại “Chi tiết hướng dẫn thực hiện chế độ giấy phép an toàn chất lượng hàng hoá nhập khẩu” do Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước ban hành.

Điều 6. Trước khi làm thủ tục nhập khẩu hàng hoá xếp vào “Danh mục”, các đơn vị kinh doanh ngoại thương và các đơn vị trong nước nhận, sử dụng hàng phải thông báo cho các nhà sản xuất hoặc đại lí phải xin và sau khi được cấp giấy phép an toàn chất lượng hàng hoá nhập khẩu, mới có thể ký kết hợp đồng thương mại nhập khẩu.

Điều 7. Sau khi công bố “Danh mục”, các nhà sản xuất của nước ngoài có thể xin Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước cấp giấy phép an toàn chất lượng. Do cơ quan được Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước chỉ định kiểm nghiệm những mẫu hàng xin cấp phép và thẩm tra đối với doanh nghiệp sản xuất. Sau khi kiểm nghiệm và thẩm tra hợp cách, do Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước phê chuẩn và cấp giấy phép an toàn chất lượng. Trình tự xin cấp phép và cấp phép được tiến hành theo qui định “Chi tiết hướng dẫn thực hiện chế độ giấy phép an toàn chất lượng hàng hoá nhập khẩu”.

Điều 8. Sau khi hàng hoá được xếp vào “Danh mục” đến, do cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá tiến hành giám sát kiểm tra, trường hợp kiểm tra không hợp cách, phải giám sát đơn vị hữu quan tiến hành xử lí vô độc hại, hoặc ra lệnh trả hàng về, hoặc

tiêu huỷ, đồng thời thông báo cho người xin làm rõ nguyên nhân, viết báo cáo cải tiến. Trường hợp tái phát hiện không hợp cách, do Cục kiểm nghiệm hàng hoá rút giấy phép an toàn chất lượng, và đưa lên công báo.

Điều 9. Đối với các doanh nghiệp sản xuất nhập khẩu hàng hoá đã được cấp giấy phép an toàn chất lượng, do Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước chỉ định các cơ quan hoặc uỷ quyền cho cơ quan nước ngoài được cho phép tiến hành giám sát kiểm tra ngày thường không định kỳ.

Điều 10. Các cơ quan kiểm nghiệm, chứng thực trong và ngoài nước có thể xin Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước cho phép. Các cơ quan được cho phép đảm nhiệm công tác xét nghiệm mẫu hàng chỉ định hoặc thẩm tra, giám sát kiểm tra đối với các doanh nghiệp sản xuất. Trình tự và yêu cầu cho phép cụ thể làm theo qui định của Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước.

Điều 11. Trường hợp tự nhập khẩu và tiêu thụ những mặt hàng xếp vào “Danh mục” chưa được cấp giấy phép an toàn chất lượng hoặc chưa dán tiêu chí an toàn, tiêu chí vệ sinh; Trường hợp tự sử dụng và bán, làm giả, chuyển nhượng tiêu chí an toàn, tiêu chí vệ sinh hoặc giấy phép an toàn chất lượng, xử phạt theo qui định hữu quan của “Luật kiểm nghiệm hàng hoá” và Qui chế thực hiện.

Điều 12. Kiểu mẫu của tiêu chí an toàn, tiêu chí vệ sinh do Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước ấn định và công bố.

Điều 13. Các nhà sản xuất của nước ngoài xin giấy phép an toàn chất lượng phải tạo điều kiện làm việc cần thiết và hỗ trợ làm thủ tục thị thực nhập cảnh cho những người đến doanh nghiệp sản xuất để thẩm tra và giám sát kiểm tra bình thường.

Điều 14. Người xin cấp phép phải nộp phí theo qui định. Các hạng mục và tiêu chuẩn thu phí cụ thể sẽ được qui định riêng.

Điều 15. Các cơ quan và nhân viên kiểm nghiệm, thẩm tra giữ bí mật cho các doanh nghiệp sản xuất xin phép mẫu về công nghệ sản xuất và kiểm nghiệm, kết quả kiểm nghiệm, kết quả thẩm tra, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người xin cấp phép.

Điều 16. Biện pháp này do Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước chịu trách nhiệm giải thích. Những điều chưa nêu ra trong biện pháp này, do Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước qui định riêng.

Điều 17. Biện pháp này bắt đầu thực hiện kể từ ngày 1 tháng 8 năm 1993. “Biện pháp thực hiện chế độ giấy phép chất lượng hàng hoá nhập khẩu (thi hành tạm thời)” do Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước công bố ngày 29 tháng 4 năm 1988 bị bãi bỏ.

BIỆN PHÁP MIỄN KIỂM NGHIỆM HÀNG HOÁ XUẤT NHẬP KHẨU

*(Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước ban hành ngày 1
tháng 8 năm 1994)*

Điều 1. Để đảm bảo chất lượng hàng hoá xuất nhập khẩu, thúc đẩy quan hệ thương mại với nước ngoài phát triển thuận lợi, căn cứ qui định của “Luật kiểm nghiệm hàng hoá xuất nhập khẩu nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa” Điều 5 và “Qui chế thực hiện Luật kiểm nghiệm hàng hoá xuất nhập khẩu nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa” Điều 8, ấn định biện pháp này.

Điều 2. Tất cả các mặt hàng xuất nhập khẩu được xếp vào “Chủng loại hàng hoá xuất nhập khẩu do cơ quan kiểm nghiệm tiến hành kiểm nghiệm”, qua người nhận hàng, người gửi hàng và doanh nghiệp sản xuất (sau đây gọi tắt là “người xin phép”) nêu ra đơn xin, Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước xem xét phê chuẩn, có thể miễn kiểm nghiệm.

Điều 3. Người xin phép xin miễn kiểm nghiệm, phải đạt những điều kiện như sau:

- a. Các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất nhập khẩu xin miễn kiểm nghiệm, phải xây dựng hệ thống chất lượng hoàn thiện.

Các doanh nghiệp sản xuất hàng nhập khẩu phải được sự đồng ý của Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước hoặc qua sát hạch của cơ quan hữu quan có hiệp nghị chấp chứng chỉ, và có được chứng nhận hợp cách xét định về hệ thống chất lượng do cơ quan trên cấp.

Các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu phải được sự chấp nhận của Uỷ ban công tác hệ thống chất lượng (ISO 9000) các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu Trung Quốc và qua sát hạch của cơ quan xét định được đăng ký tại Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước, và có được chứng nhận hợp

cách xét định về hệ thống chất lượng doanh nghiệp sản xuất do cơ quan trên cấp.

- b. Chất lượng của hàng hoá xuất nhập khẩu xin miễn kiểm nghiệm phải được ổn định lâu dài, tỷ lệ hợp cách kiểm nghiệm của cơ quan kiểm nghiệm đạt một trăm phần trăm liên tiếp trong 03 năm.
- c. Các khách hàng Trung Quốc của hàng nhập khẩu hoặc các khách hàng của nước ngoài của hàng xuất khẩu không có ý kiến khác đối với hàng xuất nhập khẩu xin miễn kiểm nghiệm.

Điều 4. Các mặt hàng liên quan đến an toàn, vệ sinh và có yêu cầu đặc biệt sau đây không được xin miễn kiểm nghiệm:

- a. Lương thực, dầu ăn và thực phẩm, đồ chơi, mỹ phẩm, đồ điện, v.v...
- b. Các mặt hàng xếp vào quản lý giấy phép an toàn chất lượng hàng nhập khẩu;
- c. Các mặt hàng dễ bị biến chất hoặc hàng hoá rời;
- d. Các mặt hàng mà hợp đồng yêu cầu, kết nối tính giá theo thành phần, hàm lượng ghi trong giấy chứng nhận kiểm nghiệm hàng hoá.
- e. Đồ đựng đóng gói dùng cho hàng nguy hiểm xuất nhập khẩu.

Điều 5. Người xin phép xin miễn kiểm nghiệm làm theo các trình tự như sau:

- a. Người xin phép xin miễn kiểm nghiệm và nộp cho Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước cũng như tài liệu liên quan (gồm: giấy chứng chỉ hợp cách xét định về hệ thống chất lượng, tiêu chuẩn chất lượng, văn bản công nghệ sản xuất, chứng nhận tỷ lệ hợp cách kiểm nghiệm hàng hoá, ý kiến xét định bước đầu của cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá, ý kiến của khách hàng).

Mẫu đơn xin miễn kiểm nghiệm, biểu xét định bước đầu của cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá xem phụ kiện.

- b. Người xin phép xin miễn kiểm nghiệm cho hàng xuất khẩu, phải qua xét định hợp cách bước đầu của cơ quan

kiểm nghiệm hàng hoá tại địa bàn doanh nghiệp sản xuất theo Biện pháp này và các qui định hữu quan, mới có thể xin miễn kiểm nghiệm với Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước.

Điều 6. Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước nhận được đơn xin miễn kiểm nghiệm của người xin phép, qua xem xét sẽ xử lý như sau đối với đơn xin miễn kiểm nghiệm:

- a. Đơn xin miễn kiểm nghiệm phù hợp với những qui định của Biện pháp này được tiếp nhận;
- b. Trường hợp nội dung đơn xin miễn kiểm nghiệm không đầy đủ hoặc các chứng từ kèm theo không đầy đủ, sẽ trả lại cho người xin phép đơn xin miễn kiểm nghiệm, qui định thời hạn để bổ sung. Vượt quá thời hạn mà không bổ sung, được coi là rút về đơn xin;
- c. Đơn xin miễn kiểm nghiệm không phù hợp với những qui định của biện pháp này không được tiếp nhận, thông báo bằng văn bản cho người xin phép.

Điều 7. Những đơn xin miễn kiểm nghiệm không bị tiếp nhận, Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước phải tổ chức nhóm chuyên gia thẩm tra để sát hạch, thẩm tra.

Các thành viên chuyên gia thẩm tra nói chung phải có tư cách là bình thẩm viên về hệ thống chất lượng hàng xuất khẩu, tổ trưởng nói chung phải có tư cách là bình thẩm viên chủ nhiệm.

Tổ trưởng tổ chuyên gia thẩm tra lãnh đạo công tác sát hạch, thẩm tra.

Điều 8. Người xin phép cho rằng thành viên trong tổ chuyên gia thẩm tra có quan hệ lợi hại đối với công tác miễn kiểm nghiệm mà thành viên đảm nhiệm hoặc có thể gây ảnh hưởng đến thẩm tra công bằng, có thể xin thành viên đó hồi tị.

Việc hồi tị của thành viên tổ chuyên gia thẩm tra, do Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước quyết định.

Điều 9. Tổ chuyên gia thẩm tra làm việc theo những trình tự như sau:

- a. Sốt hạch đơn xin miễn kiểm nghiệm và các tài liệu hữu quan do người xin phép nộp;
- b. Sốt hạch biểu kiểm tra bước đầu và báo cáo thẩm tra của cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá;
- c. Nghiên cứu và xây dựng phương án thẩm tra miễn kiểm nghiệm;
- d. Tiến hành việc kiểm nghiệm và xét nghiệm, đưa ra báo cáo kiểm nghiệm xét nghiệm;
- e. Sốt hạch các doanh nghiệp sản xuất theo phương án thẩm tra miễn kiểm nghiệm và các qui định hữu quan;
- f. Đưa ra kết luận thẩm tra và đưa ra báo cáo thẩm tra bằng văn bản.

Điều 10. Dựa theo báo cáo thẩm tra của tổ chuyên gia thẩm tra, Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước sẽ xử lí đối với đơn xin miễn kiểm nghiệm của người xin phép như sau:

Trường hợp không phù hợp với những qui định của biện pháp này, không phê chuẩn đơn xin, thông báo bằng văn bản cho người xin phép.

Điều 11. Thời hạn giá trị của giấy phép miễn kiểm nghiệm do Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước quyết định, nói chung không vượt quá 03 năm.

Điều 12. Người xin phép hàng xuất nhập khẩu miễn kiểm nghiệm đã được cấp phép, đến cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá làm thủ tục thông hành bằng giấy phép miễn kiểm nghiệm còn giá trị, hợp đồng ngoại thương, thư tín dụng và các văn bản chứng nhận phẩm chất của mặt hàng đó.

Những mặt hàng xuất khẩu miễn kiểm nghiệm nếu cần giấy chứng nhận kiểm nghiệm hàng hoá, cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá có thể cấp giấy chứng nhận kiểm nghiệm hàng hoá bằng những văn bản chứng nhận phẩm chất do người xin phép cung cấp; đối với các hạng mục về số lượng, trọng lượng, đóng

gói phải qua kiểm nghiệm theo qui định hữu quan mới cấp giấy chứng nhận kiểm nghiệm hàng hoá.

Điều 13. Các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất nhập khẩu được phép miễn kiểm nghiệm phải tiếp nhận sự giám sát quản lý của cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá theo qui định.

Cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá cơ thể lấy mẫu kiểm tra những hàng xuất nhập khẩu được phép miễn kiểm nghiệm, trường hợp phát hiện có vấn đề về chất lượng không làm thủ tục thông hành miễn kiểm nghiệm.

Điều 14. Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước khi nhận được phản ánh không tốt của khách hàng trong và ngoài nước đối với chất lượng hàng xuất nhập khẩu được miễn kiểm nghiệm hoặc báo cáo của cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá, phải xem xét tình hình để tổ chức tổ chuyên gia thẩm tra sát hạch lấy mẫu kiểm tra đối với hàng hoá kiểm nghiệm và đưa ra kết luận thẩm tra.

Điều 15. Người xin phép và các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất nhập khẩu được miễn kiểm nghiệm, không được thay đổi kết cấu tính năng và công nghệ chế tạo của hàng xuất nhập khẩu được miễn kiểm nghiệm. Nếu có sự thay đổi, phải làm lại thủ tục xét duyệt miễn kiểm nghiệm.

Điều 16. Người xin phép có thể xin gia hạn giá trị trong thời gian 01 tháng trước khi hết hạn giá trị giấy chứng nhận miễn kiểm nghiệm, sau khi Cục kiểm nghiệm hàng hoá xem xét lại và hợp cách, có thể gia hạn giá trị miễn kiểm nghiệm nói chung là không vượt quá 03 năm.

Điều 17. Trong khi người xin phép làm thủ tục xin miễn kiểm nghiệm và đổi giấy chứng nhận hàng xuất khẩu đã được miễn kiểm nghiệm, phải nộp lệ phí theo qui định.

Điều 18. Trường hợp người xin phép vi phạm biện pháp này, ăn gian làm dối, giấu diếm lừa dối với Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước hoặc cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá, xử phạt theo “Quy chế thực hiện Luật kiểm nghiệm hàng hoá nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa” và những qui định của pháp luật, pháp qui hành chính hữu quan khác.

Điều 19. Nhân viên công tác kiểm nghiệm hàng hoá vi phạm Biện pháp này trong quá trình sát hạch, thẩm tra, phê chuẩn hoặc công việc hàng ngày, lạm dụng chức quyền, không làm tròn chức trách, làm cản bậy gian lận mưu lợi riêng, xử lí hành chính theo tình tiết nặng nhẹ. Tình tiết nghiêm trọng và cấu thành phạm tội truy cứu trách nhiệm luật pháp theo pháp luật.

Điều 20. Biện pháp này thực hiện kể từ ngày 01 tháng 10 năm 1994, “Biện pháp miễn kiểm nghiệm hàng hoá xuất nhập khẩu (thực hiện tạm thời)” do Cục kiểm nghiệm hàng hoá nhà nước ban hành ngày 11 tháng 10 năm 1990 bị bãi bỏ.

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ

*(Lệnh số năm 2001 của Bộ mậu dịch và hợp tác kinh tế với
nước ngoài. Thực hiện từ ngày 1 tháng 1 năm 2002)*

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Để quy phạm việc quản lý giấy phép nhập khẩu, giữ gìn trật tự quản lý hàng hoá, tạo ra môi trường thương mại công bằng, thực hiện những công ước và điều ước quốc tế mà Trung Quốc đã cam kết, thúc đẩy thương mại với nước ngoài phát triển lành mạnh, căn cứ những quy định của “Luật thương mại với nước ngoài Nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa” và “Quy chế nhập khẩu hàng hoá Nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa” ấn định Biện pháp này.

Điều 2. Nhà nước thực hiện chế độ thống nhất về giấy phép nhập khẩu hàng hoá. Nhà nước quản lý giấy phép nhập khẩu đối với những hàng hoá nhập khẩu có sự hạn chế về số lượng và những sự hạn chế khác.

Điều 3. Bộ Thương mại và hợp tác kinh tế với nước ngoài Nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa (sau đây được gọi là “Bộ Kinh mậu”) là ngành quản lý thống nhất trong cả nước về giấy phép nhập khẩu, chịu trách nhiệm xây dựng các quy chế và điều lệ về quản lý giấy phép nhập khẩu, công bố danh mục hàng hoá quản lý giấy phép nhập khẩu và danh mục cấp phép phân cấp, thiết kế, in ấn giấy phép nhập khẩu và con dấu, theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện Biện pháp quản lý giấy phép nhập khẩu, xử phạt đối với những hành vi vi phạm.

Điều 4. Bộ Kinh mậu uỷ quyền cho Cục sự vụ hạn ngạch và giấy phép (sau đây gọi tắt là “Cục giấy phép”) quản lý và chỉ đạo chung việc cấp giấy phép nhập khẩu của các cơ quan

cấp phép trong cả nước và những công việc liên quan khác, Cục giấy phép chịu trách nhiệm trước Bộ Kinh mậu.

Điều 5. Cục giấy phép cùng văn phòng đại diện đặc phái viên của Bộ Kinh mậu tại các địa phương và Ủy ban (Sở) kinh tế và mậu dịch các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung Ương cũng như các thành phố sắp xếp kế hoạch riêng được ủy quyền cấp phép là cơ quan cấp giấy phép nhập khẩu (sau đây gọi tắt là “Cơ quan cấp phép”), chịu trách nhiệm về công tác cấp phép trong phạm vi được ủy quyền dưới sự quản lý chung của Cục giấy phép.

Điều 6. Giấy phép nhập khẩu là chứng chỉ pháp lý của Nhà nước quản lý hàng hoá nhập cảnh. Miễn là những hàng hoá thuộc diện quản lý bằng giấy phép nhập khẩu. Trừ trường hợp Nhà nước có quy định riêng, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu phải xin cấp giấy phép nhập khẩu với cơ quan cấp phép được chỉ định trước khi nhập khẩu, hải quan mậu dịch khai báo và xét nghiệm bằng giấy phép nhập khẩu.

Điều 7. Giấy phép nhập khẩu được nêu trong Biện pháp này là chỉ giấy phép hạn ngạch nhập khẩu và giấy phép nhập khẩu khác được quy định tại “Quy chế quản lý xuất nhập khẩu hàng hoá Nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa”, phù hợp cho việc nhập khẩu những hàng hoá nằm trong “Danh mục hàng hoá quản lý bằng giấy phép nhập khẩu”.

Điều 8. Giấy phép nhập khẩu không được mua bán, chuyển nhượng, làm giả và làm thay đổi nội dung.

CHƯƠNG II. VIỆC CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU

Điều 9. Các cơ quan cấp phép phải nghiêm chỉnh là theo những quy định trong “Danh mục hàng hoá quản lý bằng giấy phép nhập khẩu” và “Danh mục cấp phép phân cấp về hàng hoá quản lý bằng giấy phép nhập khẩu” do Bộ Kinh mậu công

bố, cấp phát giấy phép nhập khẩu cho những hàng hoá liên quan, không được cấp phép trái với quy định. Các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong cả nước nhập khẩu những hàng hoá nằm trong “Danh mục hàng hoá quản lý bằng giấy phép nhập khẩu”, phải đến cơ quan cấp phép được chỉ định trong “Danh mục cấp phép phân cấp hàng hoá quản lý bằng giấy phép nhập khẩu” xin cấp giấy phép nhập khẩu.

Điều 10. Các cơ quan cấp phép không được cấp giấy phép nhập khẩu trong khi không có hạn ngạch, vượt mức hạn ngạch, vượt quyền hạn hoặc vượt phạm vi cấp phép.

Điều 11. Việc quản lý giấy phép nhập khẩu thực hiện quản lý theo “một cửa hải quan một giấy phép”. Trong trường hợp thông thường, giấy phép nhập khẩu là “một lô một giấy phép”, nếu cần phải thực hiện “không phải một lô một giấy phép”, phải ghi cùng lúc các chữ “không phải một lô một giấy phép” trong mục ghi chú của giấy phép nhập khẩu.

“Một cửa hải quan một giấy phép” là chỉ giấy phép nhập khẩu chỉ có thể báo quan tại một hải quan; “Một lô một giấy phép” là chỉ giấy phép nhập khẩu được sử dụng báo quan một lần trong thời gian giấy phép nhập khẩu có giá trị; “Không phải một lô một giấy phép” là chỉ có thể sử dụng báo quan nhiều lần trong thời gian giấy phép nhập khẩu có giá trị, nhưng nhiều nhất không được vượt quá 12 lần, do hải quan giảm bớt số lượng nhập khẩu từng lô ghi trong mục “Ký xét nghiệm hải quan” ở mặt sau giấy phép.

Điều 12. Những đơn xin phù hợp với yêu cầu, cơ quan cấp phép phải cấp giấy phép nhập khẩu trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn xin. Trong trường hợp đặc biệt, nhiều nhất không vượt quá 10 ngày làm việc.

CHƯƠNG III. CÁC VĂN BẢN NÊN NỘP KHI XIN CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU

Điều 13. Đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu

Khi các doanh nghiệp nhập khẩu xin cấp giấy phép nhập khẩu, phải điền vào đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu một cách nghiêm chỉnh, đúng sự thực, và đóng dấu của doanh nghiệp xin cấp giấy phép.

Điều 14. Văn bản phê duyệt của ngành quản lý nhập khẩu

Các doanh nghiệp nhập khẩu phải xét theo tình hình hàng hoá nhập khẩu, nộp cho cơ quan cấp phép những văn bản phê chuẩn nhập khẩu cùng những tài liệu liên quan theo quy định về căn cứ cấp giấy phép nhập khẩu trong Chương IV của Biện pháp này.

Điều 15. Các văn bản chứng nhận tư cách kinh doanh nhập khẩu của các doanh nghiệp nhập khẩu

Các văn bản này là chỉ “Giấy chứng nhận tư cách kinh doanh nghiệp xuất nhập khẩu Nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa” (Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cung cấp “Giấy phép doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài”). Đối với những mặt hàng nhập khẩu mà Nhà nước thực hiện mậu dịch quốc doanh hoặc chỉ định kinh doanh quản lý, phải cung cấp những văn bản xác nhận tư cách kinh doanh của Bộ Kinh mậu theo yêu cầu quy định quản lý mậu dịch quốc doanh hoặc chỉ định kinh doanh.

CHƯƠNG IV. CĂN CỨ CẤP PHÁT GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU

Điều 16. Các cơ quan cấp giấy phép cấp giấy phép nhập khẩu theo những quy định dưới đây trong khuôn khổ “Danh mục những hàng hoá quản lý bằng giấy phép nhập khẩu” và “Danh mục cấp phép phân cấp những hàng hoá quản lý bằng giấy phép nhập khẩu” do Bộ Kinh mậu hạch định.

- a. Nhập khẩu các sản phẩm cơ điện thuộc quản lý hạn ngạch, cơ quan cấp giấy phép cấp giấy phép hạn ngạch nhập khẩu bằng “Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu các sản phẩm cơ điện” do Bộ Kinh mậu cấp.
- b. Nhập khẩu cao su thiên nhiên thuộc quản lý hạn ngạch, cơ quan cấp giấy phép cấp giấy phép hạn ngạch nhập khẩu bằng văn bản phê duyệt hạn ngạch của Ủy ban Kế hoạch Phát triển Nhà nước, Bộ Kinh mậu.
- c. Nhập khẩu xăng dầu và xăng lốp ô tô thuộc quản lý hạn ngạch, cơ quan cấp giấy phép cấp giấy phép hạn ngạch nhập khẩu bằng văn bản phê duyệt của Ủy ban Kế hoạch và Phát triển Nhà nước, Bộ Kinh mậu.
- d. Đối với sản phẩm hoá chất thuộc diện kiểm soát, cơ quan cấp giấy phép cấp giấy phép nhập khẩu bằng “Giấy xác nhận nhập khẩu sản phẩm hoá chất thuộc diện kiểm soát” do Văn phòng Tiểu ban lãnh đạo công tác thực hiện Công ước cấm vũ khí hoá học phê duyệt và hợp đồng nhập khẩu (bản sao).
- e. Đối với những hoá chất hay dùng để sản xuất ma túy, cơ quan cấp giấy phép cấp giấy phép nhập khẩu bằng “Giấy phê duyệt nhập khẩu hoá chất hay dùng để sản xuất ma túy” của Bộ Kinh mậu và Bản hợp đồng nhập khẩu (bản sao)
- f. Đối với những thiết bị sản xuất đĩa la-de, cơ quan cấp giấy phép cấp giấy phép nhập khẩu bằng văn bản phê duyệt của Tổng cục báo chí và xuất bản cùng Văn bản chứng nhận nhập khẩu sản phẩm cơ điện của Bộ Kinh mậu.
- g. Đối với các loại chất phá huỷ tầng ozone, cơ quan cấp giấy phép cấp giấy phép nhập khẩu bằng “Đơn xét duyệt nhập khẩu chất phá huỷ tầng ozone được kiểm soát” của Văn phòng quản lý xuất nhập khẩu của Nhà nước về chất phá huỷ tầng ozone.

Điều 17. Đối với nhập khẩu hàng hoá thuộc diện quản lý giấy phép, trừ dầu thô, xăng dầu, hoá chất kiểm soát, hoá chất hay dùng để sản xuất ma túy, thiết bị sản xuất đĩa la-de, miễn xin cấp giấy phép nhập khẩu.

Đối với mậu dịch gia công nhập khẩu dầu thô, xăng dầu, cơ quan cấp giấy phép cấp giấy phép nhập khẩu bằng “Văn bản phê chuẩn” của Ủy ban Kinh tế và Mậu dịch Nhà nước, Bộ Kinh mậu và “Giấy phê chuẩn nghiệp vụ mậu dịch gia công” của ngành chủ quản kinh tế thương mại đối ngoại của các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung Ương cùng các thành phố sắp xếp kế hoạch riêng và bản kê vật liệu nhập khẩu.

Đối với mậu dịch gia công nhập khẩu hoá chất kiểm soát, hoá chất hay dùng để sản xuất ma tuý và thiết bị sản xuất đĩa la-de, cơ quan cấp giấy phép làm theo quy định của khoản (4), (5), (6) Điều 16.

Điều 18. Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu các sản phẩm cơ điện thuộc quản lý hạn ngạch để đầu tư và tự dùng và nhập khẩu các sản phẩm không phải cơ điện thuộc quản lý hạn ngạch dùng cho sản xuất để tiêu thụ trong nội địa, cơ quan cấp giấy phép cấp giấy phép nhập khẩu bằng “Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài” do Bộ Kinh mậu hoặc ngành chủ quản kinh tế thương mại đối ngoại của các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung Ương cùng các thành phố sắp xếp kế hoạch riêng cấp.

Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu thiết bị sản xuất đĩa la-de, cơ quan cấp giấy phép cấp giấy phép nhập khẩu bằng “Giấy phép kinh doanh phức chế sản phẩm nghe nhìn” của Tổng cục báo chí xuất bản Nhà nước. Giấy phê chuẩn của Bộ Kinh mậu, Hợp đồng nhập khẩu (bản sao của bản gốc) và bản kê thiết bị nhập khẩu.

Điều 19. Khi xin cấp giấy phép nhập khẩu, các doanh nghiệp phải khai báo đúng sự thực theo quy định của Biện pháp này, không được ăn gian làm dối, nghiêm cấm lừa đảo giấy phép nhập khẩu bằng các thủ đoạn văn bản giả, hợp đồng giả.

CHƯƠNG V. THỜI HẠN GIÁ TRỊ CỦA GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU

Điều 20. Thời hạn giá trị của giấy phép nhập khẩu là 01 năm.

- a. Giấy phép nhập khẩu phải cấp trong thời hạn giá trị theo quy định của văn bản phê chuẩn của ngành quản lý nhập khẩu.
- b. Giấy phép nhập khẩu có giá trị trong năm. Trong trường hợp đặc biệt cần sử dụng vượt năm, thời hạn giá trị dài nhất không vượt quá cuối tháng 03 năm sau.
- c. Giấy phép nhập khẩu cần sử dụng trong thời hạn giá trị, quá hiệu lực, hải quan không cho thông quan.

Điều 21. Gia hạn giấy phép nhập khẩu

- a. Giấy phép nhập khẩu chưa sử dụng trong thời gian giá trị vì lý do nào đó, các doanh nghiệp nhập khẩu phải xin gia hạn với cơ quan cấp giấy phép ban đầu trong thời hạn giá trị của giấy phép nhập khẩu. Cơ quan cấp giấy phép nên thu hồi giấy phép cũ, và xoá bỏ giấy phép cũ trong hệ thống quản lý mạng điện tử của giấy phép nhập khẩu, cấp mới giấy phép nhập khẩu, và ghi rõ sử dụng gia hạn và số giấy phép cũ trong mục ghi chú.
- b. Giấy phép nhập khẩu chưa sử dụng hết trong thời hạn giá trị vì lý do nào đó, các doanh nghiệp nhập khẩu phải xin gia hạn với cơ quan cấp giấy phép ban đầu về phần chưa sử dụng trong thời hạn giá trị của giấy phép nhập khẩu, cơ quan cấp giấy phép phải thu hồi giấy phép cũ, và xoá bỏ giấy phép cũ trong hệ thống cấp giấy phép, sau khi khấu trừ số lượng đã sử dụng, cấp mới giấy phép nhập khẩu và ghi rõ sử dụng gia hạn và số giấy phép cũ trong mục ghi chú.
- c. Giấy phép nhập khẩu chỉ được gia hạn một lần, thời hạn gia hạn dài nhất không quá 03 tháng.
- d. Không xin gia hạn trong thời hạn giá trị của giấy phép nhập khẩu, giấy phép nhập khẩu hết hiệu lực, cơ quan cấp

giấy phép không giải quyết gia hạn, giấy phép nhập khẩu đó sẽ vô giá trị.

Điều 22. Sửa đổi giấy phép nhập khẩu

- a. Giấy phép nhập khẩu đã được cấp, bất cứ đơn vị và cá nhân nào không được tự sửa nội dung trong giấy phép. Nếu cần sửa đổi, doanh nghiệp nhập khẩu phải xin sửa đổi trong thời hạn giá trị của giấy phép, và nộp lại giấy phép cho cơ quan cấp phép ban đầu, do cơ quan cấp giấy phép ban đầu cấp lại giấy phép mới.
- b. Nội dung sửa đổi của giấy phép nếu liên quan đến các hạng mục quan trọng, đơn vị xin phải cung cấp văn bản đồng ý sửa đổi của cơ quan phê chuẩn ban đầu.

Điều 23. Xử lý việc mất mát giấy phép nhập khẩu

Giấy phép nhập khẩu đã lĩnh nếu có mất mát, đơn vị lĩnh giấy phép phải báo cáo ngay lập tức với cơ quan công an, và đăng trên báo chí tổng hợp hoặc kinh tế của cả nước bản bài cáo huỷ bỏ. Cơ quan cấp giấy phép có thể huỷ bỏ giấy phép nhập khẩu cũ và cấp giấy phép mới bằng văn bản báo cáo do mất, thất lạc theo mẫu báo chí bài cáo huỷ bỏ giấy phép.

Điều 24. Việc xét hỏi về giấy phép nhập khẩu

Các đơn vị như hải quan, công thương, công an, kiểm tra kỷ luật, toà án, v.v...cần xét hỏi hoặc điều tra giấy phép nhập khẩu với cơ quan cấp giấy phép, phải xuất trình giấy tờ liên quan theo pháp luật, cơ quan cấp giấy phép tiếp nhận thẩm tra.

Điều 25. Những hàng hoá quản lý bằng giấy phép nhập khẩu trong khi cơ quan cấp giấy phép có sự điều chỉnh, kể từ ngày được điều chỉnh, cơ quan cấp giấy phép ban đầu không được cấp phép nhập khẩu nữa về những hàng hoá trên, và báo cáo tình hình thực tiễn của doanh nghiệp trước khi điều chỉnh cho cơ quan cấp giấy phép sau khi điều chỉnh. Giấy phép xin lĩnh của doanh nghiệp nhập khẩu trước khi điều chỉnh tiếp tục có giá trị trong thời hạn giá trị. Giấy phép nhập khẩu chưa được

sử dụng hoặc chưa sử dụng hết trong thời hạn giá trị đến làm thủ tục gia hạn với cơ quan cấp phép sau khi điều chỉnh.

CHƯƠNG VI. KIỂM TRA VÀ XỬ PHẠT

Điều 26. Bộ Kinh mậu uỷ quyền cho Cục cấp giấy phép kiểm tra định kỳ đối với các cơ quan cấp giấy phép. Nội dung kiểm tra là tình hình các cơ quan cấp giấy phép thực hiện quy định này, trọng điểm kiểm tra vấn đề là có phải cấp giấy phép trái phép như : vượt qua hạn ngạch, không có hạn ngạch hoặc vượt quá quyền hạn, vượt cấp hay không, cũng như có những hành vi vi phạm khác không. Phương thức kiểm tra, thực hiện biện pháp các cơ quan cấp giấy phép tự kiểm tra định kỳ hoặc không định kỳ kết hợp với kiểm tra một số đơn vị của Cục cấp giấy phép. Cục cấp giấy phép phải báo cáo với Bộ Kinh mậu về tình hình kiểm tra.

Điều 27. Các cơ quan cấp giấy phép phải báo cáo kịp thời số liệu cấp giấy phép theo quy định xác hạch nổi mạng giấy phép của Bộ Kinh mậu, để bảo đảm cho các doanh nghiệp báo quan thuận lợi và sự xác hạch của hải quan. Phải nghiêm chỉnh đối chiếu những số liệu xác hạch phản hồi của hải quan, kiểm tra kịp thời tình hình sử dụng giấy phép, đồng thời tìm ra những vấn đề tồn tại.

Điều 28. Những giấy phép nhập khẩu được cấp vượt mức hạn ngạch, không có hạn ngạch và vượt quyền hạn, vượt cấp sẽ không có giá trị. Đối với những cơ quan cấp giấy phép làm trái với quy định, Bộ Kinh mậu sẽ xử lý bằng cảnh cáo, tạm ngưng hoặc xoá bỏ quyền cấp giấy phép theo tình tiết nặng nhẹ.

Điều 29. Đối với các doanh nghiệp vi phạm Biện pháp này, lừa đảo giấy phép nhập khẩu bằng thủ đoạn lừa dối hoặc các thủ đoạn bất chính khác, Bộ Kinh mậu sẽ xử lý bằng cảnh cáo, tạm ngưng hoặc xoá bỏ tư cách kinh doanh hàng hoá xuất nhập khẩu xét theo tình tiết nặng nhẹ.

Điều 30. Đối với trường hợp làm giả, làm thay đổi hoặc mua bán giấy phép nhập khẩu, chuyển giao cho cơ quan tư pháp truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 225, Điều 280 của Luật Hình sự; trường hợp chưa cấu thành phạm tội, có thể tịch thu thu nhập trái phép theo pháp luật và xử phạt bằng tiền; Bộ Kinh mậu có thể tạm ngưng hoặc xoá bỏ tư cách kinh doanh xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp liên quan.

Điều 31. Đối với giấy phép nhập khẩu đề cập trong Điều 28, 29 và 30, một khi kiểm tra xác thực, Bộ Kinh mậu sẽ thu hồi, rút bỏ. Đối với những vấn đề liên quan đến giấy phép kể trên được phát hiện của hải quan trong giám quản thực tế và quá trình xử lý vụ án, các cơ quan cấp giấy phép phải trả lời rõ ràng và phối hợp tích cực.

Điều 32. Đối với những nhân viên công tác trong cơ quan cấp giấy phép xảy ra hành vi vi phạm nhưng chưa cấu thành phạm tội, phải điều chuyển công tác khác. Xử lý hành chính xét theo tình tiết nặng nhẹ. Trường hợp cấu thành phạm tội, chuyển giao cho cơ quan tư pháp truy cứu trách nhiệm hình sự.

CHƯƠNG VII. CÁC ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN

Điều 33. Trường hợp pháp luật, pháp quy hành chính có quy định riêng về quản lý nhập khẩu hàng hoá đối với các đặc khu kinh tế như khu bảo thuế, khu chế xuất, làm theo những quy định đó.

Điều 34. Việc quản lý giấy phép nhập khẩu trong mậu dịch biên giới vẫn thực hiện theo quy định hữu quan hiện hành.

Điều 35. Biện pháp này do Bộ Kinh mậu chịu trách nhiệm giải thích.

Điều 36. Biện pháp này thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2002. Những quy định quản lý hữu quan trước đây có khác với Biện pháp này, lấy Biện pháp này làm chuẩn.

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIẤY PHÉP TỰ ĐỘNG NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ

*(Lệnh số 20 năm 2001 của Bộ kinh mậu,
Thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2002)*

Điều 1. Để giám sát có hiệu quả đối với nhập khẩu hàng hoá, qui phạm giấy phép nhập khẩu tự động hàng hoá, căn cứ “Qui chế quản lý xuất nhập khẩu hàng hoá nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa”, ấn định Biện pháp này.

Điều 2. Bộ mậu dịch và hợp tác kinh tế với nước ngoài nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa (sau đây gọi tắt là “Bộ Kinh mậu”) xét về nhu cầu tình hình nhập khẩu hàng hoá giám sát, thực hiện quản lý giấy phép nhập khẩu tự động đối với một số hàng hoá.

Điều 3. Danh mục hàng hoá thực hiện quản lý bằng giấy phép nhập khẩu tự động, bao gồm tên mặt hàng cụ thể, số qui định về thuế, do Bộ Kinh mậu phối hợp với các ngành hữu quan xác định và công bố ít nhất trước 21 ngày thực hiện. Danh mục hàng hoá quản lý giấy phép nhập khẩu tự động hiện hành in kèm sau (xem Phụ lục I).

Điều 4. Sau khi có sự thay đổi vì lý do những hàng hoá quản lý giấy phép nhập khẩu tự động, Bộ Kinh mậu sẽ xoá bỏ sự quản lý giấy phép nhập khẩu tự động đối với những hàng hoá đó và ra thông báo.

Điều 5. Giấy phép nhập khẩu tự động do Bộ Kinh mậu uỷ quyền cho Cục sự vụ giấy phép hạn ngạch, ngành chủ quản kinh tế thương mại đối ngoại các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương cùng các thành phố sắp xếp kế hoạch riêng và ngành hữu quan của nhà nước (sau đây gọi chung là “cơ quan cấp giấy phép”) cấp. Danh sách các cơ quan cấp giấy phép kèm theo sau (xem phụ lục II).

“Giấy phép tự động nhập khẩu” (mẫu xem Phụ lục III) và “Dấu chuyên dùng giấy phép nhập khẩu tự động” (mẫu xem Phụ lục IV) do Bộ Kinh mậu chịu trách nhiệm thống nhất ấn hành.

Điều 6. Nhập khẩu những hàng hoá thuộc quản lí bằng giấy phép nhập khẩu tự động, trước khi khai báo với hải quan, người kinh doanh nhập khẩu phải nêu đơn xin cấp giấy nhập khẩu tự động với cơ quan cấp giấy phép nhập khẩu tự động được Bộ Kinh mậu uỷ quyền.

Hải quan là thủ tục kiểm tra bằng “Giấy phép nhập khẩu tự động” có đóng “dấu chuyên dùng giấy phép nhập khẩu tự động”. Ngân hàng làm thủ tục bán ngoại tệ và thanh toán bằng “Giấy phép nhập khẩu tự động”.

Điều 7. Người kinh doanh nhập khẩu phải nộp những hồ sơ sau đây khi xin cấp giấy phép nhập khẩu tự động:

- a. Đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu tự động (mẫu xem Phụ lục V);
- b. Hợp đồng nhập khẩu hàng hoá;
- c. Bản sao văn bản pháp lí của cơ quan chủ quản xác nhận phạm vi kinh doanh;
- d. Trường hợp thuộc về đại lí uỷ thác nhập khẩu, phải nộp hợp đồng đại lí nhập khẩu ký giữa người được uỷ thác với người kinh doanh nhập khẩu;
- e. Trường hợp có qui định riêng về công dụng và người sử dụng cuối cùng về hàng hoá nhập khẩu, phải nộp các tài liệu chứng nhận phù hợp với các qui định của nhà nước về công dụng và người sử dụng cuối cùng của hàng hoá nhập khẩu;
- f. Những tài liệu khác theo qui định của Bộ Kinh mậu.

Điều 8. Những đơn xin cấp giấy phép có nội dung chính xác và hình thức đầy đủ, cơ quan cấp giấy phép phải xem xét ngay trong giới hạn quản lí và cấp giấy phép nhập khẩu tự động sau khi nhận được đơn xin. Trong trường hợp đặc biệt, lâu nhất không quá 10 ngày làm việc, cơ quan cấp giấy phép

phải chuyển kịp thời cho Bộ Kinh mậu những số liệu qua mạng điện tử.

Điều 9. Bất cứ người kinh doanh nào, miễn là phù hợp với yêu cầu của nhà nước về pháp luật, pháp qui kinh doanh nhập khẩu hàng hoá theo giấy phép tự động, đều có tư cách xin và dành được “Giấy phép nhập khẩu tự động”.

Những hàng hoá thuộc quản lí chỉ định kinh doanh của nhà nước, chỉ có các doanh nghiệp chỉ định kinh doanh có tư cách xin và dành được giấy phép nhập khẩu tự động; các doanh nghiệp không phải là chỉ định kinh doanh nếu cần nhập khẩu hàng hoá thuộc chỉ định kinh doanh, phải uỷ thác các doanh nghiệp chỉ định kinh doanh làm đại lí nhập khẩu và do doanh nghiệp chỉ định kinh doanh xin giấy phép nhập khẩu tự động. Đối với trường hợp nhập khẩu hàng hoá quản lí chỉ định kinh doanh với hình thức qui định khác trong quản lí chỉ định kinh doanh, người kinh doanh nhập khẩu có thể xin trực tiếp giấy phép nhập khẩu tự động.

Những hàng hoá thuộc quản lí về mậu dịch quốc doanh, các doanh nghiệp mậu dịch quốc doanh và các doanh nghiệp không phải là mậu dịch quốc doanh xin cấp giấy phép nhập khẩu tự động phải phù hợp với các qui định của nhà nước về mậu dịch quốc doanh.

Trường hợp có qui định đặc biệt về công dụng và người sử dụng cuối cùng hàng hoá nhập khẩu theo luật pháp, pháp qui và các chính sách sản nghiệp của nhà nước, việc xin cấp giấy phép nhập khẩu tự động phải phù hợp với các qui định liên quan.

Điều 10. Nhập khẩu với những hình thức mậu dịch sau đây, miễn xin cấp giấy phép nhập khẩu tự động:

- a. Hình thức mậu dịch gia công;
- b. Nhập khẩu mẫu hàng, hàng quảng cáo;
- c. Các hình thức khác miễn xin cấp giấy phép nhập khẩu tự động theo qui định của pháp luật, pháp qui của nhà nước.

Điều 11. Người kinh doanh nhập khẩu đã có được giấy phép nhập khẩu tự động, nếu chưa sử dụng phải nộp trả lại cho cơ quan cấp giấy phép ban đầu, và nêu rõ nguyên nhân; nếu làm mất, phải lập tức báo cáo với cơ quan cấp giấy phép ban đầu, sau khi xác minh không gây hậu quả xấu, được cấp bù lại giấy phép mới.

Điều 12. Đối với những hàng hoá thuộc quản lý bằng giấy phép nhập khẩu tự động mà nhà nước áp dụng các biện pháp tạm cấm nhập khẩu hoặc hạn chế về số lượng nhập khẩu, kể từ ngày những biện pháp tạm thời bắt đầu có hiệu lực, ngưng cấp giấy phép nhập khẩu tự động.

Điều 13. “Giấy phép nhập khẩu tự động” thực hiện chế độ “một lô một giấy phép”, tức là cùng một giấy phép nhập khẩu tự động không được sử dụng để báo qua chia làm từng lô, từng đợt.

Thời hạn có giá trị của giấy phép nhập khẩu là 6 tháng. Giấy phép nhập khẩu cần gia hạn hoặc thay đổi, đều phải làm mới, giấy phép cũ được huỷ bỏ cùng lúc.

Điều 14. Trường hợp không xin giấy phép nhập khẩu tự động theo qui định của Biện pháp này mà tự nhập khẩu những hàng hoá quản lý bằng giấy phép nhập khẩu tự động thì xử lý theo qui định hữu quan của Luật Hải quan.

Trường hợp làm giả, làm thay đổi, mua bán giấy phép nhập khẩu tự động hoặc dành được giấy phép nhập khẩu tự động bằng những thủ đoạn bất chính như lừa đảo, thì thu hồi giấy phép nhập khẩu tự động theo pháp luật, Bộ Kinh mậu sẽ tạm ngừng thêm chí xoá bỏ giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu của đương sự xét theo tình hình; trường hợp đã vi phạm Luật Hình sự, chuyển giao cho ngành tư pháp truy cứu trách nhiệm hình sự của đương sự.

Do nhu cầu về điều tra và xử lý vụ án vi phạm pháp luật, hải quan có thể giữ lại giấy phép nhập khẩu tự động theo pháp luật.

Điều 15. Chi tiết hướng dẫn thực hiện quản lí về giấy phép nhập khẩu tự động hàng công nghiệp quan trọng do Uỷ ban kinh tế mậu dịch nhà nước, Bộ Kinh mậu cùng qui định và công bố theo biện pháp này.

Chi tiết hướng dẫn thực hiện quản lí về giấy phép nhập khẩu tự động sản phẩm cơ điện do Bộ Kinh mậu qui định và công bố theo Biện pháp này.

Điều 16. Việc quản lí giấy phép nhập khẩu tự động hàng hoá của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài làm theo qui định hữu quan hiện hành.

Điều 17. Những hàng hoá thuộc quản lí bằng giấy phép nhập khẩu tự động đưa vào các khu bảo thuế và khu chế xuất ở nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa không theo qui định của Biện pháp này.

Điều 18. Biện pháp này do Bộ Kinh mậu chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành.

Điều 19. Biện pháp này bắt đầu thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2002. Huỷ bỏ các qui định trước đây trái với Biện pháp này, lấy Biện pháp này làm chuẩn.

BIỆN PHÁP ĐỊNH GIÁ PHÍ SỬ DỤNG QUYỀN CHO PHÉP ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU

Để quy phạm việc định giá phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt đối với hàng hoá nhập khẩu, Tổng cục Hải quan hôm nay đã thông qua “Biện pháp định giá phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt đối với hàng hoá nhập khẩu”, đã giảm bớt được khả năng nhập khẩu phần mềm trốn thuế và cũng bảo hộ được quyền sở hữu trí tuệ ở một mức độ nhất định.

Điều 1: Để quy phạm việc định giá phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt đối với hàng hoá nhập khẩu, căn cứ theo “Luật Hải quan nước CHND Trung Hoa” và “Điều lệ thuế quan xuất nhập khẩu nước CHND Trung Hoa”, nay ban hành biện pháp này.

Điều 2: Phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt trong biện pháp này chỉ chi phí bên mua hàng hoá nhập khẩu chi ra nhằm được phép sử dụng quyền chuyên doanh, thương hiệu, độc quyền sở hữu kỹ thuật, quyền tác giả và các quyền lợi khác, bao gồm:

1. Phí sử dụng quyền chuyên doanh
2. Phí sử dụng quyền thương hiệu
3. Phí sử dụng quyền sở hữu kỹ thuật
4. Phí sử dụng quyền tác giả
5. Phí sử dụng quyền phân phối tiêu thụ hoặc chuyển quyền tiêu thụ
6. Phí các loại tương tự khác

Điều 3: Phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt đồng thời phù hợp với các điều kiện sau nên tính giá thuế hàng hoá nhập khẩu:

1. Có liên quan đến hàng hoá nhập khẩu

2. Chi phí chi ra được coi là điều kiện để bên bán xuất khẩu tiêu thụ hàng hoá tại nước CHND Trung Hoa

Điều 4: Phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt phù hợp với quy định từ điều 5 đến điều 8 của biện pháp này nên chú trọng liên quan đến hàng hoá nhập khẩu.

Điều 5: Phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt là dùng để thanh toán quyền chuyên doanh hoặc độc quyền sở hữu kỹ thuật, hơn nữa hàng hoá nhập khẩu phải thuộc một trong những hình thức sau:

1. Hàng hoá mang tính chuyên doanh hoặc độc quyền sở hữu kỹ thuật.
2. Hàng hoá sử dụng phương pháp riêng hoặc sản xuất kỹ thuật độc quyền.
3. Để thực hiện chuyên doanh hoặc độc quyền sở hữu kỹ thuật nên máy móc, thiết bị có thiết kế và chế tạo chuyên môn.

Nhập khẩu những hàng hoá chuyên doanh hoặc độc quyền sở hữu kỹ thuật như băng ghi âm, đĩa hoặc những loại hàng hoá tương tự khác thông qua những phương thức như mạng, vệ tinh...nên xác định liên quan đến hàng hoá nhập khẩu ở điều trên.

Điều 6: Phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt là dùng để thanh toán quyền thương hiệu, hơn nữa hàng hoá nhập khẩu phải thuộc một trong những hình thức sau:

1. Hàng hoá nhập khẩu có nhãn hiệu
2. Hàng hoá nhập khẩu sau khi nhập khẩu phải kèm theo nhãn hiệu mới có thể trực tiếp tiêu thụ
3. Hàng hoá khi nhập khẩu đã có quyền thương hiệu, sau khi kiểm tra đính thêm nhãn hiệu mới có thể tiêu thụ.

Điều 7: Phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt là dùng để thanh toán quyền tác giả, hơn nữa hàng hoá nhập khẩu phải thuộc một trong những hình thức sau:

1. Hàng hoá nhập khẩu chứa đựng phần mềm, văn tự, bản nhạc, đồ hoạ, tranh hoặc những loại tương tự khác, bao gồm: đĩa, băng ghi âm, VCD hoặc các loại khác.
2. Hàng hoá nhập khẩu chứa đựng nội dung quyền tác giả khác

Điều 8: Phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt dùng để thanh toán quyền phân phối tiêu thụ, quyền chuyển nhượng tiêu thụ hoặc các quyền lợi tương tự khác của bên bán nhập khẩu hàng hoá tại nước CHND Trung Hoa, hơn nữa hàng hoá nhập khẩu phải thuộc một trong những hình thức sau:

1. Hàng hoá sau khi nhập khẩu có thể trực tiếp tiêu thụ
2. Hàng hoá đã qua gia công sơ có thể chuyển quyền tiêu thụ

Điều 9: Thanh toán phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt tạo thành điều kiện tiền đề để bên bán nhập khẩu hàng hoá tiêu thụ hàng hoá này trong nước CHND Trung Hoa, tức là nếu bên bán chưa thanh toán khoản chi phí trên thì hàng hoá này không thể coi những điều kiện đã thoả thuận trong hợp đồng là điều kiện phù hợp với quy định tại mục 2 điều 3.

Điều 10: Phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt tính cả giá thuế nên thu thuế căn cứ vào mức thuế thích hợp của hàng hoá nhập khẩu này.

Điều 11: Người nhận hàng đồng thời với việc báo Hải quan về hàng hoá nhập khẩu, phải báo cáo Hải quan tình hình thanh toán phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt bằng phương thức nào, đồng thời cũng phải cung cấp những tài liệu số liệu khách quan có thể tính toán được.

Phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt do người nhận hàng thanh toán phù hợp với quy định tại điều 3 của biện pháp này, phải tính cả giá thuế của hàng hoá nhập khẩu, hải quan phải căn cứ vào những tài liệu số liệu khách quan có thể tính toán được để tiến hành thẩm định và xác định giá thuế của hàng hoá nhập khẩu đối với phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt. Nếu người nhận hàng không thể cung cấp những tài liệu số liệu liên

quan, hoặc những tài liệu số liệu người nhận hàng cung cấp không thể khách quan tính toán được, Hải quan tiến hành định giá thuế hàng hoá nhập khẩu theo “Biện pháp thẩm định giá thuế đối với hàng hoá xuất nhập khẩu của nước CHND Trung Hoa”.

Nếu người nhận hàng cung cấp chứng cứ chứng minh phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt không phù hợp với quy định tại điều 3 của biện pháp này, sau khi Hải quan kiểm tra xác định, sẽ không tính giá thuế đối với hàng hoá nhập khẩu. Trong giá thuế mà người nhận hàng báo cáo đã bao gồm cả phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt này, nên phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt không được tự ý đưa ra khấu trừ cho người nhận hàng, mà hải quan phải căn cứ vào tài liệu số liệu không thể xác định do người nhận hàng cung cấp, không dành cho khấu trừ.

Điều 12: Toàn bộ phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt do người nhận thanh toán chỉ có phần phí chuyên doanh phù hợp với quy định tại điều 3 của biện pháp này, hoặc phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt mà người nhận hàng thanh toán phù hợp với quy định tại điều 3 của biện pháp này chỉ liên quan đến phần hàng hoá nhập khẩu, Hải quan phải căn cứ vào nguyên tắc kế toán về tiêu chuẩn, công nhận khách quan có thể tính toán được tiến hành tính toán hợp lý, đồng thời phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt của phần liên quan tính vào giá thuế hàng hoá nhập khẩu.

Điều 13: Những phí sau đây có liên quan đến hàng hoá nhập khẩu thuộc diện đơn phương đưa ra, sau khi Hải quan kiểm tra xác nhận, không tính vào giá thuế hàng hoá nhập khẩu:

1. Phí thanh toán hàng hoá nhập khẩu phục chế trong nước
2. Phí đào tạo kỹ thuật và khảo sát bên ngoài

Trong giá thuế mà người nhận hàng báo cáo đã bao gồm phí trên đây, phải dành cho khấu trừ. Phí trên đây chưa được đơn phương ghi rõ, hải quan sẽ căn cứ vào số liệu tài liệu

không thể xác định do người nhận hàng cung cấp, không dành cho khấu trừ.

Điều 14: Người nhận hàng nhập khẩu hàng hoá vi phạm quy định, báo cáo giả dối không đúng sự thật chi phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt, hải quan căn cứ theo “Luật Hải quan nước CHND Trung Hoa” và “Quy tắc chi tiết về việc thực hiện xử lý hành chính trong Luật Hải quan nước CHND Trung Hoa” tiến hành xử lý và truy cứu trách nhiệm hình sự theo luật pháp.

Điều 15: Hàm nghĩa của những thuật ngữ đưa ra trong biện pháp này

“Thanh toán chi phí” trong biện pháp này là toàn bộ phí sử dụng quyền cho phép đặc biệt do bên mua thanh toán bằng các loại phương thức, bao gồm thực thu, ứng thu.

“Phần mềm” trong biện pháp này là chỉ trình tự hoặc thứ tự trong văn bản sử dụng thiết bị xử lý số liệu quy định trong “Điều lệ bảo đảm phần mềm máy tính”.

“Độc quyền sở hữu kỹ thuật” trong biện pháp này là chỉ kiến thức, kinh nghiệm, quyết sách...ở các mặt lưu trình công nghệ, thiết kế sản phẩm, khống chế chất lượng, kiểm tra dự đoán, kể cả quản lý kinh doanh...chưa được công khai được thể hiện trên những hình thức như trên giấy, mô hình, tư liệu kỹ thuật và quy phạm.

“Phí bồi dưỡng kỹ thuật” trong biện pháp này là chỉ bên thứ 3 liên quan đến bên bán hoặc bên mua tiến hành hướng dẫn kỹ thuật liên quan đến hàng hoá nhập khẩu cho nhân viên kỹ thuật do bên mua cử. Bên mua hàng hoá nhập khẩu thanh toán toàn bộ chi phí liên quan như: giáo viên, giáo trình, ăn, ở, bảo hiểm...

“Gia công sơ” trong biện pháp này chỉ đến các động tác như trộn, phân loại, lắp ráp đơn giản, tái bao bì hoặc những gia công tương tự khác.

Điều 16: Biện pháp này do Tổng cục hải quan phụ trách giải thích.

Điều 17: Biện pháp này thực hiện kể từ ngày 1/7/2003.

“Biện pháp thực hiện tạm thời về việc miễn thuế thu phí phần mềm hàng hoá nhập khẩu của Hải quan nước CHND Trung Hoa” ban hành ngày 8/1/1993 đồng thời huỷ bỏ.

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CHỈ ĐỊNH KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

*(Công báo số 28 năm 2001 của Bộ Kinh mậu
Thực hiện kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2001)*

Điều 1: Để giữ gìn trật tự kinh doanh nhập khẩu hàng hóa quản lý chỉ định kinh doanh, căn cứ “Luật mậu dịch đối ngoại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa” và “Quy chế quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa”, ấn định biện pháp này.

Điều 2: Danh mục hàng hóa thực hiện quản lý chỉ định kinh doanh do Bộ Mậu dịch và Hợp tác kinh tế đối ngoại Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (sau đây gọi tắt là “Bộ Kinh mậu”) hoạch định, điều chỉnh và công bố. Danh mục hàng hóa quản lý chỉ định kinh doanh hiện hành kèm theo sau (Xem phụ lục).

Điều 3: Hàng hóa thực hiện quản lý chỉ định kinh doanh do các doanh nghiệp được Bộ Kinh mậu chỉ định (sau đây gọi tắt là “doanh nghiệp chỉ định kinh doanh”) tiến hành nghiệp vụ kinh doanh nhập khẩu, các doanh nghiệp không được chỉ định kinh doanh không được tiến hành nghiệp vụ kinh doanh nhập khẩu những hàng hóa đó.

Điều 4: Bộ Kinh mậu xác định các doanh nghiệp chỉ định kinh doanh trên nguyên tắc công chính, công khai và công bằng. Số lượng các doanh nghiệp chỉ định kinh doanh sẽ tăng lên từng năm. Danh mục các doanh nghiệp chỉ định kinh doanh do Bộ Kinh mậu công bố.

Điều 5: Các doanh nghiệp xin chỉ định kinh doanh phải phù hợp với những điều kiện sau:

- a. Có tư cách pháp nhân của doanh nghiệp, vốn (lãng ký (hoặc vốn điều lệ) không dưới 10 triệu nhân dân tệ (các

doanh nghiệp tại các đặc khu kinh tế, khu mới Phố Đông Thương hải, vùng miền Trung và miền Tây không dưới 5 triệu nhân dân tệ);

- b. Có mạng lưới thu mua và tiêu thụ, hiểu biết về tình hình thị trường trong và ngoài nước;
- c. Có tư cách kinh doanh xuất nhập khẩu đã 2 năm và không có ghi chép về kinh doanh trái phép trong 2 năm;
- d. Các điều kiện khác theo quy định của Bộ Kinh mậu.

Điều 6: Các doanh nghiệp xin chỉ định kinh doanh phải nộp cho Bộ Kinh mậu những hồ sơ sau:

- a. Đơn xin phép doanh nghiệp chỉ định kinh doanh;
- b. Bản sao “Giấy phép đăng ký kinh doanh pháp nhân doanh nghiệp” đã được kiểm tra từng năm.
- c. Bản sao “Giấy chứng nhận tư cách doanh nghiệp xuất nhập khẩu Cộng hòa nhân dân Trung Hoa” hoặc “Giấy phép doanh nghiệp đầu tư nước ngoài”;
- d. Mạng lưới thu mua và tiêu thụ, báo cáo phân tích tình hình cung cầu và thị trường trong và ngoài nước;
- e. Những tài liệu khác phải nộp theo quy định của Bộ Kinh mậu.

Điều 7: Việc xác định các doanh nghiệp chỉ định kinh doanh mỗi năm tập trung một lần. Trình tự cụ thể như sau:

- a. Tháng 9 hàng năm, Bộ Kinh mậu sẽ xác định số lượng các doanh nghiệp chỉ định kinh doanh được tăng mới cho các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương, các thành phố sắp xếp kế hoạch riêng;
- b. Các doanh nghiệp phải báo cáo trước ngày 15 tháng 10 hàng năm với uỷ ban (sở, cục) kinh tế mậu dịch đối ngoại tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương, thành phố sắp xếp kế hoạch riêng sở tại của mình (sau đây gọi tắt là “ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại cấp tỉnh”), và nộp tài liệu báo cáo theo quy định; Các doanh nghiệp trung ương cùng các doanh nghiệp lệ thuộc doanh nghiệp trung ương, do doanh nghiệp trung ương báo cáo với Bộ Kinh mậu

- c. Ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại cấp tỉnh lựa chọn doanh nghiệp xuất sắc để tiến cử trong số lượng tăng trong năm, báo cáo với Bộ Kinh mậu trước ngày 15 tháng 11 hàng năm danh sách các doanh nghiệp được tiến cử và những tài liệu báo cáo; Các doanh nghiệp trung ương báo cáo với Bộ Kinh mậu trước ngày 15 tháng 11 hàng năm danh sách các doanh nghiệp và tài liệu báo cáo;
- d. Bộ Kinh mậu xác định và công bố trước ngày 15 tháng 12 hàng năm danh sách các doanh nghiệp chỉ định kinh doanh tăng mới;
- e. Các doanh nghiệp dành được tư cách chỉ định kinh doanh phải làm thủ tục sửa đổi phạm vi (hoặc nội dung) kinh doanh trong “Giấy chứng nhận tư cách doanh nghiệp xuất nhập khẩu Cộng hòa nhân dân Trung Hoa” hoặc “Giấy phép doanh nghiệp đầu tư nước ngoài” theo quy định và đến các ngành công thương, hải quan làm những thủ tục tương ứng.

Điều 8: Các doanh nghiệp mậu dịch biên giới tiến hành nghiệp vụ nhập khẩu qua biên giới những hàng hóa quản lý chỉ định kinh doanh, Bộ Kinh mậu uỷ quyền cho ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại của các tỉnh, khu tự trị vùng biên giới các định các doanh nghiệp chỉ định kinh doanh trong tổng số lượng được quy định. Danh sách các doanh nghiệp được xác định chỉ định kinh doanh phải gửi Bộ Kinh mậu lưu trữ.

Điều 9: Bộ Kinh mậu tiến hành kiểm tra năm đối với tư cách chỉ định kinh doanh của các doanh nghiệp chỉ định kinh doanh. Thời gian, trình tự và yêu cầu về kiểm tra năm làm theo quy định kiểm tra năm “Giấy chứng nhận tư cách doanh nghiệp xuất nhập khẩu Cộng hòa nhân dân Trung Hoa” hoặc kiểm tra năm doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

Các doanh nghiệp chỉ định kinh doanh chưa thông qua việc kiểm tra từng năm, Bộ Kinh mậu có thể xoá bỏ tư cách chỉ định kinh doanh của doanh nghiệp đó.

Điều 10: Các doanh nghiệp chỉ định kinh doanh không được lựa chọn nhà cung cấp với lý do phi thương mại.

Điều 11: Các doanh nghiệp không phải là chỉ định kinh doanh nếu cần nhập khẩu những hàng hóa quản lý chỉ định kinh doanh phải uỷ thác các doanh nghiệp chỉ định kinh doanh làm đại lý nhập khẩu.

Các doanh nghiệp chỉ định kinh doanh không được từ chối uỷ thác nhập khẩu như trên với lý do phi thương mại.

Điều 12: Các doanh nghiệp chỉ định kinh doanh không tuân thủ quy định điều 9, điều 10, điều 11 của Biện pháp này, Bộ Kinh mậu có thể xử lý hành chính bằng cảnh cáo, tạm ngưng hoặc xoá bỏ tư cách doanh nghiệp chỉ định kinh doanh.

Điều 13: Các doanh nghiệp chỉ định kinh doanh bị Bộ Kinh mậu tạm ngưng, xoá bỏ tư cách kinh doanh mậu dịch đối ngoại thì tư cách của doanh nghiệp chỉ định kinh doanh bị tạm ngưng, xoá bỏ cùng lúc.

Điều 14: Các doanh nghiệp chỉ định kinh doanh nếu phát sinh những sự việc quan trọng như cơ cấu lại vốn và tài sản, thay đổi chế độ sở hữu hoặc sửa đổi tên của doanh nghiệp phải báo cáo trong 5 ngày làm việc cho Bộ Kinh mậu để lưu trữ.

Điều 15: Trường hợp nhập khẩu những hàng hóa quản lý chỉ định kinh doanh với những hình thức sau đây không chịu sự hạn chế về tư cách doanh nghiệp chỉ định kinh doanh:

- a. Nhập khẩu với hình thức mậu dịch gia công;
- b. Các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài nhập khẩu để đầu tư hoặc nhập khẩu để sản xuất tự dụng;
- c. Nhập khẩu theo hiệp nghị mậu dịch giữa chính phủ với chính phủ;
- d. Nhập khẩu với hình thức quyền biểu;

- e. Nhập khẩu cho dự án vốn vay của chính phủ nước ngoài, khoản vay của Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Phát triển châu Á;
- f. Nhập khẩu những vật tư đổi về trong khoán thầu công trình về hợp tác lao động;
- g. Nhập khẩu cho khu chế xuất, khu bảo thuế.

Điều 16: Biện pháp này do Bộ Kinh mậu chịu trách nhiệm giải trình.

Điều 17: Biện pháp này thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2002./.

BIỆN PHÁP THỰC HIỆN TẠM THỜI VỀ QUẢN LÝ HẠN NGẠCH NHẬP KHẨU CAO SU THIÊN NHIÊN

(Ban bố theo số 20 lệnh Ủy ban kế hoạch phát triển nhà nước- Bộ mậu dịch và hợp tác kinh tế đối ngoại - Tổng cục Hải quan ngày 1/2/2002. Thực hiện kể từ ngày 5/2/2002)

Điều 1. Để quy phạm việc quản lý nhập khẩu cao su thiên nhiên, xây dựng thể chế quản lý hạn ngạch nhập khẩu một cách công bằng, ngay thẳng, thông thoáng, căn cứ "Luật thương mại đối ngoại nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa" và "Quy chế quản lý xuất nhập khẩu hàng hoá nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa" ấn định biện pháp này.

Điều 2. Nhà nước dựa theo sự cam kết với nước ngoài và tình hình sản xuất công, nông nghiệp và nhu cầu về thị trường, xác định khối lượng nhập khẩu trong năm về cao su thiên nhiên.

Điều 3. Việc nhập khẩu cao su thiên nhiên thực hiện quản lý toàn bộ đầu mối, trừ quy định của khoản 2 điều 5 của Biện pháp này, cao su thiên nhiên được nhập khẩu với mọi hình thức mậu dịch đều phải xếp vào quản lý hạn ngạch.

Điều 4. Hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên do Ủy ban kế hoạch phát triển Nhà nước (sau đây gọi tắt là "Ủy ban kế hoạch Nhà nước ") thực hiện quản lý chung. Giấy phép nhập khẩu cao su thiên nhiên do Bộ kinh mậu chịu trách nhiệm quản lý.

Ủy ban kế hoạch Nhà nước uỷ quyền cho các cơ quan được uỷ quyền ở các địa phương chịu trách nhiệm phân bổ hạn ngạch và cấp " Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên ". Danh sách các cơ quan được uỷ quyền xem phụ kiện I.

Điều 5. " Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên " được chia làm 2 loại A và B nhập khẩu với các hình thức mậu dịch thông thường, mậu dịch đổi hàng, mậu dịch tiểu ngạch biên giới, viện trợ và quỳn biểu (sau đây được gọi tắt là mậu dịch thông thường) phải làm " Giấy chứng nhận hạn nhập khẩu ngạch cao su thiên nhiên (loại A)" (xem phụ kiện II); nhập khẩu với hình thức mậu dịch gia công phải làm " Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên (loại B)" (xem phụ kiện III). Việc nhập khẩu của các kho bảo thuế , khu bảo thuế, khu chế xuất không thực hiện quản lý hạn ngạch , do Hải quan xét nghiệm thông quan theo quy định hiện hành và tiến hành giám quản.

Điều 6. Thời hạn xin hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên loại A là từ ngày 15 đến ngày 31 tháng 10 hàng năm. Ủy ban kế hoạch Nhà nước sẽ công bố trước một tháng ngày xin phép về tổng khối lượng hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên của năm tới và những điều kiện cụ thể xin cấp phép trên " Báo kinh tế Trung Quốc ", "Báo thương mại quốc tế" và trên mạng thông tin kinh tế Trung Quốc (<http://www.cei.gov.cn>), mạng Ủy ban kế hoạch phát triển Nhà nước (<http://www.sdpc.gov.cn>), mạng chính phủ Bộ kinh mậu (<http://www.moftec.gov.cn>).

Điều 7. Cơ quan được Ủy ban kế hoạch Nhà nước ủy quyền (sau đây gọi tắt là " cơ quan được ủy quyền") chịu trách nhiệm nhận đơn xin hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên loại A của các doanh nghiệp trong phạm vi địa bàn của mình.

Điều 8. Cơ quan được ủy quyền xét duyệt đơn xin và hồ sơ liên quan của người xin cấp phép theo những điều kiện cụ thể đã được công bố. Những đơn xin không phù hợp với những điều kiện cụ thể đã được công bố, cơ quan được ủy quyền có quyền không thụ lý.

Điều 9. Cơ quan được ủy quyền sẽ thông báo cho người sử dụng cuối cùng trước ngày 1 tháng 12 hàng năm về lượng phân

bổ hạn ngạch loại A trong năm tới bằng hình thức " Giấy thông báo hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên"(mẫu xem phụ kiện IV)

Điều 10. Hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên loại A sẽ phân bổ theo số lượng xin cấp và thành tích thực tế nhập khẩu trước đây, khả năng sản xuất và chế biến của người xin cấp phép.

Điều 11. Những người xin cấp phép nhập khẩu với hình thức mậu dịch gia công, gửi đơn xin bằng "Giấy chứng nhận phê chuẩn nghiệp vụ mậu dịch gia công" do cơ quan kinh tế thương mại đối ngoại phê chuẩn.

Điều 12. Hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên trong năm bắt đầu thực hiện từ ngày 1 tháng 1 hàng năm. " Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên" có giá trị trong năm kế hoạch.

Điều 13. Người sử dụng cuối cùng đến cơ quan được uỷ quyền làm thủ tục " Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên (loại A)" bằng " Giấy thông báo sắp xếp hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên" và Hợp đồng nhập khẩu đã ký kết ; Doanh nghiệp mậu dịch gia công đến cơ quan được uỷ quyền làm thủ tục lĩnh " Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên (loại B)" bằng " Giấy phép nghiệp vụ mậu dịch gia công".

Sau khi nhận hồ sơ, trong thời gian 5 ngày làm việc, trường hợp riêng biệt nhiều nhất không vượt quá 10 ngày làm việc, cơ quan được uỷ quyền làm thủ tục cho người sử dụng cuối cùng" Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên (loại A)" hoặc " Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên (loại B)", và đóng "Dấu chuyên dùng Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu các nông sản".

Điều 14. Các cơ quan cấp phép được Bộ kinh mậu uỷ quyền cấp " Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên" dựa theo "Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu

cao su thiên nhiên (loại A)" do các cơ quan được Ủy ban kế hoạch Nhà nước uỷ quyền cấp.

Điều 15. Việc nhập khẩu cao su thiên nhiên ngoại trừ mậu dịch gia công, kho bảo thuế, khu bảo thuế, khu chế xuất, Hải quan xét nghiệm và cho thông quan bằng giấy phép nhập khẩu.

Điều 16. Hải quan làm thủ tục lưu hồ sơ hợp đồng mậu dịch gia công cho các doanh nghiệp mậu dịch gia công bằng "Giấy phê chuẩn nghiệp vụ mậu dịch gia công" do cơ quan kinh tế mậu dịch đối ngoại cấp và "Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên (loại B)" do cơ quan được uỷ quyền cấp.

Điều 17. Nếu người sử dụng cuối cùng không thể ký kết hợp đồng nhập khẩu với toàn bộ số lượng hạn ngạch được cấp trong năm, phải hoàn trả lại cho cơ quan được uỷ quyền cấp phép trước ngày 1 tháng 9 lượng hạn ngạch cao su thiên nhiên không thể hoàn thành được và bản gốc "Giấy thông báo".

Điều 18. Nếu vẫn còn có đơn xin chưa đáp ứng được, cơ quan được uỷ quyền nên lập tức tái phân bổ số lượng hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên đã hoàn trả lại; hoặc trong các trường hợp khác, trong thời gian 10 ngày làm việc sau khi nhận được đơn xin, tái phân bổ số lượng hạn ngạch nhập khẩu đã hoàn trả lại.

Điều 19. Các doanh nghiệp mậu dịch gia công phải chế biến tái xuất khẩu theo quy định. Nếu thực sự không thể thực hiện hợp đồng xuất khẩu trong trường hợp đặc biệt, mà cần phải tiêu thụ trong nội địa cao su thiên nhiên nhập khẩu bảo thuế hoặc các sản phẩm từ cao su với dạng mậu dịch gia công, thì các doanh nghiệp mậu dịch gia công nên đề xuất đơn xin tiêu thụ trong nội địa với ngành chủ quản kinh tế mậu dịch đối ngoại cấp tỉnh trong thời hạn thực hiện hợp đồng, sau khi ngành chủ quản kinh tế mậu dịch đối ngoại cấp tỉnh phối hợp với cơ quan được Ủy ban kế hoạch Nhà nước uỷ quyền xem xét

và trình Bộ kinh mậu phê chuẩn, đến ngành chủ quản kinh tế mậu dịch đối ngoại cấp tỉnh lĩnh "Giấy phê chuẩn tiêu thụ trong nội địa vật liệu nhập khẩu bảo thuế mậu dịch gia công". Doanh nghiệp xin cấp "Giấy chứng nhận hạn ngạch loại A" và "Giấy phép nhập khẩu", "Giấy phê chuẩn tiêu thụ trong nội địa vật liệu nhập khẩu bảo thuế mậu dịch gia công" theo những điều kiện xin hạn ngạch mậu dịch thông thường và trình tự quy định trong điều 13, điều 14, điều 18. Khi được cấp "Giấy chứng nhận hạn ngạch loại A", hoàn trả lại "Giấy chứng nhận hạn ngạch loại B".

- a. Trong thời hạn quyết toán theo quy định, các doanh nghiệp mậu dịch gia công nộp cho hải quan "Giấy phê chuẩn tiêu thụ trong nội địa vật liệu nhập khẩu bảo thuế mậu dịch gia công", "Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên (loại A)" và Giấy phép nhập khẩu, sau khi trung thu bù theo quy định hữu quan của Nhà nước khoản thuế và lợi tức khoản thuế nộp chậm đối với vật liệu nhập khẩu, hải quan làm thủ tục quyết toán hợp đồng mậu dịch gia công .
- b. Trong thời hạn quyết toán theo quy định, các doanh nghiệp xin lĩnh được "Giấy phê chuẩn tiêu thụ trong nội địa vật liệu nhập khẩu bảo thuế mậu dịch gia công" nhưng không xin lĩnh được "Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên (loại A)" và Giấy phép nhập khẩu, bằng "Giấy phê chuẩn tiêu thụ trong nội địa vật liệu nhập khẩu bảo thuế mậu dịch gia công" và "Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên (loại B)" do doanh nghiệp cung cấp , hải quan sẽ trung thu bù theo quy định hữu quan của Nhà nước khoản thuế và lợi tức khoản thuế nộp chậm đối với vật liệu nhập khẩu, và xử phạt 30% khoản tiền ngang giá trị những vật liệu nhập khẩu, làm thủ tục quyết toán hợp đồng mậu dịch gia công.
- c. Trong thời hạn quyết toán theo quy định, các doanh nghiệp không xin lĩnh được "Giấy phê chuẩn tiêu thụ trong nội địa vật liệu nhập khẩu bảo thuế mậu dịch gia công" "Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên (loại A)" và Giấy phép nhập khẩu, bằng "Giấy

chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên (loại B)", do doanh nghiệp cung cấp hải quan sẽ sẽ trưng thu bù theo quy định hữu quan của Nhà nước khoản thuế và lợi tức khoản thuế nộp chậm đối với vật liệu nhập khẩu, và xử phạt 50% khoản tiền ngang giá trị những vật liệu nhập khẩu, làm thủ tục quyết toán hợp đồng mậu dịch gia công.

Điều 20. Các doanh nghiệp mậu dịch gia công chưa được phép mà tự tiêu thụ trong nội địa những vật liệu nhập khẩu bảo thuế hoặc các sản phẩm làm ra từ những vật liệu đó, hải quan sẽ xử lý theo quy định đối với hàng buôn lậu.

Điều 21. Kinh doanh nhập khẩu cao su thiên nhiên được thực hiện theo quy định " Biện pháp quản lý kinh doanh chỉ định nhập khẩu hàng hoá" của Bộ kinh mậu.

Điều 22. Mua ngoại tệ để nhập khẩu cao su thiên nhiên được thực hiện theo những quy định hữu quan của Nhà nước.

Điều 23. Đối với những trường hợp làm giả, làm thay đổi hoặc mua bán "Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên ", căn cứ vào những quy định về tội kinh doanh trái phép, hoặc tội làm giả , làm thay đổi, mua bán công văn, giấy tờ, con dấu của cơ quan Nhà nước, truy cứu trách nhiệm hình sự theo luật pháp, và thu hồi "Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên ", Uỷ ban kế hoạch Nhà nước và cơ quan được uỷ quyền không tiếp nhận nữa đơn xin hạn ngạch nhập khẩu của những đương sự ; Nếu chưa đủ mức xử phạt hình sự, thu hồi "Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên ", Uỷ ban kế hoạch Nhà nước và cơ quan được uỷ quyền không tiếp nhận nữa đơn xin hạn ngạch nhập khẩu của những đương sự.

Điều 24. Đối với những trường hợp làm giả hợp đồng nhập khẩu và các hồ sơ liên quan để lừa đảo hồi "Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên " của đương sự theo luật pháp, Uỷ ban kế hoạch Nhà nước và cơ quan được uỷ

quyền không tiếp nhận nữa đơn xin hạn ngạch nhập khẩu của đương sự .

Điều 25. "Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên (loại A)", "Giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên (loại B)" và "Dấu chuyên dùng giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu các nông sản " do Ủy ban kế hoạch Nhà nước giám sát chế tạo chung.

BIỆN PHÁP THỰC HIỆN QUY CHẾ XUẤT XỨ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

(Ban hành theo Số 1 Lệnh Bộ Kinh tế và Mậu dịch với nước
ngoài ngày 01 tháng 04 năm 1992)

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ “Quy chế xuất xứ hàng hoá xuất khẩu nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa”, nhằm tăng cường công tác quản lý cấp chứng nhận xuất xứ hàng hoá xuất khẩu của Trung Quốc (sau đây gọi tắt là chứng nhận xuất xứ) ấn định biện pháp này.

Điều 2. Bộ Kinh tế và Mậu dịch với nước ngoài Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (sau đây gọi tắt là Bộ Kinh mậu) thực hiện việc giám sát, quản lý chung đối với công tác xuất xứ hàng hoá xuất khẩu của cả nước, và chịu trách nhiệm đàm phán với các chính phủ nước ngoài và các tổ chức quốc tế về quy chế xuất khẩu cũng như việc ký kết hiệp định về quy chế xuất xứ.

Ngành chủ quản kinh tế và thương mại của chính quyền nhân dân các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm về công tác xuất xứ hàng hoá xuất khẩu trong địa bàn mình.

CHƯƠNG II. CÁC CƠ QUAN CẤP CHỨNG NHẬN

Điều 3. Cục kiểm nghiệm hàng hoá xuất nhập khẩu Nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (sau đây gọi tắt là Cục kiểm nghiệm hàng hoá Nhà nước) đặt tại các địa phương, Hội xúc tiến mậu dịch quốc tế Trung Quốc cùng các phân hội (sau đây gọi tắt là Hội xúc tiến mậu dịch) cũng như các cơ quan khác được Bộ Kinh mậu chỉ định cấp chứng nhận xuất xứ.

Các cơ quan cấp chứng nhận xuất xứ báo cáo cho Bộ Kinh mậu về tên gọi, con dấu, họ và tên của người được ủy quyền cấp chứng nhận của cơ quan mình, và do Bộ Kinh mậu thông báo cho các ngành hữu quan của nước ngoài xét theo nhu cầu.

CHƯƠNG III. TƯ CÁCH XIN CHỨNG NHẬN

Điều 4. Các doanh nghiệp thành lập theo pháp luật, có quyền kinh doanh thương mại đối ngoại, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh “gia công theo nguyên vật liệu”, “gia công theo mẫu”, “lắp ráp theo linh kiện phụ kiện” và “mậu dịch bù trừ”, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong địa phận Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, có thể xin lĩnh chứng nhận xuất xứ với các cơ quan cấp chứng nhận theo quy định Điều 3 của Biện pháp này.

CHƯƠNG IV. XIN CẤP VÀ CẤP PHÁT

Điều 5. Các đơn vị xin cấp phải mang giấy phép thương mại, văn bản chứng minh quyền kinh doanh thương mại đối ngoại được ngành chủ quản phê chuẩn và các tài liệu liên quan được chứng nhận hàng hoá phù hợp các tiêu chuẩn xuất xứ hàng hoá xuất khẩu đến làm thủ tục đăng ký với các cơ quan nơi sở tại.

Đối với những tài liệu của các đơn vị cung cấp trong trường hợp giữ bí mật, cần bảo hộ cho họ.

Điều 6. Các đơn vị xin cấp phải chỉ định người chuyên trách để xin chứng nhận xuất xứ, con dấu của đơn vị xin cấp và họ tên của người chuyên trách xin chứng nhận xuất xứ phải đăng ký khi đơn vị xin cấp đăng ký hoạt động. Sau khi xem xét, cơ quan cấp chứng nhận cấp “thẻ xin lĩnh viên” cho nhân viên xin lĩnh chứng nhận xuất xứ. Nhân viên xin lĩnh chứng nhận xuất xứ nếu có sự thay đổi, đơn vị xin cấp phải thông báo kịp thời cho cơ quan cấp chứng nhận.

Điều 7. Những hàng hoá có thành phần nhập khẩu đã đăng ký, nếu khi thành phần có sự thay đổi hoặc công đoạn gia công chế biến có ự thay đổi, đơn vị xin cấp nên khai báo kịp thời với cơ quan cấp chứng nhận.

Điều 8. Trong khi xác định xuất xứ hàng hoá, những nguyên vật liệu, linh phụ kiện của các vùng lãnh thổ như tỉnh Đài Loan, Hồng Kông và Ma Cao được tạm coi là thành phần nhập khẩu.

Điều 9. Những nguyên vật liệu sản xuất trong nước sau khi xuất khẩu chưa được gia công chế biến mà tái nhập khẩu, miễn là có thể cung cấp những bằng chứng đầy đủ, được coi là thành phần sản xuất ở trong nước.

Điều 10. Trên bản thân hàng hoá xuất khẩu cùng đóng gói trong và ngoài hoặc bản hướng dẫn không có chữ hoặc ký hiệu sản xuất của các nước hoặc vùng lãnh thổ khác, mới có thể xin cấp chứng nhận xuất xứ.

Điều 11. Những hàng hoá nếu công đoạn chế tạo tại Trung Quốc không đủ, chưa có được chứng nhận xuất xứ Trung Quốc, có thể xin lĩnh “chứng nhận gia công, lắp ráp”.

Điều 12. Những hàng hoá nước ngoài chuyển khẩu qua Trung Quốc, không thể có được chứng nhận xuất xứ Trung Quốc, nhưng có thể xin chứng nhận chuyển khẩu.

Điều 13. Trường hợp nước nhập khẩu và nhà nhập khẩu không yêu cầu xuất trình chứng nhận xuất xứ, cũng không yêu cầu xuất trình chứng nhận nơi sản xuất, các doanh nghiệp xuất khẩu không cần xin chứng nhận xuất xứ, cũng không cần xuất trình chứng minh nơi sản xuất.

Điều 14. Trường hợp bên nhập khẩu yêu cầu xí nghiệp chế tạo hoặc nhà xuất khẩu ghi rõ trên hoá đơn thương mại

hoặc trên bất cứ chứng chỉ khác về xuất xứ hàng hoá, cách làm như sau: hàng hoá thuộc sản xuất toàn bộ tại Trung Quốc, các xí nghiệp chế tạo hoặc nhà xuất khẩu có thể ghi chú trên hoá đơn hoặc trên các chứng chỉ; trường hợp hàng hoá có thành phần của nước ngoài hoặc ngoài địa phận Trung Quốc, phải đến cơ quan cấp chứng nhận được Bộ Kinh mậu chỉ định để xin cấp chứng nhận xuất xứ, mới có thể được ghi chú xuất xứ.

Điều 15. Trường hợp bên nhập khẩu có yêu cầu cơ quan chính phủ Trung Quốc cấp chứng nhận xuất xứ thông thường, các đơn vị xin cấp nên làm thủ tục với Cục kiểm nghiệm hàng hoá; trường hợp bên nhập khẩu có yêu cầu cơ quan dân gian Trung Quốc cấp chứng nhận xuất xứ thông thường, các đơn vị xin cấp nên làm thủ tục với Hội xúc tiến mậu dịch; trường hợp không có yêu cầu rõ ràng, có thể xin với Cục kiểm nghiệm hàng hoá hoặc Hội xúc tiến mậu dịch.

Trường hợp có quy định đặc biệt về cấp chứng nhận xuất xứ trong hiệp định giữa chính phủ, xin cấp theo quy định của hiệp định; chứng nhận xuất xứ có chế độ ưu đãi phổ cập chung xin với Cục kiểm nghiệm hàng hoá.

Điều 16. Các đơn vị nộp đơn xin với các cơ quan cấp chứng nhận muộn nhất là trước 3 ngày hàng hoá báo quan vận chuyển các cơ quan cấp chứng nhận phải xem xét những nội dung hàng hoá ghi trong đơn xin và xét duyệt các văn bản hữu quan khác, thời gian cấp nói chung cần hoàn tất trong 3 ngày làm việc.

Điều 17. Các đơn xin cấp có yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung nội dung chứng nhận xuất xứ đã được cấp, phải ghi rõ lý do sửa đổi và cung cấp các bằng chứng, sau khi các cơ quan cấp chứng nhận xem xét và phù hợp với yêu cầu, làm lại thủ tục xin cấp, thu hồi chứng nhận xuất xứ cũ, cấp thay chứng nhận mới.

Điều 18. Nếu chứng nhận đã được cấp bị mất hoặc bị hư hỏng, trong vòng 6 tháng kể từ ngày cấp, đơn vị xin cấp phải

nêu rõ lý do bằng văn bản và cung cấp bằng chứng với cơ quan cấp chứng nhận, sau khi được cơ quan cấp chứng nhận xem xét và đồng ý, làm lại thủ tục xin cấp. Cơ quan cấp chứng nhận ghi rõ trên chứng nhận cấp mới “Chứng nhận xuất xứ số xx cấp ngày xx tháng xx năm xx bị bãi bỏ”.

Điều 19. Các cơ quan cấp chứng nhận thông thường không tiếp nhận đơn xin cấp chứng nhận xuất xứ nộp chậm sau khi hàng hoá đã được vận chuyển đi. Nhưng nếu thuộc trường hợp đặc biệt (ví dụ như không phải là sai sót của đơn vị xin cấp), các cơ quan có thể tiếp nhận những đơn xin nộp chậm, và làm bù chứng nhận xét theo tình hình cụ thể. Trong trường hợp này, khi các đơn vị xin cấp nộp chậm đơn xin xuất xứ, phải nộp các văn bản chứng nhận như sau:

- I. Thư từ giải thích nguyên nhân nộp chậm đơn xin,
- II. Bản phụ hoá đơn thương mại của những hàng hoá được liệt kê trong chứng nhận xuất xứ/ vận đơn giao hàng/vận đơn giao hàng/biên lai bưu chính.

Điều 20. Khi các cơ quan tiếp nhận đơn xin, nên thẩm tra đơn vị xin cấp và hàng hoá có phải đã đăng ký chưa, đồng thời phải kiểm tra “thẻ xin lĩnh viên” của người xin lĩnh cùng những tài liệu chứng chỉ do đơn vị xin cấp có đầy đủ không, nội dung có đúng sự thực không. Trường hợp không phù hợp với quy định, phải hoàn trả lại kịp thời cho đơn vị xin cấp để khai báo lại.

Điều 21. Các cơ quan cấp chứng nhận có quyền có xí nghiệp chế tạo hoặc gia công chế biến những hàng hoá xin cấp chứng nhận để tìm hiểu quá trình sản xuất hàng hoá và thành phần hàng hoá. Khi các cơ quan cấp chứng nhận có nghi vấn đối với những hàng hoá xin cấp chứng nhận xuất xứ hàng hoá, có thể đến xí nghiệp tiến hành kiểm tra, đối với những hàng hoá không phù hợp tiêu chuẩn xuất xứ, phải từ chối cấp chứng nhận.

Điều 22. Khi nước nhập khẩu kiểm tra lại chứng nhận xuất xứ do Trung Quốc cấp để xét hỏi, cơ quan cấp chứng nhận đó phải chịu trách nhiệm điều tra sát hạch, và phúc đáp nước nhập khẩu trong vòng 6 tháng sau khi nhận được thư từ xét hỏi.

CHƯƠNG V. CÁC KHOẢN XỬ PHẠT

Điều 23. Trường hợp doanh nghiệp vi phạm Biện pháp này, có một trong những hành vi sau đây, Bộ Kinh mậu xem xét đề nghị của ngành chủ quản kinh tế thương mại đối ngoại của chính quyền nhân dân các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương, thông báo nhắc nhở, tạm ngưng ngay cả xoá bỏ tư cách của những doanh nghiệp đó cấp chứng nhận hàng hoá xuất khẩu theo các tình hình khác nhau.

- I. Trường hợp cung cấp tài liệu giả dối, lừa đảo chứng nhận xuất xứ;
- II. Trường hợp làm giả, làm thay chứng nhận xuất xứ;
- III. Trường hợp chuyển nhượng trái phép chứng nhận xuất xứ.

Đối với người chủ quản và những người có trách nhiệm trực tiếp các doanh nghiệp có những hành vi như khoản trên, sẽ được xử phạt hành chính; tình tiết nghiêm trọng, cấu thành phạm tội, truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật.

Điều 24. Trường hợp các cơ quan cấp chứng nhận trái với quy định hoặc từ chối cấp chứng nhận xuất xứ không có lý do chính đáng, Bộ Kinh mậu xem xét đề nghị của ngành chủ quản kinh tế thương mại đối ngoại của chính quyền nhân dân các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương, phê bình bằng thông báo tạm ngưng hoặc tạm ngưng quyền cấp chứng nhận xuất xứ của cơ quan đó theo tình hướng khác nhau.

Trường hợp những nhân viên làm việc tại các cơ quan cấp chứng nhận gian trá kiếm lợi, lạm dụng chức quyền hoặc không làm tròn trách nhiệm, được xử phạt hành chính; tình tiết nghiêm trọng, cấu thành phạm tội, truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật.

CHƯƠNG VI. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC.

Điều 25. Cục hạn ngạch giấy phép Bộ Kinh mậu phụ trách công tác thống kê chứng nhận xuất xứ đã cấp theo quy định của hiệp định chính phủ; Cục kiểm nghiệm hàng hoá Nhà nước, Hội xúc tiến mậu dịch quốc tế Trung Quốc phụ trách công tác thống kê chứng nhận xuất xứ đã cấp trong ngành mình; ngành chủ quản kinh tế thương mại đối ngoại của chính quyền nhân dân các tỉnh, khu tự trị thành phố trực thuộc Trung ương phụ trách công tác thống kê chứng nhận xuất xứ đã cấp theo hiệp định giữa chính phủ trong địa bàn và công tác thống kê hoá đơn và chứng chỉ thương mại đã được ghi chú chứng nhận xuất xứ của các xí nghiệp và công ty chế tạo trong địa bàn; các tổng công ty ngoại thương, các tổng công ty công nghiệp thương mại đóng tại Bắc Kinh phụ trách công tác thống kê hoá đơn và chứng chỉ thương mại đã được ghi chú chứng nhận xuất xứ của công ty mình.

Các cơ quan phụ trách công tác thống kê nêu trên phải định kỳ báo cáo với Bộ Kinh mậu về tình hình thực hiện quy chế xuất xứ và con số thống kê cấp chứng nhận, trước ngày 20 tháng 7 hàng năm báo cáo tình hình thực hiện và bản thống kê 6 tháng đầu năm, trước ngày 20 tháng 01 năm sau báo cáo tình hình thực hiện và bản thống kê chung của cả năm.

Điều 26. Mẫu chứng nhận xuất xứ hàng hoá xuất khẩu Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa cùng các văn bản chứng minh khác, do Bộ Kinh mậu thống nhất quy định, chứng nhận được in bằng Tiếng Anh, mỗi bộ chứng nhận gồm 01 bản chính, 03 bản phụ.

Điều 27. Chứng nhận xuất xứ cùng các văn bản khác chứng minh của các cơ quan cấp chứng nhận cấp, có thu phí theo quy định, biện pháp thu phí do Bộ Kinh mậu phối hợp với các ngành chủ quản của Quốc vụ viện quy định riêng.

Điều 28. Căn cứ quy định của Điều 26 “Quy chế xuất xứ hàng hoá xuất khẩu Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa”, Bộ Kinh mậu sẽ quy định và ban bố riêng về bản kê các công đoạn chế tạo, gia công chế biến.

Điều 29. Biện pháp này bắt đầu thực hiện kể từ ngày 01 tháng 05 năm 1992.

QUY CHẾ VỀ XUẤT XỨ HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

(Hội nghị Thường vụ lần thứ 99 Quốc Vụ Viện thông qua ngày 28 tháng 2 năm 1992, Ban hành theo Số 94 Lệnh Quốc Vụ Viện Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ngày 8 tháng 3 năm 1992)

Điều 1. Để tăng cường việc quản lý công tác về xuất xứ hàng hoá xuất khẩu, thúc đẩy sự phát triển của kinh tế, thương mại đối ngoại, ấn định bản Quy chế này.

Điều 2. Chứng nhận xuất xứ hàng hoá xuất khẩu nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (sau đây gọi tắt là Chứng nhận xuất xứ) là văn bản chứng nhận để chứng minh xuất xứ hàng hoá xuất khẩu tại nước Cộng Hoà Nhân dân Trung Hoa.

Điều 3. Ngành chủ quan kinh tế, thương mại đối ngoại của Nhà nước thực hiện việc giám sát và quản lý chung về công tác xuất xứ hàng hoá xuất khẩu của cả nước.

Ngành chủ quản kinh tế, thương mại đối ngoại của chính quyền nhân dân các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung Ương chịu trách nhiệm điều hoà công tác xuất xứ hàng hoá xuất khẩu của địa bàn hành chính của mình.

Điều 4. Các cơ quan kiểm nghiệm hàng hoá xuất nhập khẩu của ngành kiểm nghiệm hàng hoá xuất nhập khẩu Nhà nước đặt tại các địa phương, Uỷ ban xúc tiến mậu dịch quốc tế Trung Quốc cùng các phân hội cũng như các cơ quan khác được ngành chủ quản kinh tế thương mại đối ngoại Nhà nước chỉ định, cấp giấy chứng nhận xuất xứ theo quy định của ngành chủ quản kinh tế thương mại đối ngoại của Nhà nước.

Điều 5. Các doanh nghiệp thành lập theo pháp luật, có quyền kinh doanh thương mại đối ngoại, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh “gia công theo nguyên vật liệu”, “gia công

theo mẫu”, “lắp ráp theo linh phụ kiện” và “mậu dịch bù trừ”, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong địa phận Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa có thể xin lĩnh chứng nhận xuất xứ với các cơ quan cấp chứng nhận được quy định tại Điều 4 của Quy chế này theo nhu cầu.

Điều 6. Những hàng hoá xuất khẩu phù hợp với một trong những tiêu chuẩn sau đây, xuất xứ của những hàng hoá đó là tại Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa:

- I. Các sản phẩm được sản xuất hoặc chế tạo toàn bộ (trăm phần trăm) tại địa phận Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, bao gồm:
 - a. Các khoáng sản lấy từ lãnh thổ và thềm lục địa Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa;
 - b. Các cây thực vật cùng sản phẩm từ thực vật được thu hoạch hoặc thu thập trong địa phận Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa;
 - c. Các động vật được gây giống và nuôi trồng trong địa phận Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa cùng các sản phẩm từ những động vật đó;
 - d. Các hải sản và những sản phẩm khác cùng các sản phẩm chế biến của nó do tàu thuyền hoặc các phương tiện khác của Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa đánh bắt từ vùng biển;
 - e. Các vật thải và chất thải được thu hồi trong quá trình chế tạo, gia công chế biến trong địa phận Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa cũng như các vật cũ, chất thải khác được thu thập trong địa phận Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa;
 - f. Các sản phẩm được gia công chế biến bằng toàn bộ các sản phẩm kể trên cùng những nguyên liệu khác không phải là nhập khẩu trong địa phận Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.
- II. Các sản phẩm có sử dụng một phần hoặc toàn bộ nguyên liệu, linh phụ kiện nhập khẩu tiến hành công đoạn chế tạo, gia công chế biến trong khâu chủ yếu cùng khâu cuối cùng tại địa phận Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, làm cho

hình dáng bên ngoài, tính chất, trạng thái hoặc cách thức sử dụng của các sản phẩm đó có sự thay đổi về thực chất. Bản kê các công đoạn chế tạo, gia công chế biến, do ngành chủ quản kinh tế thương mại đối ngoại Nhà nước bàn bạc với các ngành hữu quan của Quốc Vụ Viện xây dựng và điều chỉnh thể theo nguyên tắc lấy các công đoạn chế tạo, gia công chế biến làm chính, tỷ lệ cơ cấu làm phụ.

Điều 7. Các hàng hoá xin cấp chứng nhận xuất xứ phải phù hợp với các tiêu chuẩn về xuất xứ; trường hợp không phù hợp với các tiêu chuẩn xuất xứ, các cơ quan cấp chứng nhận sẽ từ chối cấp chứng nhận xuất xứ.

Điều 8. Trình tự xin lĩnh và cấp chứng nhận xuất xứ do ngành chủ quản kinh tế thương mại đối ngoại Nhà nước quy định.

Điều 9. Trường hợp các doanh nghiệp vi phạm Quy chế này, có một trong những hành vi sau đây, ngành chủ quản kinh tế thương mại đối ngoại của Nhà nước hoặc ngành chủ quản kinh tế thương mại đối ngoại của Nhà nước xem xét đề nghị của ngành chủ quản kinh tế thương mại đối ngoại của chính quyền nhân dân các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương, có thể thông báo nhắc nhở, tạm ngưng thậm chí xoá bỏ tư cách của các doanh nghiệp xin cấp chứng nhận xuất xứ theo các tình hình khác nhau:

- I. Trường hợp cung cấp tài liệu giả dối, lừa đảo chứng nhận xuất xứ;
- II. Trường hợp làm giả, làm thay chứng nhận xuất xứ;
- III. Trường hợp chuyển nhượng trái phép chứng nhận xuất xứ.

Đối với những người chủ quản và những người có trách nhiệm trực tiếp các doanh nghiệp có những hành vi như khoản trên, sẽ bị xử phạt hành chính; tình tiết nghiêm trọng, cấu thành phạm tội, truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật.

Điều 10. Trường hợp các cơ quan cấp chứng nhận vi phạm quy định cấp hoặc từ chối cấp chứng nhận xuất xứ, ngành chủ quản kinh tế thương mại đối ngoại của Nhà nước hoặc của ngành chủ quản kinh tế thương mại đối ngoại của nhà nước xem xét đề nghị của ngành chủ quản kinh tế thương mại đối ngoại của ngành chủ quản kinh tế thương mại đối ngoại của chính quyền nhân dân các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung Ương, có thể thông báo nhắc nhở hoặc tạm ngưng quyền cấp chứng nhận xuất xứ của các cơ quan đó theo tình hình khác nhau.

Trường hợp những nhân viên làm việc tại các cơ quan cấp chứng nhận gian trá kiểm lời, lạm dụng chức quyền hoặc không làm tròn trách nhiệm, bị xử phạt hành chính; tình tiết nghiêm trọng, cấu thành phạm tội, truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật.

Điều 11. Chứng nhận xuất xứ có chế độ ưu đãi phổ cập chung làm theo quy chế xuất xứ của nước cho ưu đãi có chế độ ưu đãi phổ cập chung.

Trường hợp có quy định riêng về cấp chứng nhận xuất xứ theo hiệp định song phương ký giữa chính phủ Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa với các chính phủ nước ngoài, làm theo quy định của hiệp định.

Điều 12. Ngành chủ quản kinh tế thương mại đối ngoại của Nhà nước xây dựng các biện pháp thực hiện theo Quy chế riêng này.

Điều 13. Quy chế này do ngành chủ quản kinh tế thương mại đối ngoại của Nhà nước chịu trách nhiệm giải trình.

Điều 14. Quy chế này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 05 năm 1992.

QUY ĐỊNH VỀ CẤP CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

(thi hành thử)

(Ban bố ngày 21 tháng 11 năm 1995, Bộ Mậu dịch và hợp tác
kinh tế đối ngoại ban bố)

Nhằm tăng cường công tác quản lý cấp chứng nhận xuất
xứ hàng hoá xuất khẩu (sau đây gọi tắt là chứng nhận xuất xứ)
Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, căn cứ “Quy chế xuất xứ hàng
hoá xuất khẩu Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa” và “Biện pháp
thực hiện quy chế xuất xứ hàng hoá xuất khẩu Cộng hoà Nhân
dân Trung Hoa”, ấn định quy định này.

CHƯƠNG I. ĐĂNG KÝ VÀ XEM XÉT

Điều 1. Các doanh nghiệp phù hợp với quy định Điều 4
“Biện pháp thực hiện quy chế xuất xứ hàng hoá Cộng hoà
Nhân dân Trung Hoa”, đều có thể xin đăng ký với cơ quan cấp
chứng nhận xuất xứ nơi sở tại.

Điều 2. Khi các doanh nghiệp xin đăng ký với cơ quan
cấp chứng nhận xuất xứ, phải cung cấp và điền những hồ sơ
như sau:

- a. Văn bản quyền kinh doanh xuất nhập khẩu của doanh
nghiệp được ngành chủ quản của chính phủ cấp;
- b. Bản phụ giấy phép kinh doanh của doanh nghiệp;
- c. Đơn xin bằng văn bản về đăng ký chứng nhận xuất xứ;
- d. “Bảng xin đăng ký chứng nhận xuất xứ hàng hoá Cộng
hoà Nhân dân Trung Hoa”;
- e. “Bảng kê chi tiết giá thành công đoạn gia công chế biến
sản phẩm có thành phần nhập khẩu”;

- f. “Giấy uỷ quyền xin lĩnh viên chứng nhận xuất xứ”, mỗi doanh nghiệp xin cấp cho phép uỷ quyền 03 xin lĩnh viên.

Điều 3. Khi các doanh nghiệp ngoại thương xin đăng ký, còn phải cung cấp những tài liệu liên quan về doanh nghiệp nguồn hàng cùng sản phẩm theo yêu cầu của cơ quan cấp chứng nhận. Trường hợp hàng hoá xuất khẩu là nguồn hàng địa bàn khác, còn phải cung cấp “Kết quả điều tra xuất xứ nguồn hàng địa bàn khác” do cơ quan cấp chứng nhận nơi sở tại nguồn hàng theo yêu cầu của cơ quan cấp chứng nhận.

Điều 4. Các doanh nghiệp đã được đăng ký, phải lập hồ sơ ghi chép nhập nguyên vật liệu, sản xuất, xuất hàng về hàng hoá xuất khẩu theo yêu cầu của cơ quan cấp chứng nhận.

Điều 5. Trường hợp các doanh nghiệp đã được đăng ký cùng những hàng hoá xuất khẩu có sự thay đổi về công đoạn gia công chế biến, nguyên vật liệu và sản phẩm, phải báo cáo kịp thời với cơ quan cấp chứng nhận để sửa đổi.

Điều 6. Sau khi tiếp nhận đơn xin, các cơ quan cấp chứng nhận phải thẩm tra sát hạch nghiêm ngặt những hồ sơ doanh nghiệp cung cấp, và cử người chuyên trách đến tận nơi doanh nghiệp điều tra sát hạch các thiết bị sản xuất, nguồn sản xuất của nguyên liệu và linh phụ kiện hàng công đoạn gia công chế biến, thành phẩm cũng như bản hướng dẫn và đóng gói trong và bên ngoài, điền vào “Bản ghi chép điều tra xuất xứ hàng hoá Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa”.

Điều 7. Các cơ quan cấp chứng nhận cần cho đăng ký cho các doanh nghiệp cũng như sản phẩm đã được xem xét đạt chuẩn. Thời hạn có giá trị về đăng ký là 01 năm, lấy ngày đăng ký làm giới hạn niên độ. Sau hết hạn và qua xem xét đạt chuẩn, gia hạn thêm 01 năm.

Điều 8. Các cơ quan cấp chứng nhận có quyền kiểm tra lấy mẫu bất cứ lúc nào đối với hàng hoá xuất khẩu.

CHƯƠNG II. XIN VÀ CẤP CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

Điều 9. Sau khi đăng ký, các doanh nghiệp phải chỉ định người ký và xin lĩnh viên chứng nhận xuất xứ, người ký và xin lĩnh viên của các doanh nghiệp phải qua đào tạo nghiệp vụ của cơ quan cấp chứng nhận. Xin lĩnh viên đi làm chứng nhận xuất xứ bằng “thẻ xin lĩnh viên” do cơ quan cấp chứng nhận cấp. Thẻ xin lĩnh viên không được cho mượn, sửa xoá, cũng không thể dùng thẻ này đi xin lĩnh chứng nhận cho người khác. Nếu mất, phải lập tức báo cáo cho cơ quan cấp thẻ. Người ký và xin lĩnh chứng nhận xuất xứ không được tùy ý thay đổi, nếu có sự thay đổi, cần báo cáo kịp thời với cơ quan cấp chứng nhận, và nộp trả lại thẻ xin lĩnh.

Điều 10. Các doanh nghiệp xin cơ quan cấp chứng nhận cấp chứng nhận muộn nhất là trước 03 ngày hàng hoá báo quan và vận chuyển, và phải nghiêm túc làm theo yêu cầu của cơ quan cấp chứng nhận, chân thực, hoàn chỉnh và chính xác điền viết những hồ sơ như sau:

- a. “Đơn xin chứng nhận xuất xứ/chứng nhận gia công chế biến, lắp ráp hàng hoá xuất khẩu Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa”
- b. “Chứng nhận xuất xứ hàng hoá xuất khẩu Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa”, 01 bộ gồm 01 bản
- c. “Hoá đơn thương mại hàng hoá xuất khẩu”
- d. Các văn bản chứng chỉ khác mà cơ quan cấp chứng nhận cho là cần thiết.

Điều 11. Trường hợp các sản phẩm của doanh nghiệp xin cấp chứng nhận xuất xứ vượt ra phạm vi đăng ký, phải xin cấp theo yêu cầu đăng ký, sau xem xét và đăng ký, mới có thể làm chứng nhận xuất xứ.

Điều 12. Những hàng hoá xuất khẩu của các doanh nghiệp xin cấp chứng nhận xuất xứ, nếu có thành phần nhập khẩu, phải cung cấp “Bảng kê chi tiết giá thành công đoạn gia

công chế biến sản phẩm có thành phần nhập khẩu”. Những hàng hoá xuất khẩu nếu thuộc về sản xuất theo hình thức “gia công theo nguyên vật liệu”, nhập nguyên vật liệu, phải cung cấp chứng chỉ nhập khẩu, hợp đồng mua hàng hoặc hợp đồng gia công chế biến. Những hàng hoá của địa bàn khác có thành phần nhập khẩu, còn phải theo yêu cầu của cơ quan cấp chứng nhận, cung cấp “kết quả điều tra xuất xứ nguồn hàng địa bàn khác” do cơ quan cấp chứng nhận nơi nguồn hàng xuất trình, các cơ quan cấp chứng nhận nơi nguồn hàng phải phối hợp cho.

Điều 13. Các cơ quan cấp chứng nhận phải nghiêm túc làm đúng “Quy chế xuất xứ hàng hoá xuất khẩu Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa” cùng “Biện pháp thực hiện” cũng như bản quy định này, nghiêm chỉnh xem xét hồ sơ của doanh nghiệp nộp. Sau khi đã xem xét và không có sai sót, mới có thể cấp chứng nhận.

Điều 14. Các cơ quan cấp chứng nhận chỉ cấp chứng nhận xuất xứ với 01 bản chính, 03 bản phụ, trong đó 01 bản chính và 02 bản phụ giao cho doanh nghiệp xin cấp, 01 bản phụ còn lại do cơ quan cấp chứng nhận lưu trữ trong 02 năm.

Điều 15. Nếu chứng nhận đã được cấp bị mất hoặc hư hỏng, có thể làm lại chứng nhận theo quy định Điều 18 “Biện pháp thực hiện quy chế xuất xứ hàng hoá xuất khẩu Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa”, điền viết ‘Đơn xin thay đổi/ cấp mới chứng nhận xuất xứ hàng hoá xuất khẩu Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa’ và ghi chú vào mục 5 của chứng nhận bằng Tiếng Anh “THIS CERTIFICATE IS IN REPLACEMENT OF CERTIFICATE OF ORIGIN NO-----DATED-----WHICH IS CANCELLED”. Ngày trong mục 11 và mục 12 của chứng nhận này là ngày xin cấp lại chứng nhận và ngày cấp chứng nhận.

Điều 16. Xin cấp chứng nhận sau khi hàng hoá được vận chuyển, phải cấp “chứng nhận được cấp sau” theo quy định “Biện pháp thực hiện Quy chế xuất xứ hàng hoá xuất khẩu Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa”, và đóng dấu bằng Tiếng Anh “ISSUED RETROSPECTIVELY” trong mục 5 của chứng nhận. Mục 11 và mục 12 của chứng nhận là ngày xin cấp và ngày cấp thực tế.

Điều 17. Khi doanh nghiệp có yêu cầu sửa đổi những nội dung trong chứng nhận đã được cấp, phải điền viết theo quy định “Đơn xin sửa đổi cấp lại chứng nhận xuất xứ hàng hoá Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa” và hoàn trả lại Chứng nhận cũ. Sau khi cơ quan cấp chứng nhận sát hạch và thu hồi chứng nhận cũ, mới có thể cấp lại chứng nhận mới.

Điều 18. Các doanh nghiệp có thể uỷ quyền cho các công ty đại lý chở hàng đại lý xin lĩnh chứng nhận xuất xứ. Khi các công ty đại lý xin lĩnh chứng nhận xuất xứ, phải nộp cho cơ quan cấp chứng nhận giấy uỷ quyền bị đại lý chứng nhận xuất xứ và các chứng chỉ liên quan của người bị đại lý đã điền sẵn và ký.

Điều 19. Các doanh nghiệp không đủ tư cách xin cấp chứng nhận đi dự triển lãm ở nước ngoài, nếu cần xin cấp chứng nhận xuất xứ, có thể tự xin hoặc uỷ quyền cho các doanh nghiệp có tư cách xin cấp đại lý để xin cấp bằng văn bản phê chuẩn đi dự triển lãm.

CHƯƠNG III. QUẢN LÝ CẤP CHỨNG NHẬN

Điều 20. Các cơ quan cấp chứng nhận phải quản lý chặt chẽ việc cấp chứng nhận, ấn định các quy định và trình tự quản lý.

Điều 21. Chứng nhận không và con dấu cấp chứng nhận phải có chế độ quản lý riêng và người chuyên trách. Các cơ

quan cấp chứng nhận không được đưa cho các doanh nghiệp xin cấp những chứng nhận không đã đóng dấu.

Điều 22. Các cơ quan cấp chứng nhận phải tăng cường việc đào tạo nghiệp vụ chuyên môn cho những người cấp chứng nhận. Những người cấp chứng nhận phải thông thạo “Quy chế xuất xứ hàng hoá xuất khẩu Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa” cùng “Biện pháp thực hiện” và các quy định liên quan về cấp chứng nhận, tìm hiểu chính sách kinh tế thương mại đối ngoại của Nhà nước và những kiến thức về mậu dịch quốc tế và phân loại hàng hoá, nắm chắc cơ cấu cơ bản và tình hình sản xuất hàng hoá được cấp chứng nhận trong địa bàn mình, và có trình độ ngoại ngữ tương ứng.

Điều 23. Ủy ban (Sở, cục) kinh tế thương mại đối ngoại của các địa phương phải tăng cường việc tuyên truyền, giám sát và kiểm tra theo quy định đối với các doanh nghiệp xuất khẩu thực hiện “Quy chế xuất xứ hàng hoá xuất khẩu Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa” cùng “Biện pháp thực hiện” và các quy định hữu quan, và làm tốt công tác điều hoà giữa các cơ quan cấp chứng nhận xuất xứ.

Điều 24. Ngành kiểm nghiệm hàng hoá và hội xúc tiến mậu dịch thực hiện chế độ tổng hợp thống kê con số chứng nhận được cấp, và theo quy định của Điều 25 “Biện pháp thực hiện Quy chế xuất xứ hàng hoá xuất khẩu Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa”, trước ngày 20 tháng 7 hàng năm và trước ngày 20 tháng 01 năm sau, báo cáo cho Bộ Kinh mậu về báo cáo phân tích cấp chứng nhận, con số thống kê cấp chứng nhận và số liệu tổng hợp hàng hoá được cấp chứng nhận trong 6 tháng đầu năm và cả năm của ngành mình.

Các cơ quan cấp chứng nhận tại các địa phương phải báo cáo với uỷ ban (Sở, Cục) kinh tế thương mại đối ngoại của khu vực hành chính mình về báo cáo phân tích cấp chứng nhận, con số thống kê cấp chứng nhận và thống kê hàng hoá cấp chứng nhận của cơ quan mình theo yêu cầu của những bảng trên vào

trước ngày 20 tháng 0 hàng năm và trước ngày 20 tháng 01 năm sau.

Điều 25. Các cơ quan cấp chứng nhận phải thu phí cấp chứng nhận xuất xứ theo mức quy định của ngành hữu quan của Nhà nước.

Điều 26. Các đơn vị chưa được sự uỷ quyền của ngành chủ quản kinh tế thương mại đối ngoại của Nhà nước không được cấp chứng nhận xuất xứ.

Điều 27. Việc cấp “chứng nhận gia công chế biến và lắp ráp” và “chứng nhận chuyển khẩu” thực hiện theo quy định hiện hành.

BỘ MẬU DỊCH VÀ HỢP TÁC KINH TẾ ĐỐI NGOẠI TỔNG CỤC HẢI QUAN.

Số 844, mậu dịch kinh tế đối ngoại (1998)

-----oOo-----

THÔNG TƯ QUY ĐỊNH BỔ SUNG VỀ VIỆC PHÁT TRIỂN HƠN NỮA MẬU DỊCH BIÊN GIỚI.

Kính gửi: Ủy ban (Sở, Cục) mậu dịch và hợp tác kinh tế đối ngoại Khu tự trị Nội mông cổ, tỉnh Liêu Ninh, tỉnh Cát Lâm, tỉnh Hắc Long Giang, Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, tỉnh Vân Nam, Khu tự trị Tây Tạng, tỉnh Cam Túc, Khu tự trị Duy Ngô Nhĩ Tân Cương, binh đoàn sản xuất xây dựng Tân Cương, Ty Thương mại tỉnh Hải Nam, Hải quan Cấp Nhĩ Tân, Trường Xuân, Đại Liên, urumugi, Hohhot, Mãn Châu Lý, Nam Ninh, Hải Khẩu, Côn Minh, La Sa, Lan Châu.

Nhằm quán triệt tinh thần Đại hội 15 của Đảng, đẩy mạnh hơn nữa bước phát triển kinh tế của Khu vực biên giới nước ta, mở rộng xuất khẩu, tăng cường đoàn kết dân tộc, làm phồn vinh, ổn định biên cương, củng cố và phát triển mối quan hệ láng giềng hữu nghị giữa nước ta với các nước xung quanh, được Quốc vụ viện phê chuẩn, trên cơ sở "Thông tư của Quốc vụ viện về những vấn đề có liên quan đến mậu dịch biên giới" (Quốc phát số 2, 1996), để phát triển hơn nữa mậu dịch biên giới, nay quy định bổ sung như sau:

1. Hàng hoá cư dân biên giới nhập khẩu qua chợ biên giới (chỉ giới hạn ở hàng tiêu dùng), **mỗi người mỗi ngày dưới 3000 NDT thì được miễn thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu, vượt quá 3000 NDT thì thu thuế phần vượt quá theo mức thuế quy định.**
2. Doanh nghiệp mậu dịch tiểu ngạch biên giới, thông qua cửa khẩu biên giới được chỉ định, nhập khẩu hàng hoá của

nước láng giềng sản xuất trừ thuốc lá, rượu, mỹ phẩm và các hàng hoá nhà nước quy định phải thu theo mức thuế đã định ra, đến trước cuối năm 2000, được tiếp tục thực hiện chính sách giảm thu một nửa thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu.

3. Việc nhập khẩu các vật tư đổi về theo các dự án hợp tác kinh tế kỹ thuật đối ngoại khu vực biên giới, trước cuối năm 2000, được tiếp tục thực hiện chính sách thuế nhập khẩu của mậu dịch tiểu ngạch biên giới.
4. Doanh nghiệp mậu dịch tiểu ngạch biên giới xuất khẩu những hàng hoá do địa phương tự sản xuất ra, thuộc loại nhà nước quản lý theo trọng điểm như lương thực (xem danh mục hàng hoá kèm theo), sẽ do Bộ mậu dịch và hợp tác kinh tế đối ngoại (dưới đây gọi tắt là Bộ kinh mậu) hàng năm căn cứ vào các yếu tố như tình hình xuất khẩu của mậu dịch tiểu ngạch biên giới, tình hình sản xuất và quan hệ cung cầu của năm trước, cấp hạn ngạch xuất khẩu với số lượng nhất định cho các tỉnh, khu tự trị biên giới, đồng thời uỷ quyền cho cơ quan chủ quản mậu dịch và hợp tác kinh tế đối ngoại tỉnh, khu tự trị biên giới cấp giấy phép xuất khẩu. Các hàng hoá có quy định đặc biệt khác, như hàng hoá thực hiện đấu thầu thống nhất trong toàn quốc, hoá chất phải kiểm tra hạn chế và hoá chất độc dễ pha chế, khi xuất khẩu vẫn thực hiện theo quy định hiện hành. Việc xuất khẩu các hàng hoá khác mà nhà nước thực hiện quản lý bằng hạn ngạch và giấy phép nay đều bỏ hạn ngạch và giấy phép.
5. Doanh nghiệp mậu dịch tiểu ngạch biên giới nhập khẩu những hàng hoá do nước láng giềng sản xuất, thuộc loại nhà nước thực hiện quản lý hạn ngạch nhập khẩu và đăng ký hạn lượng (trừ xe hơi và linh kiện chính), hàng năm sẽ do Bộ kinh mậu cấp hạn ngạch nhập khẩu hoặc mức đăng ký hạn lượng trong tổng lượng kế hoạch nhập khẩu của cả năm và uỷ quyền cho ngành chủ quản mậu dịch và hợp tác

kinh tế đối ngoại tỉnh, khu tự trị biên giới ký và cấp giấy phép nhập khẩu và giấy đăng ký hàng hoá nhập khẩu.

6. Trong các doanh nghiệp mậu dịch tiểu ngạch biên giới đã được Bộ Kinh mậu phê duyệt, Tỉnh, khu tự trị biên giới căn cứ vào tổng lượng mà Bộ kinh mậu đã phê chuẩn và điều kiện quy định thống nhất cùng năng lực kinh doanh của doanh nghiệp, tự phê duyệt các doanh nghiệp mậu dịch tiểu ngạch biên giới kinh doanh các mặt hàng xuất khẩu mà nhà nước quản lý theo trọng điểm và các doanh nghiệp mậu dịch tiểu ngạch biên giới kinh doanh các mặt hàng nhập khẩu mà nhà nước thực hiện chỉ định công ty kinh doanh. Danh sách các doanh nghiệp phải báo cáo về Bộ kinh mậu.
7. Doanh nghiệp mậu dịch tiểu ngạch biên giới đều có quyền kinh doanh hợp tác kinh tế kỹ thuật đối ngoại và triển khai thầu khoán công trình cùng nghiệp vụ hợp tác lao động với khu vực biên giới của nước láng giềng. Doanh nghiệp hợp tác kinh tế kỹ thuật đối ngoại khu vực biên giới đều có quyền kinh doanh mậu dịch tiểu ngạch biên giới.
8. Vật tư do nước láng giềng sản xuất được đổi về theo hạng mục hợp tác kinh tế kỹ thuật mà doanh nghiệp mậu dịch tiểu ngạch biên giới triển khai với khu vực biên giới của nước láng giềng (trừ xe hơi và linh kiện chính) có thể nhập cảnh theo hạng mục, không bị hạn chế bởi sự phân công kinh doanh. Nếu vật tư đổi về là những hàng hoá thuộc diện quản lý theo hạn ngạch nhập khẩu và đăng ký hạn lượng thì trước khi xác định hạng mục công trình thầu khoán và hợp tác lao động, phải xin Bộ Kinh mậu phê duyệt, cơ quan chủ quản mậu dịch và hợp tác kinh tế đối ngoại các tỉnh, khu tự trị biên giới căn cứ vào hạn ngạch nhập khẩu và mức đăng ký hạn lượng cùng các quy định hữu quan thuộc các hạng mục kinh tế đối ngoại mà Bộ kinh mậu phê duyệt cùng các quy định hữu quan để cấp giấy phép nhập khẩu và giấy đăng ký hàng hoá nhập khẩu. Hải quan căn cứ vào giấy phép nhập khẩu hoặc giấy đăng ký hàng hoá nhập khẩu để kiểm tra làm thủ tục.

9. Chính quyền thị trấn (châu, minh) hoặc cơ quan chủ quản mậu dịch và hợp tác kinh tế đối ngoại của địa phương biên giới có thể tổ chức hội chợ hoặc hội nghị giao dịch với nội dung chính là mậu dịch biên giới và hợp tác kinh tế kỹ thuật tại địa phương mình sau khi được ngành chủ quản mậu dịch và hợp tác kinh tế đối ngoại tỉnh, khu tự trị sở tại phê chuẩn mậu dịch và hợp tác kinh tế đối ngoại tỉnh, khu tự trị sở tại phê duyệt, đồng thời báo cáo Bộ kinh mậu. Chính quyền thị trấn (châu, minh) hoặc ngành chủ quản mậu dịch và hợp tác kinh tế đối ngoại của địa phương biên giới có thể tổ chức doanh nghiệp địa phương mình tới nước láng giềng tổ chức các hoạt động triển lãm, kêu gọi đầu tư và báo cáo Bộ kinh mậu cho phép theo trình tự hiện hành.

Tỉnh, khu tự trị biên giới đồng thời với việc thực hiện các quy định nói trên, cần tăng cường quản lý mậu dịch biên giới, đánh mạnh vào các hành vi buôn lậu và trốn lậu thuế. Đối với các doanh nghiệp có hành vi buôn lậu và trốn lậu thuế, Bộ kinh mậu và Tổng cục hải quan nghiêm khắc trừng trị theo pháp luật.

Các chính sách về hàng hoá xuất nhập khẩu và chính sách thuế trong mậu dịch tiểu ngạch biên giới với Việt Nam của tỉnh Hải Nam tham khảo thực hiện theo các quy định bổ sung này, nhưng không được vượt quá các quy định bổ sung này.

Các vấn đề chưa được đề cập trong quy định bổ sung này vẫn thực hiện theo văn bản số 2 (1996) và các quy định liên quan.

Thông tư này thực hiện từ 1/1/99 do Bộ kinh mậu và Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm hướng dẫn.

Kèm theo: Danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu nhà nước quản lý theo trọng điểm.

**BỘ MẬU DỊCH VÀ HỢP
TÁC KINH TẾ ĐỐI NGOẠI**

TỔNG CỤC HẢI QUAN

Nơi nhân: Văn phòng Quốc vụ viện, Bộ ngoại giao, Ủy ban kế hoạch nhà nước, Ủy ban kinh mậu nhà nước, Ủy ban

dân chính nhà nước, Bộ Tài chính, Nhân hàng nhân dân Trung Quốc, Tổng cục Thuế nhà nước, Ban cải cách thể chế quốc vụ viện, Cục quản lý ngoại hối nhà nước, Cục kiểm nghiệm kiểm dịch xuất nhập cảnh nhà nước, Ngân hàng Trung Quốc, Chính quyền nhân dân các khu tự trị dân tộc Choang Quảng tây, tỉnh Hải Nam, tỉnh Vân Nam, khu tự trị Tây tạng, tỉnh Cam túc, khu tự trị Duy Ngô Nhĩ Tân Cương, Bình tân, Đại liên, Thành đô, Nam Ninh, Côn Minh, Cục giấy phép hạn ngạch các Hiệp hội xuất nhập khẩu.

Các đơn vị thuộc Tổng cục hải quan: Lãnh đạo Cục, Văn phòng, Vụ pháp chế, Vụ thuế vụ, các đơn vị trực thuộc Cục Hải quan.

Các đơn vị thuộc Bộ kinh mậu: Lãnh đạo Bộ, Văn phòng, Vụ phát triển, Vụ tài chính kế toán, Vụ Châu Á, Vụ Châu Âu, Vụ Quốc tế, Vụ Quản lý biên mậu, Vụ cơ điện, Vụ đầu tư, Vụ Hợp tác, Vụ Pháp Chế, Thư ký.

QUY ĐỊNH KIỂM DỊCH CHẤT DI TRUYỀN ĐỘNG VẬT NHẬP CẢNH

(Thực hiện kể từ ngày 1/7/2003)

Để quy phạm công tác quản lý giám sát và kiểm dịch vật chất di truyền động vật nhập cảnh, bảo đảm an toàn sản xuất trong ngành chăn nuôi của TQ, nay Tổng cục kiểm nghiệm chất lượng Quốc gia ban hành “Biện pháp quản lý kiểm dịch chất di truyền động vật nhập cảnh”, bắt đầu thực hiện kể từ 1/7/2003.

Chất di truyền động vật là chỉ tinh dịch, phôi thai và tế bào trứng của loài động vật có vú. Tổng cục kiểm nghiệm chất lượng Quốc gia thực hiện quản lý phân tích rủi ro đối với chất di truyền động vật nhập cảnh.

NHẬP KHẨU CHẤT DI TRUYỀN ĐỘNG VẬT TRƯỚC TIÊN PHẢI XIN PHÉP KIỂM DỊCH

Chủ hàng nhập khẩu chất di truyền động vật phải làm thủ tục xin phép kiểm dịch để có được “Giấy phép kiểm dịch động thực vật nhập cảnh nước CHND Trung Hoa”, đồng thời phải ghi rõ yêu cầu kiểm dịch của Trung Quốc trong hợp đồng thương mại hoặc trong thoả thuận liên quan.

Việc làm thủ tục xin phép kiểm dịch chất di truyền động vật phải cung cấp cho Cục kiểm dịch kiểm nghiệm trực thuộc của địa phương đó những tài liệu sau đây: “Đơn xin Giấy phép kiểm dịch động thực vật nhập cảnh nước CHND Trung Hoa”, bản phô tô hợp đồng nhập khẩu hoặc thoả thuận đã ký giữa đại lý và chủ hàng.

Cục kiểm dịch kiểm nghiệm trực thuộc phải hoàn tất việc xét duyệt ban đầu trong thời gian do Tổng cục kiểm nghiệm chất lượng quốc gia quy định. Qua xét duyệt ban đầu đạt tiêu chuẩn, báo cáo Tổng cục kiểm nghiệm chất lượng quốc gia xét

duyet. Tổng cục kiểm nghiệm chất lượng quốc gia xét duyệt thấy đạt tiêu chuẩn sẽ ký “Giấy phép kiểm dịch”. Nếu xét duyệt thấy không đạt tiêu chuẩn sẽ ký “Giấy thông báo không đạt tiêu chuẩn nhận Giấy phép kiểm dịch động thực vật nhập cảnh nước CHND Trung Hoa”.

CHẤT DI TRUYỀN ĐỘNG VẬT NHẬP CẢNH CẦN PHẢI CÓ GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH CÓ HIỆU LỰC CỦA NƠI XUẤT CẢNH

Trước khi nhập cảnh chất di truyền động vật, Tổng cục kiểm nghiệm chất lượng Quốc gia căn cứ vào yêu cầu của công việc kiểm dịch có thể cử nhân viên kiểm dịch vào nước hoặc khu vực xuất cảnh tiến hành kiểm nghiệm trước ở nơi sản xuất chất di truyền động vật. Tổng cục kiểm nghiệm chất lượng Quốc gia thực hiện đăng ký kiểm dịch cho đơn vị sản xuất của nước xuất cảnh chất di truyền động vật, đồng thời quy định thời gian đăng ký cho đơn vị sản xuất của nước ngoài hoặc không xác định thời gian cử nhân viên kiểm dịch tiến hành kiểm tra. Chất di truyền động vật nhập cảnh phải nhập cảnh theo đúng cửa khẩu chỉ định trong “Giấy phép kiểm dịch”.

Chủ hàng hoặc người đại lý nhập cảnh chất di truyền động vật phải chuẩn bị những giấy tờ chứng nhận còn hiệu lực như “Giấy phép kiểm dịch”, hợp đồng thương mại hoặc thoả thuận, L/C, hoá đơn... Trước khi nhập cảnh chất di truyền động vật phải đăng ký báo kiểm tại cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm tại cửa khẩu nhập cảnh. Khi nhập cảnh chất di truyền động vật phải cung cấp cho cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm tại cửa khẩu nhập cảnh bản chính Giấy chứng nhận kiểm dịch do cơ quan kiểm dịch chính thức của nước hoặc khu vực xuất cảnh cấp.

Giấy chứng nhận kiểm dịch chất di truyền động vật nhập cảnh do cơ quan kiểm dịch chính thức của nước hoặc khu vực xuất cảnh không còn hiệu lực hoặc không làm thủ tục xin phép kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm tại cửa khẩu nhập

cảnh có thể căn cứ vào tình hình cụ thể trả lại hàng hoặc xử lý tiêu huỷ hàng.

Khi chất di truyền động vật nhập cảnh vận chuyển đến cửa khẩu, nhân viên kiểm dịch thực hiện kiểm dịch tại chỗ, Giấy chứng nhận kiểm dịch kiểm nghiệm có phù hợp hay không, “Giấy phép kiểm dịch” và những yêu cầu trong Hiệp định kiểm dịch song phương giữa TQ và nước hoặc khu vực xuất cảnh đã ký; kiểm tra bao bì, tình trạng đảm bảo của hàng hoá. Kiểm dịch tại hiện trường thấy đạt tiêu chuẩn, cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm tại cửa khẩu nhập cảnh sẽ ký “Giấy thông quan hàng hoá nhập cảnh”, thực hiện kiểm dịch tại địa điểm đã được chỉ định trong “Giấy phép kiểm dịch”. Chất di truyền động vật phải di chuyển khỏi cửa khẩu nhập cảnh, chủ hàng hoặc người đại lý phải báo cho cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm nơi đến bản pho tô “Giấy phép kiểm dịch” và “Giấy thông quan hàng hoá nhập cảnh” do cơ quan kiểm nghiệm kiểm dịch tại cửa khẩu nhập cảnh ký.

Cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm thực hiện kiểm nghiệm căn cứ theo yêu cầu của “Giấy phép kiểm dịch”. Nếu chất di truyền động vật kiểm dịch đạt tiêu chuẩn, cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm thực hiện giám sát quản lý theo luật. Nếu kiểm dịch không đạt tiêu chuẩn, trả lại hàng hoặc xử lý tiêu huỷ dưới sự giám sát của cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm.

CƠ QUAN KIỂM DỊCH KIỂM NGHIỆM SẼ THỰC HIỆN HẬU GIÁM SÁT CHẤT DI TRUYỀN ĐỘNG VẬT NHẬP CẢNH.

Cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm thực hiện quản lý giám sát đối với khâu gia công, sử dụng chất di truyền nhập cảnh. Thực hiện lập hồ sơ lưu sau thế hệ đầu tiên của chất di truyền động vật.

Đơn vị sử dụng chất di truyền động vật nhập cảnh phải đến Cục kiểm dịch kiểm nghiệm trực thuộc địa phương sở tại lập hồ sơ. Đơn vị sử dụng phải điền vào “Hồ sơ lưu trữ giám quản kiểm dịch chất di truyền động vật nhập cảnh”, tiếp nhận

giám quản của cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm. Mỗi một lô chất di truyền động vật nhập cảnh kết thúc sử dụng, phải mang “Hồ sơ lưu trữ giám quản kiểm dịch chất di truyền động vật nhập cảnh” cho cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm lưu hồ sơ.

Cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm căn cứ theo yêu cầu, tiến hành giám định tình hình sức khoẻ của thế hệ sau chất di truyền động vật nhập cảnh, các đơn vị hữu quan phải phối hợp thực hiện.

Tổng cục kiểm dịch kiểm nghiệm giám sát chất lượng
quốc gia nước CHND Trung Hoa

Khẩn

**CÔNG HÀM CỦA TỔNG CỤC KIỂM DỊCH KIỂM
NGHIỆM CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
Số: 888 (2002)**

**CÔNG HÀM
VỀ
GIẤY CHỨNG NHẬN VỆ SINH HÀNG THUỶ SẢN
NHẬP CẢNH**

Kính gửi: Đại sứ quán các nước tại nước CHND Trung Hoa,

Tổng cục kiểm dịch kiểm nghiệm giám sát chất lượng Quốc gia nước CHND Trung Hoa (AQSIQ) xin kính chào Đại sứ quán các nước tại nước CHND Trung Hoa và xin trân trọng thông báo về Giấy chứng nhận vệ sinh hàng Thuỷ sản nhập cảnh như sau:

Để quy phạm công tác quản lý giám sát và kiểm dịch kiểm nghiệm hàng thuỷ sản xuất nhập cảnh, nay AQSIQ căn cứ vào khung pháp lý hiện hành đã ban hành "Biện pháp quản lý kiểm dịch kiểm nghiệm hàng Thuỷ sản xuất nhập cảnh" (có thể tra công văn số 31/AQSIQ trên mạng theo địa chỉ <http://www.aqsiq.gov.cn>). Trong đó, AQSIQ đã đưa ra quy định cụ thể về Giấy chứng nhận kiểm dịch kiểm nghiệm hàng Thuỷ sản nhập cảnh (xem phụ kiện). Nhằm tránh ảnh hưởng không tốt do mâu dịch tương quan gây ra, AQSIQ quyết định thực hiện biện pháp này kể từ 30/6/2003. Đề nghị quý Sứ quán thông báo sớm cho bộ ngành chủ quản của Chính phủ quý quốc và thông báo cho phía Trung Quốc trước ngày 30/6/2003

bản mẫu Giấy chứng nhận và cơ quan chính thức cấp Giấy chứng nhận để xác nhận thực hiện.

Cảm ơn sự ủng hộ của quý Sứ quán đối với công tác kiểm dịch kiểm nghiệm của Trung Quốc, mong sớm nhận được thư phúc đáp của quý quốc.

Kèm theo: những yêu cầu cơ bản về Giấy chứng nhận kiểm dịch kiểm nghiệm chính thức của Quốc gia hoặc khu vực xuất khẩu và vận chuyển hàng Thủy sản nhập cảnh.

Ngày 23 tháng 12 năm 2002

Tổng cục kiểm dịch kiểm nghiệm giám sát chất lượng Quốc gia nước CHND Trung Hoa

**NHỮNG YÊU CẦU CƠ BẢN VỀ GIẤY CHỨNG NHẬN
KIỂM DỊCH KIỂM NGHIỆM CHÍNH THỨC CỦA
QUỐC GIA HOẶC KHU VỰC XUẤT KHẨU VÀ VẬN
CHUYỂN HÀNG THUỶ SẢN NHẬP CẢNH**

1/ Trên Giấy chứng nhận ghi rõ: Tên sản phẩm (bao gồm tên hoá học), nơi sản xuất, khu vực đánh bắt, phương thức gia công, tên doanh nghiệp gia công sản phẩm và số đăng ký, cơ quan cấp, phương tiện vận chuyển đăng ký (tên thuyền, tên chuyến máy bay, số container ...), số kẹp chì, người giao hàng, người nhận hàng, số lượng, trọng lượng, ngày sản xuất.

2/ Giấy chứng nhận kiểm dịch kiểm nghiệm không được sửa chữa, phải có dấu chính thức và chữ ký của nhân viên kiểm dịch kiểm nghiệm chính thức, nơi đến cần phải ghi rõ là nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.

3/ Mỗi một lô hàng thủy sản phải có một bản chính Giấy chứng nhận kiểm dịch kiểm nghiệm. Giấy chứng nhận phải dùng hai ngôn ngữ tiếng Trung và tiếng Anh đối chiếu.

4/Giấy chứng nhận phải bao gồm những nội dung sau:

Chứng nhận:

1. Những sản phẩm trên thuộc các doanh nghiệp đã được đăng ký tại cơ quan chủ quản.

上述产品来自主管当局注册的企业

The above fishery products were come from the establishment approved by competent authority.

2. Những sản phẩm trên được sản xuất, đóng gói, lưu kho và vận chuyển theo đúng điều kiện vệ sinh và chịu sự giám sát của đương cục chủ quản.

该产品是在卫生条件下生产,包装,储藏和运输,并置于主管当局健督之下.

The products were produced, packed, stored and transported under sanitary condition, which were under the supervision of competent authority.

3. Những sản phẩm trên được đương cục chủ quản kiểm dịch kiểm nghiệm, không phát hiện thấy những vi khuẩn gây bệnh, những chất có độc hại và những vật lạ khác theo quy định của Trung Quốc.

该产品经主管当局检验检疫,未发现中国规定的有害病菌,有毒有害物质和异物.

The products were inspected and quarantined by competent authority and not found any pathogenic bacteria, harmful substances and foreign substances regulated in the P.R China.

4. Những sản phẩm này phù hợp với yêu cầu vệ sinh thú y, thích hợp cho con người sử dụng.

该产品符合兽医卫生要求,适合人类食用.

The products meet veterinary sanitary requirements and fit for human consumption.

Ngày ký 发 日期	Date of Issue	鉴
------------------------	----------------------	---

Đóng dấu 章	Stamp	盖
----------------------	--------------	---

Chữ ký của cơ quan thú y chính thức Official Veterinary Signature 方 兽医 签 字	官
--	---

QUY ĐỊNH THỰC HIỆN TẠM THỜI VỀ QUẢN LÝ CÁC KHU HỢP TÁC KINH TẾ BIÊN GIỚI, KHU CÔNG NGHIỆP TẠI ĐÔNG HUNG, QUẢNG TÂY, TRUNG QUỐC.

(Ngày 8 tháng 4 năm 2002)

Để cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư, tăng cường thu hút vốn đầu tư, đẩy mạnh tiến trình đô thị hoá, công nghiệp hoá của thị xã Đông Hưng, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội. Căn cứ vào tinh thần " Thông tư của Quốc Vụ Viện về thực hiện một số chính sách, biện pháp phát triển Miền Tây " (số 33/2000 Quốc Vụ Viện), "Thông tư của Văn phòng Quốc Vụ Viện gửi chuyển ý kiến của Văn phòng phát triển Miền Tây Quốc Vụ Viện về thực hiện một số chính sách phát triển Miền Tây"(Số 73/2001 Văn phòng Quốc Vụ Viện) và " Thông tư của Chính phủ nhân dân Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây về một số quy định quán triệt thực hiện chính sách biện pháp phát triển Miền Tây của Quốc Vụ Viện " (số 100/2001 Chính phủ Quảng Tây), xây dựng " Quy định thực hiện tạm thời về quản lý các khu hợp tác kinh tế biên giới, khu công nghiệp tại Đông Hưng" (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp) .

PHẦN I: NHỮNG CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI DÀNH CHO VIỆC PHÁT TRIỂN, XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP

Điều 1: Đất sử dụng để xây dựng khu công nghiệp, thực hiện chuyển nhượng với lợi nhuận bằng không, tức là trưng dụng đất đai, ngoài phần đền bù cho nông dân theo quy định hữu quan và nộp ngân sách Trung ương, khu tự trị cũng như thuế quy định theo pháp luật, phần thu thuộc thị xã được miễn toàn bộ.

Điều 2: Việc xây dựng khu công nghiệp và những dự án trong khu được miễn trung thu phí xây dựng đô thị, phí dịch vụ quy hoạch kỹ thuật.

Điều 3: Số vốn chuyên dùng cho phát triển Miền Tây của Nhà nước mà xin được toàn bộ dùng để xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp.

Điều 4: Khoản thuế thu từ các khu công nghiệp, trong vòng 15 năm sẽ trích theo tỷ lệ nhất định dùng để lập quỹ phát triển các khu công nghiệp, 6 năm trước trích 30% theo phần ngân sách của địa phương, 9 năm sau tỷ trích 10%, chủ yếu dùng để hỗ trợ các ngành nghề trong khu công nghiệp và xây dựng cơ sở đồng bộ các khu công nghiệp.

Điều 5: Sử dụng điện nước trong các khu công nghiệp được áp dụng với giá ưu đãi thấp nhất của thị xã, quy định tạm thời là giá nước công nghiệp 1,03 tệ/m³, giá điện 0,483 tệ/kwh.

PHẦN II: **CÁC CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI DÀNH CHO CÁC DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP TRONG KHU CÔNG NGHIỆP**

Điều 6: Các doanh nghiệp thuộc diện khuyến khích phát triển về chính sách đầu tư, trong vòng 3 năm kể từ ngày bắt đầu sản xuất, thuế giá trị gia tăng mà các doanh nghiệp nộp thuộc phần trích phần trăm của địa phương, trích 50% để lập quỹ phát triển doanh nghiệp nhằm khuyến khích các doanh nghiệp phát triển, mở rộng tái sản xuất.

Điều 7: Các doanh nghiệp thuộc diện khuyến khích phát triển về chính sách đầu tư, kể từ năm bắt đầu có lãi, từ năm thứ nhất đến năm thứ ba áp dụng " thuế không " đối với thuế lợi tức doanh nghiệp, năm thứ tư và năm thứ năm thu 15 % thuế lợi tức của doanh nghiệp. Tức là ngoài được hưởng các chính

sách miễn giảm thuế ra, thuế lợi tức do doanh nghiệp nộp, thuộc phần trích phần trăm của chính quyền địa phương sẽ toàn bộ đưa vào tài khoản riêng của Quỹ phát triển doanh nghiệp, nhằm khuyến khích doanh nghiệp phát triển lên.

Điều 8: Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, không hạn chế tỷ lệ tiêu thụ trong nội địa, các doanh nghiệp có thể tự xác định và điều chỉnh tỷ lệ tiêu thụ trong nội địa và nước ngoài theo nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước.

Điều 9: Đơn giản hoá các thủ tục xét duyệt, nâng cao hiệu quả làm việc, các doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp không cần xét duyệt bản báo cáo khả thi, chỉ xét duyệt bản đề nghị hình thành dự án, những dự án xin chính sách ưu đãi hơn mới xét duyệt bản báo cáo khả thi.

Những thủ tục cần thiết của các doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp, có thể do văn phòng dự án của Ban quản lý khu hợp tác kinh tế biên giới Đông Hưng đại lý trình làm. Sau khi các nhà đầu tư nộp đủ hồ sơ theo yêu cầu cho Văn phòng dự án theo bản kê tài liệu cần thiết cho các dự án, Văn phòng dự án sẽ thay cho doanh nghiệp làm các thủ tục.

Các thủ tục xét duyệt thuộc quyền hạn của thị xã, các cơ quan của thị xã như Cục Kế hoạch phát triển, Cục Kinh mậu, Cục Kinh mậu đối ngoại, Cục Công thương, cục Xây dựng, Cục Tài nguyên đất đai, Cục Bảo vệ môi trường, Đại đội phòng cháy chữa cháy công an cùng đơn vị cấp nước, cấp điện ...áp dụng hình thức làm việc "một cửa", kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, sẽ xét duyệt trong thời gian 7 ngày làm việc, những dự án cần trình lên cấp trên xét duyệt sẽ trình lên trong thời gian 3 ngày làm việc.

Các loại phí và lệ phí cần thu theo quy định, miễn là có sự thỏa nổi đều thu theo mức thấp nhất, và do Văn phòng dự án làm thay thống nhất (trừ khoản thuế của cục thuế, công thương).

PHẦN III :

NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP

Điều 10: Quy hoạch của các khu công nghiệp phải phù hợp với yêu cầu " Quy hoạch tổng thể đô thị của thị xã Đông Hưng" việc xây dựng quy hoạch phải đạt hiệu quả " hàm lượng khoa học kỹ thuật cao, hiệu quả đầu tư khá, môi trường sinh thái đẹp, vai trò gương mẫu lớn".

Điều 11: Việc xây dựng các khu công nghiệp phải trở thành một bộ phận hợp thành hữu cơ của khuôn khổ đô thị và khu kinh tế đô thị, phải tập trung đầu tư phát triển, khai thác một mảnh, xây dựng thành mảnh đó, phát triển theo hướng cuốn chiếu.

Điều 12: Kiên trì nguyên tắc thông nhất quy hoạch, chính sách cùng hưởng, nhiều đơn vị tham gia, cùng chung phát triển.

Điều 13: Các khu công nghiệp phải tận dụng lợi thế về cửa khẩu, hướng về hai thị trường lớn là nội địa và nước ngoài, phát triển các doanh nghiệp gia công mậu dịch hướng ngoại và công nghiệp chủ đạo là các doanh nghiệp gia công có công nghệ cao và sử dụng nhiều lao động.

Điều 14: Các khu công nghiệp do Ban quản lý các khu hợp tác kinh tế biên giới Đông Hưng tiến hành xây dựng và quản lý.

Điều 15: Việc phát triển xây dựng các khu công nghiệp phải được tiến hành một cách nghiêm chỉnh theo " Quy hoạch tổng thể đô thị của thị xã Đông Hưng" và " Quy hoạch chi tiết mang tính chất kiểm soát các khu hợp tác kinh tế biên giới và các khu công nghiệp Đông Hưng", không được thay đổi tính chất về đất sử dụng.

Điều 16: Đất đai trong các khu công nghiệp phải được khai thác sử dụng kịp thời, phải đầu tư khai thác trong thời gian 1 năm kể từ ngày làm xong thủ tục trưng dụng đất, sau một năm không khai thác và sử dụng, phải nộp phí bỏ trống đất theo các quy định. Sau 2 năm không khai thác sử dụng đất, chính quyền thị xã sẽ thu hồi quyền sử dụng đất và đền bù giá trưng dụng.

Điều 17: Lập Quỹ phát triển khu công nghiệp dùng để xây dựng cơ sở hạ tầng trong khu công nghiệp, công việc tiền dự án, hỗ trợ ngành nghề đầu tư trong khu công nghiệp, dịch vụ trong khu công nghiệp v.v.

PHẦN IV : **CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

Điều 18: Những điều chưa liệt kê trong quy định này được thực hiện theo các chính sách ưu đãi khu hợp tác kinh tế biên giới, phát triển Miền Tây và các chính sách ưu đãi liên quan của Quốc Vụ Viện và Khu tự trị Quảng Tây.

Điều 19: Quy định này có hiệu lực kể từ ngày công bố, các khu công nghiệp và các khu khoa học công nghệ thực hiện theo quy định này. Quy định này do Văn phòng Chính phủ nhân dân Thị xã Đông Hưng chịu trách nhiệm giải thích.

HAI CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN HẠN NGẠCH NHẬP KHẨU CAO SU THIÊN NHIÊN VÀ HÀNG NÔNG SẢN VÀO TQ NĂM 2003.

Ngày 30 tháng 9 năm 2002 Ủy ban kế hoạch phát triển quốc gia TQ đã công bố các biện pháp cụ thể về phân phối hạn ngạch thuế quan nhập khẩu hàng nông sản chủ yếu năm 2003, trong đó quy định cụ thể hạn ngạch thuế quan một số mặt hàng chủ yếu như sau: tiểu mạch 9,052 triệu tấn trong đó doanh nghiệp quốc doanh chiếm 90%; ngô 6,525 triệu tấn, trong đó DNQD chiếm 64%; gạo 4,655 triệu tấn trong đó gạo hạt dài và gạo hương nhài 2,3275 triệu tấn. Các loại gạo, tấm khác là 2,3275 triệu tấn, DNQD chiếm 50%; dầu cọ 2,6 triệu tấn, trong đó DNQD chiếm 26%; dầu đậu 2,818 triệu tấn, trong đó DNQD chiếm 26%; dầu cải 1,0186 triệu tấn, trong đó DNQD chiếm 26%; đường ăn 1,852 triệu tấn, trong đó DNQD chiếm 70%; bông 85,6 vạn tấn, trong đó DNQD chiếm 33%. Thuế quan hạn ngạch nhập khẩu hàng nông sản được chia làm 2 loại: loại A dành cho hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuộc mậu dịch thông thường không bao gồm mậu dịch gia công; loại B hạn ngạch nhập khẩu đối với mậu dịch gia công.

Đối với mặt hàng cao su thiên nhiên, Ủy ban kế hoạch phát triển quốc gia đã có thông tri số 5/2002 ký ngày 30/9/2002 quy định về số lượng hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên cho năm 2003 như sau:

Kim ngạch nhập khẩu cả năm 2003 là: 85 vạn tấn, trong đó phân làm hai loại: hạn ngạch nhập khẩu loại A dành nhập khẩu cho tất cả các phương thức mậu dịch thông thường trừ mậu dịch gia công; hạn ngạch nhập khẩu loại B dành riêng cho mậu dịch gia công.

Từ 15/10/2002 đến 31/10/2002 các Ủy ban kế hoạch cấp tỉnh, thành được ủy quyền sẽ tiếp nhận hồ sơ xin cấp hạn ngạch nhập khẩu cao su của các doanh nghiệp. Trước ngày 1/12/2002, Ủy ban kế hoạch các tỉnh, thành sẽ công bố thông

báo về cấp hạn ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên cho các doanh nghiệp đạt đủ điều kiện theo quy định.

•

CÁC QUY ĐỊNH MẶT HÀNG CỤ THỂ

(Kèm theo Quy chế quản lý Xuất nhập khẩu Trung Quốc
Áp dụng từ 11 tháng 12 năm 2002)

a- Quy định danh mục hàng cấm nhập khẩu:

- **Phu lục 1:** gồm 4 nhóm mặt hàng gồm:

1. Xương hổ, động vật hoang dã chưa hoặc đã qua chế biến
2. Sừng tê giác
3. Thuốc phiện và các chất gây nghiện
4. Chất nổ

- **Phu lục 2:** gồm 68 mặt hàng đã qua sử dụng.

1. Thùng chứa ga lỏng hoặc nén
2. Các loại thùng chứa khác
3. Bếp dùng khí ga và nhiên liệu khác cho gia đình
4. Đồ dùng gia đình dùng khí ga và nhiên liệu lỏng
5. Các loại thùng chứa khí ga bằng nhôm
6. Nồi hơi dạng ống công suất 900Tấn/giờ
7. Nồi hơi dạng ống công suất 45 Tấn/giờ
8. Nồi hơi công suất không quá 45 Tấn/giờ
9. 9.Các loại nồi hơi khác
10. Nồi hơi đun nước tới nhiệt độ siêu cao
11. Nồi đun sưởi dùng trong gia đình
12. Các loại nồi đun sưởi trung tâm khác
13. Thiết bị phụ trợ nồi đun tắm hơi
14. 14.Thiết bị cung cấp nồi đun nước trung tâm
15. Lò nung chạy bằng nhiên liệu lỏng
16. Lò nung chạy bằng khí thiên nhiên
17. 17.Lò nung chạy sử dụng các loại nhiên liệu khác
18. Lò nung dùng nhiên liệu rắn
19. Bộ phận nổ tự động thiết bị lò nung
20. Lò nung, bếp lò dùng để nung chảy
21. Lò luyện cốc

22. Lò đốt rác thải có tính phóng xạ
23. Các bộ phận lò dùng cho phòng thí nghiệm
24. Các thiết bị sản xuất băng ghi âm
25. Các thiết bị thu phát video
26. Máy ghi điện tâm đồ
27. Máy chẩn đoán bằng sóng siêu âm B
28. Máy chẩn đoán sóng siêu âm màu
29. Thiết bị quét siêu âm khác chưa liệt kê
30. 30. Thiết bị hiện ảnh cộng từ
31. Thiết bị đồ hoạ nhấp nháy
32. Thiết bị giám sát bảo hộ người bệnh
33. Máy chẩn đoán điện chưa liệt kê
34. Máy tia cực tím hay tia hồng ngoại
35. Bơm tiêm có hay không có kim tiêm
36. Kim tiêm mạ vàng hình ống
37. Kim khâu dùng trong khi tiêm
38. Các loại bộ phận dùng trong tiêm
39. Dụng cụ khoan trong nha khoa
40. Ghế chuyên dùng cho nha khoa
41. Các thiết bị nha khoa chưa liệt kê
42. Máy móc thiết bị dùng trong nhãn khoa
43. Thiết bị nghe chẩn đoán bệnh
44. Máy đo huyết áp
45. Kính nội soi
46. Thiết bị soi thận
47. Các thiết bị chữa bệnh bằng nhiệt
48. Thiết bị truyền máu
49. Thiết bị gây mê
50. Các thiết bị chữa bệnh dùng trong khoa ngoại
51. Thiết bị kiểm tra cắt lớp bằng X quang
52. 52. Thiết bị dùng X quang dùng trong nha khoa
53. Các máy móc thiết bị khác sử dụng X quang dùng trong ngoại khoa
54. Thiết bị đo an toàn dùng X quang liều thấp
55. Các thiết bị sử dụng X quang chưa liệt kê
56. Thiết bị y tế dùng tia α, β, γ
57. Các thiết bị dùng chiếu tia α, β, γ khác

58. Ống chiếu X quang
59. Máy kích hoạt X quang
60. Máy chơi game
61. Thiết bị linh kiện thuộc mã số 9022 khác
62. Đồ chơi video gắn tivi
63. Máy đánh bạc dùng tiền đồng
64. Các loại đồ chơi dùng tiền xu khác
65. Các loại đồ chơi điện tử khác
66. Động cơ
67. Các loại xe
68. Các thiết bị ngưng tụ dùng trong các tổ máy lò hơi

- **Phụ lục 3:** gồm 18 nhóm mặt hàng chủ yếu là nguyên vật liệu

1. Tro và phế thải có hàm lượng chì
2. Tro và phế thải chứa Vanadium
3. Tro và phế thải chứa kẽm, thiếc
4. Tro và rác thải
5. Dầu cặn có chứa các loại hoá chất độc hại
6. Các loại cặn dầu khác
7. Phế liệu dược
8. Rác thải thành phố
9. Phế liệu y tế
10. Chất thải hữu cơ
11. Các loại chất thải hữu cơ khác có chứa hoá chất độc hại
12. Các loại hoá chất cặn dầu dùng cho động cơ bôi trơn máy
13. Các loại phế liệu thuộc ngành hoá công nghiệp có chứa hàm lượng hữu cơ
14. Các loại phế liệu trong ngành công nghiệp hoá chất chứa các loại độc tố khác
15. Tro và các loại rác thải có chứa hợp kim vàng và các nguyên liệu quý khác
16. Các loại bùn lắng
17. Các phế liệu thứ phẩm thuộc ngành hoá chất chưa liệt kê

18. Tro và rác thải có hàm lượng bạc hoặc hợp kim của bạc

b. Danh mục hàng hoá cấm xuất khẩu:

1. Xương hổ cốt đã qua xử lý, Xương hổ cốt chưa qua xử lý
2. Nguru giác
3. Nguru hoàng
4. Các dược thảo gây nghiện dùng trong y tế
5. Dược thảo gây mê
6. Các loại hoá chất tiền gây nghiện
7. Các loại nhiên liệu khí gây ảnh hưởng đến tầng ôzôn
8. Các loại nhiên liệu gỗ đã hoặc chưa qua xử lý (gỗ Merandi đỏ sẫm, gỗ sồi, bách, các loại gỗ họ kim ...)
9. Bạch kim và Paradi chưa qua gia công, dạng bột

c. Quy định danh mục hàng hoá quản lý bằng giấy phép xuất khẩu.

- **Phu lục 1** gồm 54 mặt hàng:

1. Bò sống
2. Lợn sống
3. Gà sống
4. Thịt bò
5. Thịt lợn
6. Thịt gà
7. Tỏi
8. Chè và các loại chè đặc sản
9. Tiểu mạch
10. Ngô
11. Gạo
12. Cam thảo và các chế phẩm từ cam thảo
13. Vật liệu thực vật và các chế phẩm làm từ Thực vật(song, mây , sậy liểu..)

14. Đường ăn
15. Đất sét chịu lửa
16. Các bon nát ma giê tự nhiên
17. Quặng steatite tự nhiên
18. Felspar
19. Đất hiếm
20. Quặng kẽm và quặng kẽm đã làm giàu
21. Quặng thiếc và quặng thiếc đã làm giàu
22. Quặng von phờ ram và quặng von phờ ram đã làm giàu
23. Quặng ăng ti moan và quặng ăng ti moan đã được làm giàu
24. Than đá
25. Than cốc
26. Dầu thô
27. Xăng dầu
28. Sáp paraffin
29. Oxit angtimoan
30. Curudum nhân tạo
31. Vonfram
32. Oxit và hydroxit molipden
33. Oxit và hydro niken
34. Cacbua silicon
35. Nước nặng
36. Cac bua canxium
37. Các chất phá huỷ tầng ozon
38. Các chất làm nguyên liệu chế tạo vũ khí hoá học
39. Hydrogen Chloride
40. Gỗ xẻ
41. Các loại tơ tằm
42. Vải dệt từ sợi tơ hay sợi kéo từ phế liệu tơ
43. Bông
44. Vải dệt từ bông
45. Bạc trắng
46. Bạc vụn
47. Phôi thép
48. Kẽm và hợp kim kẽm

49. Thiếc và hợp kim thiếc
50. Măng gan và các sản phẩm từ măng gan
51. Xe gắn máy và động cơ xe
52. Quạt điện
53. Máy tính điện tử, vi tính
54. Xe đạp

d. Quy định danh mục hàng quản lý bằng giấy phép nhập

khẩu: gồm 12 mặt hàng gồm;

1. Xăng dầu
2. Cao su thiên nhiên
3. Lốp ô tô
4. Thiết bị sx đĩa CD
5. Ôtô, linh kiện chủ yếu của ô tô
6. Xe máy và các linh kiện chủ yếu của xe máy.
7. Máy ảnh, thân máy ảnh
8. Đồng hồ
9. Trục máy, khung gâm ô tô
10. Chất hoá học dùng chế tạo vũ khí hoa học
11. Chất dễ gây cháy
12. Chất khử mùi

e. Quy định danh mục mặt hàng quản lý bằng giấy phép nhập khẩu tư đông :

- **Phụ lục 1** gồm 13 nhóm mặt hàng gồm:

1. Thịt gia cầm
2. Rượu
3. Thuốc lá
4. Sợi axetic
5. Amiang
6. Oxit nhôm
7. Vật liệu nhạy cảm ánh sáng
8. Nguyên liệu nhựa
9. Cao su thành phẩm
10. Gỗ dán
11. Vải sợi hoá học

12. Phôi thép
13. Kim loại màu

- **Phụ lục 2** gồm 618 mặt hàng (Phụ lục sẽ bổ xung sau)

- **Phụ lục 3** gồm 5 nhóm mặt hàng:

1. Thuốc trừ sâu
2. Phân bón
3. Polyetylen
4. Sợi phillamăng
5. Sắt thép

f. Quy định danh mục hàng nhập khẩu do doanh nghiệp nhà nước được chỉ định thực hiện;

- **Phụ 3-lục 1** gồm 5 nhóm mặt hàng:

1. Cao su thiên nhiên
2. Gỗ dán
3. Lông cừu
4. Sợi dệt chứa hợp chất hữu cơ
5. Thép

• Kèm theo danh sách các doanh nghiệp được chỉ định thực hiện nhập khẩu các mặt hàng trên.

g. Quy định danh mục hàng hoá xuất khẩu do doanh nghiệp được chỉ định làm đầu mối gồm 16 mặt hàng.

1. Dầu thô
2. Xăng dầu
3. Than đá
4. Gạo
5. Ngô
6. Bông
7. Quặng Vonfram
8. Quặng Stibium
10. Oxyt Stibi
11. Vonfram trioxit

12. Axit vonfram
13. Bột vonfram và các chế phẩm
14. Bạc trắng
15. Stibi.
16. Các loại tơ tằm

h. Quy định danh mục hàng quản lý bằng thuế suất hạn ngạch nhập khẩu gồm 6 mặt hàng

1. Ngũ cốc gồm: tiểu mạch, ngô gạo
2. Dầu thực vật
3. Lông cừu
4. Đường thực phẩm
5. Bông
6. Phân bón

i. Danh mục hàng nhập khẩu do Doanh nghiệp được chỉ định làm đầu mối gồm 5 mặt hàng

1. Cao su thiên nhiên
2. Gỗ dán
3. Lông cừu
4. Tơ sợi
5. Gang thép

k. Quy định danh mục mặt hàng trong điểm Nhà nước quản lý buôn bán tiểu ngạch gồm 21 mặt hàng:

1. Gạo nếp
2. Gạo các loại
3. Lúa mỳ
4. Quặng kẽm
5. Quặng thiếc
6. Quặng Vonfram
7. Quặng Stibi
8. Than đá
9. Dầu thô
10. Xăng dầu

11. OxytStibi
12. Vonframtrioxid
13. Các loại axit dohydric
14. Amoni
15. Bột Vonfram chế phẩm
16. Gỗ xẻ
17. Các loại tơ tằm
18. Bạc trắng
19. Kẽm, các hợp kim của kẽm
20. Thiếc các hợp kim của thiếc
21. Stibi.

**DANH MỤC HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU MẬU
DỊCH TIỂU NGẠCH QUA BIÊN GIỚI DO NHÀ
NƯỚC TRỌNG ĐIỂM QUẢN LÝ**

- | | |
|--|----------------------------------|
| 1. Ngô gồm ngô giống và các loại ngô khác | 2. Gạo |
| 3. Lúa mỳ | 4. Quặng kẽm |
| 5. Quặng thiếc | 6. Quặng Vonfram |
| 7. Quặng Stibium | 8. Than đá |
| 9. Dầu thô | 10. Xăng dầu |
| 11. Ôxy Stibium | 12. Vonframtrioxid |
| 13. Các loại axit dohydric | 14. Amoni |
| 15. Bột Vonfram và chế phẩm | 16. Gỗ xẻ |
| 17. Tơ tằm các loại | 18. Bạc |
| 19. Kẽm cùng các hợp kim kẽm | 20. Thiếc cùng các hợp kim thiếc |
| 21. Stibium cùng hợp kim Stibium và chế phẩm của nó. | |

DANH MỤC HÀNG HOÁ QUẢN LÝ GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU NĂM 2003

*Thông tư số 59 giữa Bộ Mậu dịch và hợp tác kinh tế đối ngoại
TQ và Tổng cục hải quan TQ*

*Căn cứ "Luật mậu dịch đối ngoại nước CHND Trung Hoa" và
"Quy chế quản lý hàng hoá xuất nhập khẩu nước CHND Trung
Hoa", nay công bố "Danh mục hàng hoá quản lý giấy phép
xuất khẩu năm 2003", thực hiện kể từ ngày 1/1/2003.*

Ngày 10/12/2002

Căn cứ "Quy chế quản lý hàng hoá xuất nhập khẩu nước
CHND Trung Hoa" nay ban hành danh mục hàng hoá quản lý
giấy phép xuất khẩu năm 2003 (xem phụ kiện 1), và thông báo
các vấn đề liên quan như sau:

I/ 52 loại mặt hàng (338 mã số mặt hàng gồm 8 số) được
quản lý theo giấy phép xuất khẩu năm 2003, giấy phép hạn
ngạch xuất khẩu, đấu thầu hạn ngạch xuất khẩu, sử dụng hạn
ngạch xuất khẩu có đền bù, đấu thầu hạn ngạch xuất khẩu
không đền bù và giấy phép xuất khẩu.

**a/ Các mặt hàng được quản lý bằng giấy phép xuất khẩu
gồm:**

Ngô, gạo, lúa mỳ, bông, chè, gỗ xẻ, bò sống (đối với
Hong Kông, Ma cao), lợn hơi (đối với Hong Kông và Ma Cao),
gà sống (đối với Hong Kông và Ma cao), các loại tơ tằm, lụa sơ
ché, than đá, than cốc, dầu thô, xăng dầu, bôxít, quặng
Stibium, Stibium (gồm hợp kim Stibium cùng chế phẩm
Stibium), các loại muối kẽm, bột Vonfram cùng chế phẩm,
kẽm và hợp kim kẽm, thiếc và hợp kim thiếc, quặng thiếc, bạc,
thêm tám cacbon (kích thước cố định xuất khẩu sang Mỹ), sáp.

b/ Các mặt hàng được đấu thầu hạn ngạch xuất khẩu gồm:

Sợi và chế phẩm, Silicium cacbon, thỏi (bột) Fluorum, magesium nhẹ (nặng).

c/ Các mặt hàng được sử dụng hạn ngạch xuất khẩu đền bù gồm:

Vanadi, kim cương và ngọc nhân tạo, cam thảo và các chế phẩm cam thảo.

d/ Các mặt hàng được quản lý đấu thầu hạn ngạch xuất khẩu không phải đền bù gồm:

Quạt điện, xe máy, động cơ xe máy, xe đạp.

e/ Các mặt hàng được quản lý giấy phép xuất khẩu gồm:

Bò sống (các thị trường trừ Hồng Kông và Ma Cao), lợn hơi (các thị trường trừ Hồng Kông và Ma Cao), gà sống (các thị trường trừ Hồng Kông và Ma Cao), thịt bò, thịt lợn, thịt gà, tỏi, nước nặng, chất phá huỷ tầng ôzôn, hoá chất được kiểm soát, hoá chất dễ trở thành nguyên liệu làm chất ma tuý, Platin (bach kim) (xuất khẩu với hình thức mậu dịch gia công), máy tính điện tử.

II. Trừ trường hợp quy định riêng biệt dưới đây, các mặt hàng xuất khẩu được liệt kê trong danh mục hàng hoá quản lý giấy phép xuất khẩu đều thực hiện quản lý giấy phép xuất khẩu toàn cầu.

Bò sống, lợn hơi, gà sống (xuất sang Hồng Kông và Ma Cao được quản lý bằng giấy phép, hạn ngạch từng nước (lãnh thổ) trong khuôn khổ giấy phép toàn cầu, thép tấm cacbon có kích thước cố định xuất sang Mỹ thực hiện quản lý giấy phép hạn ngạch từng nước. Các doanh nghiệp xuất khẩu phải xin giấy phép xuất khẩu theo quy định và xin cấp giấy chứng nhận hạn ngạch xuất khẩu, giấy chứng nhận xuất xứ thép tấm cacbon có kích thước cố định xuất sang Mỹ với Cục cấp giấy phép hạn ngạch. Khi báo quan phải xuất trình cho hải quan 2

loại giấy chứng nhận trên. Hải quan tiến hành kiểm nghiệm và cho thông quan trên cơ sở 2 loại chứng từ chứng nhận trên.

III. Thực hiện quản lý hạn ngạch quốc doanh đối với các mặt hàng như: ngô, gạo, than đá, dầu thô, xăng dầu, bông, quặng stibium, Stibium (hợp kim Stibim cùng chế phẩm), ôxit stibium, quặng vonfram, các loại muối, bột vonfram cùng chế phẩm, bạc, các loại tơ tằm, thép tấm cacbon có kích thước cố định (xuất sang Mỹ), chè (chè xanh, chè Ô long), thực hiện quản lý chỉ định đầu mối kinh doanh.

IV. Các mặt hàng được đấu thầu hạn ngạch xuất khẩu và các mặt hàng sử dụng hạn ngạch xuất khẩu có đền bù, dưới bất cứ hình thức mậu dịch nào, các cơ quan được uỷ quyền cấp giấy phép xuất khẩu thông qua giấy xác nhận theo danh sách các doanh nghiệp được trúng thầu cùng số lượng trúng thầu do Bộ Kinh mậu cung cấp và giấy xác nhận xin giấy phép xuất khẩu hàng hoá đấu thầu hạn ngạch "giấy xác nhận xin giấy phép xuất khẩu hàng hoá sử dụng hạn ngạch đền bù" do Văn phòng gọi thầu xuất trình.

V. Kể từ ngày 1/1/2003 bổ sung thêm 2 loại hoá chất dễ bị biến thành nguyên liệu sản xuất ma tuý vào diện quản lý giấy phép xuất khẩu.

VI. Kể từ ngày 1/1/2003 loại bỏ quản lý giấy phép hạn ngạch xuất khẩu tòi (thị trường Hàn Quốc, thực hiện quản lý giấy phép xuất khẩu toàn cầu).

VII. Kể từ ngày 1/1/2002 loại bỏ quản lý giấy phép hạn ngạch xuất khẩu đường.

VIII. Các mặt hàng dưới đây xuất khẩu dưới hình thức mậu dịch gia công được thực hiện theo những quy định sau đây:

a/ Các mặt hàng thuộc quản lý giấy phép hạn ngạch xuất khẩu dưới hình thức mậu dịch gia công (trừ trường hợp được quy định tại khoản b,c của điều này). Cơ quan cấp giấy phép xem xét cấp giấy phép xuất khẩu bằng hạn ngạch xuất khẩu (giấy phép nghiệp vụ mậu dịch gia công) cùng bản Hợp đồng xuất khẩu (bản sao).

b/ Việc nhập khẩu nguyên liệu dùng để sản xuất Platium cho tái xuất Platium, các cơ quan cấp giấy phép xem xét cấp giấy phép xuất khẩu theo "Giấy phép nghiệp vụ mậu dịch gia công của ngành chủ quản kinh tế thương mại đối ngoại, nơi đăng ký sở tại của doanh nghiệp kinh doanh"

c/ Việc nhập khẩu dầu thô để chế biến tái xuất xăng dầu hoặc sáp, nhập khẩu mặt hàng có bạc (trừ bột, bạc, bạc chưa rèn đúc cùng các bán thành phẩm của bạc) để chế biến tái xuất bạc, xuất khẩu kẽm cùng hợp kim đúc kẽm dưới hình thức mậu dịch gia công, các cơ quan cấp giấy phép xem xét cấp giấy phép xuất khẩu theo " Giấy phép mậu dịch nghiệp vụ gia công" của ngành chủ quản kinh tế thương mại cấp tỉnh, nơi đăng ký sở tại của doanh nghiệp kinh doanh, giấy báo quan nhập khẩu mậu dịch gia công của Hải quan, hợp đồng xuất khẩu bản sao. Trong đó "Giấy phép mậu dịch nghiệp vụ gia công" về bạc được xem xét cấp theo giấy phê chuẩn của Bộ Kinh mậu.

d/ Thời hạn giá trị của Giấy phép xuất khẩu được nêu tại điểm b và c của điều này được xác định trong "Giấy phép nghiệp vụ mậu dịch gia công".Trường hợp thời hạn xuất khẩu được xác định trong "Giấy phép nghiệp vụ mậu dịch gia công" quá cuối tháng 2 năm tới. Thì thời hạn có giá trị của giấy phép xuất khẩu được cấp chỉ có giá trị đến cuối tháng 2 năm tới. Các doanh nghiệp cần xin làm thủ tục gia hạn trước cuối tháng 2. Các cơ quan cấp giấy phép sẽ xem xét cấp giấy phép xuất khẩu theo thời hạn xuất khẩu của "Giấy phép nghiệp vụ mậu dịch gia công".

IX. Theo tinh thần "Thông tư về các vấn đề liên quan trong mậu dịch biên giới" của Quốc vụ viện (số 02/1996 QVV), các doanh nghiệp mậu dịch tiểu ngạch vùng biên giới xuất khẩu các mặt hàng phải đấu thầu hạn ngạch xuất khẩu cũng như sử dụng hạn ngạch xuất khẩu có đền bù, chất phá huỷ tầng ôzôn, hoá chất được kiểm soát, hoá chất dễ chuyển thành nguyên liệu sản xuất ma tuý và xe máy cùng động cơ xe máy vẫn thực hiện theo quy định hiện hành. Doanh nghiệp xin giấy phép xuất khẩu tại các cơ quan cấp giấy phép xuất khẩu được Bộ Kinh mậu uỷ quyền. Các doanh nghiệp mậu dịch tiểu ngạch tại vùng biên giới xuất khẩu các mặt hàng mậu dịch tiểu ngạch qua biên giới do Nhà nước quản lý trọng điểm (xem phụ kiện 2), do ngành chủ quản kinh tế thương mại các tỉnh Khu tự trị tại vùng biên giới được Bộ Kinh mậu uỷ quyền cấp giấy phép xuất khẩu theo hạn ngạch xuất khẩu mậu dịch tiểu ngạch qua biên giới do Bộ Kinh mậu phân bổ. Các doanh nghiệp mậu dịch tiểu ngạch vùng biên giới xuất khẩu các mặt hàng khác ngoài những mặt hàng nêu trong điều này thuộc danh mục hàng hoá quản lý giấy phép xuất khẩu năm 2003 đều được miễn xin giấy phép xuất khẩu.

X. Để bảo đảm việc thực hiện quyết toán trong nối mạng giấy phép xuất nhập khẩu, đối với những mặt hàng không thực hiện quản lý bằng (một lô hàng một giấy phép) khi cấp giấy phép xuất khẩu các cơ quan cấp giấy phép phải ghi chú "Không phải 1 lô hàng 1 giấy phép" trong mục ghi chú ở giấy phép. Các mặt hàng không thuộc diện quản lý bằng "Không phải 1 lô hàng 1 giấy phép" gồm:

- a. Các mặt hàng xuất khẩu của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.
- b. Các mặt hàng xuất khẩu theo hình thức mậu dịch gia công.
- c. Các mặt hàng xuất khẩu theo hình thức mậu dịch bù trừ.
- d. Các mặt hàng: gạo, ngô, bò sống, lợn hơi, thịt bò, thịt lợn, thịt gà, chè, dầu thô, than đá.

Giấy phép xuất khẩu "Không phải 1 lô hàng 1 giấy phép" có thể báo quan nhiều lần tại cùng 1 cửa khẩu nhưng không vượt quá 12 lần. Sau 12 lần báo quan Giấy phép xuất khẩu tuy vẫn còn số dư, Hải quan vẫn ngừng tiếp nhận báo quan.

XI. Hàng mẫu quảng cáo của các mặt hàng nước nặng, hoá chất được kiểm soát, hoá chất dễ thành nguyên liệu sản xuất ma túy và chất phá huỷ tầng ô zôn phải thực hiện thông qua giấy phép xuất khẩu.

Danh mục này được thực hiện kể từ ngày 1/1/2003.
(Danh mục hàng hoá quản lý giấy phép xuất khẩu năm 2002 bị bãi bỏ)

Thông tư liên bộ Thương mại, Tổng cục hải quan, Cục Lâm nghiệp Trung Quốc số 27 năm 2003 về danh mục hàng cấm xuất khẩu

Ngày 1 tháng 7 năm 2003

Căn cứ “ Điều lệ quản lý hàng hoá xuất nhập khẩu của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, nay công bố danh mục bổ xung hàng cấm xuất khẩu được áp dụng từ ngày 1 tháng 8 năm 2003

DANH MỤC HÀNG CẤM XUẤT KHẨU
(Bổ xung đợt 2)

<u>Số thứ tự</u>	<u>Mã hiệu hàng hoá</u>	<u>Tên hàng</u>
1	44020000.10	Than củi tròn đường kính trên 4cm độ dài hơn 10cm.
2	44020000.20	Các loại than củi

Thông tư liên bộ giữa Bộ Thương mại, Tổng cục Hải quan, Tổng cục kiểm tra chất lượng, Tổng cục bảo vệ môi trường Trung Quốc số 10 về việc cấm nhập khẩu hàng phế liệu dùng làm nguyên liệu.

Căn cứ “Pháp lệnh phòng chống ô nhiễm môi trường đối với chất thải rắn của nước CHND Trung Hoa” và Điều lệ quản lý hàng hoá xuất nhập khẩu của nước CHND Trung Hoa”, nay công bố “ Danh mục hạn chế nhập khẩu phế liệu dùng làm nguyên liệu .

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 5 năm 2003. Huỷ bỏ các quy định trước đây của Bộ Kinh mậu, Tổng cục hải quan , tổng cục bảo vệ môi trường trái với Thông tư này.

DANH MỤC HÀNG HOÁ HẠN CHẾ NHẬP KHẨU DÙNG LÀM NGUYÊN LIỆU

<u>Số thứ tự</u>	<u>Mã hiệu hàng hoá</u>	<u>Tên hàng</u>
1	1703.1000	Mật mía
2	1703.9000	Các loại mật khác
3	2620.9990.10	Chất thải hoá học có chứa 10% Valadium

HẠN NGẠCH XUẤT KHẨU HÀNG NÔNG SẢN NĂM 2003

Ngày 26/12/2002, Bộ Kinh mậu TQ ra Thông tri số 1018 về một số vấn đề liên quan đến hạn ngạch xuất khẩu một số hàng nông sản năm 2003, cụ thể:

1/ Ban hành danh mục một số hạn ngạch hàng nông sản xuất khẩu năm 2003 và danh mục phân phối hạn ngạch xuất khẩu hàng nông sản qua mậu dịch biên giới.

2/ Ngoài hạn ngạch xuất khẩu theo đường mậu biên, nay công bố hạn ngạch 4 nhóm mặt hàng xuất khẩu là: gạo, ngô, tiểu mạch, bông.

Dưới đây là một số nhóm mặt hàng được phân bổ hạn ngạch xuất khẩu liên quan và ảnh hưởng đến xuất nhập khẩu của ta trong năm 2003 như sau:

*** Lợn hơi**

Đơn vị: con

Khu vực hoặc doanh nghiệp	Số lượng hạn ngạch	
	Hồng Kông	Áo Môn
Tổng cộng	1550000	150000
Tỉnh Giang tây	2770	
Tp Thượng Hải	30280	
Tỉnh Triết Giang	178980	
Tp Ninh Ba	12450	
Tỉnh An Huy	4930	
Tỉnh Phúc Kiến	21380	
Tp Hạ Môn	2860	
Tỉnh Giang Tây	150040	
Tỉnh Hà Nam	210040	
Tỉnh Hồ Nam	348750	28800
Tỉnh Hồ Bắc	265420	
Trong đó, hợp doanh	7050	
Tỉnh Quảng Đông	158270	121200

Tp Thẩm Quyến	48150	
Trong đó, hợp doanh	3170	
Tỉnh Hải Nam	2560	
Khu tự trị Quảng tây	95180	
Công ty hữu hạn thuộc tập đoàn XNK lương thực, dầu thực phẩm TQ	17940	

Ghi chú: Hạn ngạch xuất khẩu lợn hơi sang Hồng Kông của tỉnh Giang Tây bao gồm số lượng 27690 con của Công ty hữu hạn thực nghiệm Quốc Hồng Giang Tây.

***Lợn choai sống**

Đơn vị: Con

Khu vực hoặc doanh nghiệp	Số lượng hạn ngạch	
	Hồng Kông	áo Môn
Tổng cộng	280000	4000
Tp Thượng Hải	105770	
Tỉnh Triết Giang	49050	
Tp Ninh Ba	8760	
Tỉnh Phúc Kiến	2420	
Tỉnh Giang Tây	7100	
Tỉnh Hồ Bắc	24570	
Tỉnh Hồ Nam	7500	
Tỉnh Quảng Đông	49080	4000
Tp Thẩm Quyến	6890	
Tỉnh Hải Nam	770	
Khu tự trị Quảng Tây	8360	
Công ty hữu hạn tập đoàn XNK lương dầu, thực phẩm TQ	9730	

* Loại hàng: Lợn sữa sống

Đơn vị : Con

Khu vực	Hồng Kông
Tổng cộng	5000
tỉnh Hồ Nam	5000

DANH MỤC PHÂN PHỐI HẠN NGẠCH XUẤT KHẨU HÀNG NÔNG SẢN MẬU DỊCH BIÊN GIỚI NĂM 2003

Đơn vị: tấn

Khu vực	Số lượng hạn ngạch		
	Gạo	Tiểu mạch	Ngô
Tổng cộng	300000	50000	50000
Tỉnh Hắc Long Giang	178000	7000	13000
Tỉnh Cát Lâm	41000		10000
Tỉnh Liêu Ninh	9000	5000	3000
Khu tự trị Nội Mông	10000	7000	5000
Khu tự trị Quảng Tây	1000	9000	5000
Binh đoàn Tân Cương	30000	3000	3000
Khu tự trị Tân Cương	21000	10000	10000
Tỉnh Vân Nam	10000	9000	1000

DANH SÁCH CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH NHẬP KHẨU

(Có hiệu lực từ ngày 11/12/2001)

1- Lương thực

Công ty hữu hạn(Tập đoàn) XNK lương thực, dầu, thực phẩm TQ

2-Dầu thực vật

Công ty hữu hạn (Tập đoàn) XNK lương thực, dầu, thực phẩm TQ

TCTy XNK Thổ súc sản TQ

TCTy XNK Nam Quang TQ

Công ty (Tập đoàn) lương thực, dầu Trung Cốc

Công ty hữu hạn vật tư Hoa Khẩn

Công ty hữu hạn phát triển đầu tư Công nghiệp và thương mại Kiều Kiện

3- Đường ăn

Công ty hữu hạn (Tập đoàn) XNK lương thực, dầu thực phẩm TQ

Tcty xây dựng cơ sở hàng hoá xuất khẩu TQ

Công ty(Tập đoàn) ngành đường, rượu TQ

TCTy mậu dịch đối ngoại Thương nghiệp TQ

4 - Thuốc lá

Công ty(Tập đoàn) XNK thuốc lá TQ

5 - Dầu thô

TCTy XNK hoá công TQ

Công ty liên hợp hoá công dầu mỏ TQ

Công ty hữu hạn trách nhiệm liên hợp dầu mỏ TQ

Công ty Chấn Nhung Chu Hải

6 - Xăng dầu

Trong đó:

- Xăng ô tô, dầu diezen - TCTy XNK hoá công TQ
- Dầu, dầu hoả, naphtha- Công ty liên hợp Hoá công dầu mỏ Quốc tế TQ
- Dầu, paraffin- Công ty TNHH liên hợp TQ
- Công ty Chấn Nhung Chu Hải
- Dầu nhiên liệu:
 - + TCTy XNK Ho, c«ng TQ
 - + Công ty liên hợp hoá công dầu mỏ quốc tế TQ
 - + Công ty TNHH liên hợp dầu mỏ TQ
 - + Công ty Trấn Nhung Chu Hải
 - + Công ty quốc tế dầu mỏ TQ
 - + Công ty hữu hạn XNK Hoa Hải Trung Nghệ
 - + TCông ty cung ứng nhiên liệu tàu thuyền TQ
 - + Công ty hữu hạn vật tư điện lực thuỷ lợi TQ
 - + Công ty hữu hạn đầu tư phát triển khí thiên nhiên dầu mỏ Quang Đại
 - + Công ty mậu dịch đối ngoại quốc tế Hoa Năng TQ
 - + Công ty hợp tác kinh tế quốc tế Bắc Kinh Tq
 - + Công ty hữu hạn (Tập đoàn) mậu dịch quốc tế cơ điện Thiên Tân
 - + Công ty XNK khoáng sản ngũ kim tỉnh Hà Bắc
 - + Công ty hữu hạn thực nghiệm Thiên Lợi tỉnh Sơn Tây
 - + TCông ty mậu dịch đối ngoại tỉnh Liêu Ninh
 - + Công ty hữu hạn XNK Kim Dương Đại Liên
 - + Cty XNK mậu dịch đối ngoại tỉnh Cát Lâm
 - + Cty XNK Hắc Long Giang Trung Hoá
 - + Cty hữu hạn mậu dịch đối ngoại thuộc tập đoàn quốc tế Thượng Hải Đông Phương
 - + Cty hữu hạn XNK thuộc tập đoàn vật tư Thượng Hải
 - + Tcty chất đốt tỉnh Giang Tô
 - + Cty hữu hạn cổ phần khu công nghiệp tỉnh Giang Tô
 - + Cty nguyên liệu kim loại tỉnh Triết Giang
 - + Cty hữu hạn XNK Trìu Đạt tỉnh Triết Giang
 - + Cty (tập đoàn) Ninh Hưng Ninh Ba
 - + Cty hữu hạn cổ phần XNK Hoá Công tỉnh An Huy
 - + Cty XNK hoá công tỉnh Phúc Kiến

- + Tập đoàn trung tâm mậu dịch đối ngoại Phúc Kiến
- + Cty hữu hạn cổ phần Kiến Phát Hạ Môn
- + Cty hữu hạn cổ phần mậu dịch quốc tế Hạ Môn
- + Cty XNK hoá công tỉnh Giang Tây
- + Cty hữu hạn cổ phần Thắng lợi Sơn Đông
- + Cty hữu hạn thuộc tập đoàn mậu dịch đối ngoại tỉnh Sơn đông
- + Cty hữu hạn XNK Thanh Hoa Thanh Đảo
- + Cty hữu hạn XNK thực nghiệm kinh mậu Lợi Gia Thanh Đảo
- + Cty TNHH tập đoàn XNK lương dầu thực phẩm Hải Nam
- + Cty XNK Hoá công tỉnh Hồ Bắc
- + Cty XNK hoá công tỉnh Hồ Nam
- + Cty XNK vật tư tỉnh Quảng Đông
- + Cty hữu hạn thực nghiệm công nghiệp nhẹ hoa quả tỉnh Quảng Đông
- + Tcty vật tư đặc khu kinh tế Chu Hải
- + Cty hữu hạn (tập đoàn) xí nghiệp Trung Nhân Quảng Đông
- + Cty hữu hạn hoá công dầu mỏ tp Hoa Thái Hưng Quảng Châu
- + Cty hữu hạn thực nghiệm Vĩnh Tuấn tp Thẩm Quyến
- + Cty dầu mỏ tp Thẩm Quyến
- + Cty hữu hạn dầu mỏ Thông Đạt tp Thẩm Quyến
- + Cty hữu hạn khoa học viễn thông Đông nhị tp Thẩm Quyến
- + Cty hữu hạn mậu dịch bảo thuế sản phẩm dầu Thạch Hoá tp Thẩm Quyến
- + Cty XNK hoá công Quảng Tây
- + Cty hữu hạn XNK hoá công Trung Thông Hải Nam
- + Cty XNK mậu dịch đối ngoại Trùng khánh
- + Cty XNK đối ngoại tỉnh Quý Châu
- + Cty XNK Thổ sản tỉnh Vân Nam
- + Cty tập đoàn mậu dịch XNK tỉnh Cam Túc
- + Cty hữu hạn cổ phần thực nghiệm quốc tế Tân cương
- + Cty dầu mỏ quốc tế Trung Hoá

- + Cty XNK Quảng Đông Trung Hoá
- + Cty XNK Thượng Hải Trung Hoá
- + Cty hữu hạn mậu dịch Phố Đông Trung Hoá
- + Cty Ninh Ba Trung Hoá
- + Cty hữu hạn thực nghiệm (Thâm Quyến) Trung Hoá
- + Cty XNK Giang Tô Trung Hoá
- + Cty XNK Quảng Châu Trung Hoá
- + Cty XNK Sơn Đông Trung Hoá
- + Cty XNK Liêu Ninh Trung Hoá

7- Phân bón:

- + Tcty XNK hoá công TQ
- + Cty tập đoàn vật tư nông nghiệp TQ

8- Bông sợi:

- + Tcty XNK hàng dệt may TQ
- + Cty tập đoàn dệt may Cửu Đạt Bắc Kinh
- + Cty cung tiêu công nghiệp dệt Thiên Tân
- + Cty nguyên liệu ngành dệt may Thượng Hải

DANH SÁCH CÁC DOANH NGHIỆP ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH NHẬP KHẨU

(Có hiệu lực từ ngày 11/12/2001)

I. GANG THÉP:

- + Tcty XNK khoáng sản ngũ kim Tq
- + Cty TNHH gang thép Ngũ Khoang TQ
- + Cty tập đoàn công mậu gang thép TQ
- + Tcty vật tư công nghiệp tàu thuyền TQ
- + Cty cổ phần Thành Thông Tq
- + Cty hữu hạn mậu dịch khí tài dầu khí Ngũ Khoa Tq
- + Cty đầu tư tín thác quốc tế TQ
- + Cty hữu hạn XNK vật tư ngũ khoáng TQ
- + Tcty vận tải vật tư TQ
- + Tcty XNK bao bì TQ
- + Cty hữu hạn cổ phần khoa học kỹ thuật Trung Kim
- + Tcty vật tư điện lực thuỷ lợi Tq
- + Tcty XNK Nghi khí Tq
- + Cty XNK thiết bị và vật liệu xây dựng TQ
- + Tcty nguyên vật liệu ngành công nghiệp nhẹ TQ
- + Cty tập đoàn công nghiệp nhẹ Tq
- + Cty hữu hạn vật tư Hoa Khẩn
- + Tcty vật tư Công Minh TQ
- + Tcty XNK thực phẩm, dầu lương thực TQ
- + Tcty XNK thiết bị máy móc TQ
- + Tcty XNK kỹ thuật Tq
- + Cty mậu dịch bao bì quốc tế TQ
- + Tcty XNK hoá công TQ
- + Tcty XNK máy móc TQ
- + Tcty XNK công nghệ phẩm TQ
- + Cty hoá dầu Quốc tế TQ
- + Cty hữu hạn XNK Hoa Tĩnh
- + Tcty xây dựng cơ sở hàng xuất khẩu Tq
- + Cty hữu hạn tập đoàn Hoa Nguyên TQ
- + Cty hữu hạn mậu dịch quốc tế Cao Tân

- + Cty mậu dịch tàu thuyền TQ
- + Cty công nghiệp phương bắc TQ
- + Tcty XNK thổ xúc sản TQ
- + Cty công nghiệp Trung Viễn
- + Cty công nghiệp năng lượng nguyên tử TQ
- + Tcty cung tiêu hoá công TQ
- + Tcty XNK Nam Quang Tq
- + Cty XNK tập đoàn ô tô số 1 TQ
- + Cty XNK ô tô Thượng Hải
- + Tcty mậu dịch kinh tế quốc tế thuộc tập đoàn Bảo Cương
- + Tcty mậu dịch kinh tế quốc tế thuộc tập đoàn Tiền Cương
- + Cty mậu dịch kinh tế quốc tế Hoa Năng TQ
- + Tcty tập đoàn Nông Khẩn TQ
- + Cty tập đoàn các doanh nghiệp thương nghiệp TQ
- + Tcty cung tiêu công nghiệp hàng không Tq
- + Cty tập đoàn Thiên Hằng TQ
- + Cty TNHH đấu thầu quốc tế Tam Hiệp
- + Cty hữu hạn mậu dịch khoa học công nghiệp Nam Phương
- + Cty TNHH Nam Phương
- + Cty TNHH quốc tế Thần Hoa
- + Tcty hợp tác kinh tế đối ngoại TQ
- + Cty hữu hạn XNK công nghiệp ô tô Đông Phong Tq
- + Cty XNK công nghiệp ô tô TQ
- + Cty hữu hạn XNK Phương Chính Bắc Đại
- + Tcty dịch vụ thương mại du lịch TQ
- + Cty hợp tác quốc tế Đoạn Bạc TQ
- + Tcty tập đoàn hoá công Châu Hoa TQ
- + Cty đầu tư tiết kiệm năng lượng TQ
- + Tcty xây dựng hoá công TQ
- + Cty XNK thuộc tập đoàn Tây phi
- + Tcty cung tiêu công nghiệp hàng không TQ
- + Tcty XNK sản phẩm công nghiệp nhẹ TQ
- + Cty (tập đoàn) thiết bị máy móc TQ
- + Cty hữu hạn tập đoàn mậu dịch quốc tế Khánh An Tq

- + Tcty tập đoàn thiết bị vật tư ngành dầu mỏ TQ
- + Tcty phát triển thực nghiệm Tân Chính TQ
- + Cty tập đoàn hợp tác quốc tế lâm nghiệp TQ
- + Cty Trần Nhung Chu Hải
- + Tcty thuỷ sản TQ
- + Tcty XNK điện tử TQ
- + Cty tập đoàn Viễn Đại Tq
- + Tập đoàn trung tâm mậu dịch đối ngoại TQ
- + Cty hữu hạn bột giấy Phục Hưng
- + Cty hợp tác kinh tế quốc tế Trung Dân
- + Cty TNHH Kinh mậu quốc tế TQ
- + Cty XNK Âu Mỹ TQ
- + Cty TNHH XNK Hằng Nguyên Đồng Bắc Kinh

THÀNH PHỐ BẮC KINH GỒM:

- + Cty mậu dịch quốc tế Bắc Kinh
- + Cty hữu hạn XNK Phú Hải Hoa Bắc Kinh
- + Cty hợp tác kinh tế quốc tế Bắc Kinh
- + Cty hữu hạn XNK ái Lực Sinh Bắc Kinh
- + Cty xây dựng cơ sở hàng xuất khẩu Bắc Kinh TQ
- + Cty tập đoàn xuất nhập khẩu Phúc Lợi Tq
- + Tập đoàn công mậu thuộc ngành công nghiệp kim loại BK

THÀNH PHỐ THIÊN TÂN GỒM:

- + Cty hữu hạn thuộc tập đoàn đối ngoại Thiên Tân
- + Cty hữu hạn thuộc tập đoàn XNK khoáng sản Thiên Tân
- + Cty XNK hàng thể dục văn hoá thuộc tập đoàn quốc tế Bắc Phương Thiên Tân
- + Cty hữu hạn thuộc tập đoàn XNK Lợi Hoa Thiên Tân
- + Cty XNK công nghiệp ô tô Thiên Tân

TỈNH HÀ BẮC GỒM:

- + Cty XNK khoáng sản mỹ kim tỉnh Hà Bắc

- + Cty mậu dịch XNK tỉnh HB
- + Cty hữu hạn XNK Hoá nghiệp HB
- + Cty XNK bao bì HB
- + Cty XNK máy móc HB
- + Cty hữu hạn cổ phần XNK Thuận Luân HB

TỈNH SƠN TÂY GỒM:

- + Cty hữu hạn mậu dịch kinh tế quốc tế thuộc tập đoàn Gang thép Thái Nguyên
- + Cty XNK máy móc tỉnh Sơn Tây
- + Cty hữu hạn thực nghiệm Đại Phở Sơn Tây
- + Cty hữu hạn thực nghiệm Thiên lợi ST
- + Cty hữu hạn Đặc Mại Minh ST
- + Cty XNK kỹ thuật ST

KHU TỰ TRỊ NỘI MÔNG GỒM:

- + Cty XNK hoá công khoáng sản ngũ kim KTTNM
- + Cty mậu dịch XNK KTTNM
- + Cty vận tải đối ngoại KTTNM TQ

TỈNH LIÊU NINH GỒM:

- + Cty hữu hạn kinh mậu Gia Nhuận LN
- + Cty hữu hạn mậu dịch quốc tế Hội Minh
- + Cty mậu dịch đối ngoại Hưng Nghiệp LN
- + Cty hữu hạn thực nghiệm Thanh Đại LN
- + Cty mậu dịch đối ngoại Uy Lợi LN
- + Cty hữu hạn phát triển thực nghiệm Giai Lợi LN
- + Cty hữu hạn mậu dịch đối ngoại Hằng Nghị LN
- + Cty hữu hạn mậu dịch quốc tế Thiên Vũ
- + Cty hữu hạn kinh mậu Chính Đạt Lợi LN

THÀNH PHỐ THẨM DƯƠNG GỒM:

- + Cty XNK máy móc TD
- + Cty XNK khoáng sản ngũ kim TD

THÀNH PHỐ ĐẠI LIÊN GỒM:

- + Cty hữu hạn XNK Kim Dương ĐL
- + Cty hữu hạn mậu dịch quốc tế Hoa Khinh ĐL
- + Cty XNK bao bì ĐL TQ
- + Cty hữu hạn tập đoàn Khải Mỹ ĐL

TỈNH CÁT LÂM GỒM:

- + Cty XNK khoáng sản ngũ kim CL
- + Cty hữu hạn tập đoàn mậu dịch kinh tế đối ngoại CL
- + Cty hữu hạn xây dựng công trình CL

THÀNH PHỐ TRƯỜNG XUÂN GỒM:

- + Cty XNK khoáng sản máy móc ngũ kim tp TX
- + Cty mậu dịch kinh tế đối ngoại tp TX

TỈNH HẮC LONG GIANG GỒM:

- + Cty XNK tỉnh HLG
- + Cty TNHH khoáng sản ngũ kim Hồng Đạt HLG
- + Cty TNHH XNK máy móc Long Bảo HLG
- + Cty hữu hạn XNK Viễn Đạt HLG
- + Cty XNK thiết bị máy móc tỉnh HLG
- + Cty hữu hạn XNK máy móc Trung Phổ HLG
- + Cty hữu hạn phát triển kinh tế Thiên Khải HLG

THÀNH PHỐ CÁP NHĨ TÂN GỒM:

- + Cty XNK khoáng sản ngũ kim CNT

THÀNH PHỐ THƯỢNG HẢI GỒM:

- + Cty XNK khoáng sản ngũ kim TH
- + Cty hữu hạn mậu dịch đối ngoại TH thuộc tập đoàn quốc tế Đông Phương
- + Cty hữu hạn XNK máy móc TH
- + Cty hữu hạn XNK thuộc tập đoàn vật tư TH
- + Cty XNK tập đoàn điện khí TH
- + Cty hữu hạn tập đoàn mậu dịch quốc tế Thượng Thực TH

- + Cty hữu hạn mậu dịch XNK Trung Thực TH
- + Cty hữu hạn XNK Cường Sinh TH

TỈNH GIANG TÔ GỒM:

- + Cty hữu hạn thuộc tập đoàn Hải ngoại GT
- + Cty tập đoàn XNK khoáng sản ngũ kim GT
- + Cty hữu hạn cổ phần thuộc tập đoàn Vũ Thiên GT
- + Cty hữu hạn cổ phần XNK công nghiệp nhẹ thuộc tập đoàn quốc tế Khai Nguyên GT
- + Cty tập đoàn máy móc thiết bị GT
- + Cty XNK luyện kim GT TQ
- + Cty XNK đồng nguyên GT TQ
- + Cty hữu hạn cổ phần XNK phát triển thương mại GT

TỈNH TRIẾT GIANG GỒM:

- + Cty hữu hạn mậu dịch quốc tế đặc sản TG
- + Cty hữu hạn XNK kỹ thuật Trung Đại TG
- + Cty XNK khoáng sản ngũ kim TG
- + Cty vật tư kim loại TG
- + Cty hữu hạn đối ngoại quốc tế tp Ôn Châu
- + Cty hữu hạn cổ phần XNK lương thực dầu thực phẩm TG

THÀNH PHỐ NINH BA GỒM:

- + Cty hữu hạn XNK máy móc khoáng sản Thông Nhuận NB
- + Cty hữu hạn mậu dịch quốc tế Hải Điền NB
- + Cty XNK công nghệ phẩm tp NB
- + Cty tập đoàn Ninh Hưng NB

TỈNH AN HUY GỒM:

- + Cty hữu hạn cổ phần XNK kỹ thuật tỉnh AH
- + Cty TNHH XNK khoáng sản tỉnh AH
- + Cty XNK máy móc AH
- + Cty hữu hạn cổ phần XNK AH
- + Cty hữu hạn cổ phần Thương Huy AH

- + Cty hữu hạn cổ phần XNK công nghiệp nhẹ AH

TỈNH PHÚC KIẾN GỒM:

- + Cty XNK khoáng sản ngũ kim PK
- + Cty XNK máy móc PK
- + Cty XNK thiết bị PK
- + Cty XNK Hoá Sung PK
- + Cty tập đoàn ngũ khoáng Tuyên Châu

THÀNH PHỐ HẠ MÔN GỒM:

- + Cty hữu hạn cổ phần tập đoàn quốc mậu HM
- + Cty hữu hạn cổ phần xây dựng và phát triển HM
- + Cty hữu hạn thuộc tập đoàn Tượng Tiên HM

TỈNH GIANG TÂY GỒM:

- + Cty XNK khoáng sản ngũ kim tỉnh GT
- + Cty XNK tỉnh GT
- + Cty tập đoàn kinh mậu Trang Nam GT
- + Cty XNK máy móc tỉnh GT

TỈNH SƠN ĐÔNG GỒM:

- + Cty XNK Hoa Long Sơn Đông
- + Cty hữu hạn tập đoàn mậu dịch đối ngoại SĐ
- + Cty XNK ngũ khoáng SĐ
- + Cty XNK máy SĐ
- + Cty hữu hạn cổ phần Ngân Hoà Yên Đài
- + Cty XNK tp Yên Đài
- + Cty hữu hạn XNK Hưng Nhật Triều Nhật
- + Cty hữu hạn cổ phần mậu dịch quốc tế Đông Phương SĐ
- + Cty hữu hạn mậu dịch kinh tế đối ngoại Bắc Dương
- + Cty hữu hạn mậu dịch quốc tế Trung Liên Yên Đài
- + Tcty cung tiêu công nghiệp nhẹ SĐ

THÀNH PHỐ THANH ĐẢO GỒM:

- + Cty hữu hạn mậu dịch quốc tế Hải Nhĩ ĐĐ
- + Cty XNK thành phố ĐĐ
- + Cty hữu hạn tập đoàn mậu dịch quốc tế Giai lợi ĐĐ
- + Cty hữu hạn XNK Thanh Hoa ĐĐ

TỈNH HÀ NAM GỒM:

- + Cty mậu dịch đối ngoại Liên Phát HN
- + Cty XNK hoá công HN
- + Cty hữu hạn XNK quốc mậu HN
- + Cty hữu hạn XNK Nam Quang HN
- + Cty TNHH thuộc tập đoàn XNK lương thực, dầu, thực phẩm HN
- + Cty hữu hạn vận tải quốc tế kinh mậu HN
- + Cty tập đoàn vật tư HN

TỈNH HỒ BẮC GỒM:

- + Cty hữu hạn cổ phần XNK công nghiệp nhẹ tỉnh HB
- + Cty XNK thiết bị máy HB
- + Cty hữu hạn cổ phần mậu dịch quốc tế Thiên Hoà HB
- + Cty hữu hạn cổ phần mậu dịch quốc tế Ngũ khoang HB
- + Cty xây dựng cơ sở hàng xuất khẩu HB TQ
- + Cty hữu hạn thực nghiệm Ngũ Châu HB

THÀNH PHỐ VŨ HÁN GỒM:

- + Cty mậu dịch kinh tế quốc tế TP Vũ Hán

TỈNH HỒ NAM GỒM:

- + Tcty XNK kim hoàn HN
- + Cty XNK Ngũ kim khoáng sản HN
- + Cty tập đoàn XNK công mậu Hoa Thịnh HN
- + Cty hữu hạn thuộc tập đoàn XNK HN
- + Cty phát triển kinh tế quốc tế HN
- + Cty XNK hoá công HN

TỈNH QUẢNG ĐÔNG GỒM:

- + Cty XNK khoáng sản ngũ kim tỉnh QĐ
- + Cty khai thác mậu dịch đối ngoại QĐ
- + Cty tập đoàn XNK máy QĐ
- + Cty XNK vật tư QĐ
- + Cty XNK sản phẩm công nghiệp tp Giang Môn
- + Cty hữu hạn thuộc tập đoàn Đại thành QĐ
- + Cty hữu hạn XNK súc sản Nam Hà QĐ
- + Cty liên hợp ngành xe đạp QĐ
- + Cty hữu hạn XNK Minh Phát tp Kiệt Dương
- + Cty hữu hạn tập đoàn đối ngoại Giang Môn
- + Cty hữu hạn XNK Danh Hương QĐ

THÀNH PHỐ QUẢNG CHÂU GỒM:

- + Cty hữu hạn XNK khoáng sản ngũ kim tp QC
- + Cty tập đoàn vật tư QC
- + Cty hữu hạn phát triển đầu tư thương mại công nghiệp Kiều Kiến
- + Cty hữu hạn thương mại thuộc tập đoàn ô tô QC

THÀNH PHỐ THÂM QUYẾN GỒM:

- + Cty hữu hạn thực nghiệm Vĩnh Tuấn TQ
- + Cty hữu hạn thực nghiệm Thích Đạt TQ
- + Tcty khai thác mậu dịch đối ngoại TQ
- + Cty hữu hạn thực nghiệm Kim Thái Hâm TQ
- + Cty tập đoàn vật tư Thâm Quyến
- + Cty hữu hạn phát triển thực nghiệm Hoa Âu TQ
- + Cty hữu hạn thực nghiệm Phan Minh TQ

KHU TỰ TRỊ CHOANG QUẢNG TÂY GỒM:

- + Cty tập đoàn XNK ngũ khoáng QT
- + Cty hữu hạn cổ phần mậu dịch XNK QT
- + Cty XNK máy móc QT

TỈNH HẢI NAM GỒM:

- + Cty XNK y dược hoá công máy móc ngũ kim tp Hà Khẩu
- + Cty hữu hạn mậu dịch XNK Bình Vạn HN
- + Cty hữu hạn XNK ngũ khoáng Trung Nhuận HN

TỈNH TỨ XUYÊN GỒM:

- + Cty nhập khẩu đối ngoại TX
- + Cty XNK khoáng sản ngũ kim TX
- + Cty hữu hạn mậu dịch quốc tế Thụy Hoa TX
- + Cty liên hợp thiết bị điện lực Đông Phương TX
- + Cty hữu hạn cổ phần điện khí Trường Hồng TX

THÀNH PHỐ THÀNH ĐÔ GỒM:

- + Cty hữu hạn XNK ngũ khoáng máy móc Thiên Tế TĐ
- + Cty hữu hạn mậu dịch quốc tế dân gian TĐ

THÀNH PHỐ TRÙNG KHÁNH GỒM:

- + Cty XNK kỹ thuật Tây Nam
- + Cty XNK mậu dịch đối ngoại TK
- + Cty hợp tác kinh tế đối ngoại TK TQ
- + Cty XNK khoáng sản ngũ kim TK
- + Cty XNK Vạn Châu TK
- + Cty XNK Trường Giang TK

TỈNH QUÝ CHÂU GỒM:

- + Cty XNK khoáng sản ngũ kim QC
- + Cty phát triển mậu dịch kinh tế đối ngoại QC
- + Cty XNK hoá công QC
- + Cty XNK mậu dịch đối ngoại QC
- + Cty hữu hạn XNK thuộc tập đoàn thép hợp kim Thuận Nghĩa

TỈNH VÂN NAM GỒM:

- + Cty hữu hạn XNK thuộc tập đoàn luyện kim VN
- + Cty XNK Châu Đức Hồng VN
- + Cty XNK máy VN
- + Cty XNK VN
- + Cty hữu hạn tập đoàn ngũ khoáng VN
- + Cty hữu hạn cổ phần thuộc tập đoàn Uyển Trà VN
- + Cty hữu hạn công mậu VN

KHU TỰ TRỊ TÂY TẠNG GỒM:

- + Cty hợp tác kỹ thuật kinh tế quốc tế Tây tạng
- + Cty hữu hạn mậu dịch Viễn Đại TT
- + Cty hữu hạn XNK mậu dịch đối ngoại Kim Chu TT

TỈNH THIỂM TÂY GỒM:

- + Tcty khai thác mậu dịch kinh tế đối ngoại tỉnh TT
- + Cty XNK Tín Hữu TT
- + Cty hữu hạn cổ phần mậu dịch quốc tế khoáng sản ngũ kim TT
- + Cty XNK máy móc TT
- + Cty XNK thiết bị máy móc TT
- + Cty XNK TT

THÀNH PHỐ TÂY AN GỒM:

- + Cty XNK khoáng sản ngũ kim tp TA
- + Cty hữu hạn cổ phần Trung Dã Tại Tuyến TA

TỈNH CAM TÚC GỒM:

- + Cty tập đoàn mậu dịch XNK tỉnh CT
- + Cty XNK thiết bị máy móc tỉnh CT
- + Cty XNK khoáng sản ngũ kim tỉnh CT

TỈNH THANH HẢI GỒM:

- + Cty hữu hạn khoáng sản ngũ kim Tân Cơ tỉnh TH

- + Cty hữu hạn cổ phần mậu dịch đối ngoại dệt nhung Tân Lục TH

KHU TỰ TRỊ DÂN TỘC HỒI TỈNH NINH HẠ GỒM:

- + Cty XNK hoá công máy móc NH
- + Cty XNK thiết bị máy móc NH

KHU TỰ TRỊ DUY NGÔ NHỈ TÂN CƯƠNG GỒM:

- + Cty TNHH tập đoàn mậu dịch kinh tế đối ngoại TC
- + Cty XNK công nghiệp nhẹ ngũ kim hoá công máy móc Tc
- + Cty TNHH XNK Kim thái TC
- + Cty TNHH mậu dịch Tân Thiên TC
- + Cty đường sắt Bắc Cương

BINH ĐOÀN XÂY DỰNG SẢN XUẤT TÂN CƯƠNG GỒM:

- + Cty hợp tác kỹ thuật kinh tế quốc tế Tân Thiên
- + Cty hữu hạn cổ phần thực nghiệm Trung Cơ TC
- + Cty tập đoàn sản xuất vật chất thuộc binh đoàn xây dựng TC
- + Cty TNHH mậu dịch quốc tế Tân Kiến
- + Cty hữu hạn cổ phần kinh mậu quốc tế á Hâm TC

II. MẶT HÀNG CAO SU THIÊN NHIÊN:

1. Tổng Công ty XNK Hoá công TQ
2. Tổng Công ty cung tiêu Hoá công TQ
3. Tcty cao su Trung Liên TQ
4. Tcty Hoá nhuận TQ
5. Tcty Xây dựng Hoá Công TQ
6. Tcty Sự nghiệp Quốc tế Hoá dầu TQ
7. Tcty XNK Kỹ thuật TQ
8. Cty (tập đoàn) XNK công nghiệp than TQ
9. Tcty XNK Lâm thổ sản TQ
10. Tcty XNK Nghi khí TQ

11. Tcty xây dựng Hạ tầng hàng hoá XNK TQ
12. Tcty XNK khoáng sản ngũ kim TQ
13. Tcty (tập đoàn) xây dựng Hồng Kông, Đài Loan TQ
14. Tcty XNK tơ tằm TQ
15. Công ty XNK thuộc tập đoàn ô tô số 1 TQ
16. Công ty đầu tư và tín thác quốc tế TQ
17. Công ty XNK dược phẩm TQ
18. Tcty xnk bao bì TQ
19. Công ty (tập đoàn) Viễn Đại TQ
20. Công ty (tập đoàn) XNK thiết bị toàn bộ Tq
21. công ty mậu dịch Quốc tế Trung Viễn
22. Tcty (tập đoàn) Hoa An TQ
23. Tcty XNK khí tài khoa học Tq
24. Công ty thời đại mới TQ
25. Tcty mậu dịch đối ngoại thương mại Tq
26. Công ty hữu hạn vật tư Hoa Khẩn
27. Tcty XNK hàng công nghiệp nhẹ TQ
28. Công ty (tập đoàn) xí nghiệp Đa Long Trung hoa
29. Tcty cung tiêu vật tư nghề rừng TQ
30. Tcty nguyên vật liệu công nghiệp nhẹ Tq
31. Tcty XNK Nam Quang TQ
32. Tcty vật tư công binh TQ
33. Công ty Hữu hạn thực nghiệm Chính nguyên TQ
34. Tcty (tập đoàn) Hoá công Hoa Ngô TQ
35. Công ty TNHH các xí nghiệp kinh mậu TQ
36. Tcty XNK kỹ thuật hàng không TQ
37. Công ty Hoà bình TQ

THÀNH PHỐ BẮC KINH GỒM:

1. Công ty XNK thuộc tập đoàn công nghiệp, hoá cơ khí Bắc Kinh
2. Tcty vật tư thành phố Bắc Kinh
3. Công ty XNK hoá công tp Bắc Kinh
4. Công ty TNHH XNK Phú úc Thông tp Bắc Kinh
5. Công ty TNHH XNK Ai Lực tp Bắc Kinh

THÀNH PHỐ THIÊN TÂN GỒM:

1. Công ty TNHH thuộc tập đoàn đối ngoại Thiên tân
2. Công ty hữu hạn thuộc tập đoàn XNK máy Thiên Tân
3. Công ty hữu hạn XNK công nghiệp cao su Thiên tân
4. Tcty thuộc tập đoàn vật tư tp Thiên tân
5. Công ty XNK công nghiệp nhẹ và hoá chất thực nghiệm tp Thiên Tân

TỈNH HÀ BẮC GỒM:

1. Công ty (tập đoàn) XNK hàng dệt tỉnh Hà Bắc
2. Công ty (tập đoàn) XNK thực phẩm tỉnh Hà Bắc
3. Công ty TNHH xăm lốp tỉnh Hà Bắc
4. Công ty XNK Trung Hoa tỉnh Hà Bắc
5. Công ty hữu hạn cổ phần công nghiệp nhẹ Hà Bắc

TỈNH SƠN TÂY GỒM:

1. Công ty XNK hoá công tỉnh Sơn Tây
2. Công ty hữu hạn thực nghiệm Đại Phở Sơn Tây
3. Công ty hữu hạn thực nghiệm Thiên lợi tỉnh Sơn Tây
4. Công ty hữu hạn XNk thuộc tập đoàn vật tư sản xuất tỉnh Sơn Tây

KHU TỰ TRỊ NỘI MÔNG GỒM:

1. Công ty XNK hoá công khoáng sản ngũ kim KTT Nội Mông
2. Cty mậu dịch XNK KTT Nội Mông

TỈNH LIÊU NINH GỒM:

1. Cty hữu hạn mậu dịch quốc tế Hội Minh tỉnh Liêu Ninh
2. Cty hữu hạn mậu dịch đối ngoại Hàng Nghị
3. Cty hữu hạn phát triển kinh mậu Vĩnh Thành tỉnh Liêu Ninh
4. Cty XNK hàng công nghiệp nhẹ tỉnh Liêu Ninh
5. Cty hữu hạn kinh mậu Chính Đạt tỉnh Liêu Ninh

THÀNH PHỐ THẨM DƯƠNG GỒM:

1. Cty hữu hạn thuộc tập đoàn mậu dịch quốc tế Thẩm Dương
2. Cty XNK hoá công Thẩm Dương

THÀNH PHỐ ĐẠI LIÊN GỒM:

1. Cty hữu hạn cổ phần (tập đoàn) hợp tác quốc tế Đại Liên Tq
2. Cty hữu hạn mậu dịch quốc tế Tinh Hoa Đại Liên
3. Cty hữu hạn tập đoàn XNK Khải Mỹ Đại Liên

TỈNH CÁT LÂM GỒM:

1. Cty hữu hạn tập đoàn mậu dịch kinh tế đối ngoại tỉnh Cát Lâm
2. Cty XNK bao bì tỉnh Cát Lâm Tq
3. Cty hữu hạn mậu dịch KTĐN Thiên Hoà tỉnh Cát Lâm

TỈNH HẮC LONG GIANG GỒM:

1. Cty hữu hạn XNK Hoà Xương tỉnh Hắc Long Giang
2. Cty XNK tỉnh Hắc Long Giang

THÀNH PHỐ CÁP NHĨ TÂN GỒM:

1. Cty TNHH mậu dịch Hoá Công dầu khí quốc tế tp Cáp Nhĩ Tân

THÀNH PHỐ THƯỢNG HẢI

1. Cty hữu hạn mậu dịch đối ngoại tp Thượng Hải thuộc tập đoàn quốc tế Đông Phương
2. Cty hữu hạn cổ phần Lan Sinh tp Thượng Hải
3. Cty hữu hạn XNK thuộc tập đoàn vật tư Thượng Hải
4. Cty hữu hạn thuộc tập đoàn đầu tư kinh mậu Thượng Hải
5. Cty hữu hạn đầu tư Vạn Hương

TỈNH GIANG TÔ GỒM:

1. Cty hữu hạn thuộc tập đoàn quốc tế Quốc Thái Giang Tô
2. Cty hữu hạn cổ phần XNK may mặc thuộc tập đoàn quốc tế Vũ Thiên Giang Tô
3. Cty XNK Trung Hoá Giang Tô
4. Cty hữu hạn xấp xỉ hạng nhẹ Song Phi tp Vô Tích
5. Cty hữu hạn Trung Nhuận thuộc Tập đoàn quốc tế Tân Trung Nhuận tp Vô Tích

THÀNH PHỐ NAM KINH GỒM:

1. Cty hữu hạn cổ phần tập đoàn Tín Thác Thực nghiệm Nam Kinh

THÀNH PHỐ TRIẾT GIANG GỒM:

1. Cty hữu hạn quốc tế mậu dịch vật tư sản xuất tỉnh Triết Giang
2. Cty hữu hạn mậu dịch thuộc tập đoàn Đông Phương Triết Giang
3. Cty hữu hạn mậu dịch quốc tế tp Ôn Châu
4. Cty XNK hoá công tp Triết Giang
5. Cty hữu hạn nk kỹ thuật Trung Đại Triết Giang

THÀNH PHỐ NINH BA GỒM:

1. Cty XNK Công nghệ phẩm tp Ninh Ba
2. Cty hữu hạn XNK máy móc Ngũ Khoang Thông Nhuận Ninh Ba
3. Cty hữu hạn cổ phần XNK Từ Khê
4. Cty hữu hạn XNK Viễn Đại Triết Giang

TỈNH AN HUY GỒM:

1. Cty hữu hạn cổ phần công nghiệp nhẹ tỉnh An Huy
2. Cty hữu hạn XNK tỉnh An Huy
3. Cty hữu hạn cổ phần XNK hoá công tỉnh An Huy

4. Cty XNK tp Phong Phú tỉnh An Huy
5. Cty hữu hạn cổ phần XNK An Huy

THÀNH PHỐ PHÚC KIẾN GỒM:

1. Công ty XNK hoá công tỉnh Phúc Kiến
2. Cty tập đoàn XNK công nghiệp nhẹ tỉnh Phúc Kiến
3. Cty tập đoàn XNK giày mũ tỉnh Phúc Kiến
4. Cty hữu hạn XNK hàng bông vải sợi thuộc tập đoàn Thiên Thành tỉnh Phúc Kiến

THÀNH PHỐ HẠ MÔN GỒM:

1. Cty hữu hạn cổ phần tập đoàn quốc mậu Hạ Môn
2. Cty hữu hạn tập đoàn Tượng Dữ Hạ Môn
3. Cty hữu hạn cổ phần Kiến phát Hạ Môn

TỈNH GIANG TÂY GỒM:

1. Cty XNK tơ lụa tỉnh Giang Tây
2. Cty XNK hàng công nghiệp nhẹ tỉnh Giang Tây
3. Cty XNK hoá công tỉnh Giang Tây
4. Cty XNK may mặc tỉnh Giang Tây

TỈNH SƠN ĐÔNG GỒM:

1. Cty hữu hạn tập đoàn mậu dịch đối ngoại Sơn Đông
2. Cty XNK dược phẩm Sơn Đông
3. Cty XNK Trung Hoa Sơn Đông
4. Cty XNK hoá công Uy Hải
5. Cty hữu hạn cổ phần mậu dịch quốc tế Đông Phương tỉnh Sơn đông

THÀNH PHỐ THANH ĐẢO GỒM:

1. Cty hữu hạn XNK Nghị gia thông thương Thanh Đảo
2. Cty hữu hạn XNK tập đoàn Thái Phát Thanh Đảo
3. Cty hữu hạn XNK Hoa Thanh Thanh Đảo
4. Cty XNK Khu khai thác KTKT Thanh Đảo

TỈNH HÀ NAM GỒM:

1. Cty hữu hạn cổ phần phát triển kinh mậu quốc tế Khải đạt Hà Nam
2. Cty hữu hạn XNK Nam Quang Hà Nam
3. Cty XNK hoá công tỉnh Hà Nam
4. Cty XNK hàng công nghiệp nhẹ tỉnh Hà Nam
5. Cty hữu hạn XNK Nghị Long tỉnh Hà Nam

TỈNH HỒ BẮC GỒM:

1. Cty XNK hoá công tỉnh Hồ Bắc
2. Cty XNK máy móc thiết bị tỉnh Hồ Bắc
3. Cty mậu dịch quốc tế tỉnh Hồ Bắc
4. Cty xây dựng cơ sở hàng xk TQ tại Hồ Bắc
5. Cty hữu hạn cổ phần XNK công nghiệp nhẹ tỉnh Hồ Bắc

THÀNH PHỐ VŨ HÁN GỒM:

1. Cty hữu hạn cổ phần XNK hoá công Thiên Doanh Vũ Hán
2. Cty hữu hạn XNK Nghị hoá tp Vũ Hán

TỈNH HỒ NAM GỒM:

1. Công ty CNK hàng công nghiệp nhẹ tỉnh Hồ Nam
2. Cty hữu hạn thuộc tập đoàn XNK tỉnh Hồ nam
3. Cty XNK Kinh Tương Hồ nam
4. Cty (tập đoàn) phát triển kinh tế quốc tế tỉnh Hồ nam
5. Cty XNK hoá công tỉnh Hồ nam

TỈNH QUẢNG ĐÔNG GỒM:

1. Cty phát triển kinh tế đối ngoại tỉnh QĐ
2. Cty XNK thuộc tập đoàn Nông Khẩn tỉnh QĐ
3. Cty tập đoàn XNK tơ lụa QĐ
4. Cty tập đoàn XNK khoáng sản ngũ kim t. nh QĐ

THÀNH PHỐ QUẢNG CHÂU GỒM:

1. Cty XNK công nghiệp cao su tỉnh QC
2. Cty hữu hạn phát triển đầu tư mạo dịch công nghiệp Kiều Kiến

THÀNH PHỐ THÂM QUYẾN GỒM:

1. Công ty hữu hạn thực nghiệm Trung Hoa tp Thâm Quyến
2. Cty phát triển mạo dịch Vạn Bang tp Thâm quyền

KHU TỰ TRỊ CHOANG TỈNH QUẢNG TÂY GỒM:

1. Cty hữu hạn cổ phần mạo dịch XNk tỉnh QT
2. Cty XNK Quế Hải tỉnh QT
3. Cty XNK công nghiệp nhẹ tỉnh QT
4. Cty mạo dịch kinh tế đối ngoại địa khu Nam Ninh tỉnh QT

TỈNH HẢI NAM GỒM:

1. Cty hữu hạn phát triển kinh tế Hải Việt Hải Khẩu
2. Cty mạo dịch XNK Hải Vạn tp Hải Khẩu
3. Cty thực nghiệm Thân Ứng Hải Nam

TỈNH TỨ XUYÊN GỒM:

1. Cty nhập khẩu mạo dịch đối ngoại tỉnh Tứ Xuyên
2. Cty XNK chè Tứ Xuyên

THÀNH PHỐ TRÙNG KHÁNH GỒM:

1. Cty XNK kỹ thuật Tây Nam
2. Cty hữu hạn kinh mạo quốc tế Triển Tân Trùng Khánh
3. Cty hữu hạn XNK Trung Cơ tp Trùng Khánh

TỈNH QUÝ CHÂU GỒM:

1. Cty phát triển mạo dịch kinh tế đối ngoại tỉnh Quý Châu

2. Cty XNK hoá công tỉnh Quý Châu
3. Cty XNK công nghệ phẩm tỉnh Quý Châu
4. Cty XNK xăm lốp tỉnh Quý Châu

TỈNH VÂN NAM GỒM:

1. Cty XNK Đức Hồng Châu tỉnh Vân Nam
2. Cty XNK hoá công tỉnh Vân Nam
3. Cty XNK thuộc tập đoàn Cao su tỉnh Vân Nam
4. Cty hữu hạn cổ phần thuộc tập đoàn chè tỉnh Vân Nam
5. Cty TNHH XNK Trung Khẩn tỉnh Vân Nam

KHU TỰ TRỊ TÂY TẠNG GỒM:

1. Cty hữu hạn XNK mậu dịch đối ngoại Kim Châu Tây Tạng
2. Cty hữu hạn mậu dịch công nghiệp Sơn Hải Tây Tạng
3. Cty xây dựng cơ sở hàng xuất khẩu TQ tại Tây tạng

TỈNH THIỂM TÂY GỒM:

1. Cty XNK hàng công nghệ phẩm tỉnh Thiểm Tây
2. Cty XNK Tín Hữu tỉnh Thiểm Tây
3. Cty XNK tỉnh Thiểm Tây
4. Cty XNK hoá công tỉnh Thiểm Tây
5. Cty XNK khoáng sản ngũ kim tp Tây An

TỈNH CAM TÚC GỒM:

1. Cty XNK khoáng sản ngũ kim tỉnh Cam Túc
2. Cty tập đoàn mậu dịch XNK tỉnh Cam túc
3. Cty XNK Duy Ni Luân Lan Châu

TỈNH THANH HẢI GỒM:

1. Cty trách nhiệm cổ phần mậu dịch đối ngoại Tân Viễn tỉnh Thanh Hải
2. Cty hữu hạn khoáng sản ngũ kim Tân Cơ tỉnh Thanh Hải

KHU TỰ TRỊ DÂN TỘC HỒI NINH HẠ GỒM:

1. Cty XNK hàng công nghiệp nhẹ Ninh Hạ
2. Cty hữu hạn tập đoàn công nghiệp quốc tế Thánh Tuyết Nhung Ninh Hạ
3. Cty XNK Quảng Mậu Ninh Hạ
4. Cty hữu hạn thực nghiệm Cát Lợi Bảo Ninh Hạ.

KHU TỰ TRỊ DUY NGÔ NHĨ TÂN CƯƠNG GỒM:

1. Cty XNK công nghiệp nhẹ khoáng sản ngũ kim, hoá công, máy móc Tân Cương.
2. Cty TNHH mậu dịch thương nghiệp Tân Tân Tân Cương.
3. Cty XNK thiết bị máy móc Tân Cương.

BINH ĐOÀN XÂY DỰNG TÂN CƯƠNG GỒM:

1. Cty hữu hạn XNK Lương dầu thực phẩm Tân Kiến Tân Cương
2. Cty hữu hạn cổ phần thực nghiệm Trung Cơ Tân Cương
3. Cty hữu hạn cổ phần XNK Nông Khẩn Tân Cương
4. Cty hữu hạn cổ phần kinh mậu quốc tế á Hâm Tân Cương

DANH SÁCH CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH XUẤT KHẨU

(Có hiệu lực từ ngày 11/12/2001)

1- Dầu thô, xăng dầu:

Cty liên hợp hoá công dầu mỏ quốc tế TQ

Cty TNHH hoá công liên hợp dầu mỏ TQ

Tcty XNK hoá công TQ

2- Than đá:

Cty tập đoàn XNK ngành công nghiệp than TQ

Cty tập đoàn XNK than Sơn Tây

Tập đoàn Thần Hoa

Tcty XNK khoáng sản Ngũ Kim TQ

3- Gao, ngô:

Cty hữu hạn (tập đoàn) XNK lương thực, dầu thực phẩm
TQ.

Cty XNK (tập đoàn) lương thực Cát Lâm (Tự doanh và đại
lý xuất khẩu ở các tỉnh Liêu Ninh, Cát Lâm, Hắc Long Giang,
KTT Nội Mông)

4- Bông sợi:

Cty XNK bông sợi TQ

Cty Cty Bông Gai KTT Tân Cương

Cty hữu hạn cổ phần XNK Nông Khản Tân Cương

5-Vônfram và các chế phẩm từ Vônfram:

Danh sách các doanh nghiệp Nhà nước được chỉ định xuất
khẩu mặt hàng này sẽ công bố riêng

6 - Stibi và các chế phẩm từ Stibi:

Danh sách các doanh nghiệp Nhà nước được chỉ định xuất
khẩu mặt hàng này sẽ công bố riêng

7 - Bạc trắng:

Danh sách các doanh nghiệp Nhà nước được chỉ định xuất khẩu mặt hàng này sẽ công bố riêng

8 - Tơ tằm các loại:

Danh sách các doanh nghiệp Nhà nước được chỉ định xuất khẩu mặt hàng này sẽ công bố riêng

**DANH SÁCH CÁC DOANH NGHIỆP TQ TRÚNG
THẦU HẠN NGẠCH XUẤT KHẨU MẶT HÀNG
XE MÁY NĂM 2003**

Số tt	Tên doanh nghiệp	Số lượng xe máy trúng thầu (chiếc)	Số lượng động cơ trúng thầu (cái)
1	Công ty Bắc Kinh thuộc Công nghiệp Phương Bắc TQ	29063	18078
2	Chi nhánh Công ty hữu hạn xe máy Tân Đại Châu Bản Điền tại Thượng Hải	167141	0
3	Công ty hữu hạn thuộc tập đoàn Trường Linh Trường Xuân	5000	0
4	Công ty XNK xe máy Thượng Hải	9000	55500
5	Công ty XNK kỹ thuật hàng không TQ tại Thượng Hải	25000	0
6	Công ty hữu hạn cổ phần XNK hàng dệt Nam Kinh	0	50000
7	Công ty hữu hạn XNK thuộc tập đoàn Kim Thành	170000	30000
8	Công ty hữu hạn công cụ ngũ kim Đạt Mỹ Tổ Giang Tô	0	13554
9	Công ty hữu hạn xe máy Kim thành Ninh mạc Nam Kinh	6000	0
10	Công ty hữu hạn xe máy Phú Thông Vô Tích	11498	0
11	Công ty hữu hạn trách nhiệm XNK Hồng Đậu	25911	0

	Giang Tô		
12	Công ty hữu hạn xe máy thể kỷ mới tỉnh Giang Tô	50.000	13
13	Công ty hữu hạn chế tạo xe máy Kiện Long Tân Điền tỉnh Giang Tô	10000	24541
14	Công ty hữu hạn chế tạo động cơ Chúng Sinh Giang Tô	0	60000
15	Công ty tập đoàn máy động lực Lâm hải Giang Tô	15.000	43256
16	Công ty hữu hạn XNk Xuân Nam Giang Tô	6000	0
17	Công ty hữu hạn mậu dịch đối ngoại Thái Tinh tp Thái Hưng	1500	46124
18	Công ty hữu hạn mậu dịch kỹ thuật kinh tế đối ngoại tp Ôn Châu	3000	0
19	Công ty hữu hạn cổ phần xe máy Tiền Giang Triết Giang	100000	3837
20	Công ty hữu hạn xe máy Hảo Tinh Triết Giang	14000	0
21	Công ty hữu hạn XNK thành phố Ôn Lĩnh	10000	0
22	Công ty hữu hạn mậu dịch kinh tế quốc tế Hồng Nguyên tp Thái Châu	31093	0
23	Công ty hữu hạn kinh tế mậu dịch Vĩnh Nguyên Thái Châu	14695	0
24	Công ty hữu hạn chế tạo xe máy Phi Thành Thái Châu	53346	0
25	Công ty mậu dịch XNK Đồng An Hạ Môn	0	5000
26	Công ty Nam Tế Đông Sơn	8000	0

	Trung Hoa		
27	Công ty hữu hạn cổ phần xe máy Khinh Ky Tế Nam	51302	6855
28	Công ty hữu hạn công mậu Hà Bang Tế Nam	5000	0
29	Công ty hữu hạn xe máy Linh Mộc Khinh Ky Tế Nam	3000	0
30	Công ty hữu hạn chế tạo xe thể thao Long Sương Tế Nam	2000	0
31	Công ty hữu hạn xe máy Đại Kim Mã Thanh Đảo	6482	1521
32	Tổng công ty kinh mậu Viễn Đông Thái An	0	100000
33	Cty TNHH công mậu Đại Nghiệp Sơn đông	6000	0
34	Cty hữu hạn tập đoàn xí nghiệp Phương bắc Lạc Dương	7547	0
35	Cty hữu hạn xe máy Dịch Khởi Phương bắc Lạc Dương	60.000	18140
36	Cty hữu hạn XNK máy móc hàng không Phương Nam Chu Châu	100000	3000
37	Cty hữu hạn cổ phần XNK máy tỉnh Quảng đông	10000	0
38	Cty tập đoàn XNK tơ lụa tỉnh Quảng đông	15000	2923
39	Cty hữu hạn XNK thuộc tập đoàn các xí nghiệp xe đạp Ngũ Dương tp Quảng Châu	0	15000
40	Cty XNK kỹ thuật hàng không Quảng Châu TQ	7000	0
41	Cty hữu hạn mậu dịch Hàng	26551	2823

	Thông thuộc tập đoàn XNK tơ lụa tỉnh Quảng Đông		
42	Cty hữu hạn phát triển kinh mậu Hoa Thông nhuận tp Quảng Châu	494	0
43	Cty hữu hạn ngành chế biến đường, giấy Nam Phương Quảng Đông	10000	0
44	Cty hữu hạn thuộc tập đoàn mậu dịch XNK tp Tùng Hoa	15000	0
45	Cty hữu hạn mô tô honda Ngũ Dương Quảng Châu	25000	0
46	Cty hữu hạn xe máy Tiên Mã thuộc tập đoàn Tinh Thông Quảng Châu Quảng Đông	44912	10659
47	Cty hữu hạn thực nghiệm Lợi Bảo Thẩm Quyển	0	65000
48	Cty hữu hạn xí nghiệp xe máy Phật sơn	0	1325
49	Cty hữu hạn tập đoàn xe máy Trung Cốc Giang Môn	70000	25000
50	Cty hữu hạn tập đoàn Đại Trường Giang tp Giang Môn	37200	0
51	Cty hữu hạn xe máy thuộc tp Tân Hội	19460	0
52	Cty hữu hạn xe máy Bảo Đức tp Tân Hội	8000	0
53	Cty XNK máy móc Hoá công Trạm Giang	14056	0
54	Cty XNK máy móc thiết bị Trạm Giang tỉnh Quảng đông	4000	4000
55	Cty XNK thổ sản Triệu khánh tỉnh Quảng Đông	15000	25000
56	Cty XNK thực phẩm Triệu	12000	0

	Khánh tỉnh Quảng đông		
57	Cty hữu hạn xe máy Mã Kỳ Huy Châu	10724	775
58	Cty hữu hạn công nghiệp xe máy Phan ầu Hào Kiểm Quảng Châu	20000	0
59	Cty hữu hạn máy móc Hợp Tỉnh Nam Ninh	0	1272
60	Cty tập đoàn XNK khoáng sản ngũ kim Quảng Tây	13123	0
61	Cty TNHH XNK Phát Trường Đông Phương Quảng Tây	37259	49551
62	Cty hữu hạn xe máy Tân Minh Tỉnh tp Nam Ninh Quảng Tây	14207	0
63	Cty công mậu Háo Khang60 tp Nam Ninh	0	5566
64	Cty hữu hạn XNK Phong Linh Quảng Tây	0	9348
65	Cty XNK thuộc cty công nghiệp ngũ kim Trùng Khánh	10000	0
66	Cty hữu hạn XNK thiết bị máy móc Kỳ Mai Khắc Trùng Khánh	30000	11409
67	Cty XNK Trường Giang Trùng Khánh	14592	2798
68	Cty hữu hạn XNK lâm thổ sản chè Liên Lợi Trùng Khánh	17962	0
69	Cty hữu hạn phát triển mậu dịch đối ngoại thuộc tập đoàn Gia Linh	55000	18743
70	Cty hữu hạn XNK thuộc tập đoàn thực nghiệm Lục Phần	150000	368536

	Trùng Khánh		
71	Cty hữu hạn thuộc tập đoàn kỹ thuật Ngan Can Trùng Khánh	50000	660
72	Cty hữu hạn thuộc tập đoàn xây dựng công nghiệp	1000	0
73	Cty hữu hạn trách nhiệm mậu dịch XNK xây dựng Bắc Phương Trùng Khánh	87000	17574
74	Cty hữu hạn xe máy Nha Mã A Trùng Khánh	10000	0
75	Cty hữu hạn mậu dịch Thái Hâm Hằng Sinh Trùng Khánh	98415	0
76	Cty hữu hạn chế tạo xe máy Kinh Long tp Trùng Khánh	23921	5227
77	Cty hữu hạn XNK thuộc tập đoàn Long Hâm	60240	49572
78	Nhà máy sản xuất xe máy ô tô Quảng Lợi Trùng Khánh	23106	0
79	Cty hữu hạn thực nghiệm thuộc khu khai thác kinh tế kỹ thuật Sinh Vũ Trùng Khánh	0	1923
80	Cty hữu hạn XNK cơ điện Thuận Đa Lợi Trùng Khánh	7226	0
81	Cty hữu hạn mậu dịch XNK Tứ Hải tài Hoa Trùng Khánh	7497	0
82	Cty hữu hạn xe máy Kiệt Long thuộc khu Bắc Du Trùng Khánh	90000	5010
83	Cty TNHH XNK mậu dịch đối ngoại Ba Nam tp Trùng Khánh	7505	0
84	Cty hữu hạn XNK tập đoàn	170000	91920

	Tôn Thân Trình Khánh		
85	Cty XNK thuộc cty công nghiệp máy bay Thành Đô	15000	0

**DANH MỤC PHÂN PHỐI HẠN NGẠCH XUẤT
KHẨU HÀNG NÔNG SẢN MẬU DỊCH BIÊN
GIỚI NĂM 2003**

Đơn vị: tấn

Khu vực	Số lượng hạn ngạch		
	Gạo	Tiểu mạch	Ngô
Tổng cộng	300000	50000	50000
Tỉnh Hắc Long Giang	178000	7000	13000
Tỉnh Cát Lâm	41000		10000
Tỉnh Liêu Ninh	9000	5000	3000
Khu tự trị Nội Mông	10000	7000	5000
Khu tự trị Quảng Tây	1000	9000	5000
Binh đoàn Tân Cương	30000	3000	3000
Khu tự trị Tân Cương	21000	10000	10000
Tỉnh Vân Nam	10000	9000	1000